DS
556.5
D13
1997
v.1

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

TẬP 1

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA - HUẾ

Digitized by Google

Digitized by Google

ĐẠI NAM
CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN
NHẤT TẬP

Digitized by Google

Digitized by Google

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN SỬ HỌC

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN

NHẤT TẬP

(Quyển đầu - Quyển 25)

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ 1997

Digitized by Google

Digitized by Google

DS
556.5
D13
1997
V.1

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN
(Biên soạn)

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN

Chịu trách nhiệm xuất bản : LÊ DẦN
: TRẦN ĐỨC CƯỜNG
Biên tập : QUỐC TUẤN
: NGUYỄN QUANG ẤN
Tập 1: *Người dịch* : ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
Người hiệu đính : HOA BẰNG
Tập 2: *Người dịch* : NGÔ HỮU TẠO
: ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
Người hiệu đính : CAO HUY GIU
: NGUYỄN TRỌNG HÂN
Tập 3: *Người dịch* : NGUYỄN MẠNH DUÂN
: ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
: NGÔ HỮU TẠO
: PHẠM HUY GIU
Người hiệu đính : CAO HUY GIU
Tập 4: *Người dịch* : TRƯƠNG VĂN CHINH
: NGUYỄN DANH CHIÊN
Người hiệu đính : CAO HUY GIU
: PHAN ĐẠI DOÃN

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 1997

Digitized by Google

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

Chữa bản in : **QUỐC TUẤN - QUỐC TÙNG**

Trình bày bìa : **QUANG MINH**

In 1000 bộ khổ 14,5 X 20,5cm tại Xí nghiệp In Tiền Giang.
Quyết định xuất bản số 1236. cấp ngày 22/4/1997.
Giấy đăng ký đề tài xuất bản số 47/824/CXB của Cục xuất bản
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/1997

Digitized by Google

Đại Nam liệt truyện *là một bộ sách có quy mô khá đồ sộ trong kho tàng thư tịch cổ viết bằng chữ Hán của Việt Nam, do cơ quan làm sử chính thức của nhà Nguyễn là Quốc Sử quán biên soạn vào giữa thế kỷ XIX.*

Đại Nam liệt truyện *gồm 87 cuốn, 2.000 trang bản thảo, chia làm hai phần chính: Tiền biên và Chính biên, ghi chép tương đối đầy đủ về sự tích, công trạng các công thần, liệt nữ, danh tăng... và gia phả nhà Nguyễn trước và sau khi "Gia Long lập quốc". Bộ sách đã được các nhà dịch thuật nghiên cứu sắp xếp lại làm 4 tập:*

Tập 1: Tiền biên*: Từ cuốn đầu đến cuốn 6.*

Tập 2: Chính biên (Sơ tập)*: Từ cuốn đầu đến cuốn 33.*

Tập 3: Chính biên (Nhị tập)*: Từ cuốn đầu đến cuốn 25.*

Tập 4: Chính biên (Nhị tập)*: Từ cuốn 26 đến cuốn 46.*

Trước đây, các nhà nghiên cứu cũng nhận thức rõ tầm quan trọng của Liệt truyện nên một vài phần của bộ sách đã được dịch và xuất bản nhưng chỉ phục vụ trong phạm vi hẹp. Hiện nay việc lưu hành rộng rãi bản dịch toàn bộ Đại Nam liệt truyện là rất cấn thiết. Do đó, Viện Sử học phối hợp Nhà xuất bản Thuận Hóa đã cố gắng để bộ sách quý này được xuất bản trọn vẹn một lần mong đáp ứng nhu cầu bạn đọc.

Digitized by Google

Đạt được kết quả này, Viện Sử học đã làm hết sức mình để giữ gìn và phát huy hơn 2.000 trang bản thảo trong những điều kiện rất hạn hẹp. Các nhà Hán học kỳ cựu đã làm việc tại Viện Sử học như Hoa Bằng, Đỗ Mộng Khương, Ngô Hữu Tạo, Cao Huy Giu, Nguyễn Trọng Hân, Nguyễn Mạnh Duân, Phạm Huy Giu, Trương Văn Chinh, Nguyễn Danh Chiên, Phan Đại Doãn... đã đóng góp công sức, trí tuệ rất nhiều vào bản dịch này.

Bản dịch được hoàn thành từ lâu, trước khi đưa in lần đầu năm 1993 chúng tôi đã tổ chức hiệu đính, nhưng chắc sẽ không tránh khỏi thiếu sót. Thể theo đề nghị bạn đọc, nhất là giới nghiên cứu sử học, chúng tôi cho Tái bản lần I có sửa chữa nhưng chắc chắn vẫn còn thiết sót, rất mong bạn đọc, các nhà nghiên cứu góp ý kiến, chỉ bảo cho những hạn chế để hy vọng khi tái bản, bộ sách sẽ được hoàn chỉnh hơn.

1997

VIỆN SỬ HỌC - NXB THUẬN HÓA

Digitized by Google

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN TIỀN BIÊN

LỜI TÂU CỦA SỬ QUÁN

Lũ tổng tài toản tu Sử quán cẩn tâu việc Khâm tu "Liệt truyện tiền biên" đã xong, xin san khắc để tỏ pháp điển tất.

Lũ tôi trộm nghĩ: nước có Sử là để tỏ quy mô thể thống một đời, Sử có truyện là để thuật gốc ngọn trước sau một người. Cho nên làm sử có bốn thể [1] thì truyện là một. Trong thì hậu phi, hoàng tử, công chúa, tôn thất; ngoài thì các bề tôi, các tuần lại [2] văn học, trung nghĩa cho đến ẩn dật, cao tăng và khốc lại [3], nghịch thần, gian thần đều xếp từng loại mà biên vào để giữ tích cũ, làm gương khuyên răn.

Kính nghĩ: nhà nước ta được lòng trời thương, Thái tổ Gia Dụ hoàng đế gây nền nõi Nam, thần truyền thánh nối, hơn 200 năm, đức tốt công to, kỷ cương rộng, công dụng lớn đã rõ ràng ở sử sách. Duy một đời có tôi hiền một đời, một người có sự trạng một người, Dầu đời đã xa, sự tích thiếu sót nhiều, nhưng nếu còn được một, hai phần cũng đủ để cho đời sau soi xét.

---

[1] Bốn thể làm sử là: Bản kỷ, thế gia, liệt truyện và các chí.

[2] *Tuần lại*: quan lại tốt.

[3] *Khốc lại*: quan lại tàn bạo.

Digitized by Google

Thiệu Trị năm thứ nhất (1841) kính soạn "Thực lục tiền biên" về liệt thánh [1] đã được sắc dụ tận mặt rằng nên soạn "Liệt truyện" luôn thể. Lũ tôi đã thông tư đi các địa phương tra hỏi sự tích, lại tham khảo thực lục và rộng nghe cả lời truyền ngôn hết lòng bàn định sắp xếp biên tập thành sách. Đầu từ truyện các hậu, phi, thứ đến truyện các hoàng tử, các công chúa, thứ nữa đến các bề tôi rồi đến truyện các người ẩn dật, truyện cao tăng, cuối cùng phụ lục truyện nghịch thần, gian thần, gồm có 7 mục, cộng 6 quyển. Đã đem bản mẫu tiến trình, được châu phê rằng "đã xem rồi, cho kiểm cứu lại, in ra, để truyền đời sau. Khâm thử !"

Lũ tôi hết lòng nghiên cứu, cũng có xét ra được chỗ thiếu sót, đã sửa lại và bổ sung. Xin giao cho thợ khắc in. Sau này, *Liệt truyện tiền biên* làm xong sẽ xin tiến trình tiếp tục khắc in. Về công việc san nhuận lần này xin do những viên phần việc đứng làm.

Nay cẩn tấu

Tự Đức năm thứ 5 (1852) tháng 3 ngày 29, đề.

Chỉ truyền: "Hữu tự chọn ngày tốt, giao khắc in, rồi do sử thần kiểm kỹ, đóng thành quyển để đời truyền đời sau. Còn mọi việc khác đều chuẩn y lời tâu".

(Tên bầy tôi làm lời tâu):

Trương Đăng Quế, Hà Duy Phiên, Lâm Duy Nghĩa, Tô Trấn, Phạm Hữu Nghi, Nguyễn Hữu Tố, Phạm Bá Thiều, Trần Trứ, Bùi Quỹ.

---

[1] Chỉ các chúa Nguyễn trước đời Gia Long.

Digitized by Google

Các thể lệ làm Đại Nam liệt truyện tiền biên.

1. Đầu chép hậu phi, thứ đến hoàng tử, công chúa, là trọng thứ bậc nhân luân; thứ đến các bề tôi là nêu công lao sự nghiệp; thứ nữa đến các người ẩn dật là nêu những người điềm đạm từ tốn; thứ nữa đến các cao tăng. Chép cho đủ, cuối cùng đến các nghịch thần, gian thần, là răn đe kẻ ác.

2. Mở cõi miền Nam, trước từ Thái tổ [1] mà phát dài phúc lành thì từ Tĩnh hoàng đế [2] gây ra. Cho nên đặt Tĩnh hoàng hậu [3] ở đầu truyện các hậu phi, là để tỏ có gốc tích vậy.

3. Truyện các hậu phi chỉ chép tên thụy và họ, vì tên thực của các bà không để lọt ra khỏi cửa. Đó là theo thể lệ chép truyện trong *Minh sử*.

4. Hoàng tử và công chúa có sự tích gì đáng ghi thì chép cả, không thì chép theo thứ tự lớn bé cốt để giữ lấy sự thực.

5. Dưới họ tên các bề tôi, biên rõ quê quán, nếu không kê cứu được thì bỏ trống.

6. Trong các bề tôi hễ ai có công nghiệp rõ rệt và tiết nghĩa đáng khen thì không cứ quan chức to hay nhỏ đều chép vào truyện, còn cứ tùy theo loại: hoặc hạng nhỏ phụ vào hạng lớn; hoặc cấp thấp phụ vào cấp cao.

7. Gặp trường hợp cùng một việc mà khác người làm thì đều có truyện riêng. Về việc ghi chép, chỗ này tường thì chỗ kia lược, nhưng chua xem thêm truyện Mỗ; để cho sáng thêm.

---

[1] Tức Thái tổ Gia Dụ hoàng đế Nguyễn Kim.

[2] Tức Triệu tổ Tĩnh hoàng đế Nguyễn Hoàng.

[3] Vợ Nguyễn Hoàng.

Digitized by Google

3. Tên người gặp chữ húy, nếu là hoàng tử, công chúa thì theo Ngọc phả, viết bên tả chữ Mỗ bên hữu chữ Mỗ, nếu là tên các bề tôi thì đổi dùng chữ khác.

9. Người trong Khánh phả [1] nếu phạm tội to: phản nghịch, thì tước bỏ họ, chỉ viết tên (như loại Hiệp, Trạch) không cho dự trong Khánh phả nữa.

10. Sự tích trong liệt truyện đều dựa vào *thực lục* và tham khảo các hành trạng các gia phả, ngoài ra còn hỏi rộng, tìm thêm nếu có sự thực căn cứ được thì đều thâu lượm mà ghi chép.

[1] Họ nhà vua.

Digitized by Google

TỔNG MỤC (liệt truyện tiền biên)

QUYỂN 1

HẬU PHI

Triệu tổ Tĩnh hoàng hậu
Thái tổ Gia Dụ hoàng hậu
Hi tông Hiếu Văn hoàng hậu
Thần tông Hiếu Chiêu hoàng hậu
Thái tông Hiếu triết Chu hoàng hậu
Hiếu triết Tống hoàng hậu
Anh tông Hiếu Nghĩa hoàng hậu
Hiển tông Hiếu Minh hoàng hậu
Nguyễn Kính phi
Túc tông Hiếu Ninh hoàng hậu
Thế tông Hiếu Vũ hoàng hậu
Tuệ Tĩnh Thánh mẫu nguyên sư
Trần Quý nhân

QUYỂN 2

HOÀNG TỬ

Con trưởng Triệu tổ (Tôn thất)
Các con Thái tổ (Tôn thất)

Digitized by Google

Các con Hi tông (Tôn thất)

Các con Thần tông

Các con Thái tông

Các con Anh tông

Các con Hiển tông (Tôn thất)

Các con Túc tông

Các con Thế tông (Tôn thất)

CÔNG CHÚA

Một con gái Triệu tổ

Các con gái Thái tổ

Các con gái Hi tông

Một con gái Thần tông

Các con gái Anh tông

Các con gái Hiển tông

Các con gái Túc tông

Các con gái Thế tông

Một con gái Duệ tông.

QUYỂN 3

CÁC BỀ TÔI I

Nguyễn U Tỵ (con là Đình Dũng, cháu là Đình Hùng)

Tống Phúc Trị

Tống Phúc Hiệp

Tống Phúc Hòa

Mạc Cảnh Huống (con là Huỳnh)

Trần Đức Hòa

Digitized by Google

Đào Duy Từ

Bùi Tá Hán

Trương Trà (vợ là Trần thị)

Lương Văn Chính

Nguyễn Hữu Tiến (con là Hữu Uy)

Nguyễn Hữu Dật

Nguyễn Hữu Hào

Nguyễn Hữu Kính

Nguyễn Hữu Báo

QUYỂN 4

CÁC BỀ TÔI II

Nguyễn Cửu Kiều (con là Ứng Dực)

Nguyễn Cửu Thế (con là Quý Thông)

Nguyễn Cửu Vân

Nguyễn Cửu Thiêm

Nguyễn Cửu Đảm

Nguyễn Cửu Pháp (con là Sách Thận)

Nguyễn Cửu Dật

Nguyễn Cửu Tuấn

Trương Phúc Phấn

Trương Phúc Hùng

Trương Phúc Cương

Trương Phúc Thức

Trương Phúc Phan

Trương Phúc Thận

Tống Hữu Đại

Digitized by Google

Nguyễn Đức Bảo (con là Đức Khang)

Nguyễn Hữu Doãn

Hùng Lộc

Nguyễn Dương Lâm (phụ Nguyễn Diên, cháu là Phú, Chính, Thành)

Tống Văn Khôi (con là Phúc, Thịnh, cháu là Minh)

Bùi Công Kế (phụ Bộc Khô)

Nguyễn Hữu Danh (phụ: Phan Phúc Ân, Đỗ Hữu Nghị, Vũ Văn Duy)

QUYỂN 5

CÁC BỀ TÔI III

Nguyễn Dũng Đệ

Nguyễn Đăng Thịnh

Nguyễn Cư Trinh (con là Dật, cháu là Sĩ)

Nguyễn Đăng Tiến (con là Đăng Khuông, Đăng Huy)

Nguyễn Đăng Cân (con là Đăng Thông)

Nội tán Phạm

Vũ Phi Thừa

Nguyễn Khoa Chiêm

Nguyễn Khoa Đăng

Nguyễn Khoa Toàn

Nguyễn Khoa Kiên

Trần Đình Ân (con là Khánh Thuận, cháu là Hi, Hiến)

Vũ Đình Phương

Vũ Xuân Nùng (em là Đàm)

Phạm Hữu Kính (con gái là Lam Anh)

Digitized by Google

Nguyễn Quang Tiên

Hồ Quảng Đại (cháu là Phúc Đào)

Lê Quang Đại

Mai Công Hương

Đặng Đại Độ

Trần Phúc Thạnh

Lê Xuân Chính (con là Xuân Hi, Xuân Huyên)

Nguyễn Hữu Tôn

Nguyễn Đăng Trường

Bùi Hữu Lễ

Nguyễn Danh Khoáng

Trần Văn Thức

Đoàn Đức Hiệp

Đỗ Văn Hoảng

Lê Đa Uẩn (con là Liên)

QUYỂN 6

CÁC BỀ TÔI

Mạc Cửu

Mạc Thiên Tứ (các con là Duyên, Sanh, Thiêm, cháu là Bính, Du)

Trần Thượng Xuân (con là Định)

Ẩn Dột

Nguyễn Đăng Toàn

Vũ Trường Toản

Đặng Đức Thuận (phụ: Lê Đạt, Nguyễn Hương)

Hoàng Quang

Digitized by Google

Cao Tăng

Tạ Nguyên Thiều

Thạch Liêm

Đạt bản

Viên Quang

Giác Linh

Hoàng Lung

Tống thị

Bùi Đặng Tường

Phụ: Nghịch thần, gian thần

Hiệp

Trạch

Anh

Trung

Huệ

Thông

Trương Phúc Loan

Digitized by Google

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN TIỀN BIÊN

TỔNG TÀI: Tên các quan chức tham dự viêc làm sách:

Cố mệnh lương thần, Phụ chính đại thần, thái bảo, Cần chính điện Đại học sĩ, Hình Binh bộ Thượng thư, Cơ mật viện đại thần, quản lý Khâm thiên giám kiêm lĩnh Quốc tử giám sự vụ, sung Kinh diên giảng quan, Tuy thịnh quận công, thần: *Trương Đăng Quế.*

Nguyên Ngự tiền đại thần, thái bảo, Đông các đại học sĩ quản lý Lại bộ sự vụ, kiêm sung Hoàng Thân sư bảo, kiêm lĩnh Quốc tử giám sự vụ, thần: *Vũ Xuân Cẩn.*

PHÓ TỔNG TÀI:

Thái tử thiếu bảo, Hiệp biện đại học sĩ, lĩnh Hộ bộ Thượng thư sung Cơ mật viện đại thần, thần: *Hà Duy Phiên.*

Phụ chính đại thần, Hiệp biện đại học sĩ, lĩnh Lễ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện đại thần, Hiệp lý Kinh kỳ thủy sư, thần: *Lâm Duy Nghĩa.*

TOẢN TU:

Hàn lâm viện chưởng viện học sĩ, sung Kinh diên nhật giảng quan, thần: *Tô Trân.*

Digitized by Google

Thiêm sự phủ thiêm sự, sung Kinh diên nhật giảng quan, thần: *Phạm Hữu Nghi.*

Nguyên Hàn lâm viện trực học sĩ, thần: *Nguyễn Hữu Tố.*

Thái bộc tự khanh, thần: *Phạm Bá Thiều.*

Nguyên Hồng lô tự khanh, thần: *Trần Trứ.*

Hồng lô tự khanh, thần: *Bùi Quỹ.*

KHẢO HIỆU

Hàn lâm viện biên tu, thần: *Nguyễn Công Thụy.*

Hàn lâm viện tòng bát phẩm bút thiếp thức, thần: *Nguyễn Đức Ý.*

ĐẲNG LỤC

Hàn lâm viện tòng bát phẩm bút thiếp thức, thần: *Nguyễn Tường Giảng.*

Hàn lâm viện tòng cửu phẩm bút thiếp thức, thần: *Trần Viết Khại.*

Hàn lâm viện tòng cửu phẩm bút thiếp thức, thần: *Lê Văn Thiều.*

Hàn lâm viện tòng cửu phẩm bút thiếp thức, thần: *Lê Văn Chân.*

THU CHƯỞNG:

Hàn lâm viện kiểm thảo, thần: *Lê Quang Linh.*

Hàn lâm viện tòng cửu phẩm bút thiếp thức, thần: *Nguyễn Văn Dĩnh.*

Digitized by Google

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN TIỀN BIÊN

QUYỂN I

TRUYỆN CÁC HẬU PHI

Triệu tổ Tĩnh hoàng hậu

Thái tổ Gia Dụ hoàng hậu

Hi tông Hiếu Văn hoàng hậu

Thần tông Hiếu Chiêu hoàng hậu

Hiếu Triết Tống hoàng hậu

Anh tông Hiếu Nghĩa hoàng hậu

Hiển tông Hiếu Minh hoàng hậu

Nguyễn Kính phi

Túc tông Hiếu Ninh hoàng hậu

Thế tông Hiếu Vũ hoàng hậu

Tuệ Tĩnh thánh mẫu nguyên sư

Trần quý nhân

* * *

Digitized by Google

Triệu tổ [1] Tĩnh hoàng hậu

Bà họ Nguyễn (họ Nguyễn khác) tiên tổ là người huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, sau dời đến ở Quý huyện [2] tỉnh Thanh Hóa.Cha là Minh Biện, làm quan đời Lê đến Đặc tiến, phụ quốc Thượng tướng quân, thự vệ sự (năm Minh Mạng thứ 4) (1823) truy phong làm Hựu chính phù bình trung đẳng thần. Anh là Ư Tỵ cũng làm quan nhà Lê đến Thái phó Uy quốc công. Hậu lấy Triệu tổ hoàng đế ta, sinh được một con trai là Thái tổ hoàng đế, mùa xuân tháng Giêng (không nhớ năm) bà mất. Đời truyền là táng chung vào lăng Trường Nguyên ở núi Thiên Tôn, tỉnh Thanh Hóa.

Năm Giáp Tý (1744), Thế tông hoàng đế [3] năm thứ 6, truy dâng tôn thụy là Từ tín Chiêu ý Đức phi, sau lại thêm hai chữ "Hoằng nhân"

Năm Bính Dần (1806), Gia Long thứ 5 lại truy tôn là Từ tín Chiêu ý hoằng nhân Thục đức Tĩnh hoàng hậu.

Bài sách văn đại lược nói: Khôn nguyên to sáng, đều sánh với đức Kiền. Hậu đức thuần toan cho nên hay giúp chúa; biểu hiện tôn sùng cử hành mọi lễ. Kính nghĩ, Từ tín Chiêu ý hoằng nhân Nguyễn Đức phi điện hạ đức kính êm đềm, tiếng tốt vang dậy. Con cháu đông như chung tư [4] đàn đầy nhà cửa. Siêng năng dậy từ gà gáy, chăm sóc gia đình. Cho nên, nay nhờ phúc to; càng thêm sáng

---

[1] Triệu tổ Tĩnh Hoàng đế (1529) Nguyễn Kim.

[2] Tức huyện Tống Sơn.

[3] Thế tông Hiếu vũ (1738 - 1764) Nguyễn Phúc Chu.

[4] Kinh Thi có thơ "chung tư", tán tụng hậu phi, vợ Chu Văn Vương có nhiều con. Chung tư là châu chấu, loại côn trùng rất nhiều con.

Digitized by Google

rộng. Nết tốt công cao, biểu dương sao dám để chậm. Vậy kính làm sách vàng, dâng tôn hiệu là Từ tín Chiêu ý Hoằng nhân Thục đức Tĩnh hoàng hậu, thờ chung vào Triệu miếu.

*

Thái tổ Gia Dụ [1] hoàng hậu

Bà họ Nguyễn - (họ Nguyễn khác) sự tích không rõ. Bà sinh một trai là Hi tôn hoàng đế. Mùa hạ tháng 5 (không nhớ năm) bà mất, táng ở lăng Vĩnh Cơ (thuộc sơn phận Hải Cát, Gia Long năm thứ 7 (1808) mới truy dâng tên lăng. Các lăng sau đây cũng thế). Năm Giáp Tý (1744) Thế tông hoàng đế năm thứ 6, truy dâng thụy tôn là Từ lương Quang thục Ý phi, sau lại thêm hai chữ "Minh đức". Năm Bính Dần Gia Long thứ 5 lại truy tôn làm Từ lương Quang thục Minh đức Ý cung Gia Dụ hoàng hậu. Bài sách văn đại lược rằng: giương oai cầm cây việt cờ mao, định yên thế nước, thực bởi thánh công, trong sáng như ngọc cư ngọc vũ, chỉnh đốn việc nhà đều nhờ hậu đức. Kính nghĩ, Từ lương Quang thục Minh đức Nguyễn ý phi điện hạ: thánh sánh đối với thánh, đến ở ấp mới này. Khuyến tướng sĩ cần lao ở hàng trận, nêu đức, tính trinh tĩnh ở đình vi. Đức hóa khắp nước nhà, phúc trạch nhuần cháu chắt. Cho nên, nay trên nhờ bóng cả, thêm sáng tốt xưa. Coi phước đức này, dám dâng sùng báo. Kính làm sách vàng, dâng tôn hiệu là Từ lương Quang thục Minh đức ý cung Gia Dụ hoàng hậu, thờ chung vào Thái miếu.

*

[1] Thái tổ Gia Dụ hoàng đế (1558 - 1612) Nguyễn Hoàng.

Digitized by Google

Hi tông Hiếu Văn [1] hoàng hậu

Bà họ Nguyễn (cẩn án xét trước là họ Mạc sau đổi họ Nguyễn). Tiên tổ là người huyện Nghi Dương tỉnh Hải Dương. Bà là trưởng nữ Khiêm vương Mạc Kính Điển. Khi Kính Điển bị bại vong, bà theo chú là Cảnh Huống đem gia quyến vào Nam ẩn ở chùa Lam Sơn, nhân đó nhập tịch ở Quảng Trị. Nguyễn Ngọc Dương vợ Cảnh Huống, là dì ruột Hi tông hoàng đế, nhân tiến bà vào hầu chúa ở nơi tiềm để [2]. Tính minh mẫn thuần thục, nói và làm đều đúng mực thước, bà được chúa yêu và quý trọng. Sinh được 5 con trai: Con trưởng là Kỳ, làm Hữu phủ chưởng phủ sự, trấn thủ Quảng Nam - tặng thiếu bảo, Khánh quận công; con thứ hai tức là Thần tông hoàng đế, con thứ ba là Trung, con thứ tư là An, con thứ năm là Nghĩa chết sớm. Ba con gái: Trưởng là Ngọc Liên, thứ là Ngọc Vạn, út là Ngọc Khoa. Năm Canh Ngọ (1630, Lê Đức Long năm thứ 2) mùa đông tháng 11, bà mất, thọ 53 tuổi, truy tặng là Doanh Cơ, đặt tên thuỵ là Nhã tiết, táng lăng Vĩnh Diện (ở xã Chiêm sơn, tỉnh Quảng Nam).

Năm Giáp Tý (1744) Thế tông hoàng đế năm thứ 6, truy dâng tôn thụy là: Huy cung Từ thân Thuận phi.

Năm Bính Dần (1806) Gia Long thứ 5, lại truy tôn làm Huy cung Từ thân Ôn thục Thuận trang Hiếu Văn hoàng hậu.

Bài sách văn đại lược rằng: Tốt thay đức khôn nguyên, trên sánh với thê Kiều. Phô nêu đức tốt, là để đáp phúc dày mà tỏ đạo hiếu vậy.

---

[1] Hi tông Hiếu Văn hoàng đế (1613 - 1634) Nguyễn Phúc Nguyên.

[2] Tiềm để: nơi vua chúa ở khi chưa lên ngôi.

Digitized by Google

Kính nghĩ, Hy cung Nguyễn Thuận phi điện hạ; trinh tĩnh đoan trang, bao hàm rộng sáng: phong hóa khắp gần xa, đức tốt không bờ bến. Đúc thành giống tốt, phồn thịnh phúc to. Nay trên nhờ đức thiêng liêng, nối mãi ngôi tôn quý. Vậy xét điển lễ kính dâng tên hay. Cẩn tiến sách vàng dâng tôn hiệu là Huy cung Từ thân Ôn thục Thuận trang Hiếu Văn hoàng hậu, thờ chung vào gian tả nhất nhà Thái miếu.

*

Thần tông, Hiếu Chiêu [1] hoàng hậu họ Đoàn

Người huyện Diên Phúc, tỉnh Quảng Nam, bà là con gái thứ 3 của Thạch quận công Đoàn Công Nhạn. Mẹ là phu nhân Vũ Thuận Hóa. Bà là người minh mẫn thông sáng. Năm 15 tuổi, đêm hái dâu ở bãi, trong trăng mà hát. Bấy giờ Hi tôn hoàng đế ta đi chơi Quảng Nam, Thần tông hoàng đế ta theo đi hộ giá. Đêm đáp thuyền chơi trăng. Đỗ thuyền ở gành Điện Châu (bây giờ là bãi Ân Phú tây) câu cá, nghe tiếng hát, lấy làm lạ, sai người đến hỏi, biết là con gái họ Đoàn, cho tiến vào hầu chúa ở tiềm để được yêu chiều lắm. Bà sinh một trai, ấy là Thái tông hoàng đế. Năm Tân Sửu (1661) Lê Vĩnh Thọ năm thứ 4 mùa hạ, tháng 5, bà mất, táng Vĩnh Diện (ở Thượng cốc Hùng Cương thuộc xã Chiêm Sơn, tỉnh Quảng Nam). Thế tông hoàng đế năm thứ 6, Giáp Tý (1744) truy dâng tôn thụy là Trinh thục Từ tĩnh Huệ phi, sau lại thêm 2 chữ "Mẫu duệ". Gia Long năm thứ 5 Bính Dần (1806) lại truy tôn làm Trinh thục Từ tĩnh Mẫu duệ Huệ kính Hiếu Chiêu hoàng hậu.

Bài sách văn đại lược nói: Lễ nhà tôn miếu, kính người mình tôn, yêu người mình thân, là để báo công mà tôn đức vậy.

---

[1] Thần tông Hiếu Chiêu hoàng đế (1635 - 1642) Nguyễn Phúc Khoát.

Digitized by Google

Kính nghĩ, Trinh thục Từ tĩnh Mẫu duệ Đoàn Huệ phi điện hạ: sáng thơm tú my, phép tốt trinh thuần. Khôn nguyên hợp đức, phong hóa gây từ đình vi, cảm động kết thai, phúc trạch truyền cho xã tắc. Để phúc yên tốt nối đời vô cùng. Nay, trên nhờ phúc thiêng, lại dựng nghiệp cả. Kính dâng huy chương, để tôn nền tốt. Cẩn tiến sách vàng dâng tôn hiệu là: Trinh thục Từ tĩnh Mẫu duệ Huệ Kính Hiếu Chiêu hoàng hậu, thờ chung vào gian hữu nhất nhà Thái miếu.

*

Thái tông Hiếu Triết [1] hoàng hậu họ Chu
(*không rõ quê quán*)

Ban đầu, bà hầu chúa ở nơi tiềm để, làm chánh phu nhân, sinh 2 trai, một gái. Con trai trưởng là Diên được tấn phong Phúc quận công, con thứ là Thuần, được phong Hiệp quận công, con gái là Ngọc Tào. Năm Giáp Tý (1684), Lê Chính hòa năm thứ 5 mùa đông, tháng 11, bà mất, thọ 60 tuổi, tặng Tán quốc chánh phu nhân, táng lăng Vĩnh Hưng thuộc sơn phận phường An Ninh huyện Hương Thủy. Thế tông hoàng đế năm thứ 6, Giáp Tý (1744) truy dâng tôn thụy là Từ mẫu Chiêu thánh Trang phi sau thêm 2 chữ "Trang liệt".

Gia Long năm thứ 5 Bính Dần (1806) lại truy tôn làm Từ mẫu Chiêu thánh Cung tĩnh Trang thần Hiếu Triết hoàng hậu.

Bài sách văn đại lược rằng: Có thánh quân nối trị; tất có thục đức tề gia. Cùng tôn cùng quý, là chính lẽ vậy.

---

[1] Thái tông Hiếu Triết hoàng đế (1643 - 1686) Nguyễn Phúc Tần.

Digitized by Google

Kính nghĩ, Từ mẫu Chiêu thánh Trang liệt Chu Trang phi điện hạ. Dáng tốt trinh tĩnh, phép cả trang nghiêm. Hợp đức với liên nguyên, truyền sáng bởi khôn hậu, phong hóa gây từ thơ "quan thư"[1] ân trạch đầm ấm như thơ "cù mộc" [2]. Khuôn mẫu đáng làm phép, thánh thiện khó hình dung. Nay, đã thành công to, nhớ lại nghiệp tốt, bèn theo điển lễ, báo đáp đức lành. Cẩn tiến sách vàng dâng tôn hiệu là: Từ mẫu Chiêu thánh Cung tĩnh Trang thận Hiếu Triết hoàng hậu, thờ chung vào gian tả nhị nhà Thái miếu.

*

Hiếu Triết hoàng hậu họ Tống.

Người quý huyện [3] tỉnh Thanh Hóa. Cha là Tống Phúc Khang, tặng Thiếu phó quận công, mẹ là Phạm thị. Tính người hiền từ hòa thuận,khi mới vào cung bà được liệt vào hàng Cơ, càng ngày càng được yêu chiều. Bà sinh 2 trai: con trưởng là Anh tông hoàng đế, con thứ hai là Trản, tặng thiếu phó, Cương quận công. Mùa xuân tháng 3 (không nhớ năm) bà mất, táng lăng Quang Hưng (thuộc sơn phận xã Định Môn, huyện Hương Trà). Thế tông hoàng đế năm thứ 6, Giáp Tý (1744) truy dâng tôn thụy là Từ tiên Huệ thánh Tĩnh phi, sau lại thêm 2 chữ "trinh thuận", Gia Long năm thứ 5 Bính Dần (1806) lại truy tôn là Từ tiên Huệ thánh Trinh thuận Tĩnh nhân Hiếu Triết hoàng hậu.

Bài sách văn lược rằng: Giữ nhân luân, dùng điển lễ, báo nguồn gốc tôn người thân, là đạo hiếu của con cháu vậy.

---

[1] *Quan thư:* Thơ nói về đức tốt của hậu phi đối với chồng.

[2] *Cù mộc:* nói về hậu phi thương yêu các cơ thiếp.

[3] *Quý huyện:* Tức huyện Tống Sơn. Vì là quê hương nhà vua, nên gọi thêm mỹ từ là "quý".

Digitized by Google

Kính nghĩ, Từ tiên Huệ thánh Trinh thuận Tống Tĩnh phi điện hạ sao Bảo vụ sáng soi, quẽ Thần khôn hợp đức. Phép khuê môn tập quen, lễ tôn miếu kính cẩn. Trên sách Kiền nguyên, sinh ra con trưởng, kế thừa dẫn mối lâu dài, khánh trạch mở nền thịnh lớn. Cho nên nay trên nhờ thiêng liêng mở mang bờ cõi, thành nghiệp lớn này, bèn theo điển lễ, lễ cả cùng tôn. Cẩn tiến sách vàng dâng tôn hiệu là: Từ tiên Huệ thánh Trinh thuận Tĩnh nhân Hiếu Triết hoàng hậu, thờ chung vào gian tả nhị nhà Thái miếu.

*

Anh tôn Hiếu Nghĩa [1] hoàng hậu họ Tống

Bà người quý huyện tỉnh Thanh Hóa, cha là Tống Phúc Vinh, tặng Thiếu phó, quận công, mẹ là Lê thị. Ban đầu bà tiến hầu nơi tiềm để, rồi được thăng làm cung tần [2]. Lúc có thai, trên chỗ ở về phương tây nam, trời mở một khoanh tròn mây đẹp bay vòng quanh, ở giữa có một chỗ sáng tròn khác thường từ trên không trung mà xuống, ánh sáng soi rọi lên trời. Người thức giả cho là điềm sinh thánh. Đầy năm, bà sinh con trai, tức là Hiển tông hoàng đế. Nguyễn Gia phi không có con, yêu mà vỗ về, nuôi nấng. Năm Bính Tý (1696) Lê Chính Hòa năm 17 mùa xuân tháng 3, bà mất, thọ 44 tuổi, Hiển tông hoàng đế [3] truy tôn là Quốc thái phu nhân, táng lăng Vĩnh Mậu (thuộc sơn phận xã Định Môn, huyện Hương Trà). Thế tông hoàng đế năm thứ 6, Giáp Tý (1744) truy dâng tôn thụy là Từ tiết Tĩnh thục Hiển phi, sau thêm 2 chữ "Hiếu từ". Gia

---

[1] Anh tông Hiếu Nghĩa hoàng đế (1687 - 1690) Nguyễn Phúc Trăn.

[2] Theo các từ thư, chữ tần đều đọc là tân (không có dấu huyền) nhưng đây chúng tôi dùng theo tiếng đã phổ biến ở ta, cho nên trong bản dịch, phàm những chữ "cung tân" đều phiên âm là "cung tần" cho dễ hiểu.

[3] Hiển tông Hiếu Minh hoàng đế (1691 - 1724) Nguyễn Phúc Chú.

Digitized by Google

Long năm thứ 5, Bính Dần (1806) lại truy tôn là Từ tiết Tĩnh thục Tuệ mẫn Hiếu thuận Hiếu nghĩa hoàng hậu.

Bài sách văn đại lược nói: dựng nghiệp Tây kỳ, bà Thái Nhâm, bà Thái Khương gây phúc cả. Mở nền Đông lạc, bà Mã hậu, bà Đăng hậu nối điềm lành. Đức tốt sánh đời xưa, tên hay để hậu báo. Kính nghĩ, Từ tiết Tĩnh thục Hiếu từ Tống Hiển phi điện hạ: Trăm nết có đủ, muôn thiện đều kiêm. Bao hàm rộng rãi trên sách Kiều nguyên, nội trị có khuôn phép từ ngọc cư, ngọc hành [1] mở dấu tốt lành sinh ra con trưởng truyền gia vững cơ đồ như thái sơn, bàn thạch. Cho nên nay được nhờ phúc thiêng liêng, mới chịu mệnh sáng, xưng dương đức tốt, để báo tốt lành cẩn tiến sách vàng dâng tôn hiệu là Từ triết Tĩnh thục Tuệ mẫn Hiếu thuận Hiếu nghĩa hoàng hậu, thờ chung vào gian hữu nhị nhà Thái miếu.

*

Hiển tông Hiếu Minh hoàng hậu, họ Tống

Bà vốn họ Hồ, sau khi vào cung, được cho họ là Tống, người huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên, là con gái trưởng doanh Hồ Văn Mai. Vào cung được chúa yêu chiều, cho làm hữu cung tần thứ 4. Sau đó được thăng Chiêu nhi. Tính người nhân thuận, cung kính, trong cung đều được cảm hóa vì đức tính bà. Sinh được 2 trai: trưởng là Túc tông hoàng đế [2] lúc sinh có hương lạ đầy nhà, thứ là Tứ, phong Luân quốc công. Năm Bính Thân (1716, Lê Vĩnh Thịnh năm thứ 12), mùa xuân tháng 2, bà mất, thọ 37 tuổi, tặng Minh phi, liệt vào hàng phu nhân, thụy là Từ tuệ, táng lăng Vĩnh

---

[1] *Cư hành*: hai thứ ngọc quý dùng làm đồ trang sức để đeo, tượng trưng cho hạng phụ nữ quý tộc thời phong kiến.

[2] Túc tông Hiếu Minh hoàng đế (1725 - 1737).

Digitized by Google

Thạnh (thuộc xã Trúc Lâm, huyện Hương Trà). Năm Giáp Tý (1744) Thế tông hoàng đế năm thứ 6, truy dâng tôn thụy là Từ huệ cung thục Kính phi, sau thêm 2 chữ "Ý đức". Gia Long năm thứ 5 Bính Dần (1806) truy tôn là Từ huệ Cung thục Ý đức Kính mục Hiếu Minh hoàng hậu.

Bài sách văn đại lược rằng: Đón quẻ Kiền là quẻ Khôn sánh với đế gọi là hậu. Lễ đặt bởi nghĩa, kính với người tôn, là để tỏ lễ nhà tôn miếu. Kính nghĩ, Từ huệ Cung thục Ý đức Tống Kính phi điện hạ: dáng đẹp nổi trâm cài thoa giắt, đức tốt như ngọc cư, ngọc hành. Thùy mị đề tiên phòng gương mẫu ưu cần giúp chúa như thơ Kê minh[1] chung đúc điềm Hoa chử [2] tốt lành, thịnh vượng về sau thơ Lân chỉ [3]. Cho nên nay trên đội ơn thừa, mở mang nghiệp lớn. Bèn xét lễ văn, tán dương đức tốt. Cẩn tín sách vàng dâng tôn hiệu là: Từ huệ Cung thục Ý đức Kính mục Hiếu Minh hoàng hậu, thờ chung vào gian tả tam nhà Thái miếu.

*

Nguyễn Kính phi

Là con gái tham chính Nguyễn Hữu Hiệp, năm Hiển tông mới làm chúa, bà vào hầu ở nội đình, được cất nhắt làm hữu cung tần thứ 3, rồi thăng chánh nội phủ. Năm Giáp Ngọ (1714 Lê Vĩnh Thịnh thứ 10) mùa thu, bà mất, được tặng là Kính phi, tôn bằng

---

[1] *Kê minh*: Một thơ ở "Tô phong" *Kinh Thi* nói hiền phi đời xưa, khuyên vua dậy sớm để coi chầu.

[2] *Hoa chử*: Mẹ vua Phục Hi ở bên Hoa Tư, cảm khí cầu vồng vòng quanh mình bèn có thai, sinh ra Phục Hi.

[3] *Lân chỉ*: một thơ ở thiên Thiệu nằm trong *Kinh Thi* khen bà Hậu phi sinh nhiều con cháu có đức tốt như con lân.

Digitized by Google

hàng phu nhân, thụy là Từ đức, táng ở xã Trúc Lâm, lập đền thờ ở Hà Khê.

Bà là con nhà dòng vào hầu chúa được yêu chiều (tương truyền: bà sinh 11 con, nay còn một ngành, ngoài ra không rõ). Bà mất được một năm, chúa thương không thôi, làm đàn chay trọng thể ở chùa Thiên Mụ, chúa (Hiển tông Nguyễn Phúc Chu) làm 4 bài thơ; thương nhớ viết vào tường chùa:

BÀI I

Phiên âm: *Vấn thiên hà sự thiết ngô phi!*
Hoa tạ, tam cung nguyệt yểm huy!
Bất đạc hư trong vòng khổn phạm!
Hòn tri cơ nội thất dong nghi.
Thời dương thất tịch Ngân hà ám.
Sầu ký thiên niên giới lộ hi!
Mạn đạo tiếu nhân nhi phụ thái.
Cổ kim thùy cánh thử tình vi.

Dịch nghĩa: Cớ chi trời lại cướp phi tai
Hoa rụng, ba cung bóng nguyệt tà.
Chẳng những gương treo trong bạn gái,
Lại đầy năm chẳn vắng người hoa!
Đêm vừa mồng bảy sông Ngân tối!
Sầu để ngàn năm móc hẹ pha!
Đừng có cười trò nhi nữ nhé!
Tình nay ai để tránh từ xưa.

BÀI 2

Phiên âm: *Khứ niên chức nữ nhập song minh.*
Khước bị trùng vân tựu địa sinh.

Digitized by Google

Chế cẩm vị hoàn, ti tại trục!
Xuyên châm tài bãi, tuyết phiêu doanh!
Không hoài ngũ dạ quỳnh lâu dịch,
Khởi vọng song xuy ngọc diện sinh.
Nhất phiến mê ly nghi thức tế.
Uyên ương tú trẩm mộng nam thành.

Dịch nghĩa: Sao nữ năm qua soi cửa sổ
Làn mây lớp lớp đến che rồi !
gấm dệt chưa xong tơ lở dở!
Kim xâu vừa được, chỉ tơi bời!
Sáo quỳnh lâu, canh khuya luống nhớ!
Sênh ngọc điện, nay dễ thổi đôi?
Mơ hồ tấc dạ ngờ đâu đó,
Giấc mộng uyên ương uổng kiếm hoài!

BÀI 3

Phiên âm: *Nội trợ tằng kinh ức ỷ ni,*
Duy dư đồng nhữ lưỡng Nhà nước kỳ,
Phi nhân mộ sắc tiềm huy lệ,
Chỉ vị tôn hiên tụng phú thi.
Việt hải tuy khoan, nan tải hận,
Tấm lăng nghi cận, dị quan bi.
Trường đê thả mạc tài dương liễu
Hảo đãi thanh minh túng mục thì.

Dịch nghĩa: Dịu dàng nội trợ nghĩ thương âu...
Chỉ chúng ta sao khó hẹn nhau.
Há vì sắc đẹp rơi hàng lệ,
Chỉ vị người hiền vịnh mấy câu.
Biển Việt dẫu to khôn chở hận,
Bia lăng gần đọc để khuây sầu.

Digitized by Google

Đê dài đừng có trồng dương liễu.
Đợi tiết thanh minh mắt ngắm lâu.

BÀI 4

Phiên âm: *Nhữ thọ tuy vi, phúc tự trường;*
Nhân truyền phúc trạch Nguyễn cung hương.
Phao tư kim ngọc doanh song khíp
Lưu thử nhi tôn mãn nhất đường.
Đối cảnh kỷ hồi hàm biệt lệ
Liên tài nhất thế động trung trường.
Kim bằng diệu pháp không vương lực.
Tiến bạt u hồn dật thượng phương.

Dịch nghĩa: Tuổi thọ ngắn thôi phúc lại dài.
Phúc lưu cung Nguyễn ngát hương trời.
Quăng đi vàng ngọc đầy hai tráp,
Để lại cháu con nối vạn đời;
Đối cảnh đòi phen cầm giọt lệ,
Thương tài một kiếp động lòng ai.
Nhờ phép Như Lai mầu nhiệm ấy
U hồn siêu độ thoát luân hồi.

Bấy giờ, trong các cung tần từ trần, không ai được ân sủng lạ lùng như thế. Người đời cho là việc long trọng vậy.

✦

Túc tôn Hiếu Ninh hoàng hậu họ Trương

Bà người quý huyện tỉnh Thanh Hóa, cha là Trương Phúc Phan làm đến Trấn biên doanh lưu thủ chưởng doanh, tặng quốc công, có truyện riêng [1] . Bà lúc mới vào hầu nơi tiềm để được phong

[1] Nghĩa là tiểu sử riêng về Trương Phúc Phan.

Digitized by Google

làm nhã cơ, sinh 2 trai: trưởng là Thế tông hoàng đế, thứ là Du, lại có tên là Nghiễm, tặng Thiếu bảo quận công. Năm Canh Tý (Lê Bảo Thái năm thứ nhất) 1720 mùa thu, tháng 7, bà mất thọ 22 tuổi, tặng Tu dong á phu nhân, thụy là Từ ý, táng lăng Vĩnh Phong (thuộc sơn phận xã Long Hồ, huyện Hương Trà), Thế tông hoàng đế năm thứ 6 Giáp Tý (1744) truy dâng tôn thụy là Từ ý Quang thuận Thục phi, sau thêm 2 chữ "Chiêu hiến". Gia Long năm thứ 5 Bính Dần (1806) lại truy tôn làm Từ ý Quang thuận Chiêu hiến Thục huệ Hiếu Ninh hoàng hậu.

Bài sách văn đại lược rằng: Đạo trời đất kiền khôn hợp đức, Lễ tôn miếu, đế hậu cung tôn.

Kính nghĩ, Từ ý Quang thuận Chiêu hiến Trương thục phi điện hạ: tiếng hay trong sáng, đức tốt đoan trang, Sao bảo vụ sáng liền thần cực, nghi hình túc mục như ngọc cư ngọc hành, khí phù dư [1] đúc được thánh minh, dòng dõi lâu bền như thái sơn bàn thạch. Cho nên nay trên nhờ ơn thiêng thêm sáng phúc trước. Kính dâng huy xưng, để tỏ đức tốt. Cẩn tiến sách vàng dâng tôn hiệu là: Từ ý Quang thuận Chiêu hiến Thục huệ Hiếu Ninh hoàng hậu, thờ chung vào gian hữu tam nhà Thái miếu.

+

Thế Tông Hiếu Vĩ hoàng hậu, họ Trương

Bà là người quý huyện tỉnh Thanh Hóa. Cha là Trương Văn Sáng làm đến Chưởng cơ; mẹ là Tống thị. Lúc mới vào hầu nơi tiềm để, bà được phong làm hữu cung tần. Tính e thẹn cẩn thận, dạy bảo nội chức, có phong độ hậu phi đời xưa. Sinh được 3 trai 1 gái: con trưởng là

---

[1] *Phù dư*: Khí rung động vì sức gió.

Digitized by Google

Chương, tặng Thành công, con thứ 2 là Hưng tổ hoàng đế [1], con thứ 3 là Dục, tặng Ý công, con gái là Ngọc Đào. Năm Bính Thìn (1736, Lê Vĩnh Hựu năm thứ 2) mùa đông, tháng 10, bà mất, thọ 25 tuổi, Tu nghi phu nhân sau truy tặng là Ôn thành Trương thái phi, táng lăng Vĩnh Thái (thuộc sơn phận xã Dương Xuân, huyện Hương Thủy).

Gia Long năm thứ 5, Bính Dần (1806) lại truy tôn là Ôn thành Huy ý Trang từ Dục thánh Hiếu Vĩ hoàng hậu.

Bài sách văn đại lược rằng: Bà Đồ Sơn mở nhà Hạ, bà Hữu Nhung gầy nhà Thương. Đẹp cùng sánh với người đời trước lễ nên tôn để hậu báo đền.

Kính nghĩ, Ôn thành Trương thái phi điện hạ: Bốn đức gồm đủ, trăm nết đều hay, bao hàm rộng sánh đế, trinh thuần đón lấy trời. Tiết tấu ngọc cư ngọc vũ, êm vang ở công đường, lợi ích cái tóc tấc da, để phúc cho cháu chắt. Cho nên nay trên nhờ thiêng liêng nối dài ngôi báu, bèn theo lễ to, kính dâng tên quý. Cẩn tiến sách vàng dâng tôn hiệu là Ôn thành Huy ý Trang từ Dục thánh Hiếu Vĩ hoàng hậu, thờ chung ở gian tả tứ nhà Thái Miếu.

*

Tuệ Tĩnh thánh mẫu nguyên sư Nguyễn thị.

Bà lúc mới vào cung, rất được yêu quý, sinh 2 trai, con trưởng là Diệu, tặng Thiếu bảo quận công, con thứ hai tức là Duệ tông hoàng đế [2]. Loạn năm Giáp Ngọ (1774) bà đi tu ở chùa Phúc Thành. Năm Gia Long thứ 3 (1804) mùa hạ, bà mất. Sách tặng làm

---

[1] Tức là Hưng tổ Hiếu khang Nguyễn Phúc Noãn, cha của Nguyễn Phúc Ánh (Gia Long).

[2] Tức Duệ tông Hiếu Định (1765) Nguyễn Phúc Thuần.

Digitized by Google

Tuệ Tĩnh thánh mẫu nguyên sư, hiệu là Thiệu long giáo chủ, táng ở xã An Cựu (thuộc huyện Hương Thủy). Gia Long năm thứ 4 (1805), cấp điền 15 mẫu. Tôn Thất Sài coi việc thờ cúng.

*

Trần quý nhân

Bà là người huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình, là con gái khán lý Năng tài hầu. Ngày Thế tông ở thạnh cung [1] bà 20 tuổi, vì người đẹp nết tốt, được vào hầu nơi tiềm để. Tính cơ cảnh, nhanh nhẹn, khéo đón ý tứ ở nét mặt, sớm khuya kính cẩn, không trái ý chúa bao giờ. Bà tính thanh nhã thích tu hành. Mỗi khi lui chầu, thường đến chùa, thắp hương, lễ Phật. Năm Mậu Ngọ (1738) chúa nối ngôi, phong làm quý nhân, ngày càng thêm yêu quý. Sinh 4 trai: trưởng là Kính, thứ hai là Bản, thứ ba là Tuấn, thứ tư là Yến, đều có truyện riêng, còn hai con gái của bà không rõ sự tích. Năm Canh Ngọ (1730), mùa thu, bà mất, thọ 35 tuổi. Bà là người thuần thục cẩn thận, nói và làm đều có phép tắc, thông thạo nội huấn. Lúc mới ốm, sợ chúa săn sóc, bà nghiêm dặn những người ở bên không cho chúa biết. Đến lúc ốm nặng, còn gượng dậy ăn uống, không trối trăn một lời nào. Khi bà chết, chúa thương tiếc lắm, sắc tặng Chiêu Nghi, liệt vào hàng phu nhân, thụy là Từ Mẫu, táng ở xã Dương Xuân, sai văn thần làm văn bia khắc vào đá dựng bên mộ, đến nay hãy còn.

---

[1] Như *đông cung*: chỗ ở của thái tử.

Digitized by Google

QUYỂN 2

TRUYỆN CÁC HOÀNG TỬ

Con trưởng Triệu tổ (Tôn thất)

Các con Thái tổ (Tôn thất)

Các con Hi tông (Tôn thất)

Các con Thần tông

Các con Thái tông

Các con Anh tông

Các con Hiển tông (Tôn thất)

Các con Túc tông

Các con Thế tông (Tôn thất)

*
* *

Con trưởng Triệu tổ hoàng đế

Hoàng trưởng tử Uông, sinh mẫu là ai không rõ (Năm Ất Ty 1545, Lê Nguyên Hòa năm 13) tập ấm, phong làm: Lăng xuyên hầu, sau tiến phong Tả tướng quân, rồi bị Trịnh Kiểm làm hại, chết (không nhớ năm).

Con là Uyên, theo Thái tổ hoàng đế vào Nam, làm quan đến Đề lĩnh thượng khố đội trưởng.

Digitized by Google

Uyên có 2 con là Thao và Thanh, đều làm đến Chưởng doanh quận công.

Con Thao là Tráng, có dũng lược, thường đi đánh dẹp, nhiều lần lập được quân công, năm Mậu Tý (1588) mùa thu, Thái tông hoàng đế mới nối ngôi chúa, cho rằng Quảng Bình thủy doanh tham tướng Nguyễn Triều Văn vốn hèn nhát, bèn triệu về dùng Tráng lên thay. Sau khi đến nơi, Tráng sửa khí giới, dạy sĩ tốt, việc phòng bị ngoài biên càng được nghiêm mật. Năm Bính Thân (1596) mùa hạ, Tráng theo tiết chế Nguyễn Hữu Tiến đem quân lấy Nghệ An, cùng phó tướng Nguyễn Cửu Kiều đem chu sư đánh nhau với thủy quân giặc. Bính Ngọ (1606) năm thứ 18, mùa đông, Tráng được thăng Cựu doanh trấn thủ. Năm Đinh Mão (1627) mùa hạ, Anh tông hoàng đế nối ngôi chúa, thăng Chưởng doanh quận công. Năm ấy Tráng mất. Đến năm Gia Long thứ 4 (1805) vì là công thần hồi quốc sơ, Tráng được liệt vào bậc ba, ấm thụ một người cháu được thế tập làm thứ đội trưởng để giữ việc thờ cúng. cấp cho 3 mẫu ruộng thờ, 1 người coi mả. Tráng có 6 trai là Định, Đạt, Đồng, Vĩnh, Thuận, Kính. Định và Đồng đều làm đến Chưởng doanh, Đạt và Kính đều làm đến Cai cơ, Vĩnh và Thuận đều làm đến cai đội.

*

Các con Thái tổ hoàng đế

Hoàng trưởng tử: **Hà**

Mẹ là Đoan quốc thái phu nhân. Hà làm quan nhà Lê, vì có quân công, làm đến Tả đô đốc quận công. Năm Mậu Ngọ (1558, Lê Chính Tự năm đầu), mùa đông, đem gia quyến theo vào Thuận Hóa. Năm Bính Tý (1576) mùa hạ, Hà mất, tặng Thái bảo Hòa

Digitized by Google

quận công. Hà có 6 trai: Lộc, Vệ, Hoằng, Tuyên, Đống, Nghĩa. Duy Lộc, Vệ, Tuyên và Nghĩa làm to hơn cả: Lộc làm đến Chưởng doanh.

Vệ thường đem quân đánh giặc, có nhiều chiến công, lên đến chưởng cơ. Hi tông hoàng đế năm thứ 7, Canh Thân (1620) quân Trịnh vào lấn cướp. Chúa sai Vệ đem quân đi chống cự: quân Trịnh không dám đến gần. Năm thứ 14 Đinh Mão (1627) Trịnh Tráng lại rầm rộ kéo vào xâm lấn. Tráng sai tướng là Nguyễn Khải đóng doanh trại ở bờ bắc sông Nhật Lệ. Chúa sai Vệ làm thiết chế quân bộ, chống đánh. Tôn Thất Trung làm tiết chế quân thủy, tiếp ứng. Hai bên đối lũy chống nhau. Quân Trịnh đánh vào trận của Vệ, Vệ sai bắn súng lớn để đánh phá: quân Trịnh kinh sợ. Tôn Thất Trung đem quân thủy nhân lúc nước triều lên, tiến sát quân doanh của Khải. Quân Trịnh sợ, vỡ chết rất nhiều, Trịnh Tráng bèn rút quân về.

Vệ có tài làm tướng, mang cờ tiết đi đánh dẹp lập nhiều công to, làm đến chưởng doanh. Khi chết không con kế tự.

Tuyên ban đầu làm cai cơ, sau dần thăng đến chưởng cơ. Hi tông hoàng đế năm thứ 7, Canh Thân (1620) nghịch Hợp và nghịch Trạch mưu đồ làm loạn, mật đưa thư cho chúa Trịnh, ước hẹn làm nội ứng. Chúa Trịnh tin, cho đóng quân ở Nhật Lệ để đợi. Hợp và Trạch đem quân làm phản, chúa Hi tông sai Tuyên làm tiên phong tự đem đại quân đi đánh. Hợp và Trạch thua chạy, Tuyên đuổi theo bắt được đem về dâng. Thần tông hoàng đế khi mới lên ngôi chúa, nghịch Anh giữ Quảng Nam làm phản, đắp lũy Câu Đê làm kế cố thủ. Chúa sai Tuyên đi đánh. Tuyên dẫn quân bộ đi đường tắt thẳng đến Quảng Nam, đốt trại giặc. Anh sợ, chạy ra Đại Chiêm (cửa biển Quảng Nam). Tuyên đuổi theo, bắt được đóng gông giải về Kinh. Tuyên trí dũng hơn người, liệu tình hình giặc để nắm lấy

Digitized by Google

phần thắng. Hai lần dẹp yên nội loạn, binh cơ thần tình nhanh chóng, đánh là thành công, ai cũng phục là viên tướng có mưu lược. Khi chết không có con kế tự.

Nghĩa làm đến chưởng doanh, tặng Cẩm Y vệ đô chỉ huy sứ.

Con Nghĩa là Thuần làm đến trấn thủ chưởng cơ, tặng Tiền quân đô đốc Chưởng phủ sự, tước quận công.

Con Thuần là Mân, tặng Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ thự Chưởng vệ sự chưởng doanh.

Con Mân là Phú, cũng tặng Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ chưởng doanh.

*

Hoàng tử thứ 2: **Hán.**

Sinh mẫu là ai không rõ. Hán, dũng cảm, đánh giặc giỏi, làm quan nhà Lê, vì có quân công, lên đến tả đô đốc, Lý quận công. Năm Quý Tỵ (1593) Lê Quang Hưng năm thứ 16 mùa hạ, chúa từ Thuận Hóa đem quân thủy đi yết kiến vua Lê ở Đông Đô. Nhân bấy giờ dư đảng nhà Mạc là lũ Kiến, Nghĩa (không rõ họ), 2 người này tụ họp vài vạn quân giữ Sơn Nam hạ (nay là Nam Định) chúa chuyển quân đi đánh. Hán đem quân đi theo, đến bãi Lâm Tiên, đánh nhau với tướng Mạc là Kính Cung: cố sức đánh, Hán chết trận. Vua Lê rất thương tiếc, truy tặng Ly nhân công, đem về chôn ở Thanh Hóa.

Hán có 2 trai: Hắc và Vịnh. Vua Lê ấm thụ cho Hắc. Năm Canh Tý (1600, Lê Thuận đức năm đầu) mùa hạ, chúa từ Đông Đô về Thuận Hóa, lưu Hắc cùng hoàng tử Hải ở lại làm con tin nhà Lê. (Việc này chép rõ ở truyện Hoàng tử Hải). Hắc làm đến thái phó. Hi tông hoàng đế năm thứ 22, Ất Hợi (1635 Lê Dương Hòa

Digitized by Google

năm đầu), mùa đông, Hắc mất ở Đông Đô, vua Lê tặng phong thái tể. Về sau, con cháu đông đúc, nhập tịch ở Thanh Hóa. Gia Long năm thứ nhất (1802) vua cho ngành này gọi là họ Nguyễn Hựu.

*

Hoàng tử thứ 3: **Thành.**

Sinh mẫu là ai không rõ. Thành 17 tuổi, chết không có con.

*

Hoàng tử thứ 4: **Diễn**

Sinh mẫu là ai không rõ. Diễn làm quan nhà Lê đến Tả đô đốc, Hảo quận công. Năm Mậu Tuất [1] (1598 Lê Quang hưng 21). Mùa đông thổ phỉ Hải Dương và lũ Lễ, Quỳnh và Thụy (không rõ họ 3 người này) kết đảng vài ngàn người, giết tướng trấn thủ, cướp bóc các huyện Thủy Dương, Nghi Dương. Diễn cùng các tướng Lê Văn Kim, Phan Ngạn cùng đánh nhau với giặc ở sông Hổ Mang. Diễn đem binh thuyền dưới quyền mình xông vào trước đâm chết tên Lễ. Giặc họp quân lại để đánh, Diễn bị chết trận. Vua Lê truy tặng thái phó, thụy là Nghĩa liệt.

Diễn có 4 trai là Tuấn, Đường, Cơ, Phú đều theo Thái tổ vào Nam. Hi tông hoàng đế năm thứ 19 Nhâm Thân (1632) Tuấn làm Quảng Bình trấn thủ, hiệu lệnh nghiêm túc, quan lại và nhân dân đều được ở yên. Sau đó Tuấn được triệu về làm đến đô đốc. Đường và Cơ đều làm đến Chưởng doanh, Phú làm đến đội trưởng.

*

---

[1] Nguyên bản chép lầm là "Đinh Dậu". Đây chúng tôi sửa lại là "Mậu Tuất" vì Mậu Tuất mới là năm Lê Thế tông Quang hưng thứ 21 và năm Mậu Tuất mới có việc thổ binh Hải Dương nổi dậy chống Lê - Trịnh.

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 5: **Hải**

Sinh mẫu là ai không rõ. Hải làm quan nhà Lê, đến tả đô đốc, Cẩm quận công. Thái tổ hoàng đế năm thứ 43 Canh Tý (1600) mùa hạ, chúa từ Đông đô đem tướng sĩ bộ thuộc đi đường biển vào Nam, lưu Hải cùng hoàng tôn Hắc ở lại làm con tin nhà Lê. Trịnh Tùng [1] ngờ chúa vào giữ Tây đô [2] bèn đem vua Lê về giữ nơi căn bản. Khi Trịnh Tùng đi đến huyện An Sơn, Hải đón đường, nói rõ chúa sở dĩ đem quân về Thuận Hóa là chỉ cốt giữ bờ cõi phòng giặc khác, chứ không có lòng gì khác. Vua Lê yên ủi, sai quản binh như cũ. Hi tông hoàng đế năm thứ 3, Bính Thìn (1616, Lê Hoàng định năm thứ 17), mùa đông. Hải chết ở Đông đô. Vua Lê tặng hàm thái phó, thụy Hùng tuấn.

Hải có 4 trai là Nghiêm, Long, Cường, Chất, đều lấy hộ tịch ở Thanh Hóa. Gia Long năm đầu (1802) cho ngành này lấy họ là Nguyễn Hựu.

*

Hoàng tử thứ 9: **Dương.**

Sinh mẫu là ai không rõ. Dương trước làm quan nhà Lê đến tả đô đốc, quận công (người đời gọi là quận Nghĩa). Năm Mậu Ngọ (1558) mùa đông, theo vào Thuận Hóa rồi mất (không nhớ thọ bao nhiêu tuổi), không có con kế tự.

*

Hoàng tử thứ 10: **Khê**

Mẹ là Minh Đức vương thái phi. Khê có mưu lược và tài phán đoán, trước làm Chưởng cơ, tước Tường quan hầu. Hi tông hoàng

---

[1] Tùng: chính âm là *tòng*, nhưng vì kiêng tên chúa Trịnh Tòng lâu ngày thành quen, nên nay chúng tôi cứ phiên âm là tùng cho dễ hiểu.

[2] Tức Thanh Hóa.

Digitized by Google

đế năm thứ 13 Bính Dần (1626 Lê Vĩnh tộ thứ 8) mùa xuân, tấn phong Tổng trấn, Tường quận công. Chúa sai xử đoán việc nước, chỉ những vụ trọng án tử tù mới tâu phúc. Đến lúc chúa se mình, triệu Khê vào nhận di mệnh, chúa bảo: "Ta nối nghiệp tổ tiên có chí trên tôn phò nhà vua, dưới cứu giúp nhân dân. Nay, thế tử chưa từng trải nhiều, phàm các đại sự quân quốc đều giao cho hiền đệ xử đoán cả. Khê khấn đầu khóc, nói: "tôi xin đem hết sức hèn mọn để mong báo đáp"

Thần tông hoàng đế khi mới nối ngôi chúa, Quảng Nam trấn thủ là Anh làm phản (Anh là con thứ 3 Hi tông) chúa dùng dằng không nỡ giết. Khê xin vì đại nghĩa mà quyết đoán, bèn ra quân bắt Anh, giết đi (việc này nói rõ ở truyện Anh). Chúa nghĩ Khê có công to cho dùng ấn đồng, ti kiệu đen. Năm thứ 11 Bính Tuất (1646 Lê Phúc thái năm thứ 4) mùa thu, Khê mất, thọ 58 tuổi, chúa rất thương tiếc, tặng phong Tá lý tây thần đặc tiến thượng trụ quốc bình chương quân quốc đại sự, tổng trấn, quận công, thụy Trung nghị, lập đền thờ ở xã Nam Phổ (thuộc huyện Phú Vang). Hiển tông hoàng đế cho con cháu Khê được hưởng ngụ lộc ở Nam Phổ. Gia Long năm thứ 4 (1805) cho Khê được liệt vào hạng thượng đẳng trong các công thần khai quốc, ấm thụ một người cháu được thế tập đội trưởng để giữ việc cúng tế, cấp cho 15 mẫu ruộng thờ, 6 người coi mộ. Lại chơ thờ phụ vào Thái miếu. Năm Minh Mạng 12 (1831) truy tặng hàm Khai quốc công thần, Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh, thụy Trung trực, tước Nghĩa Hưng quận vương.

Khê là chỗ họ thân nhà chúa phụ chính trước sau hơn 40 năm, trải thờ 3 đời chúa, đức cả, công to, được đời trông cậy và coi trọng.

Khê có 13 con trai: Thanh, Nghiêm, Sanh, Khiêm, Thực, Độ, Mão, Minh, Nghị, Pháp, Sử, Triều và Diệu đều làm đến chưởng

Digitized by Google

doanh. Sanh lại có tên khác là Đạt, thường cầm quân đánh giặc, có quân công, lúc chết được tặng phong Tả quân đô đốc chưởng sự, quận công. Diệu làm đến ngoại tả chưởng doanh.

+

Các con Hi tông hoàng đế

Hoàng trưởng tử: **Kỳ**

Mẹ là hoàng hậu Nguyễn thị. Kỳ, ban đầu được trao Chưởng cơ, Hi tôn hoàng đế năm đầu, Giáp Dần (1614 Lê Hằng định thứ 15) thăng Hữu phủ Chưởng phủ sự, trấn thủ Quảng Nam. Kỳ đến trấn, chăm làm ơn huệ, vỗ về thương yêu quân và dân, trong cõi được yên ổn. Năm thứ 13 là năm Tân Mùi (1631 Lê Đức Long thứ 3) mùa hạ, Kỳ mất. Kỳ ở Quảng Nam ân và uy đều sáng tỏ đến lúc chết, sĩ dân ai cũng thương tiếc, tặng phong thiếu bảo, Khánh quận công. Gia Long năm thứ 4 (1805) được cấp 5 người coi mả.

Kỳ có 4 trai là Nhuệ, Xuân, Tài, Trí đều làm đến Chưởng doanh. Cháu 5 đời là Thận, làm cai đội. Duệ tông hoàng đế năm thứ 9 Giáp Ngọ (1774) Thận theo Chưởng cơ Tôn Thất Thăng đi đánh "giặc" Tây Sơn ở Quảng Nam, Thăng nhát, chạy trước; Thận cố đánh, bị chết trận. Hai em Thận là Hoàn và Đăng đều làm đội trưởng theo Tả quân Nguyễn Cửu Dật đi đánh ở Quảng Nam, chiến đấu với giặc đều chết trận.

*

Hoàng tử thứ 5: **An**.

Là em cùng mẹ với hoàng trưởng tử Kỳ. An không có truyện, không có con.

+

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 6: **Vĩnh.**

Làm đô đốc Hữu phủ, quận công. Vĩnh mất năm nào không rõ, có 7 trai là: Việt, Khoa, Bình, Thiên, Hạ, Thịnh và Nhất.

✦

Hoàng tử thứ 7: **Lộc.**

Năm mất và sự tích không rõ, Lộc không có con.

✦

Hoàng tử thứ 8: **Tứ.**

Sinh mẫu là ai không rõ. Tứ ban đầu làm phó tướng Quảng Nam, Thần tông hoàng đế khi mới nối ngôi chúa, Quảng Nam trấn thủ là Anh dấy binh làm phản, đắp lũy Câu Đê, Tứ không theo, được khỏi tội. Không rõ năm mất, không có con.

✦

Hoàng tử thứ 9: **Thiệu.**

Không có truyện.

✦

Hoàng tử thứ 10: **Vinh**

Sinh mẫu là ai không rõ, Vinh làm chưởng cơ, quận công, mất vào một mùa đông, không rõ năm nào. Con trai là Gia.

✦

Hoàng tử thứ 11: **Đôn**

Sinh mẫu là ai không rõ, Đôn ban đầu làm chưởng cơ, mất vào một mùa thu (không rõ năm nào). Con trai là Tuấn.

✦

Digitized by Google

Các con Thần tông hoàng đế.

Hoàng tử **Vũ**.

Mất sớm, Vũ không con.

✱

Hoàng tử thứ 3: **Quỳnh**

Không rõ sự tích, Quỳnh không con.

✚

Các con Thái tông hoàng đế

Hoàng trưởng tử: **Diễn**

Lại có tên nữa là Hán, mẹ là hoàng hậu Chu thị. Diễn lúc mới lập làm thế tử, được trao chức Chưởng doanh. Năm Giáp Tý (1684 Lê Chính hòa năm thứ 5) mùa đông, mất, thọ 45 tuổi. Chúa thương tiếc, tặng phong tá lý dương Vũ công thần, thượng trụ quốc, chưởng phủ sự, thiên sự, Phúc quận công, lập nhà thờ ở xã Thế Lại. Thế tông hoàng đế năm thứ 5, Quý Hợi (1743) truy cấp dân ngụ lộc 200 người (lấy dân 3 xã thôn là Xuân Hòa, Thượng Lễ và Đông Dã). Gia Long năm thứ 4 (1805) cho Diễn liệt vào công thần khai quốc, hạng 3, ấm thụ một người cháu được thế tập làm thứ đội trưởng để coi việc thờ cúng, cấp cho 3 mẫu ruộng thờ, 2 người coi mả.

Diễn có 6 trai: Trị, Lịch, Huệ, Thông, Dực, Tiềm, đều làm chưởng cơ. Con thứ 3 là Huệ và con thứ 4 là Thông đều phải tội bị đặt phụ vào cuối *Tôn phả*; Năm Minh Mạng thứ 14 (1833) xoá sổ họ đi, cho biệt tịch làm họ Nguyễn Thuận (việc này chép rõ ở truyện nghịch thần).

✚

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 3: **Trăn.**

Lại có tên nữa là Huyền. Mẹ là hoàng hậu Tống thị. Trăn ban đầu làm chưởng cơ. Năm Ất Sửu (1685 Lê Chính hòa thứ 6) Trăn mất thọ 35 tuổi, tặng thiếu bảo, Cương quận công. Con trai là Đà.

✦

Hoàng tử thứ 4: **Thuần.**

Còn có tên khác là Hiệp. Thuần là em cùng mẹ với hoàng trưởng tử Diễn. Ban đầu, Thuần làm chưởng cơ, Thuần vốn có tài năng mưu lược, chư tướng đều sợ và phục. Năm Nhâm Tý (1672, Lê Dương đức năm đầu) mùa hạ, chúa Trịnh đem quân 180.000 người vào lấn cướp. Bố chính trấn thủ Nguyễn Triều Tín đem việc ấy tâu lên. Chúa bảo chư tướng rằng: "đánh giặc tất phải tìm nguyên súy, nay ai làm được?" Mọi người đều nói: "Hoàng tử thứ 4 hùng lược hơn người có thể làm nguyên súy được". Chúa lấy làm phải lắm bèn cho làm nguyên súy. Bấy giờ Thuần mới 20 tuổi. Mùa thu tháng 7, Thuần ra quân. Đến phủ Đồng Thăng thuộc Quảng Bình, Thuần sai chia quân cắm trại đóng giữ. Lũ Nguyễn Hữu Dật đều chịu tiết chế. Hiệu lệnh của Thuần thật nghiêm minh. Chư tướng nói với nhau rằng: "Thực là tướng tài!" Tháng 8, quân Trịnh xâm lấn sông Gianh, đóng đồn từ Chính Thủy đến đầu núi, đắp lũy dài từ Phú Xá đến Trấn Ninh suốt ra bờ biển. Lại dàn hàng nghìn chiến thuyền ở cửa biển Linh Giang, thế rất dữ dội. Thuần sai đắp pháo đài ở lũy Trấn Ninh, mộ thổ binh chia ra đóng giữ các con đường yếu hại ở đầu nguồn để phòng bị.

Tháng 11, tướng Trịnh là Lê Hiến tiến sát đến lũy Trấn Ninh, Thuần đóng quân ở Cừ Hà. Chư tướng chia đóng ở đồn Sa Trủy, và cửa biển Nhật Lệ để làm thanh thế cứu ứng cho nhau. Quân Trịnh tiến đánh, không được. Chúa Trịnh Tạc triệu tướng tá đến

Digitized by Google

quở trách nghiêm khắc. Lê Hiến lại đốc quân đến sát dưới lũy lấp hào phá lũy hết sức đánh gấp, trong một ngày lũy Trấn Ninh suýt bị vỡ đến mấy lần. Tướng giữ lũy ấy là Trương Phúc Cương muốn bỏ Trấn Ninh lui về đồn Mội Nại. Thuần bảo rằng: "Quân ta lui một chút, giặc tất thừa cơ đuổi đánh chúng ta, không thể chống chế được nữa. Nên gắng sức cố giữ, thế nào ta cũng đến cứu. Bèn sai người ruỗi ngựa đến lũy Sa Phụ ra lệnh cho Nguyễn Hữu Dật cứu Trấn Ninh. Còn mình thì dời quân đến giữ Sa Phụ. Trịnh lại sai tướng là Thắng (không nhớ họ) đem 30 chiếc chiến thuyền từ cửa biển vào giữ bến sông để cắt được cứu viện cho Trấn Ninh. Thuần lập tức sai cai cơ Kiên Lễ (không nhớ họ) đang đêm đến thẳng đồn Sa Trủy, đặt súng lớn lên pháo đài, rình thuyền quân của Thắng đi qua thì bắn. Lại sai tham tướng Tài Lễ (không nhớ họ) đem chiến thuyyền ra cửa biển, đánh kẹp lại. Quân Thắng quả bị quân Kiên Lễ đánh bại, quân thế Trấn Ninh do đấy lại được vững mạnh. Quân Trịnh đánh nhiều lần không phá được. Tháng 12, Lê Hiến lại chấn chỉnh quân đòi đánh Trấn Ninh, Thuần sai cai cơ Thắng Lâm (không nhớ họ) đem hơn 60 thớt voi từ bãi biển Trường Sa, vòng quanh đi ra, vào lũy Sa Phụ. Lại sai thủy quân bơi thuyền như bay ra khơi, chỗ đối ngạn cửa biển Di Luân; nước triều lên thì đi, nước triều xuống thì về, để làm nghi binh. Lê Hiến mấy ngày liền đánh lũy không hạ được, lại nghe nói chúa Trịnh Tạc đến sông Gianh, bị cảm gió độc, ốm nặng phải quay về, Lê Hiến càng sợ, bèn rút quân chạy. Thuần đem quân đuổi theo đến núi Lê Đệ, rồi về.

Từ đó Nam Bắc thôi việc binh đao không đánh nhau nữa.

Trận này chúa Trịnh dốc quân cả nước vào xâm lược tình thế rất nguy cấp. Thuần mới 20 tuổi, vâng mệnh cầm quân, điều độ đúng khớp. Chư tướng phục tùng cho nên có thể lấy ít thắng nhiều,

Digitized by Google

khỏi hoạn nạn, yên ngoài biên, công lao rất lớn. Sau khi quân địch rút lui, phàm những quân lính Bắc hà bị bắt, Thuần đều sai cấp tiền gạo, quần, áo, tha cho về, không giết một người nào. Lại đặt một lễ đàn ở trong thành Trấn Ninh tế tướng sĩ trận vong, cũng đặt một đàn ở ngoài thành tế tướng sĩ quân Bắc chết trận.

Thuần dẫn quân về đến Thạch Xá, đem tin thắng trận báo lên. chúa mừng quá, nói rằng: "con ta mấy lần bóp họng giặc Bắc, từ nay về sau họ Trịnh không dám dòm thẳng vào Nam triều ta nữa". Chúa bèn sai quan đem vàng, bạc, tiền, lụa, hậu thưởng tướng sĩ và ban yến yên ủi chư quân. Năm Quý Sửu (1673) mùa xuân, Thuần đem quân khải hoàn, đến phủ Cẩm Phúc vào yết kến. Chúa hài lòng lắm. Thưởng cho 100 lạng vàng, 1.000 lạng bạc, 50 tấm gấm, Thuần từ chối rằng: "Đấy là oai của chúa thượng và sức của chư tướng, chứ tôi có tài năng gì". Chúa nói rằng: "có công lớn nên nhận thưởng to, sao lại từ chối?" Thuần bèn lạy tạ.

Trước kia, Thuần vâng mệnh ra quân, dưới trướng thường dùng giáp sĩ hầu ở tả hữu, có người Quảng Bình là Bật Nghĩa (không nhớ họ) có một con gái tuyệt đẹp đem tiến lên. Thuần nói: "Sắc đẹp thì đức kém, dùng gì vưu vật ấy". Khước từ không nhận, nhưng lại thương tình nhà nghèo ban cho 10 quan tiền. Ai nghe chuyện này cũng phục là người có đức lượng. Đến lúc dẹp giặc xong, Thuần về nhà, bỏ gái hầu, làm chùa nhỏ, thờ Phật, bàn đạo huyền vi để tự vui. Năm Ất Mão (1675) mùa hạ, phải bệnh đậu mùa chết, mới 23 tuổi. Chúa rất thương, nói: "Con ta vì nước dẹp nạn, có công to với xã tắc, sao trời vội cướp con ta thế!" Tặng phong là Minh nghĩa Tuyên lực công thần, Khai phủ Phục quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ đô đốc phủ chưởng phủ sự Thiếu úy, Hiệp quận công, thụy Toàn tiết. Lập đền thờ ở xã Vấn Thê.

Digitized by Google

Duệ tông hoàng đế năm thứ 3, Mậu Tý (1768) truy cấp 300 tự dân và 500 mẫu tự điền. Gia Long năm thứ 4 (1805) liệt vào bậc thượng hạng khai quốc công thần, ấm thụ một người cháu thế tập đội trưởng, giữ việc thờ cúng, cấp 15 mẫu ruộng thờ, 6 người coi mả, lại cho thờ phụ vào Thái miếu. Minh Mạng năm 12 (1831) tặng phong Khai quốc tôn thần, Tôn nhân phủ tả tôn chánh, đặc tiến tráng vũ đại tướng quân, Trụng quân đô thống phủ Chưởng phủ sự, đổi thụy là Hiến nghị, tước Quốc uy công. Thuần có 4 trai: Nhuận, Lễ, Thiều, và Phan. Duy con trưởng là Nhuận, con thứ 3 là Thiều rất quý hiển, đều làm đến Chưởng doanh tặng thiếu phó quận công.

*

Hoàng tử thứ 5: chết sớm không con.

*

Hoàng tử thứ 6: Nhiễu. Mất sớm, không con.

*

Các con Anh tông hoàng đế.

Hoàng tử thứ 2: Tuấn. Chết sớm không con.

*

Hoàng tử thứ 3: Toàn. Không có truyện, không có con.

*

Hoàng tử thứ 4: Trinh. Làm ngoại tả chưởng doanh. Không nhớ chết năm nào, không con.

*

Hoàng tử thứ 5: Quảng. Chết sớm không con.

*

Digitized by Google

Cả trai gái cộng 146 người. Nay trong *Hoàng tử phả* chỉ khảo được 38 người. (Cũng có người tìm được hàng thứ mà không rõ tên).

*

Hoàng tử thứ 2: **Thể.**

Mẹ là Trần thị, được tặng phong Tu dong phu nhân. Thể lúc đầu, làm Thủy cơ chưởng cơ. Năm Nhâm Ngọ (1762, Lê Cảnh hưng năm 23), mùa thu, Thể chết, thọ 74 tuổi, tặng Chưởng doanh. Thể có 7 trai là Mẫn, Thưởng, Tạo, Hội, Chiến, Mịch, Thi.

*

Hoàng tử thứ 3.

Khuyết cả truyện.

*

Hoàng tử thứ 4: **Long**

Mẹ là hữu cung tần Lê thị. Long, làm chưởng vệ sự. Năm Quý Hợi (1743) (Lê Cảnh hưng năm thứ 4) mùa hạ, chết, thọ 51 tuổi. Có 4 trai: Huy, Bính, Kính, Hân.

*

Hoàng tử thứ 5: **Hải.**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Hải chết vào mùa thu, không nhớ năm nào. Có 2 trai: Y và Cự.

*

Hoàng tử thứ 6: **Khuyết.**

*

Hoàng tử thứ 7: **Liêm**

Sinh mẫu là ai không rõ. Mùa đông, Liêm mất, không rõ năm nào, có 2 trai: Mặc và Xí.

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 8: **Tứ.**

Lại có tên là Đán. Mẹ là Tống hoàng hậu. Năm Ất Mùi (1715 Lê Vĩnh thịnh năm 11) Tứ được làm Nội hữu cai đội, người to béo, có khí lực, Tứ học rộng các sử sách, đặc biệt là trội về thơ nôm. Thế tông hoàng đế lên ngôi chúa, Tứ vì có tài, bị nhiều kẻ ghét, bèn xin nghỉ việc. Chúa làm nhà cho ở xã Hương Cần (thuộc huyện Hương Trà). Tứ không dự chính sự, chơi trăng thưởng gió, uống rượu ngâm thơ để mua vui, có làm truyện "Hoa tình" bằng quốc âm, lời rất thê thảm đời vẫn truyền tụng. Năm Quý Dậu (1753, Lê Cảnh hưng năm 14) mùa hạ, Tứ mất, thọ 55 tuổi, tặng thiếu sư, Luân quốc công. Tứ có 5 trai: Dục, Tĩnh, Thăng, Tục và Hộ.

Con trưởng là Dục, học rộng, có tài lược, đời Duệ tông hoàng đế Dục làm chưởng cơ, lãnh việc bộ Hình, triều đình dựa làm trụ cột. Năm thứ 3 khoa Mậu Tý (1768) thi hương, Dục làm giám thí lấy Lê Chính Viện, Bạch Doãn Triều đỗ đầu, lúc bấy giờ cho là khoa ấy lấy được người khá.

Quốc phó Trương Phúc Loan thấy Dục là tôn thần của nước, có danh tiếng lừng lẫy, muốn kéo làm vây cánh, bèn gả con gái cho Dục. Dục đứng đắn, không a dua, Loan ghét, sai người vu Dục mưu phản, khi tra xét không có chứng cớ gì, bèn bãi chức cho Dục về nhà riêng. Khi đã về nhà, Dục đặt tên chỗ ở là "Tĩnh Viên đường", ngày ngày cùng mạc khách ngâm vịnh làm vui, tuyệt không nói đến việc nước. Dục, hay thơ, cao cờ, biết âm nhạc. Đời truyền rằng Nam cầm của ta [1] là do Dục chế ra trước. Năm Tân Mão (1771) Dục mất, thọ 44 tuổi.

---

[1] Có lẽ là đàn bầu, vì theo trong Nam người ta truyền rằng đàn bầu có từ thời chúa Nguyễn.

Digitized by Google

Con thứ 2 con của Tứ là Tĩnh, lại có tên là Chính làm ngoại tả chưởng doanh, quận công. Năm Giáp Ngọ (1774), mùa đông, theo Duệ tông hoàng đế vào Nam, năm Ất Mùi (1775) mùa xuân, đi đến Quảng Nam, cùng Tôn Thất Chất xin lập hoàng tôn Dương làm đông cung để ràng buộc lòng người. Đông cung đã được lập rồi, lũ Tĩnh đều lệ thuộc vào cả. Rồi Tĩnh lại theo đông cung vào Bình Định. Mùa thu năm ấy, "giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc, sai Tĩnh đi Quảng Ngãi, chiêu dụ quân và dân, liên kết các người man. Sau đó Tĩnh bị giặc giết chết.

Con thứ 13 của Tứ là Thăng, làm đến Bố chính doanh trấn thủ chưởng doanh quận công. Năm Giáp Ngọ (1774) mùa xuân "giặc" Tây Sơn quấy nhiễu cướp bóc Quảng Nam. Thăng điều động chư quân đi đánh, sợ thế giặc to, đương đêm chạy về. Đến lúc quân Trịnh vào Thuận Hóa, Thăng đến cửa quân Hoàng Ngũ Phúc xin hàng. Sau đó chết.

Con thứ 14 của Dục là Hi. Lúc đầu làm đội trưởng; năm Nhâm Thân (1782) theo vào Gia Định, làm quan đến Trung doanh giám quân.

Con trưởng của Tĩnh là Bân, làm cai cơ. Năm Quý Tỵ (1773) mùa đông "giặc" Tây Sơn giữ Quảng Ngãi. Bân đem quân đi chống đánh, không thắng được phải rút về. Năm Giáp Ngọ (1774) mùa đông, theo chúa vào Nam, vâng chiếu đi trưng tập quân 6 đạo, đánh nhau với giặc chết trận. Gia Long năm thứ 9 (1810) truy tặng chưởng cơ.

Con thứ của Tĩnh là Huy, làm đến thị trung Hữu nhị vệ vệ úy, lĩnh trấn thủ Bình Định.

*

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 9: **Thử**

Lại có tên là Đường, mẹ là Hoàng thị. Thử ban đầu làm chưởng cơ trấn phủ. Năm Quý Mùi (1763, Lê Cảnh hưng năm 24) mùa thu, Thử mất, thọ 66 tuổi. Tặng chưởng doanh. Thử có 7 trai: Giảng, Hội, Ngũ, Tín, Hoan, Cấu, Trí.

*

Hoàng tử thứ 10: **Lân.**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Lân chết vào mùa xuân (không nhớ năm), có một con là Doãn.

*

Hoàng tử thứ 11: **Chấn.**

Năm Mậu ngọ (1738, Lê Vĩnh hựu thứ 4) mùa xuân, Chấn mất. Có 6 con trai: Thạc, Đàm, Tuyết, Vân, Bá, Lượng.

*

Hoàng tử thứ 12: **Điền.**

Mẹ là Kính phi Nguyễn thị. Trước làm Hữu thủy cai đội. Năm Kỷ Mùi (1739, Lê Vĩnh hựu năm thứ 5) mùa hạ, Điền mất, thọ 40 tuổi, tặng Thái bảo Đậu quốc công. Điền có 4 trai: Con trưởng là Viên, làm đến chưởng thủy cơ, tính nghiện rượu, say sưa bỏ việc.

Con thứ là Khẩm, làm đến cai đội, con thứ nữa là Toàn làm đến Hữu thủy cai cơ. Năm Giáp Ngọ (1774) mùa đông, Toàn theo Duệ tông vào Nam, năm Bính Thân (1776) mùa hạ, đánh nhau với giặc bị chết trận.

Con thứ nữa là Nghiễm làm đến Hữu trung cơ, dần thăng Nội hữu chưởng doanh coi 2 bộ Lại, Binh, lĩnh Quảng Nam doanh tả phủ chưởng phủ sự, quận công. Nghiễm tính xa lệ, vợ lẻ nàng hầu

Digitized by Google

hàng trăm và vài chục người, chỉ ăn chơi hú hí không để ý đến việc nước. Năm Giáp Ngọ (1774) mùa hạ, "giặc" Tây Sơn quấy nhiễu, cướp bóc Quảng Nam. Nghiễm đem đại binh đi đánh, rồi được triệu về. Năm Quý Mão (1783) mùa thu, Nghiễm chết.

*

Hoàng tử thứ 13: **Đăng.**

Mẹ là Lê thị, hữu cung tần; Đăng ban đầu làm chưởng cơ. Năm Quý Mùi (1763, Lê Cảnh hưng năm 24) mùa xuân, Đăng chết, thọ 62 tuổi, tặng chức chưởng doanh. Đăng có 2 trai: Cận và Uẩn.

*

Hoàng tử thứ 14: **Thiện**

Mẹ là Nguyễn thị. Thiện ban đầu làm cai đội. Năm Kỷ Tỵ (1749, Lê Cảnh hưng năm thứ 10) mùa xuân, Thiện mất, thọ 47 tuổi, tặng cai cơ, có 2 trai là Đức và Gia.

*

Hoàng tử thứ 15: **Khánh.**

Mẹ là Trương thị. Khánh, ban đầu làm cai đội. Năm Mậu Thìn (1748, Lê Cảnh hưng năm thứ 9) mùa hạ, Khánh chết, thọ 45 tuổi, tặng cai cơ, có 3 trai: Đạo, Hạc, Điền.

*

Hoàng tử thứ 16: **Cảo**

Mẹ là Tống thị. Cảo, ban đầu làm cai đội. Năm Nhâm Ngọ (1762, Lê Cảnh hưng năm 23) Cảo chết, thọ 57 tuổi, tặng cai cơ, có 6 con trai là Mỹ, Tường, Nguyên, Kế, Gia, Nghị.

*

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 17: **Bình.**

Làm đến chưởng cơ, Bình mất không rõ năm nào. Có một trai là Kính.

*

Hoàng tử thứ 18: **Tú**

Mẹ là Nguyễn thị. Tú mất vào mùa thu (không rõ năm nào). Tặng chưởng cơ, quận công, có 3 trai: Thắng, Uyên, Dật.

*

Hoàng tử thứ 19: **Truyền**

Là em cùng mẹ với hoàng tử Thử, Truyền làm đến cai cơ. Không nhớ mất năm nào, tặng chưởng vệ, sự quận công. Có 2 trai Thủy và Nghị.

*

Hoàng tử thứ 20: **Sảm**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Năm Ất Dậu (1765, Lê Cảnh hưng năm 26) mùa hạ, Sảm mất, thọ 59 tuổi. Có 2 trai: Kiên và Thuận.

*

Hoàng tử thứ 21: **Quận**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Quận làm cai đội. Không nhớ Quận chết năm nào. Có một trai là Dục.

*

Hoàng tử thứ 22: **Luận**

Lại có tên là Yên. Sinh mẫu là ai không rõ. Luận ban đầu làm cai đội. Năm Mậu Thìn (1748, Lê Cảnh hưng năm thứ 9) Luận mất vào mùa thu, thọ 41 tuổi, tặng cai cơ. Có 3 trai Bảo, Ý và Nho.

*

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 23: **Bính**

Mẹ là Lê thị, ban đầu làm cai đội. Năm Ất Dậu (1785, Lê Cảnh hưng năm 26) mùa hạ, Bính mất, thọ 58 tuổi, tặng cai cơ. Có 4 trai: Khuông, Tuyên, Lương, Di.

*

Hoàng tử thứ 24: **Tông**

Sinh mẫu là ai, năm chết và tuổi thọ của Tông đều không rõ. Có một trai là Hán.

*

Hoàng tử thứ 25: **Nghiễm**

Lại có tên là Mạnh. Mẹ là Lê thị. Nghiễm làm đến Chưởng cơ. Không nhớ Nghiễm chết năm nào. Nghiễm có vườn trại ở xã Vân Dương, người đời sau gọi ông là Viên công, gọi chợ ở đó là chợ Viên Công. Có 2 trai: Kỳ và Xuân.

*

Hoàng tử thứ 26: **Xuân**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Xuân làm đến Chưởng cơ. Không nhớ Xuân chết năm nào và bao nhiêu tuổi. Có một trai là Thái.

*

Hoàng tử thứ 27: **Phong.**

Lại có tên là Mạch. Mẹ là Nguyễn thị được tặng phong Chiêu phi, liệt vào hàng phu nhân. Phong ban đầu làm Hữu dực cơ chưởng cơ. Năm Giáp Tuất (1754, Lê Cảnh hưng năm thứ 15) mùa thu, Phong mất, thọ 46 tuổi: tặng thiếu bảo, Thạnh quận công. Có 2 trai là Tiến và Đạo.

*

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 28: **Hiệu**

Sinh mẫu là ai, Hiệu chết năm nào và thọ bao nhiêu tuổi đều không rõ. Có 1 trai là Lượng.

*

Hoàng tử thứ 29: **Kỷ**

Là em cùng mẹ với hoàng tử Truyền. Kỷ làm đến Chưởng cơ. Năm Quý Hợi (1743, Lê Cảnh hưng năm thứ 4) mùa hạ, Kỷ mất. Có 2 trai là Chiêu và Tuy.

*

Hoàng tử thứ 30: **Toàn**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Toàn làm đến Chưởng cơ. Không nhớ chết năm nào, và bao nhiêu tuổi. Có một trai là Huyên.

*

Hoàng tử thứ 31: **Hạnh**

Không có truyện. Có một trai là Khánh

*

Hoàng tử thứ 32: **Lộc**

Là em cùng mẹ với hoàng tử Bích. Lộc, ban đầu làm cai đội. Năm Giáp Ngọ (1744, Lê Cảnh hưng năm thứ 35) mùa hạ, Lộc mất, thọ 63 tuổi, tặng cai cơ. Có 2 trai là Hợp và Tuấn.

*

Hoàng tử thứ 33: **Chiêm**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Tục gọi Chiêm là ông Đốc. Năm Mậu Thân (1788, Lê Cảnh hưng năm 49) [1] mùa thu, Chiêm mất, thọ 64 tuổi. Có 3 trai: Tụy, Hoàng và Nông. Nông có truyện riêng.

---

[1] Niên hiệu Cảnh Hưng chỉ đến năm thứ 47 (Bính Ngọ, 1786). Còn Mậu Thân là Chiêu Thống năm thứ 2 (1788).

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 34: **Khiêm**

Không nhớ Khiêm mất năm nào và bao nhiêu tuổi. Có một trai là Lượng.

*

Hoàng tử thứ 35: Khuyết

*

Hoàng tử thứ 36: Khuyết

*

Hoàng tử thứ 37: **Độ**

Mẹ là Tống thị. Độ làm đến Chưởng cơ. Năm Nhâm Thân (1752, Lê Cảnh hưng năm thứ 13) mùa hạ, Độ mất, thọ 28 tuổi. Có một trai là Kiêm.

*

Hoàng tử thứ 38: **Tài**

Không nhớ Tài mất năm nào và bao nhiêu tuổi. Có 2 trai là Tráng và Thịnh.

*

Các con Túc tông hoàng đế.

Hoàng tử thứ 2: **Du**

Lại có tên là Nghiễm. Mẹ là hoàng hậu Trương thị. Du làm đến chưởng cơ. Năm Tân Mùi (1751, Lê Cảnh hưng năm thứ 12) mùa hạ. Du mất, tặng thiếu bảo, quận công. Có 3 trai là Diệp, Liêu và Khánh.

*

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 3: **Tường**

Mẹ là Hữu cung tần Nguyễn thị. Tường ban đầu làm cai đội. Năm Đinh Sửu (1757, Lê Cảnh hưng năm thứ 18) mùa đông, Tường mất, thọ 30 tuổi, tặng cai cơ. Con trai là Huy.

*

Các con Thế tông hoàng đế.

Hoàng trưởng tử : **Chương**

Lại có tên là Trà. Mẹ là hoàng hậu Trương thị. Năm Quý Mùi (1763, Lê Cảnh hưng năm thứ 24), mùa đông, Chương mất, thọ 32 tuổi. Gia Long năm thứ 4 (1805) cấp 15 mẫu tự điền để cúng tế. Năm thứ 5 (1806) truy phong Thành công, thụy Cương chính, thờ ở đền Triển thân. Không có con.

*

Hoàng tử thứ 3: **Mão**

Lại có tên là Văn. Mẹ là Nguyễn thị. Mão làm Nội tả bộ doanh Chưởng cơ. Duệ tông hoàng đế năm thứ 7 Nhâm Thìn (1722) Mão vâng mạng chúa, di duyệt tuyển ở Quy Nhơn rất được lòng dân. Năm thứ 8 Quý Tỵ (1773) quốc phó Trương Phúc Loan chuyên quyền. Tôn thất đại thần nhiều người oán Loan, muốn làm hại Loan. Họ sai Hàn lâm Ngô Đình Thư và tri phủ Trần Giao lấy trộm được ấn tín của Loan, làm thư giả nói Loan ngầm thông với giặc Nhạc bỏ rơi ra đường. Tham mưu Tá (không nhớ họ) nhặt được thư ấy, đưa cho Mão. Mão nói với chúa xin giam Loan vào ngục. Loan hết sức biện bạch thư ấy là vu cáo. Chúa không làm tội Loan. Loan ngờ thư ấy là do Tá làm ra, bèn tống giam Tá và giết đi. Loan lại vì thế oán Mão mới làm thư giả nói Mão thông mưu với giặc, rồi sai người tố cáo rằng Mão làm phản, bắt để trị tội rất cấp. Mão sợ

Digitized by Google

chạy trốn đến chân núi Liên Sơn phủ Cam Lộ, chân sưng lên, không đi được. Loan sai cai đội Tôn Thất Hưng đuổi bắt được, đem dìm xuống eo biển Tam Giang. Người đời đều cho là oan. Mão mất năm ấy 41 tuổi. Gia Long năm thứ nhất (1802) Thế tổ Cao hoàng đế cho rằng Mão có công nuôi giữ, bèn ban cho 30 mẫu để làm ruộng thờ. Con Mão là Liên lại có tên là Đồng. Năm Quý Sửu (1793) mùa hạ, vào Gia Định, làm đến cai đội. Gia Long năm thứ 17 (1818) Liên mất, tặng Tráng Vũ công thần, phụ quốc Vũ liệt tướng quân, cai cơ.

*

Hoàng tử thứ 4: **Cuông.**

Lại có tên là Thành; mẹ là ai không rõ. Năm Giáp Ngọ (1774) Thành làm tiết chế thủy bộ, Thành quận công. Năm ấy, mùa đông, quân nhà Trịnh đến Hồ Xá, Thành cùng Nguyễn Cửu Pháp bắt quốc phó Trương Phúc Loan đưa đến quân thứ Hoàng Ngũ Phúc. Năm Ất Mùi (1775) mùa xuân, đi theo Duệ tông vào Quảng Nam. Lúc chúa đi Gia Định, Thành ốm, không đi theo được, lưu lại ở Quảng Nam. Năm ấy, mùa hạ, Thành chết, thọ 41 tuổi, có 5 trai: Chiêu, Quý, Đàm, Hoảng và Diệu. Hoảng có truyện riêng.

*

Hoàng tử thứ 5: **Dục.**

Lại có tên là Bảo. Mẹ là hoàng hậu Trương thị. Dục mất vào mùa xuân, không nhớ năm nào và bao nhiêu tuổi; tặng Cẩm y vệ, đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy sứ, thụy Chính thực. Gia Long năm thứ 4 (1805) cấp 15 mẫu tự điền. Năm thứ 13 (1814) tặng phong thêm là Y công, thờ ở đền Triển thân. Dục có 3 trai: Lân, Huy và Hiệp. Huy có truyện riêng.

*

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 6: **Chất**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Năm Giáp Ngọ (1774) quân chúa Trịnh vào lấn cướp, đánh phá đồn Lương Phúc. Chất làm tiết chế bộ binh, đi chống giặc, bị thua. Năm Ất Mão (1775) theo chúa đi Quảng Nam, lưu lại giúp Đông cung Dương. Năm Bính Thân (1776) vào Gia Định, thăng thiếu phó. Năm Đinh Dậu (1777) theo Tân chính vương tránh giặc ở Ba Việt. Chất ốm chết, thọ 41 tuổi. Có 2 trai: Cán và Trường.

*

Hoàng tử thứ 7: **Kính**

Mẹ là Chiêu nghi phu nhân Trần thị. Ban đầu Kính làm Hậu dực cai đội. Năm Giáp Ngọ (1774) mùa thu, Duệ tông hoàng đế duyệt binh ở cửa biển Tư Hiền (trước là Tư Dong) thăng Kính làm chưởng doanh quận công quyền coi việc nước. Năm Ất Mùi (1775) mùa xuân, Kính theo chúa vào Gia Định, gặp bão, chết chìm ở biển, thọ 38 tuổi. Có 3 trai: Tình, Toan và Đạo.

*

Hoàng tử thứ 8: **Bản**

Là em cùng mẹ với hoàng tử Kính. Bản chết năm nào và bao nhiêu tuổi, đều không rõ. Có một trai là Sóc.

*

Hoàng tử thứ 9: **Hiệu**

Mẹ là Tả cung tần Trương thị. Hiệu, lúc trước, được lập làm thế tử. Hằng năm, ngày 18 tháng 8, gặp tiết thánh đản, các Tôn thất văn võ thân liêu đều đem mừng châu ngọc, gấm vóc, riêng Thế tử chỉ dâng một mâm thóc. Chúa ngạc nhiên hỏi thì Thế tử tâu rằng: "thóc là gốc của dân, tôi cho là của quý hơn châu ngọc, cho

Digitized by Google

nên dâng thóc để mừng". Chúa cho là lạ. Năm Canh Thìn (1760, Lê Cảnh hưng năm 21), mùa xuân, Hiệu mất, thọ 22 tuổi. Chúa thương tiếc không thôi, tặng phong thái bảo quận công, táng ở Lọng Hồ, cấm ca hát 100 ngày. Đầu thời trung hưng [1] đặt tên thụy là Hiền Tuyên vương, thờ vào án thứ 5 trong nhà Thái miếu ở Gia Định. Gia Long năm thứ 3 (1804) đổi tên thụy là Tuấn triết Ôn lương Anh duệ Minh đạt Tuyên vương, làm đền để thờ ở Long Hồ. Hiệu có một con là Dương, gọi là hoàng tôn Dương.

* * *

Phụ lục

Hoàng tôn Dương, tuổi trẻ, người đẹp, mày mắt như tranh vẽ, có hiền đức, được dân tình trông mong. Năm Giáp ngọ (1774) mùa đông, tướng Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc vào xâm lấn Nam hà, Dương theo Duệ tông vào Quảng Nam, năm Ất Mùi (1775) mùa xuân, Duệ tông đóng ở Bến Giá (Giá Tôn). Lũ Tôn Thất Chất tâu rằng: "Hoàng tôn Dương có hiền đức, trong ngoài để lòng trông cậy, xin sớm lập làm thái tử để mưu đồ khôi phục". Bèn lập Dương làm thái tử, xưng là Đông cung trấn phủ Quảng Nam, tổng lý các việc quân dân trong ngoài. Duệ tông vào Gia Định. Đông cung đóng lại ở Câu Đê. Lũ Tôn Thất Tĩnh, Tôn Thất Chất và Nguyễn Cửu Thận đều lệ thuộc dưới quyền. "Giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc cùng đồ đảng mưu lấy đông cung để cổ hoặc dân chúng bèn chia quân 3 đạo đễ chặn đón, Đông cung sai mưu sĩ là Quý (không nhớ họ) đi bảo tướng giặc ở miền thượng là thống suất Diệu (không nhớ họ) rằng: "Tây Sơn dẫu hung hăng, nhưng ngoài Bắc

[1] Kể từ năm Gia Long chiến thắng Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế (1802).

Digitized by Google

có quân Trịnh, trong Nam có đại binh Gia Định, đằng trước đằng sau đều bị đánh, kéo dài tất khó giữ được. Lũ ngươi nếu bè đảng với trộm giặc, sao bằng sớm mưu trở lại với chính nghĩa, theo ta vào Nam, cùng lo việc khôi phục, lưu công danh trên sách sử, há chẳng tốt hơn sao?" Lũ Diệu nghe lời. Năm ấy mùa hạ, Đông cung từ miền thượng đi ra, trăm họ theo đi rất nhiều. Tướng giặc là lũ Tập Bình và Lý Tài theo đến Ô Gia đánh vào phá được quân lũ Diệu, bèn đón được Đông cung về phố Hội An. Tập Bình muốn hại Đông cung, nhưng Lý Tài khuyên giải mới thôi. Nguyễn Văn Nhạc bèn đón Đông cung về Quy Nhơn. Gặp lúc Tống Phúc Hiệp đem quân Gia Định, đánh lấy được Phú Yên, tiếng quân lừng lẫy, Hiệp sai người đón Đông cung. Nhạc sợ quá dời Đông cung đến Hà Liêu, An Thái để tránh đi. Nhạc mưu lập Đông cung làm chúa để thu phục lòng người, bèn đón Đông cung về Bồng Giang, gả cho con gái là Thọ Hương, lại cho nhiều vàng, bạc, gấm, lụa và lấy một huyện Bình Sơn làm của hồi môn. Nhạc nhiều lần xin Đông cung lên ngôi chúa; Đông cung không nghe. Năm Bính Thân (1776) mùa xuân, Nhạc dời Đông cung đến chùa Thập Tháp. Năm ấy, mùa đông, Đông cung muốn lén vào Gia Định; bèn mật bàn với gia thần rằng: "Tây Sơn định hãm ta để lừa dân chúng. nếu ta cứ cấm cung ở đây thì tướng sĩ năm doanh và nghĩa binh các đạo vì có ta, tất sợ vỡ cơ đồ khi muốn ném chuột, không dám đánh mạnh, vậy đến ngày nào mới diệt được giặc khôi phục được nghiệp cũ, chi bằng quyết kế ra đi, vượt khỏi lung lạc của nó, để mưu việc to". Gặp lúc ấy có chủ thuyền tên là Tiến đỗ thuyền ở Hổ Cơ, Đông cung mật sai mưu sĩ là Quý hẹn Tiến sửa soạn thuyền để đợi. Đêm Quý Mão, trời đang mưa to, Đông cung cùng lũ Trương Phúc Đĩnh và mưu sĩ Quý xông mưa ra đi. Người lái thuyền nói: "Ngược gió thì sao?" Đông cung liền trả lời: "Cứ đi, gió sẽ xuôi". Thuyền

Digitized by Google

vừa khởi hành, quả nhiên gió thuận buồm xuôi, thuyền đi nhanh như tên bắn. Khi đến phận biển Vị Nê, Tôn Thất Xuân từ Quảng Nam vừa đi thuyền đến, bèn cùng vào Nam, yết kiến chúa ở hành tại. Đông cung nói với Duệ tông sai tham mưu Nguyễn Doanh Khoáng đi dụ Lý Tài. Trước đó Lý Tài theo Tống Phúc Hợp vào cứu. Phúc Hợp chết. Lý Tài có hiềm khích với đảng Đông Sơn [1], bèn giữ núi Chiếu Thái để làm phản. Đến bây giờ Khoáng tới nơi, Lý Tài sinh ngờ mới giữ Khoáng ở lại trong quân, đem bộ hạ đến Sài Gòn, Duệ tông phải tạm lánh đi. Lý Tài chia quân làm 4 đạo, đánh trống mà tiến. Đông cung sai kéo cờ cho mọi người thấy cờ có 6 chữ "Đông cung phụng mệnh chiêu an". Quân Lý Tài trông thấy đều bỏ súng, sụp lạy, tiếng vang như sấm. Lý Tài bèn đón Đông cung đến Du Miệt. Đông cung sai ngay Tả nội Nguyễn Mẫn đi Sài Gòn thăm hỏi quan quân, chiêu an dân chúng. Ở lại đấy vài ngày, cùng quân Lý Tài trở về Sài Gòn, sai Trương Phúc Thận tâu xin đón Duệ tông đến chùa Kim Chương rồi đem nhau đến mừng. Duệ tông nghĩ rằng sự thế đã dồn dập ép buộc, bất đắc dĩ phải nhận mệnh, xưng làm Tân chính vương, tôn Duệ tông làm Thái thượng vương. Sau đó thăng Tôn Thất Chất làm thiếu phó, Tôn Thất Xuân làm chưởng cơ, Lý Tài làm bảo giá đại tướng quân, Tống Phúc Đạm làm giám quân, Trần Văn Hòa làm nội điện tham mưu. Năm Đinh Dậu (1777) mùa xuân, "giặc" Tây Sơn Nguyễn

---

[1] Đảng Đông Sơn: Đảng của Đỗ Thanh Nhân (người huyện Hương Trà thuộc Thừa Thiên) tổ chức từ năm 1776 (Bính Thân) ở Ba Giồng (Tam Phụ) khi Duệ tông muốn thu dùng Lý Tài nhưng không thực hiện được vì thấy Thanh Nhân mạt sát Lý Tài là đồ cẩu trệ, do đó Lý Tài có hiềm khích với Thanh Nhân từ đấy. Sau khi Thanh Nhân bị Nguyễn Phúc Ánh giết rồi (1781) Đảng Đông Sơn, do Vũ Nhàn và Đỗ Bảng cầm đầu, lại chiếm giữ Ba Giồng, chống lại tập đoàn chúa Nguyễn, mãi về sau mới bị dập tắt (theo truyện *Đỗ Thành Nhân* trong *Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập, quyển 27, tờ 2/b - 25a).

Digitized by Google

Văn Huệ vào lấn cướp. Chúa lưu Lý Tài ở lại Sài Gòn, chính mình đem quân tiến đóng Trấn Biên. Quân bộ của giặc ngầm vào miền thượng, phó tiết chế Nguyễn Cửu Tuấn, chưởng trưởng là Nguyễn Đại Lã đều chết trận. Lý Tài ở Sài Gòn nhiều lần đánh nhau với giặc; thủy quân bất lợi. Chúa hội chư tướng để bàn. Tham tán Nguyễn Đăng Trương cho rằng nay quân giặc nhều, quân ta ít, thế khó đánh được. Chi bằng lui giữ Sài Gòn để tính kế đánh giữ. Chúa nghe theo, bèn lưu chưởng cơ Tống Phúc Lương đóng lại ở Trấn Biên, còn mình thì dẫn quân về. Lại sai Lý Tài đem quân ra Húc Môn chống đánh giặc, chém được thần sát giặc là Tuyên (không nhớ họ) quân giặc hơi lui, gặp Trương Phúc Thận từ Cần Giuộc (Cần Bột) đem quân đến cứu. Lý Tài ngờ là quân Đông Sơn [1] liền rút quân lui. Giặc thừa thế đánh, quân Lý Tài bị vỡ. Chúa được quân của Phúc Thận, lui giữ sông Tranh. Duệ tông bèn đến sông Tranh. Trước đó Lý Tài cậy công, kiêu căng ngang ngạnh. Thế tổ Cao hoàng đế biết Tài tất thua, nói với Duệ tông xin đi Ba Giồng (Tam Phụ) chiêu tập quân Đông Sơn. Đến đây, đem hơn 4.000 quân Đông Sơn đến cứu. Duệ tông bèn ra lệnh cho kéo cờ hiệu "Đông sơn thượng tướng quân", tiến đến Tài Phụ. Duệ tông bảo chúa rằng: "Đường trước Giồng Đài (Tài Phụ) ta xin cáng đáng. Đường sau sông Tranh, chúa phải đương lấy". Mùa hạ, tháng 4, quân giặc đánh sông Tranh. Chúa lui giữ Trà Luật. Chưởng cơ Tống Phúc Thiêm đem thủy quân đón đến Ba Việt. Chúa sai Tống Phúc Hậu giữ Mỹ Lung, Tống Phúc Thiêm giữ Hương Đôi, Tống Phúc Hà lĩnh chư quân bảo vệ trận địa để chống giặc.

Năm ấy, mùa thu, thiếu phó Tôn Thất Chất, nội tả Nguyễn Mẫn và chưởng cơ Tống Phúc Hựu đều ốm chết, duy còn một

[1] Quân lính của đảng Đông Sơn.

Digitized by Google

mình chưởng cơ Tống Phúc Hòa chống nhau với giặc. Sau đó, Nguyễn Văn Huệ thêm quân đánh Hương Đôi. Phúc Thiêm chạy về Ba Việt. Chúa thấy mình quân ít, lương hết, bèn chạy vào Bình Thuận để liên hợp với quân Chu Văn Tiếp, nhưng rồi cũng không đi được. Giặc đến đánh Ba Việt, chư tướng đều tan, Phúc Hòa chết. Chúa sợ đồn vỡ, quân và dân không khỏi bị giết cả, bèn ước hẹn với giặc rằng: "Nếu các người giữ vẹn tính mệnh cho quân và dân trong đồn thì ta sẽ tự đến". Giặc nhận lời. Chúa bèn đến chỗ quân giặc. Ngày Canh Tuất, chúa bị hại, chết. Các quan đi theo 18 người đều bị giặc giết. Đầu thời trung hưng, đặt tên thụy là Siêu Huệ vương, thờ ở án thứ 6 trong Thái miếu Gia Định. Gia Long năm thứ 3 (1804) đổi thụy là Cung mẫu Anh doãn Huyền mặc Vĩ văn Mục vương. Năm thứ 8 (1809) đem hài cốt về xây mộ ở Long Hồ, thờ chung vào viên tẩm Tuyên vương [1]. Cấp tự điền cho 2 vương 100 mẫu, cho Tôn Thất Diệu làm cai đội, giữ việc thờ cúng. Minh Mạng thứ 6 (1827) bãi bỏ tự điền, cấp tiền để chi việc thờ cúng.

*

Hoàng tử thứ 10: **Yến**

Lại có tên là Chiêu. Mẹ là Đặng thị. Yến, ban đầu làm thủy cơ cai đội. Năm Nhâm Thìn (1772) mùa xuân, Yến chết, thọ 33 tuổi, tặng phong cai cơ. Có 3 trai: Bích, Chương và Thân. Bích và Chương đều có truyện riêng.

*

Hoàng tử thứ 11: **Tuấn**

Lúc bé tên là Đá, tuấn là em cùng mẹ với hoàng tử Kính. Năm Giáp Thân (1764) mùa hạ, Tuấn mất, thọ 23 tuổi. Tặng cai đội, không có con.

---

[1] Tuyên vương: tước tặng phong của hoàng tử Hiệu, cha của hoàng tôn Dương.

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 12: **Yên**

Lại có tên là Viêm, và lúc bé còn có tên là **Yên** là em cùng mẹ với hoàng tử Kính. Năm Giáp Ngọ (1774) làm tiết chế chưởng doanh, quận công. Năm Bính Thân (1776) mùa hạ, Yên mất, thọ 34 tuổi, có 3 trai: Hán, Tấn và Hoảng.

*

Hoàng tử thứ 13: **Dạn**

Lại có tên là Trường. Mẹ là Trần thị. Năm Giáp Ngọ (1774) làm tiết chế chưởng doanh, quận công. Năm Bính Ngọ (1786) mùa xuân, Dạn mất, thọ 43 tuổi, có 2 trai: Thự và Cần.

*

Hoàng tử thứ 14: **Quyền**

Sinh mẫu là ai, không rõ. Năm Ất Mùi (1775) mùa đông, cùng em là Xuân, đến Quảng Nam dấy quân đánh giặc, dùng Trương Phúc Tá làm mưu chủ. Lại được lái buôn nhà Thanh, tên là Tất, đem gia tài hàng ức vạn giúp cho, Quyền chiêu tập quân nghĩa dũng giữ 2 phủ Thăng, Điện, binh thế lừng lẫy. "Giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc dốc quân ra chống đánh, hai bên cầm cự nhau đến hơn 2 tháng. Gặp năm mất mùa kém đói, quân thiếu lương ăn giặc thừa thế tiến đánh, quân Quyền bị vỡ, Quyền đi đâu mất không ai biết. Em là Xuân, đã có truyện riêng.

*

Hoàng tử thứ 15: **Diệu**

Mẹ là Tuệ tĩnh thánh mẫu nguyên sư Nguyễn Thị. Diệu mất sớm tặng phong thiếu bảo quận công.

*

Digitized by Google

Hoàng tử thứ 17: **Xuân**

Mẹ là Vũ thị. Năm Bính Thân (1776) Xuân cùng anh là Quyền đánh giặc ở Quảng Nam, bị giặc đánh thua, bèn vượt biển chạy đến Vị Nê thuộc Bình Thuận, gặp Đông cung Dương cùng vào Gia Định. Duệ tông hoàng đế trông thấy, mừng quá, lập tức cho làm chưởng cơ, giữ đồn Hương Phúc. Năm Đinh Dậu (1777) mùa xuân, "giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ vào lấn cướp, Xuân cùng Duệ tông hoàng đế lánh ở Long xuyên. Đến lúc thất hủ, Xuân thoát nạn, bèn cùng Mạc Thiên Tứ chạy sang Xiêm, cầu cứu không được, lưu lại ở Xiêm. Nặc Ông Giao nước Chân Lạp phản gián với nước Xiêm rằng: có một thư ở Gia Định nói Xuân cùng Mạc Thiên Tứ định làm nội ứng, mưu lấy thành Vọng Các. Vua xiêm ngờ vực. Xuân bèn bị hại, chết, năm ấy 24 tuổi. Gia Long năm thứ 2 (1803) đem hài cốt về an táng ở xã Dương Xuân, tặng phong thiếu phó, quận công. Năm thứ 9 (1810) thờ vào miếu Trung tiết công thần, cấp cho 4 người coi mả. Con là Diệc có truyện riêng.

*

Hoàng tử thứ 18: **Thăng**.

Mẹ là Hữu cung tần Tống thị. Cuộc biến năm Giáp Ngọ (1774) Duệ tông hoàng đế chạy vào Nam. Thăng mới 13 tuổi, không đi theo kịp, liền bị Tây Sơn bắt được. Tướng giặc là thống lãnh Nguyễn Chân muốn gả con gái cho, bèn cố sức giải cứu khỏi phải giam cầm nhưng chưa được đi xa ra ngoài. Thăng chỉ mượn việc đi câu cá ở bên sông, thấy có một xác người con trai nổi trên mặt nước bèn mặc quần áo của mình vào cái xác ấy giả làm mình đi câu bị chết đuối. Giặc đến đó không phân biệt được, tưởng là Thăng đã chết, đem chôn đi. Với cớ ấy Thăng trốn đi được. Nghe biết Thế tổ Cao hoàng đế đích thân đi đánh Quy Nhơn, Thăng bèn

Digitized by Google

cùng Tôn Thất Liêm thuê thuyền vượt biển, ngầm đến quân thứ Vân Phong. Khi Thăng đến nơi Thế tổ vừa mừng vừa thương, cầm tay úa nước mắt mà rằng: "Gặp vận gian nan, thân thích lìa tan không ngờ ngày nay lại được gặp nhau, há chẳng phải là nhờ phúc thừa của tiên vương khiến chúng ta trong nguy khốn mà có phúc, gặp hoạn nạn mà được an toàn đó sao?" Bèn mở tiệc mua vui đến kỳ cùng mới thôi. Rồi gia phong Thăng làm quốc thúc, chưởng cơ, quận công, ân lễ rất hậu. Tôn Thất Liêm cũng được làm khâm sai, cai đội.

Năm Tân Dậu (1801) mùa xuân, Thăng từ Gia Định được triệu đến hành tại theo ngự giá đi thu phục Kinh thành cũ [1]. Năm ấy mùa đông, Nguyễn Quang Toản vào lấn cướp Động Hải, vua đi thân chinh. Thăng lưu thủ kinh thành. Gia Long năm thứ nhất, Nhâm Tuất (1802) vua cầm đại quân đi Bắc phạt, Thăng cùng Nguyễn Văn Khiêm lưu lại ở Kinh, được phép tiện nghi làm việc. Sau đó Thăng làm tri Tôn nhân phủ sự vụ, có liệt kê các hệ trong họ Tôn thất dâng lên, xin cho những tôn thất từ 8 tuổi trở lên, 12 tuổi trở xuống, đều được cấp lương, cho vào giám học. Vua ưng cho. Năm thứ 16 Đinh Sửu (1817) phong Thăng làm Phúc long công, ban cho sách, ấn, mũ, áo. Năm thứ 18 (1819) mùa hạ, Thăng mất thọ 58 tuổi.

Thăng là chỗ rất thân trong họ nhà vua, được yêu quý không ai bằng. Vua thường gọi quốc thúc mà không gọi tên. Mỗi khi Thăng vào chầu riêng, vua bèn đứng dậy đón mời ngồi lên giường ngự, Thăng cố từ chối mà rằng: "Trời không có hai mặt trời, tôi là Thăng đâu dám ngồi ở đấy". Vua sai giải chiếu xuống đất cùng ngồi. Lúc Thăng ra về, vua đứng dậy tiễn. Vua đối với Thăng, lễ

[1] Tức thành Phú Xuân.

Digitized by Google

đãi càng hậu, Thăng giữ lễ càng kính cẩn, hơn 20 năm vẫn như một ngày. Quận công Nguyễn Văn Nhân và Lê Văn Duyệt thường nói với nhau rằng: "Cái ân hoàng thượng ta thân với người thân, cái đức quốc thúc khiêm thật là khiêm xưa nay đều ít có". Đến bấy giờ Thăng mất, vua thương xót không thôi, cho dùng tang lễ thân vương theo chế độ, nghỉ chầu 5 ngày, đặt tên thụy là Hòa Tĩnh, chi tiền kho sắm sửa việc tang, sai hoàng tử Định Viễn công Bính đến dự tế. Vua lại bảo hộ Lễ rằng: "Quốc thúc kể ở nhà là bậc kỳ đức, kể ở nước là hạng nguyên thần, nay không may mất đi, con còn bé, đến lớn tuổi sẽ bàn cho tập tước để nối mãi việc tế tự". Thăng có 4 con trai: Thạnh, Vĩnh, Tường, Thùy. Con trưởng là Thạnh chết sớm. Con thứ ba là Vĩnh, khoảng năm Minh Mạng được tập phong Phúc long hầu. Tường và Thùy đều được ấm thụ Trợ quốc lang.

Digitized by Google

TRUYỆN CÁC CÔNG CHÚA

Một con gái Triệu tổ.
Các con gái Thái tổ.
Các con gái Hi tông.
Một con gái Thần tông.
Các con gái Thái tông.
Các con gái Anh tông.
Các con gái Hiển tông.
Các con gái Túc tông.
Các con gái Thế tông.
Một con gái Duệ tông.

*
* *

Một con gái Triệu tổ hoàng đế.

Hoàng nữ **Ngọc Bảo**

Là chị Thái tổ hoàng đế, Ngọc Bảo lấy Trịnh Kiểm. Thái tổ làm tướng có công lao, bị Kiểm đố ky thường muốn mưu hại. Bà biết ý, ở giữa điều đình cả hai bên. Lại khéo léo khuyên Kiểm xin với vua Lê cho Thái tổ cầm cờ tiết vào trấn Thuận Hóa. Năm Bính Tuất (1586) mùa thu, cung chúa Trịnh cháy, bà chết, tặng phong Vương thái phi, thụy là Từ nghi. Con trai là Trịnh Tòng. [1]

---

[1] Theo Từ thư, phát âm là Tòng, nhưng từ đời chúa Trịnh đến nay, vì kiêng tên húy vẫn quen đọc là Tùng (Trịnh Tùng).

Digitized by Google

Các con gái Thái tổ hoàng đế.

Hoàng nữ **Ngọc Tiên**

Lấy chồng là Nham quận công (không nhớ họ).

*

Hoàng nữ **Ngọc Tú**

Lấy Trịnh Tráng, bà được lập làm Tây cung: Hi tông hoàng đế năm thứ 10 (1622) mật sai Nguyễn Cửu Kiều đem thư và bảo ấn vào Thuận Hóa dâng chúa, lại sửa chùa Long Ẩn ở phường Quảng Bá, Thăng Long, truy thuật công đức Triệu tổ và Thái tổ và ghi vào bia đá (Minh Mạng năm thứ 2 (1821) đổi tên chùa là Sùng Ân tự. Thiệu Trị năm thứ nhất (1841) lại đổi tên là Hoàng Ân tự. Năm Tân Mùi (1631) mùa xuân, bà mất, tặng phong chính phi, thụy Từ thuận. Con trai là Kiều; con gái là Ngọc Trúc được lập làm hoàng hậu Lê Thần tông (1619 - 1642).

*

Các con gái Hi tông hoàng đế.

Hoàng nữ **Ngọc Liên**

Là chị cùng mẹ với hoàng tử Kỳ, bà lấy Trấn biên doanh trấn thủ Phó tướng Nguyễn Phúc Vinh. (Vinh là con trưởng Mạc Cảnh Huống, được ban quốc tính, sau lại cho đổi làm họ Nguyễn Hữu).

*

Hoàng nữ **Ngọc Vạn**

Là em cùng mẹ với hoàng trưởng tử Kỳ. Không có truyện.

*

Hoàng nữ **Ngọc Khoa**

Cũng là em cùng mẹ với hoàng trưởng tử Kỳ. Không có truyện.

Digitized by Google

Hoàng nữ **Ngọc Đĩnh.**

Sinh mẫu là ai không rõ. Ngọc Đĩnh lấy phó tướng Nguyễn Cửu Kiều. Năm Giáp Tỵ (1684, Lê Chính hòa năm thứ 5) mùa đông, Ngọc Đĩnh mất.

*

Một con gái Thần tông hoàng đế.

Hoàng nữ (không nhớ tên) lấy chưởng cơ Minh (không nhớ họ).

*

Các con gái Thái tông hoàng đế.

Hoàng nữ Ngọc Tảo.

Mẹ là Chu hoàng hậu, chúa Ngọc Tảo mất năm nào không nhớ.

*

Hoàng nữ (không nhớ tên) lấy chồng là Chưởng cơ Tráng (không nhớ họ).

*

Hoàng nữ (không nhớ tên)

Lấy chồng Chưởng cơ Đức (không nhớ họ).

*

Các con gái Anh tông hoàng đế.

Hoàng nữ (không nhớ tên)

Lấy Tín quận công (không nhớ họ).

*

Hoàng nữ (không nhớ tên)

Lấy Tài quận công (không nhớ họ).

Digitized by Google

Hoàng nữ **Ngọc Nhiễm**

Lấy chưởng doanh Trương Phúc Phan.

Ngọc Nhiễm mất vào mùa thu năm Quý Hợi (1743 Lê Cảnh hưng năm thứ 4) tặng phong là Tống sơn quận quân Thục phu nhân.

*

Hoàng nữ **Ngọc Đảo**

Không rõ sự tích.

*

Các con gái Hiển tông hoàng đế.

(Hiển tông có 146 người con trai vừa gái. Nay trong hoàng nữ phả chỉ có thể khảo được 4 người. Cũng có người có hàng thứ mà không rõ tên).

*

Hoàng nữ **Ngọc Sáng**

Mẹ là Hữu cung tần Tống thị. Ngọc Sáng lấy cai cơ, tặng phong chưởng vệ Tống Văn Xuân. Năm Tân Sửu (1720, Lê Bảo thái năm thứ 2) mùa thu, bà mất. Tặng phong Tống sơn quận quân Trinh phu nhân, thụy Từ ý.

*

Hoàng nữ **Ngọc Phượng**

Lấy Nội hữu chưởng doanh Nguyễn Cửu Thế (là cháu Nguyễn Cửu Kiều) (Thế có truyện riêng). Năm Nhâm Dần (1722 Lê Bảo thái năm thứ 3) mùa đông, bà mất, tặng phong Tống sơn quận chúa tự phu nhân, thụy Từ nhã.

*

Digitized by Google

Hoàng nữ **Ngọc Nhật**

Bà lấy cai cơ Nguyễn Cửu Duyệt (là chắt Nguyễn Cửu Kiều).

Hoàng nữ (không nhớ tên).

Lấy chưởng cơ Chân (không nhớ họ).

*

Các con gái Túc tông hoàng đế.

Hoàng nữ **Ngọc Thưởng**

Mẹ là Tả cung tần Trương thị, Ngọc Thưởng lấy cai đội Nguyễn Phúc Mạo. (Có lẽ do bấy giờ ban cho quốc tính). Năm Canh Tuất (1730) mùa thu, bà mất, thọ 78 tuổi.

*

Hoàng nữ **Ngọc san**

Sinh mẫu là ai, không rõ, Ngọc San lấy Chưởng doanh Tống Phúc Dĩnh. Năm Đinh Hợi (1767, Lê Cảnh Hưng năm 28) mùa hạ, bà mất, thọ 51 tuổi.

*

Hoàng nữ **Ngọc Doãn**

Lại có tên là Sang, Ngọc Doãn lấy Ngoại hữu chưởng doanh Hoan quận công Nguyễn Cửu Pháp. Cuộc biến năm Giáp Ngọ (1744) Duệ tông vào Nam, bà cùng Cửu Pháp đem cả nhà vào Quảng Nam, theo ngự giá. Sau đó, Cửu Pháp vì ốm phải quay về Phú Xuân, bà theo Duệ tông vào Gia Định. đến lúc Gia Định thất thủ, bà lại theo Thế tổ Cao hoàng đế sang Xiêm. Bà mất vào mùa hạ, không rõ năm nào. Sau đem hài cốt về táng ở xã Dương Xuân.

*

Digitized by Google

Hoàng nữ **Ngọc Biện**

Lấy cai đội Trương Phúc Tín.

*

Hoàng nữ **Ngọc Uyển**

Lấy cai cơ Nguyễn Cửu Chỉnh (Chỉnh là con Nguyễn Cửu Thông).

*

Các con gái Thế tông hoàng đế.

Hoàng nữ **Ngọc Tuyên**

Mẹ là Tả cung tần Tống thị. Ngọc Tuyên lấy tiết chế chưởng doanh Nguyễn Cửu Thống. Sự biến năm Giáp Ngọ (1774) Thống đã chết, bà ở lại xã Vân Dương (thuộc huyện Hương Thủy) cắt tóc đi tu, người ta gọi là sư cô Vân Dương. "Giặc" Tây Sơn vô lễ xúc phạm đến lăng tẩm liệt thánh, bà mật sai con rể là Nguyễn Đức Tuấn cùng sư già thân tín bí mật đến các xã Định Môn, Kim Ngọc, Cư Chánh, ngầm dặn người dân (sở tại) theo dõi tùy tiện tìm cách bảo hộ lấy hài cốt. Cho nên người xã Cư Chánh Nguyễn Ngọc Huyên, lén lấy được hài cốt Cơ thánh đem giấu một nơi sạch sẽ. Năm Tân Hợi (1791) bà ngầm sai người thân tín, tên là Thiệu, đáp thuyền buôn vào Gia Định, đem việc ấy tâu lên. Lại đem tình hình giặc động tĩnh ra sao, binh lương nhiều, ít thế nào, tâu bày từng việc một... Lại sao chép và tiến lên bài *Hoài Nam khúc* do Hoàng Quang, người xã Thái Dương đã soạn để trình bày cho biết lòng dân nhớ mong.

Được thư của bà viết, Thế tổ Cao hoàng đế rất vui lòng. Bấy giờ vua sai người đi lại trinh thám tình hình giặc đều bí mật cư trú ở nhà bà. Bà lại lấy của nhà giao cho Nguyễn Đức Tuấn đi chiêu

Digitized by Google

dụ những lương dân trung nghĩa và bè đảng ngụy khiến họ quy thuận. Vua cũng sai người đưa mật dụ và giấy đóng ấn để trống giao cho bà tùy tiện viết chỉ sai, chỉ truyền để cấp cho người làm việc. Sau, việc lộ liễu. Ngụy đô đốc Dật đem quân đến vây nhà. May sao những người được mật sai bấy giờ không ở đó. Giặc tầm mãi, không bắt được ai bèn cướp của cải mà đi. Năm Đinh Tỵ (1797) Binh bộ Nguyễn Đại Phác, đến trấn thành Quy Nhơn. Đức Tuấn có quen Phác, biết Phác ngầm có ý quy phục. Đến lúc Phác đi, bà sai Đức Tuấn đi tiễn, dọc đường, đọc câu "thời hồ! thời hồ, bất tái lai" [1] của Khoái Triệt, Phác gật đầu đi. Ngụy đô đốc Lê Chất, là tướng giỏi của giặc. Lúc có việc bè đảng, Chất giả chết, rồi ngầm về ẩn náu ở núi Trà Bồng, phủ Quy Nhơn. Bà được tin, bèn sai người thân tín tên là Hậu, đi dụ Chất về hàng. Bà lại cho do thám biết giặc đem hết quân đi Quy Nhơn, còn đô thành thì trống rỗng, bèn vẽ hình thế đồn sở cửa biển Tư Hiền và Thuận An, mật sai bọn Phạm Hữu Tâm và Nguyễn Khả Bằng đi đường miền thượng đến hành tại [2] đem việc tâu lên. Năm Kỷ Mùi (1799) mùa hạ, Đoàn Văn Cát sai chị của Phác là Thị Huấn mang sắc chỉ vào thành (Quy Nhơn) dụ hàng. Phác được sắc chỉ, lập tức cùng tổng quản Lê Văn Thanh đem thành Quy Nhơn ra hàng. Năm Tân Dậu (1801) mùa hạ, vua lấy lại được Kinh thành cũ, lập tức sai Tống Phúc Lương đi đón bà đến thuyền ngự. Bà khóc lạy, vua cũng khóc. Từ đấy, vua thường đến chơi nhà bà, ban thưởng rất hậu. Đầu năm Gia Long (1802) ưu cấp cho lương bổng hàng năm, và làm cho phủ đệ ngay tại chỗ bà đang ở. Lại cho bà được tự mộ người lập đội thường ban làm tùy binh. Gia Long năm thứ 8 (1809)

---

[1] Thời cơ! Thời cơ! Nếu bỏ qua thì nó không trở lại nữa.

[2] Chỗ ở của vua chúa trong khi đi đường.

Digitized by Google

bà mất, thọ 72 tuổi. Vua sai quan sửa việc tang, táng ở xã Dương Xuân, cấp cho 5 người coi mả. Sau, lấy chỗ ở làm đền thờ, mỗi năm, đến ngày giỗ, cấp 30 quan tiền. Tự Đức năm thứ 3 (1850) ấm thụ cho chắt là Ân làm bá hộ, coi việc thờ cúng.

*

Hoàng nữ **Ngọc Nguyện**

Lấy cựu doanh trấn thủ chưởng cơ Trương Phúc Thắng (con Trương Phúc Loan). Năm Quý Tỵ (1773) mùa đông, bà mất, thọ 48 tuổi.

*

Hoàng nữ **Ngọc Thành**

Lấy nội tả chưởng doanh, quản 2 bộ Lại, Lễ kiêm quản Đồ gia, Lưu quận công Nguyễn Cửu Quán (là con Nguyễn Cửu Uyển và là cháu Nguyễn Cửu Kiều). Năm Quý Mão (1783) mùa xuân bà mất, thọ 44 tuổi.

*

Hoàng nữ **Ngọc Ái**

Lấy Tiết chế Chưởng cơ Nguyễn Cửu Sách (con Nguyễn Cửu Pháp). Năm Ất Mùi (1775) mùa thu, bà mất, thọ 33 tuổi.

*

Hoàng nữ **Ngọc Nguyệt**

Lấy cai đội Trương Phúc Đạo, Minh Mạng năm thứ 6 (1825) mùa thu, bà mất, thọ 77 tuổi, thụy Uyên từ.

*

Hoàng nữ **Ngọc Quận**

Lấy chưởng doanh tặng phong thái bảo, quận công Tống Phúc Khuông (có truyện riêng). Vì cầm sắt bất hòa, bà về nhà, rồi đi

Digitized by Google

Quảng Ngãi, đến bến Ván, bị giặc bắt được, đem dìm chết ở sông Hội An thuộc Quảng Nam. Năm mất bà mới 25 tuổi. Người đầy tớ vớt thi hài và mai táng cho. Gia Long năm thứ 5 (1806) đem về mai táng ở xã An Cựu.

*

Hoàng nữ **Ngọc Đạo**

Mẹ là tả cung tần Trương thị. Ngọc Đạo lấy cai cơ Trương Phúc Nhạc (con thứ 3 Trương Phúc Loan). Năm Ất Mùi (1775) mùa xuân, bà và Trương Phúc Nhạc cùng vào Gia Định. Phúc Nhạc chết, bà theo Thế tổ Cao hoàng đế ra đảo Phú Quốc, rồi đi Hà Tiên, liệu lý việc quân nhu, bị giặc bắt được, bà bị hại, năm mất 37 tuổi.

*

Hoàng nữ **Ngọc Xuyến**

Lại có tên là Huy, bà lấy cai cơ Nguyễn Cửu Tú (con Nguyễn Cửu Thông).

*

Hoàng nữ **Ngọc Đạo**

Mẹ là Trương hoàng hậu. Ngọc Đạo chết vào mùa đông (không nhớ rõ năm nào). Gia Long năm thứ 5 (1806) tặng phong đệ nhất cung hoàng nữ, thụy là Trinh Thục, thờ vào đền sau đền Triển thân.

*

Hoàng nữ (không nhớ tên)

Lấy cai đội Chiểu (không nhớ họ).

*

Digitized by Google

Hoàng nữ **Ngọc Cơ**

Không rõ sự tích.

*

Hoàng nữ (không nhớ tên)

Lấy cai cơ Tín (không nhớ họ).

*

Một con gái Duệ tông hoàng đế.

Hoàng nữ **Ngọc Thục**

Mẹ là Nguyễn thị. Ngọc Thục lấy Uy vũ vệ úy Tống Văn Thịnh (con của điều khiển Tống Văn Khôi). Gia Long năm thứ 17 (1818) mùa thu, bà mất, thọ 43 tuổi, thụy là Huệ Trinh.

Digitized by Google

QUYỂN 3

TRUYỆN CÁC BỀ TÔI

Nguyễn U Tỵ (con là Đình Dũng - cháu là Đình Hùng)
Tống Phúc Trị - Tống Phúc Hiệp - Tống Phúc Hòa.
Mạc Cảnh Huống (con là Phúc Huỳnh) - Trần Đức Hòa.
Đào Duy Từ - Bùi Tá Hán.
Trương Trà (vợ là Trần thị) - Dương Văn Chính.
Nguyễn Hữu Tiến (con là Hữu Uy) - Nguyễn Hữu Dật.
Nguyễn Hữu Hào - Nguyễn Hữu Kính - Nguyễn Hữu Bác.

*
* *

Nguyễn U Tỵ

Nguyễn U Tỵ, tự Vô Sự. Tổ tiên là người huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, sau dời vào Thanh Hóa. U Tỵ là con Nguyễn Kính Diện, đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, thự vệ sự đời Lê. Bà Triệu tổ Tĩnh hoàng hậu là em ruột U Tỵ. U Tỵ làm quan nhà Lê đến thái phó Uy quốc công. Năm Bính Tuất (1526, Lê Thống nguyên văn thứ 5). Nhà Lê bị nhà Mạc cướp ngôi vua, Triệu tổ Tĩnh hoàng đế vào Ai Lao dấy quân để khôi phục nhà Lê. Thái tổ hoàng đế [1] năm ấy mới lên hai tuổi được lưu dưỡng ở nhà U Tỵ.

[1] Tức Nguyễn Hoàng. (Thái tổ Gia Dụ hoàng đế).

Digitized by Google

U Tỵ hết lòng chăm sóc. Thái tổ năm 20 tuổi, được U Tỵ thường khuyên lập công danh sự nghiệp. Triệu tổ mất. Thái tổ làm quan nhà Lê, vì có quân công, được phong thái bảo Đoan quốc công. Trịnh Kiểm đố kỵ vì Thái tổ có công to thường muốn mưu hại. U Tỵ biết việc này, khuyên Thái tổ giả cách bị bệnh điên, có những cử chỉ thất thường khiến cho Kiểm khỏi để ý. Mưu sĩ của Kiểm là Nguyễn Hưng Long khuyên Kiểm giết Thái tổ đi. Có người mật báo Thái tổ, Thái tổ cả sợ, bàn với U Tỵ. U Tỵ nói: "Kiểm có lòng nham hiểm, ta nên tránh xa. Thuận Hóa là đất hiểm trở kiên cố, có thể giữ mình được. Vậy nên nhờ chị là Ngọc Bảo (Ngọc Bảo là con gái Triệu tổ, và là chánh phi Trịnh Kiểm) nói với Kiểm, xin vào trấn thủ Thuận Hóa, rồi sau sẽ mưu làm việc lớn". Thái tổ cho làm phải, sai người nói với ngọc Bảo. Ngọc Bảo nhân lúc rỗi, nói với Kiểm. Kiểm cũng cho rằng Thuận Hóa là nơi lam chướng nước độc và có tướng nhà Mạc đóng đồn ở đấy, muốn mượn tay nhà Mạc để giết đi. Kiểm bèn tâu vua Lê phong đất ấy cho Thái tổ và trao cho cờ tiết làm trấn thủ. Thế là gây nền ở cõi Nam bắt đầu từ đó.

Năm Mậu Ngọ (1558) mùa đông, Thái tổ vào Thuận Hóa, Ụ Tỵ đem con em đi theo. Đến bãi cát Ái Tử (thuộc huyện Đăng Xương) dân đem dâng chum nước trong. U Tỵ tâu mừng rằng: "Đấy là phúc trời cho đó. Việc trời tất có hình tượng. Nay chúa thượng mới đến mà dân dem "nước" dâng lên, có lẽ là điềm "được nước" đó chăng?". Thái tổ nhận lấy 7 chum nước ấy, bèn cắm doanh trại ở xã Ái Tử. Năm Kỷ Tỵ [1] (1659) mùa hạ, Thái tổ lại ra Đông đô, ở lại 8 năm, nhiều lần đi đánh giặc, U Tỵ theo hầu ở tả hữu chúa. Năm Canh Ngọ [2] (1570), mùa hạ, Thái tổ vượt biển về

[1] Nguyên thư in lầm là Quý Tỵ.

[2] Nguyên thư in lầm là Canh Tý.

Digitized by Google

Nam, thuyền đến cửa biển Thần Phù, dân nhiều người đi theo. Nghe nói quân Trịnh đuổi riết, U Tỵ sai quân bơi thuyền đi nhanh. Dây thừng bị đứt. Có người huyện Yên Mô là Phạm Thị Công dâng một sọt tóc sống để làm thừng kéo thuyền, thuyền bèn đi nhanh (Phạm Thị Công theo vào Thuận Hóa, đến lúc chết, được tặng phong là Thị tùng hỗ giá Phạm phu nhân). Chúa đến Thuận Hóa rồi ở vài năm, U Tỵ về thăm quý hương, chúa tiễn tặng rất hậu, U Tỵ chia cả cho tướng sĩ. Về sau U Tỵ lại vào Thuận Hóa chầu hầu, rồi chết.

U Tỵ là người họ thân bên ngoại [1] bảo hộ thân chúa, đầu tiên dựng kế lớn. Lúc đầu vào trấn, căn bản chưa bền, U Tỵ lại cùng trấn phủ Tống Phúc Trị, và thống binh Mạc Cảnh Huống đồng lòng phò tá. Trù tính nhiều cách để xây vững nghiệp chúa. Trong hàng công thần khai quốc, U Tỵ thật đứng đầu vậy. Miếu cũ ở quý hương, cho U Tỵ được phối hưởng. Gia Long năm thứ 2 (1803) đổi dựng Nguyên miếu [2], đình thần bàn luận cho U Tỵ là họ ngoại, bèn bãi việc phối hưởng. Thiệu Trị năm thứ 5 (1845) Đông các đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn xin truy xét công lao U Tỵ. Hiến tổ Chương hoàng đế dụ bộ Lễ xét sự trạng tâu lên. Sau đó truy tặng khai quốc công thần đặc tiến Tráng vũ tướng quân, Trung quân đô thống phủ chưởng phủ sự, thái sư, thụy Trung trinh, vẫn phong Uy quốc công, cho thờ vào bàn thứ nhất ở hữu vu nhà Thái miếu.

Con là Đình Dũng (có thuyết nói là họ Mai). Vì trước kia, khi nhà Mạc cướp ngôi vua nhà Lê, Triệu tổ khởi binh ở Ai Lao, U Tỵ nuôi Thái tổ, sợ nhà Mạc biết nên đổi họ là họ Mai. Đình Dũng bèn noi theo họ Mai, đến lúc việc đã yên mới đổi lại là họ Nguyễn,

---

[1] Cậu của chúa

[2] Miếu thờ Thái tổ Gia Dụ.

Digitized by Google

theo cha vào Nam, nhiều lần lập chiến công làm đến thái bảo quận công. Năm Tân Mùi (1571) mùa thu, thổ mục [1] Quảng Nam làm loạn, cướp giết lẫn nhau. Đình Dũng dẹp yên rồi lưu trấn đất ấy, thu vỗ quần chúng còn lại, trăm họ được yên.

Con Đình Dũng là Đình Hùng, tính người trầm nghị, có tài làm tướng, vì có quân công được phong tước đến quận công. Hi tông hoàng đế năm thứ 7 (1630), tướng Trịnh là Nguyễn Tịch giữ châu Nam Bố Chính. Đình Hùng đem quân đánh úp, chém Tịch tại trận, bèn giữ đất ấy, lập làm doanh Bố Chính.

*

Tống Phúc Trị.

Người quý huyện Thanh Hóa, Tống Phúc Trị làm quan nhà Lê, trấn phủ Thuận Hóa, tước Luân quận công. Làm chính sự khoan hòa. Trị được trăm họ yêu mến, gọi là "Bản xứ công". Thái tổ hoàng đế vào trấn Thuận Hóa. Trị dâng ngay sổ sách bản đồ trong cõi, Rồi cùng Uy quốc công Nguyễn Ư Tỵ và thống binh Mạc Cảnh Huống đồng lòng hết sức giúp nhà chúa. Lúc mới khai quốc, Trị thực có công. Về sau Trị ốm chết tại chức. Gia Long năm thứ 4 (1805) xét sự trạng khai quốc công thần xếp Trị vào hạng nhì, ấm thụ cho một người cháu làm thứ đội trưởng, được thế tập, để coi việc thờ cúng, cấp 6 mẫu tự điền, 3 người phu coi mả.

Con Phúc Trị là Phúc Đông, làm đến Chưởng cơ.

Con Phúc Đông là Phúc Khang, vì là con của tướng, thường đem quân đánh dẹp, có công, thăng đến Chưởng doanh, quận công. Lúc chết, được tặng hàm thiếu phó.

---

[1] *Thổ mục*: Kẻ đứng đầu ở một miền thượng.

Digitized by Google

Phúc Khang có 2 trai: con trưởng là Phúc Vinh, làm đến Trung quân đô đốc phủ, lúc chết tặng thiếu phó, quận công. Con thứ hai là Phúc Thạch, làm đến Tiền quân đô đốc phủ quận công.

Con Phúc Vinh là Phúc Trí, làm đến Nội hữu chưởng doanh.

Con Phúc Thạch là Phúc Diệu, làm đến ngoại Chưởng doanh kiêm tào vụ.

Con Phúc Diệu là Phúc Dĩnh, lấy công chúa Ngọc San (con gái thứ 3 của Túc tông) làm đến phò mã chưởng doanh.

*

Tống Phúc Hiệp

Là dòng dõi Phúc Trị. Đời Thế tông hoàng đế, Phúc Hiệp làm lưu thủ Long Hồ. Duệ tông hoàng đế năm thứ 6 (1711) mùa đông, quân Xiêm lấn cướp Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ chạy đi Trấn Giang, cáo cấp. Được tin, Phúc Hiệp đem thuyền quân đến cứu, đóng ở Châu Đốc. Quân Xiêm lui, vào lầm sông Cùng. Đại binh (của Phúc Hiệp) đuổi theo, bức bách, chém 300 thủ cấp. Quân Xiêm bỏ thuyền chạy. Giáp Ngọ, năm thứ 9 (1774) "giặc" Tây Sơn nổi dậy lấn cướp Bình Thuận. Gia Định điều khiển là Nguyễn Cửu Đàm sai Phúc Hiệp cùng cai bạ Nguyễn Khoa Thuyên lĩnh tướng sĩ 5 doanh và truyền hịch hiệu triệu nghĩa binh các đạo, thủy bộ đều tiến, đánh phá được quân giặc, lấy lại 3 phủ Bình Thuận, Diên Khánh và Bình Khang, bèn đóng quân ở Vân Phong tên cũ là Hòn Khói [1] chống nhau với giặc.

Năm ấy (Giáp Ngọ 1774) mùa đông, quân Trịnh xâm phạm đô thành. Chúa chạy vào Quảng Nam. Năm Ất Mùi (1775) chúa vào

---

[1] Hòn khói: Hán văn là Yên Dương.

Digitized by Google

Gia Định. Thuyền chúa đến cửa biển Vân Phong (Hòn Khói). Phúc Hiệp cùng Khoa Thuyên đến đón, chúa lập tức cho Phúc Hiệp làm tiết chế, Kinh quận công, tiến đánh lấy lại Phú Yên. Nghe nói Đông cung bị "giặc" Tây Sơn bắt được, Phúc Hiệp sai tri huyện Bạch Doãn Triều nói với giặc rằng: "Trả Đông cung cho ta! Nếu không thì đại binh đến đánh không có đường chạy đâu!" Thủ lĩnh giặc là Nguyễn Văn Nhạc cả sợ, giả cách sai người đến giả hàng; Phúc Hiệp tin, không phòng bị, bèn bị Nguyễn Văn Huệ đánh áp, phải lui về giữ Vân Phong và sai bọn Phúc Hòa giữ Ô Loan. Tướng giặc là Lý Tài đem thành Phú Yên đầu hàng Phúc Hiệp. Chúa sai nhận cho Lý Tài đầu hàng và theo dưới sự tiết chế của Phúc Hiệp. Trước đây trận Phú Yên tướng giặc là Nghĩa làm tiền phu, đánh quân ta thua nặng. Phúc Hiệp giận lắm sai Tôn Thất Chất dụ Nghĩa xuống hàng, bèn giết đi luôn với đồ đảng hơn 50 người.

Năm Bính Thân (1776) Tây Sơn vào cướp Gia Định. Phúc Hiệp vào cứu. Khi đến nơi, yết kiến chúa ở hành tại. Mùa hạ năm ấy, Phúc Hiệp mất.

Trước kia, Phúc Hiệp trấn thủ Long Hồ, có chính sự nhân huệ, dân yêu như cha mẹ. Phúc Hiệp là người khảng khái có tài lược, cho việc đánh giặc là nhiệm vụ của mình. Đến lúc chết, ai nghe tin cũng thương khóc; người cày thì nghỉ việc canh nông, người buôn thì nghỉ chợ búa đến 3 ngày. Chúa thương tiếc mãi, truy tặng Hữu phủ quốc công, dựng đền thờ ở Long Hồ, xuân thu tế lễ. Đền linh thiêng hương khói không ngớt. Gia Long năm thứ 9.(1810) xếp thờ vào miếu Trung tiết công thần. Đầu năm Minh Mạng (1820) phong Trung đẳng thần, thờ ở miếu Hội đồng.

*

Digitized by Google

Tống Phúc Hòa.

Phúc Hòa là em chú bác (tụng đệ) Tống Phúc Hiệp, trước làm cai cơ, lệ thuộc quân Phúc Hiệp. Trận Phú Yên thất lợi, lui giữ Vân Phong, sai Phúc Hòa đóng giữ Ô Loan. Năm Bính Thân (1776) mùa xuân "giặc" Tây Sơn vào cướp Gia Định. Duệ tông hoàng đế đi Trấn biên. Phúc Hiệp sai Phúc Hòa đem quân bản bộ vào cứu, đóng đồn ở Lương Pha, cùng quân các đạo hợp sức đánh giặc. Quân giặc bị vỡ, phải chạy (quân ta lấy lại được Sài Gòn), chúa thăng Phúc Hòa làm chưởng thủy doanh, quận công. Gặp lúc hàng tướng Lý Tài cùng Đỗ Thanh Nhân không hòa hợp với nhau [1] chúa rất lấy làm lo, bèn sai Phúc Hòa cùng Tống Phúc Thiêm, đóng quân ở Long Hồ để phòng bị. Năm Đinh Dậu (1777) mùa xuân "giặc" Tây Sơn lại vào lấn cướp. Sài Gòn thất thủ, chúa chạy đi Long Xuyên, chư tướng theo Tân Chính vương lui giữ Ba Việt [2], Phúc Hòa quản lĩnh chư quân, bày trận để chống giặc. Bấy giờ chư tướng phần nhiều ốm chết. Một mình Phúc Hòa chống giặc nhiều lần, đánh đều thắng, giặc sợ. Sau đó giặc lại đánh Ba Việt. Phúc Hòa than rằng: "Chúa phải lo thì bề tôi phải chết, nghĩa không nên tránh". Bèn bảo bộ thuộc rằng: "Lũ ngươi tuổi còn trẻ, sức còn khỏe, nay nên tản đi các nơi, để mưu tính công nghiệp về sau. Ta đã cao tuổi, không làm gì được, dù muốn sống để báo đáp cũng chưa chắc được. Hơn nữa, thân làm đại tướng, xã tắc không giữ được, mà nhẫn nhục sống thừa, há nên thế ư?" Bèn chết vì việc nước... Sau đó được truy tặng chưởng doanh, quận công. Gia Long năm thứ 9 (1810), được thờ vào miếu Trung tiết công thần.

*

[1] Chúa Nguyễn định dùng Lý Tài, nhưng Đỗ Thanh Nhân mạt sát Lý Tài là đồ cẩu trệ, do đó Lý Tài thù oán Thanh Nhân.

[2] Thuộc Vĩnh Long.

Digitized by Google

Mạc Cảnh Huống

Cảnh Huống người huyện Nghi Dương, thuộc Hải Dương, là em Khiêm vương Mạc Kính Điển. Bà Hiếu Văn hoàng hậu là cháu gọi Mạc Cảnh Huống bằng chú. Năm Mậu Ngọ (1553) mùa đông. Thái tổ vào Nam, trấn thủ Thuận Hóa, Cảnh Huống đem gia quyến đi theo, làm quan đến thống binh, tham mưu trong màn trướng. Giúp việc lúc khai quốc, Cảnh Huống mất trong khi đang tại chức.

Con là Vinh (vốn là họ Mạc, lúc đầu cho theo quốc tính gọi là Nguyễn Phúc, về sau, lại đổi làm họ Nguyễn Hữu). Đời Hy tông hoàng đế, Vinh lấy công chúa Ngọc Liên làm đến phó tướng. Năm thứ 16 (1629) lưu phủ Phú Yên là Văn Phong làm phản, Vinh dẹp yên được, mở đất đến Bình Khang lập ra doanh Trấn Biên. (đầu cõi gọi là Trấn Biên). Vì có công Vinh được ban ấn đỏ.

*

Trần Đức Hòa

Đức Hòa là người huyện Bồng Sơn, Bình Định. Ông nội là Ngọc Chính, làm quan nhà Lê, được tặng phong Vinh lộc đại phu. Cha là Ngọc Phẩn, cũng làm quan nhà Lê, đến chức Phó tướng Quảng Nam doanh. Hòa là người hào hùng cao cả, vì là con nhà tướng, ban đầu được ấm thụ làm hoằng tín đại phu rồi thăng cẩm y vệ đô chỉ huy sứ thự vệ sự. Vì có quân công, Đức Hòa được phong làm Quy Nhơn thám lý, Công quận công.

Thái tổ hoàng đế năm 43, Canh Tý (1600) mùa hạ, chúa từ Đông đô (nay là Hà Nội) về, Đức Hòa vào yết kiến. Thái tổ khen là người cung thuận, hậu đãi cho về. Đến khi Hy tông hoàng đế nối ngôi chúa, Đức Hòa thường dự bàn việc quân, việc nước, rất được chúa thân yêu tin cẩn, chúa thường gọi là em nuôi. Gặp khi

Digitized by Google

Nam Bắc dụng binh, trong cõi nhiều việc. Đức Hòa ở Quy Nhơn lâu ngày, trong vỗ cư dân, ngoài góp lương quân, được triều đình dựa làm trụ cột. Đức Hòa là người sáng suốt, biết người, cất nhắc Đào Duy Từ từ lúc còn là kẻ chăn trâu, gả cho con gái và tiến Duy Từ lên chúa, cuối cùng Duy Từ trở thành người đứng đầu trong các công thần (việc này nói rõ ở truyện Duy Từ). Sau khi mất, được tặng phong phúc thần. Dân Bồ Đề lập đền thờ. Hiển tông hoàng đế năm thứ 25, Bính Thân (1716) cho một người cháu gọi Đức Hòa bằng ông chú được miễn siêu dịch, lại cấp cho 10 mẫu tự điền. Gia Long năm thứ 4 (1805) truy xét công thần khai quốc, liệt Đức Hòa vào hạng nhất, ấm thụ một người cháu xa đời làm đội trưởng, được thế tập để coi việc thờ cúng, lại cấp cho 9 mẫu tự điền, 4 người coi mả.

Con là Đức Nghi làm quan đến phó đề đốc phủ Quy Ninh (sau đổi là Quy Nhơn).

*

Đào Duy Từ

Người huyện Ngọc Sơn, Thanh Hóa. Duy Từ là con nhà xướng ca Đào Tá Hán. Sinh ra, Duy Từ thông minh lạ thường, học rộng kinh sử, khéo làm văn, đặc biệt là tinh thông về những môn tượng vĩ thuật số. Đi thi hương nhà Lê, bị quan trường cho là con nhà xướng ca, không cho vào thi. Duy Từ bực tức quay về. Nghe nói Thái tổ hoàng đế ta yêu dân, trọng sĩ, hào kiệt quy phục, Duy Từ bèn quyết ý vào Nam. Đi đến Vũ Xương, ở hơn một tháng, chưa ai biết là người thế nào. Nghe nói, Quy Nhơn thám lý là Trần Đức Hòa được chúa tin yêu bèn vào Quy Nhơn nương nhờ một nhà phú ông ở xã Tổng Châu làm việc chăn trâu. Một hôm, phú ông đặt tiệc hội họp các danh sĩ, uống rượu ngâm thơ để mua vui. Duy Từ, chiều đến hối trâu về cầm roi đứng ở phía trước, cùng các danh sĩ

Digitized by Google

bàn luận cổ kim và kinh sử bách gia, điều gì cũng thông hiểu, cả đám tiệc đều kinh ngạc. Phú ông lấy làm lạ, nói với Đức Hòa.

Đức Hòa nói chuyện với Duy Từ, thấy Duy Từ học rộng biết nhiều, đem lòng yêu quý, bèn mời đến nhà dạy học rồi gả con gái cho. Duy Từ thường ngâm một bài "Ngọa Long cương" bằng quốc âm để sánh mình với Chư Cát Lượng [1]. Đức Hòa thấy thế nói rằng: "Duy Từ là ngọa long [2] ngày nay đấy nhỉ?" Hy tông hoàng đế năm 14, Đinh Mão (1627) quân ta đánh thắng quân Trịnh ở Nhật Lệ. Đức Hòa nghe tin thắng trận, vào mừng, thong dong lấy trong tay áo ra bài "Ngọa long cương" ngâm dâng lên chúa và nói: đây là thầy đồ nhà tôi, Đào Duy Từ làm ra. Chúa xem cho là lạ, vội ra lệnh vời vào yết kiến. Vài ngày sau Duy Từ đến yết kiến, chúa mặc áo trắng, đi hài xanh, ra cửa nách để đợi. Duy Từ trông thấy, dừng bước, đứng yên, không vào, chúa biết ý, lập tức mũ áo chỉnh tề rồi mới triệu vào. Duy Từ rảo bước vào lạy. Chúa cùng nói chuyện, bằng lòng lắm. Phán rằng: "Sao khanh đến muộn thế!" Liền phong làm nha úy nội tán, tước Lộc Khê hầu, quản quân cơ trong ngoài, tham lý quốc chính. Chúa thường triệu vào cung bàn bạc, Duy Từ giải bày hết cả những điều ấp ủ biết gì nói hết. Năm Kỷ Tỵ (1629) mùa đông, Trịnh Tráng hằn muốn xâm lấn miền Nam, trước sai Nguyễn Khắc Minh đem sắc tấn phong chúa làm Thái phó quốc công, giục ra Đông đô đi đánh giặc. Khắc Minh đến nơi, chúa triệu quần thần đến bàn; Duy Từ nói: "Đó là chúa Trịnh mượn mệnh lệnh vua Lê để dử ta đấy. Nhận sắc mà không đến, thì họ còn trách ta được, nếu không nhận thì tất họ động binh. Việc hiềm khích ngoài biên một khi hé ra, không phải là phúc sinh dân!

---

[1] Cũng có người gọi là Gia Cát Lượng.

[2] Chỉ Chư Cát Lượng.

Digitized by Google

Hơn nữa phía ta, thành quách chưa kiên cố, quân sĩ chưa luyện tập, một khi giặc đến, lấy gì chống được? Chi bằng nay hãy tạm nhận sắc, cho họ không nghi, ta được chuyên tâm sửa sang phòng giữ bờ cõi. Rồi sau dụng kế trả sắc, thì họ không làm gì được ta". Chúa nghe lời Duy Từ, hậu đãi sứ giả rồi cho về.

Duy Từ khuyên chúa đừng nộp lễ cống và phu thuế cho Trịnh. Chúa lấy làm khó nghĩ. Duy Từ tâu rằng: "Tôi nghe: dẫu có trí tuệ không bằng thừa thế. Tiên vương ta anh vũ mưu lược, không phải không thể chiếm giữ đất này. Nhưng trước kia tam ty thuộc tướng đều do chúa Trịnh thuyên bổ cất đặt, hễ làm một việc gì đều bị họ ngăn trở, cho nên phải ẩn nhẫn đến nay. Bây giờ chúa thượng chuyên chế một phương, quan liêu đều do mình đất đặt, một lời nói ra ai còn dám trái, tôi xin dâng một kế thì hàng năm không phải nộp phu thuế mà giữ được cảnh khổ và có thể thành được đại nghiệp".

Chúa hỏi kế sách thế nào. Duy Từ tâu rằng: "Nay, dựng nghiệp bá vương, cốt phải vẹn toàn. Người xưa nói không nhọc một lần thì không được rảnh lâu, không tốn công một lần thì không được yên mãi. Tôi xin lấy quân và dân 2 xứ (Thuận Hóa - Quảng Nam) đắp lũy dài, trên từ núi Trường Dục dưới đến bãi cát Hạc Hải, nhân thế đất đặt lũy hiểm cho vững, việc phòng bị ngoài biên, quân giặc dẫu đến cũng không làm gì được".

Chúa nghe theo. Năm Canh Ngọ (1630) mùa xuân, điều động cả quân và dân đắp lũy Trường Dục, hơn một tháng, lũy hoàn thành. Duy Từ xin với chúa làm mâm đồng hai lần đáy, để sắc vào trong, trên đặt vàng lụa, phẩm vật rồi sai tướng thần là Lại Văn Khuông làm sứ đi tạ ân. Duy Từ nghĩ sẵn hơn 10 câu vấn đáp trao cho Văn Khuông đem đi. Văn Khuông đến Đông đô, Trịnh Tráng

Digitized by Google

triệu vào hỏi, Văn Khuông biện bạch, không chịu khuất, Tráng sợ lắm, đãi Văn Khuông rất hậu. Văn Khuông bèm đem mâm đồng đựng vàng lụa dâng lên, rồi thừa cơ đi ngay.

Bên Trịnh lúc mở đáy mâm đồng ra, thấy có một đạo sắc và một tờ thiếp rằng "*mậu nhi vô địch, mịch phi kiến tích. Ái lạc tâm thường, lực lại tương địch*". Tráng đem cho các quan xem, không ai biết nghĩa là gì; Duy thiếu úy Phùng Khắc Khoan biết, nói rằng: đây là lối nói ẩn ngữ về 4 chữ "*dư bất thụ sắc*" [1] Tráng giận lắm, sai người đuổi theo thì Văn Khuông đã đi xa rồi. Tráng muốn phát binh vào đánh, gặp Cao Bằng và Hải Dương có giặc, bèn thôi.

Văn Khuông về đến nơi, chúa mừng nói rằng: "Duy Từ là Tử Phòng và Khổng Minh ngày nay", thưởng cho rất hậu. Lại cho Văn Không thăng cai hợp.

Năm ấy mùa đông, Duy Từ khuyên chúa ra quân đánh lấy châu Nam Bố Chính để giữ vững cõi Nam. Chúa bèn sai Nguyễn Đình Hùng đánh úp, chém tri châu Nguyễn Tịch mà giữ đất ấy, lấy sông Gianh làm giới hạn Nam Bắc. Chọn dân làm lính đặt làm 24 đội thuyền. Năm Tân Mùi (1631) mùa thu, Duy Từ nói với chúa rằng: "Tôi xem từ cửa biển Nhật Lệ đến núi Đâu Mâu thuộc Đồng Hới ngoài có khe ngòi sâu, bùn lầy, dùng để làm hào, trong đắp lũy dài, lại hiểm hơn lũy Trường Dục gấp 10 lần. Chúa ngại khó lắm. Duy Từ bèn cáo ốm, mượn thơ từ để ngụ ý khuyên chúa, lời rất khích thiệt. Chúa bèn nghe theo, sai Duy Từ cùng Nguyễn Hữu

---

[1] *Dư bất thụ sắc*: Nghĩa là ta không nhận sắc. Còn 16 chữ Hán nói trên là lối chiết tự. Chữ *mâu*... bỏ cái phẩy ở nách là chữ *dư*... chữ *bất*... chữ *kiến*... hợp lại thành chữ *mịch*... bỏ chữ *kiến*... đi thành chữ *bất*... Trong lòng chữ *ái*... có chữ *tâm*..., bỏ chữ *tâm*... thành chữ *thụ*... chữ *lực*.. và chữ *lại*... đứng ngang nhau, thành chữ *sắc*...

Digitized by Google

Dật đứng trông coi công việc tính công, thuê dân đắp lũy dài, tục gọi lũy Thầy, tức "Định bắc trường thành" ngày nay. Vài tháng, lũy đắp xong, cao 1 trượng 5 thước, dài hơn 3.000 trượng, trở thành một nơi hùng vĩ ngăn cách Nam Bắc. Lại cho làm xích sắt chắn ngang các cửa biển Nhật Lệ và Minh Linh.

Duy Từ khéo can ngăn trước khi có việc, chúa phần nhiều lựa ý nghe theo. Duy Từ thường khuyên chúa lập phép duyệt dân tuyển lính để chọn đinh tráng, làm phép sát hạnh, thi cử để kén lấy nhân tài. Lại nhân mộng thấy hùm xám mọc cánh, dâng Nguyễn Hữu Tiến lên làm tướng (việc này nói rõ ở truyện Nguyễn Hữu Tiến).

Năm Giáp Tuất (1634) mùa đông, Duy Từ ốm nặng, chúa thân đến thăm, Duy Từ khóc, nói: "Tôi gặp gỡ thánh minh, chưa báo đáp được một giọt, một tý gì, nay ốm thế này còn nói gì nữa". Sau đó Duy Từ mất, thọ 63 tuổi. Chúa thương tiếc mãi, tặng phong Hiệp mưu đống đức công thần, đặc tiến trụ quốc Kim tử vinh lộc đại phu, thái thường tự khanh Lộc khê hầu, thụy Trung lương, đưa tang về chôn ở xã Tòng Châu, sai lập đền thờ. Nhiều đời phong thêm là: Vỹ quốc gia mưu Phù vận Tán trị chi thần. Cho lấy thuế đinh phường đồng Duệ huyện Bồng Sơn làm ngụ lộc. Lại cho 10 người cháu gọi bằng chú bác được miễn thuế thân để coi việc thờ cúng. Gia Long năm thứ 4 (1805) xét sự trạng khai quốc công thần, liệt Duy Từ vào thượng đẳng, cho thờ phụ ở Thái miếu, cấp 15 mẫu tự điền, 6 người coi mả, ấm thụ cháu nội là Duy Tình làm cai hợp, được thế tập đội trưởng, coi giữ việc thờ cúng. Năm thứ 9 (1810) cho thờ vào miếu khai quốc công thần. Minh Mạng năm thứ 12 (1831) truy tặng làm khai quốc công thần, đặc tiến Vinh lộc đại phu, Đông các đại học sĩ, thái sư, phong Hoằng quốc công. Năm thứ 17 (1836) sai sở tại sửa phần mộ.

Digitized by Google

Duy Từ có tài lược văn võ, phụ chính 8 năm, công nghiệp rõ ràng, đứng đầu các khai quốc công thần. Tác phẩm có "*Hổ trướng khu cơ tập*" và "*Ngọa long cương ngâm*" lưu hành ở đời. Cháu xa đời là Duy Mẫn, đầu đời trung hưng, làm quan đến khâm sai tham tán.

*

Bùi Tá Hán.

Người huyện Chương Nghĩa, tỉnh Quảng Nghĩa. Tá Hán làm quan nhà Lê. Do chân thổ quan, trải làm đến Bắc quân đô đốc phủ chưởng phủ sự, tổng trấn Quảng Nam thiên bảo, Trấn quận công. Tá Hán khi làm quan, cốt ban ân huệ, vỗ yên quân và dân, trăm họ yêu mến gọi là Trấn bắc công. Năm Mậu Ngọ (1558) Thái tổ hoàng đế vào trấn Thuận Hóa thường có giặc ở phía đông đến. Tá Hán đem quân Quảng Nam đi cứu ứng, giặc không dám phạm. Lại thường đem quân đi đánh các man Thạch Bích ở Quảng Nghĩa, theo ven núi đặt đồn để chống giữ, biên cảnh được yên. Lúc mới khai quốc, Tá Hán dự có công lao. Mậu Thìn năm thứ 11 (1568), Tá Hán ốm chết, tặng phong thái bảo. Về sau hiển linh, chúa cho sở tại lập đền thờ, ban cho áo thật và đồ thật để thờ. Minh Mạng năm thứ 13 (1832) phong thêm làm Khuông quốc tĩnh biên Thụ đức thượng đẳng thần. Cháu xa đời là Phụ Phong, đầu năm Thiệu Trị (1841) làm quan đến Sơn Tây bố chính, vì liên lụy bị tội, phải miễn quan, sau được khởi phục, bổ làm tri phủ Hoằng An, rồi chết.

*

Trương Trà

Không rõ quê quán ở đâu, ông cha là ai. Ban đầu theo Thái tổ hoàng đế vào Nam, làm quan đến phó tướng, tước Trà quận công. Gặp có người huyện Khang Lộc là Mỹ Lương cùng em là Văn Lan

Digitized by Google

và Nghĩa Sơn đều vì nộp thóc, được làm quan. Vua Lê cho Mỹ Lương làm tham đốc, Văn Lan và Nghĩa Sơn làm thự vệ. Chúa Trịnh bèn mật sai đi ánh úp Vũ Xương. Tân Mùi, năm thứ 14 (1571) mùa thu, Mỹ Lương sai Văn Lan và Nghĩa Sơn đem quân mai phục ở Minh Linh, còn mình thì đem quân bí mật đi đường núi, đến Cầu Ngói (Ngõa Kiều) huyện Hải Lăng đặt phục binh, hẹn ngày giáp công. Chúa biết mưu ấy, bèn sai Trà đánh Nghĩa Sơn và Văn Lan, còn chúa thân đi đánh Mỹ Lương ở Cầu Ngói đốt trại giặc. Mỹ Lương trốn chạy, chúa đuổi theo bắt được, chém đi. Trà đến Phúc Thị, đánh nhau với giặc bị Nghĩa Sơn bắn chết. Vợ Trà là Trần thị người Diêm Tràng, được tin sục sôi căm giận, liền ăn mặc giả trai, đi đốc chiến, bắn giết Nghĩa Sơn ở trước trận. Văn Lan trốn chạy, bọn giặc bị dẹp tan cả. Chúa đem quân về, bàn xét công lao phong Trần thị làm quận phu nhân. Gia Long năm thứ 4 (1805) xét sự trạng công thần khai quốc liệt vào hạng nhì, cho ấm thụ một người trong dòng dõi được thế tập làm thứ đội trưởng, coi việc thờ cúng phu nhân. Lại cấp cho 6 mẫu tự điền và 3 người coi mả.

*

Lương Văn Chính

Người huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Tiên tổ là người Bắc Hà. Lúc trước Văn Chính làm quan nhà Lê, đến chức Thiên Vũ vệ đô chỉ huy sứ. Đầu năm Mậu Ngọ (1558) theo Thái tổ vào Nam. Khoảng năm Mậu Dần (1578), người Chiêm Thành đến lấn cướp, Chính tiến quân đến sông Đà Diễn, đánh lấy được Hồ Thành. Vì có quân công, thăng đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, tước Phù nghĩa hầu. Lại thăng làm quan trấn An Biên huyện Tuy Viễn. Văn Chính chiêu tập dân Xiêm khai khẩn đất hoang ở Cầu Mông, Bà Đài (tức Xuân Đài ngày nay). Cho dân di cư đến đấy. Lại mộ

Digitized by Google

dân khai hoang ở trên dưới triền sông Đà Diễn chia lập thôn ấp, ngày dần đông đúc. Lúc Văn Chính chết, được tặng phong tiền trấn doanh tham tướng, Phù quận công Bảo quốc chi thần. Tỏ ra hiển linh, được người làng lập đền thờ. Thế tông năm thứ 2 Canh thân (1740) truy tặng Bảo quốc Hộ dân Hựu thuận chi thần. Năm thứ 6 Giáp Tý (1744) , tặng thêm là Bảo quốc Hộ dân Hựu thuận Phong công Tinh tiết chi thần. Minh Mạng năm thứ 3 (1822) sắc phong Tráng du Cung vũ Linh ứng thượng đẳng thần. Con cháu làm đến tước hầu 2 người. Văn Chính là công thần hồi quốc sơ, khai thác đất đai, mở rộng biên giới công lao thật rõ rệt. Nhưng vì sự tích ra muộn, cho nên sách *Thực lục* bỏ sót tên ông.

+

Nguyễn Hữu Tiến

Tiên tổ là người huyện Ngọc Sơn tỉnh Thanh Hóa, sau di cư vào huyện Bồng Sơn tỉnh Bình Định. Tiến trang mạo khôi ngô, vai như vai hổ, lòng bàn chân có 7 nốt ruồi. Lúc bé mồ côi nhà nghèo phải đi làm thuê cho người ta. Tính Tiến trầm lặng, cương quyết, có chí to, thường nói: "Ta nếu gặp thời thì sẽ dẹp yên loạn lạc để tỏ tài năng". Ai cũng tức cười, cho là si. Hy tông hoàng đế năm 18 Tân Mùi (1631) Nội tán Đào Duy Từ, một hôm nằm mộng thấy con hổ đen từ phương nam vào. Duy Từ sai quân vây bắt. Hổ thình lình mọc 2 cánh bay lên trời múa. Thức dậy, Duy Từ mặc áo chỉnh tề, ngồi đợi giây lát, Hữu Tiến từ ngoài vào, mặc áo thâm, cầm quạt lông, đứng ở dưới thềm. Duy Từ thấy người diện mạo vẻ khác thường, hỏi thì nói họ tên, hỏi năm sinh thì nói sinh năm Nhâm Dần. Duy Từ mừng thầm vì ăn khớp với câu chuyện trong giấc mộng. Lưu ở lại nói chuyện, Duy Từ quý trọng lắm, gả con gái cho Tiến. Rồi tiến cử lên chúa. Chúa cho Tiến làm đội trưởng đốc suất

Digitized by Google

thuyền định Cầu Nội thủy, Tiến thường ban đêm diễn tập quân đội. Có người trái luật, Tiến chém ngay Kỳ trưởng để rao trong quân. Do đấy toàn quân đều sợ. Duy Từ nghe tin, sợ hãi vội vào chầu chúa. Bấy giờ chúa đương ngồi xem sách, bèn cùng Duy Từ bàn binh pháp xưa nay. Duy Từ nói đến chuyện Tôn Vũ tử dạy cung nhân vua Ngô tập trận, chém người ái cơ. Chúa khen Ngô vương thì quyết đoán, Tôn Vũ thì nghiêm nghị cho nên làm thành bá nghiệp. Duy Từ nhân đó đem việc Hữu Tiến chém Kỳ trưởng, xin nhận tội. Chúa nói: "quân không tề chỉnh thì giết đi, có tội gì đâu!? Sau đó thăng Tiến làm cai đội. Từ đấy sĩ tốt ai cũng sợ và phục Tiến, dần thăng đến cai cơ, lại làm chưởng cơ. Thần tông hoàng đế, năm thứ 13 Mậu Tý (1648) mùa xuân theo thế tử (tức là Thái tông hoàng đế) chống quân Trịnh ở cửa biển Nhật Lệ, Hữu Tiến trước đem hơn 100 voi khỏe, đánh úp doanh trại giặc. Kế đó, đại quân kéo đến, cả phá quân giặc, chém được hơn 10 tướng giặc, bắt sống được giặc rất nhiều, đuổi đến sông Gianh rồi mới về. Hữu Tiến lĩnh 3.000 quân đóng đô ở Vũ Xá để phòng thủ gọi là đạo Lưu đồn (tục gọi là doanh Mười).

Thái tông hoàng đế, năm thứ 7 Ất Mùi (1655) mùa xuân, tướng Trịnh là Trịnh Đào sai tướng giữ đồn là Phạm Tất Đồng sang sông xâm lấn doanh Bố Chính. Chúa bàn muốn đánh ra Bắc, mong được người hiền tài để giao phó cho việc ngoài biên. Chúa mộng thấy thần nhân cho bài thơ rằng:

Tiên kết nhân tâm thuận.
Hậu thì đức hóa chiêu.
Chi diệp khám tối lạc,
Căn bản dã nan dao.

Digitized by Google

Dịch nghĩa Trước hết lòng người thuận.
Sau đức hóa chiếu ngay.
Cành lá có thể rụng.
Cội gốc khó lung lay.

Chúa nghĩ bài thơ này ứng vào tên *Thuận Nghĩa* và *Chiêu Vũ* (Nguyễn Hữu Tiến, tước là *Thuận Nghĩa* hầu, Nguyễn Hữu Dật là *Chiêu Vũ* hầu) cho nên phàm việc quân đều bàn với hai người ấy. chúa cho Hữu Tiến làm tiết chế, cùng với đốc chiến Nguyễn Hữu Dật đem quân tiến đáng sang sông Gianh. Hữu Tiến trước sai cựu doanh trấn thủ Tống Hữu Đại ra xã Lũ Lăng, đánh đuổi tham đốc bên Trịnh là Đặng Minh Tắc cướp lấy doanh trại. Lại sai Phù Dương ra Phù Lưu, đánh phá doanh Tam Hiệu. Tất Đồng chạy đến Lung Bông. Lại điều Xuân Sơn làm hạ đạo tiền phong. Bọn Nguyễn Cửu Kiều đều lệ thuộc. Gặp tướng Trịnh, Lưu Hữu Đức ở Hoàng Sơn, đánh phá được, thu được voi ngựa, khí giới vô kể. Thừa thắng, thẳng đến doanh Hà Trung, Trịnh Đào hết sức chống đánh. Đại binh của Hữu Tiến tiếp đến, chém tỳ tướng Trịnh là Chăn Bái tại trận. Quân Trịnh thua chạy. Quân Hữu Tiến bèn lấy được doanh Hà Trung. Phù Dương đuổi kịp Tất Đồng ở Lung Bông. Tất Đồng dâng châu xin hàng. Trịnh Đào theo đàng sau núi Hoành Sơn chạy. Trước đó Hữu Dật tính rằng Đào thua, tất theo đường núi Bạch Thạch mà chạy, nên đã dẫn quân bản bộ đến phục sẵn ở đấy. Kịp khi Đào đến, ngoái bảo thuộc hạ rằng: "Chỗ này nếu có phục binh thì là ta hết đường chạy!". Nói chưa dứt lời, phục binh vụt nổi dậy, Hữu Dật chính mình bắn Đào trúng cánh tay trái, Đào bèn bỏ voi, ngựa, khí giới, cùng Hữu Đức chạy về Tràng An. Hữu Dật muốn thừa thắng đuổi tràn, nhưng Hữu Tiến cho là không nên. Họ bèn hội quân ở doanh Hà Trung, báo tin thắng trận.

Digitized by Google

Chúa mừng nói: "Hữu Tiến và Hữu Dật thực là hổ tướng". Sai sứ đến quân thứ khao thưởng ủy lạo quân sĩ, và sai đóng quân lại, chiêu tập vỗ về nhân dân, để đợi cơ hội. Bấy giờ Hữu Tiến mới lập bài chiêu an để thu phục nhân tâm. Tướng Trịnh, lũ Đặng Minh Tấc, đến cửa quân xin hàng. Hữu Tiến chia cho lệ thuộc các doanh trại. Lại làm sổ biên số tướng sĩ mới hàng dâng lên, Hữu Dật bèn thả tên phản gián với nhà Trịnh. Trịnh Tráng ngờ Đào, sai bắt về, Đào chết ở dọc đường. Việc này đến tai chúa. Chúa hài lòng lắm, thưởng Hữu Tiến 30 lạng vàng, 100 lạng bạc, thưởng Hữu Dật 30 lạng vàng, 80 lạng bạc. Lại thưởng thêm Hữu Dật một áo gấm, một thanh gươm báu. Còn chư tướng đều được thưởng có tầng bậc khác nhau.

Mùa hạ năm ấy, Trịnh Tráng sai thái bảo Trịnh Trương làm thống lĩnh, bồi tụng Nguyễn Văn Trạc và cấp sự trung Nguyễn Tính làm đốc thị lĩnh 8 tướng, đi thu phục doanh Hà Trung. Vũ Văn Thiêm đem 50 chiến thuyền đóng ở cửa biển Kỳ La. Được tin, Hữu tiến bàn mưu với Hữu Dật, Hữu Dật nói: "Quân giặc nhiều, quân ta ít, khó tranh phong với địch! Ta hãy tạm lui về sông Gianh, giả vờ tỏ ra ta yếu. Mật sai bộ binh phục ở Lung Bông, thủy quân đóng ở cửa biển Tiến để đợi. Lũ Trương thấy quân ta rút về Nam, tất cho là ta nhát, chúng không phòng bị, ta thừa cơ mà đánh tất được toàn thắng. Thế là đắc sách đấy". Hữu Tiến cho là phải, bèn sai cai cơ Trương Phúc Hùng đem quân phục ở Lung bông, Tôn Thất Tráng đem binh thuyền ra đóng cửa biển Tiến, còn mình thì rút quân về sông Gianh. Lũ Trương đến Hà Trung, ngờ không dám tiến, hỏi Văn Trạc, Văn Trạc nói: "Hữu Tiến và Hữu Dật là tướng trí dũng. Từ khi sang bờ bên bắc đến nay thừa thắng đánh xa, nhuệ khí càng mạnh, nay vô cớ rút quân, là nhử quân ta đây. Chi bằng ta hãy lui đóng Lạc Xuyên, cho quân thủy quân bộ liên tiếp nhau". Trương theo lời ấy, lui đóng đồn ở Lạc Xuyên.

Digitized by Google

Hữu Tiến và Hữu Dật được tin ấy, dâng thư nói với chúa rằng: "Đời xưa, Tào Tháo trăm vạn quân bị thua với Đông Ngô, Hách Chiêu ba ngàn quân chống được Gia Cát. Vậy biết quân nhiều hay ít, không cần bàn đâu. Nay Trịnh Trương vào Nam, hơn một tháng, chưa từng đánh một trận nào, mà bỏ đất Kỳ Hoa (nay là Kỳ Anh) lui giữ Lạc Xuyên, tất là quân nhiều mà không có chí chiến đấu. Lũ tôi xin ra quân đánh, rồi đại quân theo sau tiếp ứng và bày thủy quân ở sông Gianh để làm thanh thế cứu viện". Chúa cho là phải.

Mùa thu năm ấy, Hữu Tiến sai chư tướng chia đường cùng tiến. Tướng Trịnh sợ oai phong đều trốn. Trịnh Trương lui giữ An Trường, quân ta thừa thắng tiến đến xã Bân Xá (thuộc huyện Thiên Lộc). Bắc Hà do đấy náo động cả lên! Trịnh Tráng được tin, lại sai Trịnh Ninh và Đào Quang Nhiêu đem quân đi cứu Trịnh Trương. Quân ta lui đóng Hà Trung. Tướng Trịnh bèn bắt đem về những dân ở Kỳ Hoa đã hàng ta. Hữu Tiến sai quân ra Thạch Hà đón đánh, cả phá được giặc. Lại đánh đồn Tiếp Vũ, tướng Trịnh là Thân Văn Quảng thua chạy. Quân ta thừa thắng, tiến đến sông Tam Chế, quân Trịnh hợp sức lại, chống đánh. Hữu Dật đánh tướng Trịnh là Văn Thiệm ở Mẫn Tường, phá tan được. Hữu Tiến tiến quân đến đóng Minh Lương. Tướng Trịnh là Quảng Nhiêu chạy về giữ An Tràng. Lũ Hữu Tiến thu quân, đóng đồn ở Vân Cát, báo tin thắng trận. Chúa sai sứ mang vàng lụa thưởng lạo tướng sĩ.

Hữu Tiến lại sai các tướng là lũ Hoằng Vinh đem thủy quân đánh tướng Trịnh là Trịnh Xuân ở cửa biển Nam Giới. Hữu Dật dốc quân ồ ạt bắt được Trịnh Xuân và 30 chiến thuyền. Quân Trịnh trốn chạy, lui giữ bến Biềm. Hữu Tiến được tin Trịnh Ninh đem quân cứu đã đến xã Tam Lộng, bèn bày thủy trận ở các bến ngã ba Thạch Phu, Hữu Dật sai Hoằng Tín lĩnh chiến thuyền phục ở Minh Lương, còn mình thì đem bộ binh phục ở xã Nam Ngạn để chẹn

Digitized by Google

đường về của Ninh. Ninh nghe nói Hữu Dật đóng quân ở xã Nam Ngạn, cười rằng: "Hắn đem cô quân vào sâu, khác nào cá vào lưới, đủ để cho ta cùng chư tướng ăn gỏi đấy thôi!" Ninh bèn chia quân vụt ra xã Nam Ngạn, đánh nhau với quân ta, đều bị phục binh ta giết chết. Ninh dẫn quân qua Bình Hồ, lại bị thủy binh của Hoằng Tín chẹn đánh: Quân Ninh chết rất nhiều. Ninh bèn lui đóng ở An Tràng. Sau đó, Trịnh Tạc ngờ Ninh, triệu về, cho Trịnh Căn thay. Quân ta cũng lui đóng Hà Trung, giữ dật 7 huyện thuộc Nghệ An. Cùng với quân Trịnh cách sông Lam, cầm cự nhau;. Hữu Tiến vâng mệnh chiêu dụ vỗ về nhân dân, lại tuyển người tài học chia đặt quan chức, xét sổ đinh, thu lương và lấy lính. Bấy giờ dân vui làm việc, quân có lương thừa, quân ta đánh nhiều lần đều thắng. Trịnh Căn muốn bỏ Nghệ An.

Rồi đó, vì quân ta đóng lâu, nhớ nhà, muốn về, Hữu Tiến lại bất hòa Hữu Dật, thêm vào đó trận đánh ở An Điềm lại thất lợi; ta bèn dẫn quân về Nam, vẫn đóng ở đạo Lưu Đồn.

Năm Nhân Dần (1662) mùa xuân, quân Trịnh vào lấn cướp. Quân ta đánh phá được. Hữu Tiến cùng Hữu Dật coi việc đắp lũy Trấn Ninh. Vài tháng sau, lũy hoàn thành. Việc phòng thủ ngoài biên càng bền vững. Năm Giáp Thìn (1664) mùa hạ, Hữu Tiến nhân ốm xin về nghỉ. Chúa cho triệu về ở doanh trấn Cựu để điều dưỡng, cử Hữu Dật thay.

Năm Bính Ngọ (1666) mùa thu; Hữu Tiến ốm nặng, triệu các thuộc tướng đến, bảo rằng: "Tôi chịu ơn to của nước, chưa trừ được họ Trịnh lòng căm giận, còn để lại đấy!" Nói xong rồi chết, thọ 65 tuổi.

Chúa được tin, thương xót lắm, tặng phong làm Hiệp mưu tán lý công thần, đặc tiến Tả quân đô đốc phủ chưởng phủ sự, tiết chế, Thuận quận công; lại ban nhiều gấm, lụa, tiền bạc và cho táng theo lễ tước công.

Digitized by Google

Hữu Tiến làm tướng, lập nhiều chiến công, Bắc Hà gọi là Hổ uy đại tướng. Nổi tiếng ngang nhau với Nguyễn Hữu Dật. Hữu Tiến là bậc khai quốc công thần. Sau khi chết, nhân dân thương tiếc lập đền thờ ở ấp Tránh Tiếp (thuộc tỉnh Quảng Bình).

Hiển tông Hoàng đế, năm thứ 3 Giáp Tuất (1694) truy cấp 18 mẫu tự điền, 100 người tự dân,. Gia Long năm thứ 4 (1805) xét sự trạng khai quốc công thần, liệt vào thượng đẳng, cho thờ phụ vào Thái miếu, ấm thụ một người dòng dõi làm đội trưởng, được thế tập coi việc thờ cúng, lại cấp 15 mẫu tự điền, 6 người coi mả. Năm thứ 9 (1810) cho thờ vào miếu khai quốc công thần. Minh Mạng năm 12 (1831) truy tặng khai quốc công thần, đặc tiến Tráng vũ tướng quân, Tả quân đô thống phủ chưởng sự, thái bảo, thụy Tương Vũ, phong Anh quốc công, thờ phụ vào miếu đình như cũ. Năm thứ 16 (1835) lại cho thờ vào Vũ miếu. Năm thứ 17 (1836) sai sở tại sửa phần mộ.

Con là Hữu Uy, ban đầu được trao chức cai cơ. Năm Tân Mùi (1691) mùa xuân, Hiển tôi g nối ngôi chúa, cho thăng chưởng cơ rồi cho lên làm trấn thủ doanh Bình Khang. Giáp Tuất (1694) mùa xuân, Thuận Thành gây biến vây Phan Rang, Chu Kiêm Thắng cáo cấp. Hữu Uy dẫn quân đến cứu, giải được vậy. Rồi Hữu Uy ốm chết. Con là Hữu Phụng làm đến nội đội trưởng.

✦

Nguyễn Hữu Dật

Người quý huyện tỉnh Thanh Hóa. Dật là con tham tướng chưởng cơ Nguyễn Triều Văn. Lúc mới lên vài tuổi, cùng đàn trẻ chơi đùa, Dật thường bày trận, đặt quân kỳ và cuân chính, tự nhận mình là đại tướng. Triều Văn mừng thầm cho rằng con mình ngày

Digitized by Google

sau tất thành người tài, bèn cho đi học. Gặp được dị nhân, dạy cho binh pháp, bởi thế Dật học càng tiến. Hy tông hoàng đế, năm thứ 6 Kỷ Mùi (1619) Hữu Dật 16 tuổi, vì có văn học, được bổ văn chức. Sau đó vì tấu đối trái ý chúa, chúa cho về. Từ đấy, tự mình hết sức cố gắng, thuật nghiệp càng tinh. Năm Bính Dần (1626) lại vào làm văn chức tham dự việc cơ mật, thông thái chính thể, chúa yêu và quý trọng. Năm Đinh Mão (1627) mùa xuân, Trịnh Tráng vào lấn cướp, chúa sai tiết chế Tôn Thất Vệ đem bộ binh đi chống cự, cho Hữu Dật giám chiến, nhiều lần phá tan quân Trịnh. Lại thả lời phản gián nói anh em Trịnh Gia và Trịnh Nhạc mưu làm loạn. Hay tin đó, Trịnh Tráng sinh nghi bèn rút quân về. Năm Tân Mùi (1631) mùa thu, Dật cùng Đào Duy Từ coi việc đắp lũy Nhật Lệ. Năm Quý Dậu (1633) mùa đông, Trịnh Tráng đem quân thủy quân bộ lấn cướp, thẳng đến cửa biển Nhật Lệ. Chúa sai Hữu Dật đem quân đi chống cự, đắp lũy Trường Sa để hộ vệ chánh lũy. Quân Trịnh cách lũy cầm cự hơn một tuần [1], Hữu Dật thấy quân Trịnh hơi trễ tràng bèn thình lình xông ra đánh dữ, phá được địch, quân giặc chết đến quá nửa! Trịnh Tráng bèn cho Khắc Loát giữ châu Bắc Bố Chính, còn mình rút quân về.

Sau đó, Khắc Loát sai người đưa lễ, nộp lòng thành. Thần tông hoàng đế, năm thứ 5 Canh Thìn (1640) mùa thu, Khắc Loát lại làm phản, quay về với Trịnh, quấy rối châu Nam Bố Chính. Chúa triệu quần thần bàn luận. Hữu Dật bàn rằng: Loát là kẻ tiểu nhân phản trắc, Tráng dẫu dung nó, nhưng trong lòng thực vẫn ngờ. Xin làm thư phản gián đưa cho bên Trịnh nói rằng Khắc Loát hẹn nhau với ta giả cách bất hòa, quân ta đánh thì giả đò thua, chạy về, dụ Tráng đến thì giết đi. Làm vậy là cốt để cho Tráng tức giận. Ta nhân sai

[1] một tuần 10 ngày.

Digitized by Google

quân ngầm sang sông Gianh đón Khắc Loát đến hội họp nhắc lại giao ước trước, rồi nhân lúc không phòng bị, ta liền đánh úp. Khắc Loát không bị ta bắt, thì cũng bị chúa Trịnh giết thôi. Chúa dùng mưu ấy, Tráng được thư, quả nhiên cả giận, lập tức sai thái úy Trịnh Kiều đem 5.000 quân vào châu Bắc Bố Chính để bắt Khắc Loát. Đến nơi thì Khắc Loát đã bị tướng ta là Nguyễn Cửu Kiều và Trương Phúc Chấn đánh cho chạy rồi. Kiều cho là Khắc Loát giả cách thua, bèn bắt Khắc Loát giải đến cho Tráng giết đi. Quân ta bèn lấy được đất châu Bắc Bố Chính. Chúa khao thưởng tướng sĩ, thăng Hữu Dật làm giám chiến.

Năm Mậu Tý (1648) mùa xuân, chúa Trịnh sai tướng là Trịnh Đào đem đại quân vào xâm lấn miền Nam, thủy quân tiến đóng Vũ Xá. Chúa sai thế tử tiết chế các doanh, chia đường tiến đánh. Hữu Dật cùng Tôn Thất Lộc lĩnh bộ binh làm tiên phong. Đến xã An Đại thuộc Quảng Bình, gặp gió ngược nổi to, Lộc muốn đóng quân cố giữ. Hữu Dật thấy phương nam có đám mây đỏ to như cái lọng nhấp nhoáng sáng ngời, phương bắc có mây trắng tan tác như tuyết. Dật mừng bảo Lộc rằng: "Chiêm nghiệm khí tượng trên trời thì là cái điềm phương nam đại thắng, cần gì phải giữ!" Lộc vẫn còn ngờ. Dật lại nói: "Quân giặc dẫu nhiều nhưng theo ven núi mà đi, chưa biết địa hình chỗ nào hiểm, chỗ nào dễ. Ta chọn chỗ hiểm mà xông ra đánh, tất phá được quân giặc. Bèn sắp xếp quân tề chỉnh, gấp tiến lên. Gặp quân bộ của Trịnh, ta đánh, phá được. Thế quân ta rất lừng lẫy. Thế tử tiếp đến, sai Hữu Tiến nhân đang đêm đem quân có voi đánh lũy giặc, cả phá được địch. Trịnh Đào ở đồn Nam Bố Chính, bỏ quân chạy. Ta bắt sống được địch rất nhiều.

Thái tông hoàng đế, Mậu Tý, năm đầu (1648) mùa xuân, thăng Hữu Dật làm cai cơ, lĩnh ký lục doanh Bố Chính. Năm Canh Dần

Digitized by Google

(1650) mùa xuân, Dật thường ra lệnh cho các tướng sĩ ngụy trang mặc quần áo và mang cờ xí Bắc Hà, mưu làm rối loạn quân Trịnh, lại làm thư trá hàng đưa cho bên Trịnh hẹn làm nội ứng, nhưng chưa kịp tâu cho chúa biết. Tôn Thất Tráng vì có hiềm khích với Dật, bèn đem việc ấy dèm pha với chúa. Chúa sai bắt Dật, giam vào ngục. Dật bèn thuật truyện *Anh liệt chỉ đấu* đời Minh làm truyện Hoa Vân Các thị (Hoa Vân chửi giặc mà chết, vợ là Các thị cũng chết theo) để tỏ chí mình, nhờ người coi ngục dâng lên. Chúa xem rồi, tha Dật, lại cho làm văn chức, yêu thương đãi ngộ như trước.

Năm Ất Mùi (1655) mùa xuân, tướng Trịnh là Phạm Tất Đồng tung quân sang sông Gianh xâm nhiễu. Chúa bàn muốn đánh Bắc Hà nhân nghĩ tên của Hữu Dật đúng với lời thơ trong mộng [1] nên rất tin dùng hơn nữa. Sau đó sai Hữu Dật đi tuần ngoài biên, xem xét hình thế núi sông. Đến lúc về, chúa triệu vào hỏi, Hữu Dật nhân dâng kế rằng: "Gần đây, mấy năm dụng binh, quân ta chưa từng qua sông sang Bắc. Nay tôi xin chia quân làm 3 đạo: Thượng đạo trước đánh Tất Đồng. Trung đạo tiến theo để làm thanh thế tiếp ứng. Trịnh Đào ở doanh Hà Trung, được tin, tất cho rằng quân ta kéo đến chỉ nhằm đánh Tất Đồng mà thôi, thế nào Đào cũng bỏ trại không mà đem quân đi cứu Tất Đồng. Quân hạ đạo của ta lén ra Hoành Sơn, đánh úp Lê Hữu Đức, nhân sơ hở cướp lấy doanh Hà Trung. Thế là kế điệu hổ lìa núi, đánh một trận có thể thu được toàn thắng". Chúa mừng, nói: "Ngẫm xem diệu kế của ngươi, dẫu mưu thần đời xưa chẳng qua cũng chỉ đến thế!". Hữu Dật lại xin lập đài đốt lửa báo hiệu ở các cửa biển Quảng Bình, để báo tin cho nhanh. Và xin đặt kho ở Trường Dục, tải thóc chứa vào. Rồi sai

---

[1] Xem chuyện chúa Nguyễn Thái tông Hiền Triết nằm mộng thấy thần nhân cho thơ ở *truyện Nguyễn Hữu Tiến.*

Digitized by Google

tướng sĩ các doanh Quảng Bình, Bố Chính đều chỉnh bị quân nhu để đợi trưng phát. Chúa đều nghe theo. Cho Hữu Dật làm đốc chiến, cùng tiết chế Nguyễn Hữu Tiến đem quân thủy và quân bộ sang sông Gianh, tiến đánh giặc; đi đến đâu đều đánh thắng cả, bèn chiếm giữ được đất 7 huyện thuộc Nghệ An. (Việc này nói rõ ở truyện Nguyễn Hữu Tiến).

Năm Bính Thân (1656) mùa hạ, chúa đi Quảng Bình, đóng ở An Trạch Hữu Dật đến yết kiến ở hành tại. Chúa hỏi việc binh, Hữu Dật tâu rất tường tận. Nhân nói: "Dụng binh hai năm nay, mới tạm định được 7 huyện Nghệ An, lấy được rất khó mà tốn của rất nhiều. Nay chưa có thể tiến đánh, xin hãy đắp lũy ở bờ nam sông Lam để giữ và đợi cơ hội. Vả lại dụng binh trước phải chọn tướng. Nay những người cầm quân, phần nhiều là chỗ họ hàng cố cựu với nhà chúa có người không quen kỷ luật, tiến lui trái phép, cũng có người dung quân cướp bóc để mất lòng dân. Như thế đều không phải đạo toàn thắng. Xưa kia, Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố đều có trí dũng, làm tướng nhà Hán, lập được công nghiệp, có phải đều là người Phong Bái [1] đâu? Nay tôi xin chọn kỹ các tướng, ai có mưu lược thì không cứ là thân thích hay người ngoài, đều cho cầm quân, còn những người họ hàng cố cựu mà không biết binh pháp thì cho bổng lộc ưu hậu suốt đời chứ không cho nắm giữ binh quyền. Như thế, bổ dụng sẽ được tướng tài, đánh đâu cũng tất thắng. Chúa khen phải, thưởng cho vàng bạc và gươm báu, lại cho trở về quân thứ.

Năm Đinh Dậu (1675) mùa hạ, quân ta đóng ở bờ nam sông Lam. Tướng Trịnh lũ Lê Hiển, Hoàng Nghĩa Giao và Đặng Thế

---

[1] *Phong Bái*: quê Hán Cao tổ. Những người ở Phong Bái đều là họ hàng thân thuộc Hán Cao tổ.

Digitized by Google

Công hẹn nhau chia quân làm 3 đạo, sang sông, qua huyện Anh Chương, vượt qua Nam Kim, đánh úp quân Tống Hữu Đại; Trịnh Căn đem quân tiếp ứng, để chặn phía sau quân ta. Hữu Dật biết mưu ấy, mật báo cho Hữu Đại bày trận đợi sẵn. Rồi đó quân Trịnh lên bờ sông, đi chưa được vài dặm gặp quân của Hữu Đại, bèn giao chiến. Hữu Đại giả cách chạy, lũ Hiển đuổi theo, phục binh của ta thình lình nổi lên, quân Trịnh rút chạy, tan vỡ. Quân ta đuổi theo đến ven sông rồi về.

Tin thắng trận báo lên, chúa cho đem vàng lụa thưởng các tướng sĩ có tầng bậc khác nhau.

Mùa thu năm ấy, Trịnh Căn cho rằng Thắng Nham (không nhớ họ) đóng quân ở lũy Đồng Hôn, đất ấy thấp và ẩm ướt, sợ đến mùa thu lụt, sẽ bị quân ta đánh úp, bèn muốn dời đồn đến chân núi Thổ Sơn. Người do thám đem việc ấy về báo. Hữu Dật bảo Hữu Tiến rằng: "Tôi đã tính đến ngày 25 là ngày Quý Hợi, sao Trẩn gặp (triều độ) mặt trời, tất có gió dữ mưa to, lại có khí đen suốt đến phần sao đẩu. Mây trắng che vào chấn cung, phương bắc tất có nước lụt. Ta nhân dịp này, đánh úp đồn của Thắng Nham, tất là phá được." Đến ngày ấy, quả nhiên mưa to gió dữ, nước sông lên to. Hữu Dật đem quân thẳng đến Đồng Hôn, nhân nước lụt, đánh phá đồn ấy. Thắng Nham lên Thổ Sơn, trốn chạy. Quân ta thu được khí giới rất nhiều. Hữu Tiến mừng bảo Hữu Dật rằng: "Ông tính giỏi như thần vậy". Hữu Dật nói: "Nhờ oai linh chúa thượng và sức các tướng, tôi có giỏi gì đâu".

Năm Mậu Tuất (1658) mùa thu, Hữu Tiến mưu quấy rối quân Trịnh, bèn chia quân lần lượt ra địa phương các huyện Đông Thành, Hưng Nguyên và Nam Đường. Quân Trịnh cũng phòng thủ nghiêm cẩn. Quân ta lại dẫn về, cầm cự với giặc. Chợt có tên

Digitized by Google

Phạm Phượng đến quân thứ Hữu Tiến, nói: "Năm ngoái Thắng Nham giữ Đồng Hôn, bị Đốc chiến [1] đánh thua, Trịnh Căn sai tham đốc là Vân Khả (không nhớ họ) lĩnh quân thay giữ. Vân Khả là người tham bạo, có thể tìm cách đánh lấy được". Hữu Tiến sai người nói với Hữu Dật. Hữu Dật mừng nói: "Trước đây ta xem thiên văn thấy mây đen che vào sao Khôi, ngày 11, Mậu Thìn, là ngày lục long, tất có mưa lụt. Nhân lúc nước lên to mà đánh, tất là thắng hắn". Hữu Dật bèn hẹn Hữu Tiến hội quân để đánh. Đến ngày ấy, quả nhiên mưa to, Hữu Dật trước đem thuyền quân ập đến lũy Đồng Hôn, đánh gấp. Quân Trịnh kinh sợ tan vỡ. Vân Khả trốn về An Trang. Hữu Tiến dẫn quân về.

Năm Kỷ Hợi (1659) mùa thu, Trịnh Tạc thấy quân thua mãi, lo lắm, mưu đồ muốn dụ Hữu Dật, bèn sai người mang trân châu, khối vàng và một thư đưa đến. Hữu Dật cả giận, giả cách đáp ứng nói: "Xin chúa tự đem quân đón tiếp tôi ở trên bờ sông". Sứ giả của Trịnh đi rồi, Hữu Dật lập tức đem thư và đồ biếu của Trịnh Tạc đưa lên tâu với chúa, và nói: "Tôi thờ chúa thượng, ơn tình như chỗ cha con, chả có ý đồ gì khác. Nay muốn đem kế của địch làm kế của mình để bắt lấy tên giặc ấy. Chỉ sợ ý này không được phơi bày thì tội nào lớn hơn nữa." Chúa bảo cho biết rằng: "Ta vốn biết ngươi trung thành, những của bên Trịnh đưa biếu ngươi hãy cứ nhận lấy, chớ cho là hiềm nghi mà bận lòng. Hữu Dật mừng quá, sắp quân tề chỉnh để đợi. Gặp có kẻ đầu hàng là Tô Long từ Bắc vào nói: "Quân ta không tiến, bỏ lỡ cơ hội, đáng tiếc!" Hữu Dật hậu đãi và cho Tô Long về. Lập tức đến chỗ Hữu Tiến bàn việc ra quân và thuật với Hữu Tiến những lời Tô Long nói. Biết Hữu Dật tự ý cho Tô Long đi về mà không bàn với mình. Hữu Tiến không

[1] Chỉ Nguyễn Hữu Dật.

Digitized by Google

bằng lòng. Thuộc tướng (của Tiến) là lũ Tôn Thất Tráng dòm biết ý ấy lại ghen ghét Hữu Dật có công to, bèn nói với Hữu Tiến rằng: "Đại binh đánh dẹp lệnh ở nguyên súy, thế mà Đốc chiến [1] riêng cho Tô Long đi về, là nghĩa gì! Hơn nữa, mật thư trước kia, hư thực chưa rõ, sao nên vội tin lời của Tô Long, chi bằng ta hãy đóng quân để đợi". Hữu Tiến cho là phải. Hữu Dật đứng phắt dậy, nói:"Tôi cùng chư tướng vâng mệnh ra quân, chỉ cốt báo nước. Trước kia, thư Trịnh mật dụ tôi đã tâu lên chúa ngay rồi, chính muốn đem kế của nó làm kế của mình để làm được việc to. Các ông sao lại ngờ tôi!" Hữu Tiến nói: "Lũ ta chịu ơn nhà nước, chỉ nên đồng lòng báo đáp, chứ có nghi gì đâu. Nhưng lời chư tướng nói nên đợi cơ hội, cũng có lý, Đốc chiến [2] nên nghe theo là phải". Bởi thế Hữu Dật uất ức không vui, lo lắng phẫn uất thành ốm.

Năm Canh Tý (1660) mùa thu, quân ta đóng lâu, nhớ nhà, muốn về, những lính mới đầu hàng ở Nghệ An phần nhiều cũng trốn đi. Hữu Dật thì có ý hăng hái tiến quân. Phần đông chư tướng không đồng ý, Hữu Tiến thấy Hữu Dật nhiều lần được khen thưởng, cũng đem lòng ghen ghét. Phù Dương nói với Hữu Tiến rằng: "Hữu Dật là bạch diện thư sinh, chỉ nói khéo được chúa tin dùng, tự sánh mình với Quản [3] Nhạc [4], lũ ta thường thẹn cho anh ta. Lại nghe nói sứ giả của Trịnh bí mật đi lại, sợ có ý gì khác chăng". Hữu Tiến giả cách mắng át đi rằng: "Ông nói thế quá lắm; đạo nhân thần lấy trung ái làm đầu, trung để thờ chúa, ái để kết bạn, há nên nghi kỵ lẫn nhau để phụ lòng triều đình ủy thác hay

---

[1] - [2] Chỉ Nguyễn Hữu Dật.

[3] Quản Trọng đời Xuân thu, giúp Tề Hoàn công làm thành nghiệp bá.

[4] Nhạc Nghị đời Chiến quốc, giúp Yên Chiêu vương đánh nước Tề, báo thù cho nước Yên.

Digitized by Google

sao?" Sau đó, Hữu Tiến cho quân sang sông Tam Chế đánh giặc, ít lợi, bèn rút quân về. Hữu Tiến lúc cùng chư tướng hội quân, không cho Hữu Dật biết. Đến lúc Hữu Dật nghe có tiếng súng mới cho người đến hỏi. Hữu Tiến sai Hữu Dật tiến đánh lũy Đồng Hôn. Hữu Dật lập tức đem quân bản bộ đánh đuổi quân Trịnh. Quân Trịnh lại quanh ra đằng sau núi, đánh thình lình. Gặp đại binh của Hữu Tiến tiếp đến. Quân Trịnh không dám chống đánh, chạy về An Tràng. Hữu Tiến bèn dốc quân kíp sang sông Lam đóng đồn. Hữu Dật đóng quân từ Đồng Hôn đến xã Lăng Khê, để làm thế ỷ giốc. Lại cho quân làm cầu phao qua sông sang bờ nam. Thanh thế quân càng lừng lẫy. Trịnh Căn nghe tin, sợ quá, muốn bỏ Nghệ An, lui giữ Thanh Hóa, các thuộc tướng ngăn trở, bèn thôi.

Hữu Tiến và Hữu Dật đem tin thắng trận báo lên và xin thêm quân để mưu đánh lấy Nghệ An. Chúa cho rằng đương lúc giao thời thu đông, mưa to gió rét ướt. Mà chỗ quân đóng lại không có địa thế hiểm trở có thể dựa được, thêm vào đó nhân tình đóng lâu, nhớ nhà. Nay muốn dụng binh, thực chưa lợi. Chúa bèn hạ lệnh cho quân rút về lũy cũ, đợi mùa xuân sang năm sẽ lại đem quân đi đánh. Hữu Dật cùng Hữu tiến bấy giờ mới sai dỡ cầu phao, rút quân về bờ nam để cố thủ.

Sau đó Trịnh Căn lại sai tướng là Trần Công Bách làm tiên phong đánh Lân Sơn; chia hai lũ Hoàng Nghĩa Giao đi đường huyện Hưng Nguyên, Lê Hiến đi đường huyện Nghi Xuân, Trịnh Căn tự cầm quân lên núi Dũng Quyết tiếp chiến. Lũ Nghĩa Giao sang sông, đến núi An Lạc. Công Bách cướp giữ Lân Sơn. Hữu Dật dẫn quân từ trong rừng đột xuất chặn đánh. Công Bách bị chết trận, còn đều sợ oai phong mà chạy trốn. Trịnh Căn đem hết chiến sĩ ra chống đánh. Quân ta lui giữ huyện Nghi Xuân.

Digitized by Google

Năm ấy mùa đông, Hữu Tiến thấy tướng sĩ mới hàng ở Nghệ An đều khác lòng, bèn hội chư tướng để hỏi cách xử trí. Tống Hữu Đại nói: "Việc binh cốt nghiêm, nay nên xét xem kẻ nào phản thì giết một vài tên để răn kẻ khác." Tôn Thất Tráng cũng khuyên như thế. Hữu Dật đứng khỏi chỗ ngồi mà nói: "Lời hai ông nói là phép hành hình. Còn yếu đạo dụng binh cốt ở nhân hòa, nhân tâm hòa thì đánh đâu cũng thắng. Ta nên lấy ân mà kết, lấy tín mà kết, lấy tín mà cảm thì chúng sẽ vui để ta dùng, cần gì phải chém giết". Vũ Đình Phương cũng khuyên Hữu Tiến rút về. Hữu Tiến bèn bí mật định kế rút quân, nhưng vẫn giận về lời nói của Hữu Dật. Thình lình, Trịnh Căn sai lũ Lê Hiến từ bờ biển qua xã Cương Giản tiến lên; lũ Hoàng Nghĩa Giao đi đường bộ qua hai xã Lũng Trâu, Mạn Trường tiến lên. Quân ta đánh thua với giặc ở hai xã An Điểm, Phù Lưu, đều thất lợi. Bấy giờ Hữu Tiến mới quyết kế rút về, bèn giả cách hẹn ngày với Hữu Dật đi đánh quân doanh bên Trịnh. Nhưng dặn riêng chư tướng đang đêm rút về châu Nam Bố Chính. Đêm ấy Hữu Dật mặc áo giáp ngồi đợi, đến lúc biết Hữu Tiến lui quân, thì quân Trịnh đã đến gần ngoài quân doanh rồi. Hữu Dật bèn sai ca hát mua vui, nhưng bí mật sai chư quân dần dần rút về. Trịnh Công nhân nghe trong doanh trại Hữu Dật có tiếng đàn sáo, ngờ không dám đến gần. Hữu Dật rút được toàn quân trở về. Đến Hoành Sơn, hợp binh với Hữu Tiến. Lại sai người kéo cành cây, tung bụi lên ở trong rừng và treo cờ lên ngọn cây để làm nghi binh. Quân Trịnh đuổi theo, ngờ có quân phục, bèn rút về.

Năm Tân Sửu (1661) mùa xuân, Hữu Dật được thăng chưởng cơ, trấn thủ doanh Bố Chính. Sửa sang thành lũy, vỗ về quân dân, việc phòng thủ ngoài biên càng vững. Sau đó, chúa sai dời đồn đến xã Phúc Lộc, đắp lũy từ biển Am Niểu đến chân núi thuộc xã Chu Thị, liền kề lũy lớn Đồng Nôi, đặt pháo đài, sửa đường đi, làm kế phòng thủ cầm cự.

Digitized by Google

Năm ấy, mùa đông, Trịnh Căn đem quân đến xâm lấn, Hữu Dật làm kế thanh dã [1] đưa dân châu Nam Bố Chính vào trong đại lũy để cố thủ.

Năm Nhâm Dần (1662) mùa xuân, Hữu Dật dời đồn đến Vũ Xá. Quân Trịnh nhiều lần đến khiêu chiến. Quân ta bất động. Hơn một tháng, quân Trịnh thiếu lương ăn. Hữu Dật sai Trương Văn Vân đem quân ăn mặc giả làm quân Trịnh, nhân ban đêm, ngầm ra ngòi Đồng Hồi, ập lại đánh doanh trại tướng Trịnh Đào, Quang Nhiêu, giết hơn 100 quân Trịnh. Chư tướng ở trong thành đều đánh trống hò reo để tiếp ứng. Quang Nhiêu sợ quá, cho là đại binh ập đến, vội bỏ lũy chạy. Lúc tảng sáng, Hữu Dật đem quân thủy quân bộ cùng tiến. Trịnh Căn cũng bỏ doanh trại mà trốn. Quân ta đuổi đến sông Gianh, bắt được hết voi, ngựa, khí giới. Tin thắng trận báo đến nơi, chúa nói: "Hữu Dật phá được giặc to, thực là tướng tài. Vậy ta còn lo gì". Chúa sai đem vàng lụa thưởng cho các tướng sĩ.

Năm ấy, mùa thu, Hữu Dật cùng Hữu Tiến coi đắp lũy Trấn Ninh để chống giữ đường biển. Lũy này đối nhau với lũy Sa Hộ làm thế ỷ giốc cho nhau.

Năm Giáp Thìn (1664) mùa hạ, Hữu Tiến nhân ốm, xin về. Chúa bèn cho Hữu Dật làm chưởng doanh, tiết chế đạo Lưu Đồn.

Năm Nhâm Tý (1672) mùa hạ, Trịnh Căn đem 10 vạn quân, nói lên là 18 vạn đến xâm lấn, Trịnh Tạc kèm vua Lê đi đốc quân hậu đạo để tiếp ứng. Chúa sai hoàng tử Hiệp làm nguyên súy để chống giặc, và sai Hữu Dật giữ lũy Sa Bộ. Rồi đó quân Trịnh đánh sát vào lũy Trấn Ninh, nhiều lần lũy suýt bị vỡ. Tướng giữ lũy ấy là Trương Phúc Cương cáo cấp. Hiệp sai người giục Hữu Dật đi

---

[1] Thanh dã: tức là vườn không nhà trống.

Digitized by Google

cứu Trấn Ninh. Hữu Dật nói: "Chức vụ của ta là giữ Sa Bộ, còn Trấn Ninh không phải phận sự của ta, ta không dám bỏ đây mà đi". Sau Hữu Dật lên lũy trông, ngắm xa thấy lửa sáng rực trời, súng vang như sấm, biết là quân Trịnh đánh Trấn Ninh đang gấp, Hữu Dật lại nghĩ: "Nếu ta không đi, Nguyên súy [1] tất phải thân đến. Ta há nên trút giặc cho nguyên súy hay sao?". Lập tức dẫn quân tiến đi, Hữu Dật sai người đẽo thân cây đã ở bên đường, viết mấy chữ rằng: "*Hữu Dật đi phó Trấn Ninh, thỉnh Nguyên súy đi binh đại thủ Sa Bộ* [2]. Khi Hữu Dật đến Trấn Ninh, lũy đã bị chọc thủng đến hơn 30 trượng cơ hồ không thể chống đỡ được. Bấy giờ trời đã tối, đêm đen như mực, cách nhau gang tấc không rõ mặt người. Hữu Dật sai buộc rơm cỏ làm đuốc đốt lửa sáng rực như ban ngày. Quân Trịnh biết có quân cứu đã đến, không dám tiến gần. Hữu Dật bèn sai quân và dân đẵn cây làm kè đắp đất vào chỗ lũy bị sạt lở. Sáng ra quân Trịnh dốc hết nhuệ khí tiến đánh thì lũy đã vững chắc rồi, không thể đánh phá được.

Trước đấy, vì Hữu Dật từ chối không đến cứu Trấn Ninh, Hiệp lập tức đem quân ngày đêm đi gấp. Khi thấy chữ Hữu Dật viết vào cây đa bên đường, bèn dời quân đến Sa Bộ. Chúa đóng ở xã Toàn Thắng, nghe tin Trấn Ninh nguy cấp, sai sứ phi ngựa đến hỏi việc quân. Hữu Dật tâu rằng: "Trước kia quân ta đi sâu vào Nghệ An là đất lạ, quân Trịnh còn không phạm được huống chi nay ta lũy cao, hào sâu, lấy thế chủ mà ứng phó với khách, lại còn sợ gì". Lập tức dâng thư, nói: "Tôi xin xuất lực, cố giữ, phá giặc để báo nước. Nếu có xảy ra điều gì sơ hở thì xin chịu tội theo quân luật". Chúa được

---

[1] Chỉ Hoàng tử Hiệp.

[2] Hữu Dật đã đi Trấn Ninh, xin Nguyên súy chuyển quân đến thay tôi giữ Sa Bộ.

Digitized by Google

thư nói: "Hữu Dật tự khi làm chủ tướng đến nay dâng mưu kế đánh đâu cũng thắng, nay lại nói thế ta không còn lo gì nữa".

Mùa đông năm ấy, Trịnh Tạc thấy đánh luôn mấy tháng không lấy được Trấn Ninh, bèn rút quân về. Từ đấy, bèn vạch sông Gianh làm giới hạn Nam Bắc, không vào xâm lấn nữa. Hữu Dật vẫn trấn đạo Lưu Đồn.

Năm Tân Dậu (1681) mùa xuân, Hữu Dật ốm chết, thọ 78 tuổi, có để lại bài di biểu lời rất khích thiết. Chúa xem biểu, thở dài thương tiếc, tặng phong là Tán trị tĩnh nạn công thần, đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ Tả quân đô đốc phủ chưởng phủ sự, Chiêu quận công, thụy là Cẩn tiết.

Hữu Dật là người sáng suốt có tài lược. Ban đầu làm văn chức, đi giám chiến, danh vọng đã vang dậy rồi. Đến lúc làm tướng, nhiều lần bày mưu cao, đánh đâu thắng đó, người ta đưa làm trụ cột thường sánh với Khổng Minh, Bá Ôn. Sau khi Hữu Dật chết, dân Quảng Bình thương và nhớ, gọi là "bồ tát", lập đền thờ ở xã Thạch Xá. Hiến tông hoàng đế, năm thứ 3 Giáp Tuất(1694) truy cấp 3 mẫu tự điền, 100 tự dân. Gia Long năm thứ 4 (1805) cho làm thượng đẳng công thần, thờ phụ vào Thái miếu, ấm thụ cho một người trong dòng dõi làm đội trưởng được thế tập để coi việc thờ cúng, cấp cho 15 mẫu tự điền và 6 người coi mả. Năm thứ 9 (1810) thờ vào miếu Khai quốc công thần, đặc tiến Tráng vũ tướng quân, Hữu quân đô thống phủ chưởng phủ sự thái phó, đổi thụy là Nghị Vũ, phong Tĩnh quốc công, vẫn thờ phụ vào Thái miếu. Năm thứ 16 (1835) lại cho thờ vào Vũ miếu. Năm thứ 17 (1836) sai sở tại sửa phần mộ.

Hữu Dật có 2 trai là Hữu Hào và Hữu Kính.

+

Digitized by Google

Nguyễn Hữu Hào.

Là con trưởng Hữu Dật, Hào từ bé theo cha đi đánh dẹp, tập biết việc binh, có can đảm và mưu lược. Đời Anh tông, Hào làm Cai cơ cựu doanh, Kỷ Ty (1689) năm thứ 2 phó tướng Mai Vạn Long đi đánh Chân Lạp, không thành công phải bãi về. Chúa bàn chọn tướng. Chưởng cơ Hoành Khí tiến cử Nguyễn Hữu Hào. Chúa cho Hào làm thống suất cùng với tham mưu Hòa Tín, tiến đánh Chân Lạp. Hào đóng quân ở Bích Đôi [1] bố trí doanh trại, quân lệnh nghiêm túc. Chư tướng ai cũng sợ và phục. Chân Lạp quốc vương là Nặc Thu sai người đến cầu, dâng lễ tỏ lòng thành. Hòa Tín muốn cứ đánh. Hào nói: "Quốc vương kia đã đem mình về với ta, đánh thì tỏ ra chẳng oai võ gì". Rồi đó nước Chân Lạp đem vàng, bạc, tê giác, voi khỏe đến dâng, nhưng voi đều thấp bé. Thị chiến là Diệu Đức nói: "Những thứ Chân Lạp đem dâng không phải ra từ chân tình, chi bằng cứ đánh". Hào nói: "Vỗ về người xa, quý ở lễ, không quý ở vật phẩm? Cổ Giả cống cỏ tranh, có phải là vì vật phẩm đâu". Bèn nhận đồ cống của Chân Lạp mà về. Lũ Hòa Tín tâu với chúa rằng: "Hữu Hào lừng chừng, làm lỡ việc quân". Chúa giận, truất chức thống suất.

Đến đời Hiển tông hoàng đế, Hào lại được dùng làm cai cơ thống suất cơ Hữu súng, rồi thăng Chưởng cơ. Năm thứ 13 Giáp Thân (1704) Hào ra làm trấn thủ Quảng Bình. Khi đến trấn, Hào yêu nuôi sĩ tốt, vỗ yên trăm họ, lại và dân đều thân yêu. Gặp lúc ngoài biên vô sự, Hào để ý vào văn chương, có làm truyện "*Song tinh bất dạ*" [2] bằng quốc âm, người đời truyền tụng.

---

[1] Gò Biếc

[2] Truyện *Song tinh bất dạ*: (Hai sao đêm không tối) tức là truyện Khiên Ngưu và Chức nữ (vợ chồng Ngâu).

Digitized by Google

Năm Quý Ty (1713) mùa thu, Hữu Hào mất, tặng phong Đôn hậu công thần, thụy là Nhu tử. Gia Long năm thứ 4 (1805) cho làm công thần bậc nhì, ấm thụ một cháu làm thự đội trưởng, được thế tập để giữ việc thờ cúng, cấp cho 6 mẫu tự điền, 3 người coi mả. Con là Khôi, làm đến ký lục.

*

Nguyễn Hữu Kính

Là con thứ Hữu Dật, lúc trẻ tuổi, Hữu Kính theo cha đi đánh dẹp, có công được làm cai cơ. Hiển tông hoàng đế, năm đầu Nhâm Thân (1692) Chiêm thành quốc vương là Bà Tranh làm phản, lấn cướp Diên Ninh. Chúa cho Hữu Kính làm thống binh cùng với tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân tiến đánh phá được quân Chiêm, bắt Bà Tranh đem về, đổi tên nước ấy gọi là trấn Thuận Thành. Bấy giờ người Bà Tranh là A Ba, dụ dỗ đám quần chúng còn sót của Thuận Thành làm loạn. Hữu Kính lại dẹp yên, được thăng chưởng cơ, lĩnh Bình Khang doanh trấn thủ.

Năm Mậu Dần (1698) mùa xuân, chúa sai Hữu Kính làm thống suất, đem quân đi kinh lược Chân Lạp, lấy đất Đồng Phố, đặt làm phủ Gia Định phân chia đất ấy, lấy Đồng Nai [1] làm huyện Phúc Long, đặt doanh Trấn Biên, lấy Sài gòn làm huyện Tân Bình, dựng doanh Phiên trấn. Mở đất nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ dân xiêu từ châu Bố Chính trở vào nam cho ở đất ấy. Đặt xã, thôn, phường ấp, khai khẩn ruộng đất, định ngạch tô thuế, làm sổ đinh. Đến lúc về, Hữu Kính lại lĩnh trấn như cũ.

Năm Kỷ Mão (1699) mùa thu, Chân Lạp quốc vương là Nặc Thu làm phản. Tướng coi doanh Trấn Biên đem việc ấy tâu lên. Chúa lại sai Hữu Kính làm thống suất đi đánh.

---

[1] Hán văn là Lộc Dã.

Digitized by Google

Năm Canh Thìn (1700) mùa xuân, Hữu Kính đến nơi, bày trận ở Ngư Khê, đắp lũy Hoa Phong, sai người xem tình hình hư thực, chia đường tiến đánh đến sát lũy Bích Đô (Gò Biếc) phủ Nam Vang. Nặc Thu đón đánh. Hữu Kính mặc nhung phục,đứng đầu thuyền, đốc thúc chư quân đánh gấp. Nặc Thu sợ chạy. Nặc Yêm ra hàng. Hữu Kính vào thành vỗ yên nhân dân. Nặc Thu cũng đến cửa quan xin hàng, Hữu Kính với lòng thành thực vỗ về yên ủi. Cho Nặc Thu về thành La Bích chiêu tập dân xiêu. Còn mình dẫn quân về bãi Sao Mộc, báo tin thắng trận. Gặp mưa to gió lớn, núi Lao Đội ở trước bãi bị sạt lở. Hữu Kính đêm mộng thấy thần nhân bảo rằng: "Tướng quân nên về sớm, chứ ở lâu đây không lợi, Hữu Kính cười, rằng: Mệnh ta ở trời, há ở đất này đâu". Thức dậy thân thể nhọc mệt. Nhân ngày tết Đoan ngọ, Hữu Kính gượng ốm, cùng uống rượu mua vui với các tướng tá, thình lình thổ ra một cục máu, Hữu Kính lấy tay áo che đi, không để cho mọi người biết để yên lòng quân. Đến lúc ốm nặng Hữu Kính than rằng: "Ta muốn nối chí ông cha, hết sức báo nước, ngặt vì số trời có hạn. Chứ há phải sức người làm được đâu?" Đem dẫn quân về đến Rạch Gầm [1] Hữu Kính chết, thọ 51.

Được tin, chúa thương tiếc quá. Tặng phong Hiệp tán công thần, đặc tiến Chưởng doanh, thụy Trung Cần, cho vàng, lụa, hậu táng. Người Chân Lạp lập đền thờ ở đầu bãi Nam Vang. Lại ở chỗ đóng quân, và ở sông Đông Khổn đạo là chỗ ông đi qua, nhân dân nhớ công đức, đều lập đền thờ. Người ta gọi bãi ấy là bãi ông Lễ, sông ấy là sông ông Lễ vì tước phong của Hữu Kính là Lễ Tài hầu. Bãi Đại Phố Trấn Biên là nơi đỗ quan tài, nhân dân cũng lập đền thờ. Chỗ nào cũng linh ứng. Túc tông hoàng đế năm 12 (1736) truy

---

[1] Hán Văn là Sầm Khê.

Digitized by Google

cấp 50 người làm dân ngụ lộc. Đầu thời trung hưng, truy cấp 5 người giữ đền thờ, nỗi năm chi tiền kho 10 quan để cung cấp việc thờ cúng. Gia Long năm thứ 4 (1805) truy tặng Tuyên lực công thần, đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ ty, đô chỉ huy sứ đô đốc phủ chưởng phủ sự, phó tướng chưởng cơ, liệt vào thượng đẳng công thần, thờ phụ vào Thái miếu, ấm thụ một cháu làm đội trưởng được thế tập để coi việc thờ cúng, cấp cho 15 mẫu tự điền, 6 người coi mả. Năm thứ 9 (1810) thờ vào miếu Khai quốc công thần. Minh Mạng năm thứ 12 (1831) truy tặng làm Khai quốc công thần Tráng vũ tướng quân, Thần cơ doanh đô thống, đổi thụy là Tráng hoàn, tước Vĩnh an hầu, thờ phụ vào Thái miếu như cũ.

Hữu Kính có con là Hữu Tú, làm đến chưởng cơ trấn thủ.

*

Nguyễn Hữu Bác

Cháu 4 đời Hữu Dật và là con Ký lục Hữu Khôi. Hữu Bác do ấm hàm của cha, làm đến cai cơ Hữu trung cơ. Thế tông hoàng đế, năm thứ 10 Mậu Thìn (1748), mùa đông, Hữu Bác, do chức cai cơ kiêm việc bộ Hình. Năm thứ 14 Nhâm Thân (1752) mùa xuân, Hữu Bác cùng Trần Đình Hi đều sung Khâm sai tuần bát 3 huyện trong kinh kỳ và các châu huyện Vũ Xương, Hải Lăng, Minh Linh, Khang Lộc, Bố Chính. Phàm những quan lại bị dân kiện đều được xét hỏi. Võ từ cai đội và văn từ ký lục trở lên thì tâu lên chúa quyết định, còn đội trưởng, cai án và tri huyện trở xuống, thì cứ theo pháp luật trị tội. Về rồi thì chết. Hữu Bác có con là Khâm làm đến cai cơ.

Digitized by Google

QUYỂN 4

TRUYỆN CÁC BỀ TÔI (II)

Nguyễn Cửu Kiều (con là Ứng Dực)

Nguyễn Cửu Thế (con là Quý Thông)

Nguyễn Cửu Văn

Nguyễn Cửu Chiêm

Nguyễn Cửu Đàm

Nguyễn Cửu Phán (con là Bách Thân)

Nguyễn Cửu Dật

Nguyễn Cửu Tuấn

Trương Phúc Phấn

Trương Phúc Hùng

Trương Phúc Cương

Trương Phúc Thức

Trương Phúc Phan

Trương Phúc Thận

Tống Hữu Doãn

Hùng Lộc

Nguyễn Dương Lâm (phụ Nguyễn Diên, cháu là Phú, Chính, Thành)

Tống Văn Khôi (con là Phúc, Thịnh, cháu là Minh)

Bùi Công Kế (phụ bộc Khố)

Digitized by Google

Nguyễn Hữu Danh (phụ Phan Phúc Ân, Đỗ Hữu Nghi, Vũ Văn Duy)

*

Nguyễn Cửu Kiều

Người quý huyện [1] tỉnh Thanh Hóa, (vốn là họ Nguyễn được cho theo quốc tính. Minh Mạng năm thứ nhất (1820) cho đổi làm họ Nguyễn Cửu). Cha là Quảng làm quan nhà Lê đến Điện tiền đô kiểm điểm quân công. Kiều là người khảng khái, có chí lớn, thấy chúa Trịnh không theo đạo làm tôi, bèn có tâm hướng về Nam Hà, Hi tông hoàng đế năm thứ 10, Quý Hợi (1623) Kiều từ Đông đô, nhân mật thư và bảo ấn do Trịnhh Phi Ngọc Tú giao cho, giả là người đi chọi gà vào Nam. Chúa Trịnh biết, cho người đuổi theo. Kiều đến sông Gianh, không có thuyền mà lính bên Trịnh đuổi theo gần đến nơi. Kiều mật khấn rằng: "Sông nếu có thần thiêng thì giúp cho ta qua sông, đừng để giặc bắt". Chợt thấy có một con trâu nằm ở bờ sông, Kiều bèn cưỡi trâu sang sông. Lên đến bờ sông bên này không thấy trâu đâu nữa. Đến Quảng Bình, nhờ Hữu Dật tiến cử ra mắt chúa, dâng mật thư và bảo ấn. Chúa mừng quá, cho Kiều làm đội trưởng, quản Mã cơ thuyền, sau thăng làm cai đội Trung đạo thuyền, được tuyển lấy công chúa thứ 3 là Ngọc Đỉnh, thăng chưởng cơ. Quý Dần, năm thứ 20 (1633), Kiều ra làm trấn thủ Quảng Bình. Kiều đến trấn, mở rộng ân tín, vỗ thương quân và dân, ai cũng bằng lòng. Mùa đông năm ấy, quân Trịnh đến xâm lấn, Kiều xin đóng cọc ngăn cửa biển Nhật Lệ, để chống quân giặc. Chúa dùng kế ấy. Hơn một tuần [2] quân Trịnh hơi trễ nải, quân ta đột chiến xông ra đánh dữ, quân Trịnh tan chạy.

---

[1] Tức huyện Tống Sơn.

[2] Mười ngày.

Digitized by Google

Thần tông hoàng đế năm thứ 5, Canh Thìn (1640) tướng Trịnh đã đầu hàng là Nguyễn Khắc Loát lại phàm phản, quấy rối châu Nam Bố Chính. Chúa sai Kiều cùng Trương Phúc Phấn đem quân đánh đuổi, bèn lấy được cả đất Bắc Bố Chính. Rồi đó, chúa Trịnh lại đưa thư nói Nguyễn và Trịnh là chỗ thế nghị và đòi lại chỗ đất đã bị xâm lấn. Chúa sai trả cho họ Trịnh. Năm thứ 13, Mậu Tý (1648) mùa xuân, chúa Trịnh đem hết quân cả nước vào xâm phạm cửa biển Nhật Lệ, Kiều sai Nguyễn Triều Văn đem binh thuyền chống cự không đánh được. Giặc cậy quân nhiều, tiến đóng Võ Xá. Chúa sai Thế tử đem quân đi đánh, được toàn thắng.

Năm ấy, Thái tông hoàng đế nối ngôi chúa, Kiều giữ túc vệ, thăng chưởng doanh. Chúa có người con hát Nghệ An là Thị Thừa, nhan sắc xinh đẹp, chúa yêu lắm. Nhân xem sách *Quốc ngữ* [1] thấy việc vua Ngô yêu Tây Thi (đến mất nước) chợt tỉnh ngộ, bèn sai Thị Thừa đem chiếc áo ngự đến cho Kiều, trong giải áo có giấu mật thư sai Kiều dìm chết Thị Thừa. Năm thứ 7, Ất Mùi [2] (1655) tướng Trịnh giữ châu Bắc Bố Chính là Phạm Tất Đồng thả quân quấy rối ngoài biên, Tiết chế Nguyễn Hữu Tiến và Đốc chiến Nguyễn Hữu Dật đem quân đi đánh, chia sai Xuân Sơn làm tiền phong hạ đạo, Kiều đem quân đi, cũng lệ thuộc vào đấy. Quân ta tiến đánh được Hà Trung, quân Trịnh thua chạy. Kiều đem thủy quân tiến đóng bờ nam sông Đàm Giang, chiêu phủ hai huyện Kỳ Anh, Thanh Hà, quân và dân về hàng ngày càng đông. Năm thứ 8, Bính Thân (1655), mùa hạ, quân ta tiến đến sông Lam, Kiều kiêm lĩnh chức thủy sư phó tướng cùng tham tướng Tôn Thất Tráng đem binh thuyền thẳng đến cửa biển Đan Nha [3] đánh thủy binh nhà

---

[1] *Sách quốc ngữ*: Sách chữ Hán chép việc đời Đông chu Liệt quốc.

[2] Nguyên thư lầm là Tân Mùi.

[3] Tức cửa Hội.

Digitized by Google

Trịnh, phá tan được. Gặp lũ Phù Dương đem binh miền thượng đánh quân của tướng Trịnh là Đào Quang Nhiêu. Quân Trịnh ập đến. Quân Phù Dương thua. Kiều đem quân đến cố sức đánh, chém được tướng giặc là Tào Nham và Diễn Thọ ở trước trận. Kiều cũng bị thương nặng, về Quảng Bình thì chết, thọ 58 tuổi. Chúa được tin, thương tiếc quá, tặng phong Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Tả quân đô đốc phủ tả đô đốc, Nghĩa quận công. Lập đền thờ ở xã Dương Xuân, cấp cho 50 người coi mả.

Trước kia khi Kiều sang sông vào Nam được trâu thần giúp sức, hàm ơn mãi, suốt đời không ăn thịt trâu, và dặn con cháu khi cúng tế không được dùng trâu. Kiều có hai trai là Ứng và Dực.

Ứng là người dũng cảm, khéo bắn súng lớn. Ban đầu làm cai cơ, quản cơ Tả Trung kiên, làm dần đến Bố Chính doanh trấn thủ. Khi tại chức, Kiều làm chính sự, chuộng hòa, rất có thành tích. Lại và dân đều khen. Rồi được trao chức chưởng cơ, lĩnh việc trấn như cũ. Dần thăng đến chưởng doanh, thống suất đạo Lưu Đồn. Vì con là Khâm chơi nghịch phạm pháp, phải tội lây, bị miễn chức. Sau đó được khởi phục lại làm trấn thủ Quảng Bình, mộ lính lập cơ Trung kiên, Huyền thắng trụ. Năm Ất Dậu (1705) mùa thu, Ứng chết, thọ 72 tuổi, tặng Khiêm cung công thần, Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Tả quân đô đốc chưởng phủ sự, Trấn quận công. Dân xã Trung Kiên tỉnh Quảng Bình, nhớ ơn lập đền thờ.

Dực làm quan đến Quảng Bình thủy doanh tham tướng, rồi thăng chưởng cơ dần lên đến chưởng doanh, ra làm trấn thủ Cựu doanh. Năm Giáp Ngọ (1714), mùa hạ, Dực chết, được tặng phong chức trấn phủ.

Con Ứng là Thế, con Dực là Vân đều làm quan to, có truyện riêng.

*

Digitized by Google

Nguyễn Cửu Thế

Lại có tên là Vu. Cửu Thế là con trai thứ 3 của Ứng. Do chân ấm tử tiến thân, Cửu Thế ban đầu quản đội tiểu sai, đến thời Hiển tông hoàng đế, Cửu Thế dần lên đến Chưởng cơ. Năm Kỷ Sửu (1709) mùa xuân, em là Khâm cùng với Nội hữu chưởng doanh Thống Phúc Thiệu ngầm mưu làm việc trái phép, Cửu Thế dò biết được sự trạng, mật đem viêc ấy tâu lên. Gặp đầu xuân làm lễ đại duyệt, các quan chầu hầu xong, có chỉ bắt lũ Khâm Thiệu giao cho đình thần tra xét. Chúng đều thú nhận, Khâm vì là thủ mưu bị xử tử. Thiệu bị phế làm dân. Chúa cho rằng Cửu Thế biết dẹp yên nổi loạn, bèn thăng Nội hữu chưởng doanh. Chúa làm câu đối ban cho:

Vi đống vi lương, trọng trấn Nam triều lương hữu dật.
Thức kim thức ngọc, tráng ngô quốc lão điện bàn an.

Nghĩa là:

Làm cột làm giường, trọng trấn Nam triều thật là phụ bật xứng đáng.
Như vàng như ngọc, khen người quốc lão, giúp cho bàn thạch vững vàng.

Công chúa Ngọc Phượng trước định gả cho Thiệu, đến đấy đình bãi, đem gả cho Cửu Thế. Năm Giáp Ngọ (1714) mùa xuân, các man Cam Lộ quấy rối ngoài biên, Cửu Thế đem quân đi tiễu dẹp yên được. Về lĩnh túc vệ như cũ. Nội tán Nguyễn Khoa Đăng là người cương trực, giữ phép nghiêm khắc. Cửu Thế ghét Đăng, muốn buộc tội. Năm Ất Tỵ (1725) mùa hạ, Hiển tông mất. Cửu Thế nói thác lên rằng Đăng mật sai cung nhân giấu ấn vàng truyền quốc, mưu việc phế lập, bèn làm giả mệnh lệnh chúa để lại, cho đòi Đăng, giết Đăng ở dọc đường.

Digitized by Google

Túc tông hoàng đế năm thứ 5, Canh tuất (1730) mùa hạ, Cửu Thế chết, thọ 66 tuổi. Truy tặng Tán trị công thần, đặc tiến khai phủ phụ quốc thượng tướng quân, trấn phủ, Hữu quân đô thống phủ đô đốc thiếu phó Trung quốc công, cho lập đền thờ ở xã Vân Dương, cấp cho 50 người coi mả. Cửu Thế có 3 trai là Quý, Thông và Pháp. Pháp có truyện riêng.

Quý làm đến ngoại hữu chưởng doanh, tặng phong tá lý công thần, Tả quân đô đốc phủ trấn phủ, Uyên quận công.

Thông trước làm cai đội, giữ quân cấm vệ, dần thăng đến Nội tả chưởng cơ, lại lên chưởng doanh, tặng trấn phủ, Kính quận công. Con Quý là Quán và Điển.

Quán lấy công chúa, làm đến phò mã cai cơ. Quán nhận xét sự việc tinh nhanh, làm đến Nội tả chưởng doanh, lĩnh hai bộ Lại và Lễ, kiêm cai quản nhà đồ, tước lưu quận công.

Điển làm đến Hữu quân phó tiết chế.

Con Thông là Thống cũng lấy công chúa, quan đến tiết chế, chưởng doanh, quận công.

*

Nguyễn Cửu Vân

Là con của Dực, Vân làm đến chánh thống cai cơ. Hiển tông hoàng đế năm thứ 14, Ất Dậu (1705), mùa thu, gặp nước Chân Lạp có nội biến, anh em Nặc Yêm, Nặc Thâm dấy quân đánh nhau. Nặc Thâm cầu Xiêm cứu viện. Nặc Yêm sợ, chạy sang Gia Định, xin mệnh lệnh triều đình ta. Chúa sai Vân thống lĩnh quân thủy quân bộ Gia Định, tiến đánh Nặc Thâm. Vân đem quân đến Sầm Giang, gặp viện binh của Xiêm, Vân đánh tan vỡ. Nặc Thâm chạy sang Xiêm. Vân đem quân đưa Nặc Yêm lại về thành La Bích.

Digitized by Google

Nước Chân Lạp đã yên, Vân bèn khai khẩn ruộng ở Cầu Úc (nay thuộc Định Tường) để xướng suất cho quân và dân. Vân lại cho rằng giặc thường ngầm đến đất ấy, quấy rối phía sau quân ta, bèn đắp lũy dài từ Quán Gai đến chợ Lương Phú, đào thông đầu nguồn hai ngòi Cầu Úc - Mỹ Tho, dẫn nước về làm hào ngoài lũy để việc phòng thủ được nghiêm mật. Tân Mão, năm thứ 20 (1711) mùa thu, thăng Trấn Biên doanh phó tướng. Vân thường tự ý sai dân trong hạt làm việc lực dịch. Việc ấy đến tai chúa. Chúa quở trách rằng: "Người là con nhà tướng, chống giữ một địa phương thế mà không nghĩ trước phải nuôi nhân dân. Những dân xiêu mới quay về kia nếu lại bắt chúng làm việc thì chúng chịu sao được. Xưa Triệu Hà giữ Quang Trung, Khấu Tuân giữ Hà Nội, đều biết vỗ yên trăm họ, giúp thành đế nghiệp. Ngươi nên cố gắng đi". Từ đấy, đối với những dân xiêu hồi phục, Vân đều chia cấp cho ruộng đất, lập ra thôn, phường, dân được yên nghiệp làm ăn.

Bấy giờ Nặc Thâm từ Xiêm về, mưu hại Nặc Yêm, Nặc Yêm sai người phi báo, xin quân đến cứu, Vân cùng tướng giữ đồn là Trần Thượng Xuyên đem việc tâu lên. Chúa cho viết thư bảo lũ Vân nên tùy nghi phủ dụ cho yên tình hình ngoài biên. Lũ Vân bèn tuyên thị đức ý triều đình, người Chân Lạp mến phục. Về việc mở mang cõi Nam, công Vân rất nhiều. Sau đó được triệu về, Vân ốm chết. Lúc Vân ở Trấn Biên, có làm chùa ở phía nam sông Phúc Giang. Sau Túc tông hoàng đế nhớ công Vân, nhân gọi tên chùa ấy là chùa "Hộ Quốc". Chúa viết chữ vào biển ngạch ban cho gọi là chùa "Sắc tứ". Vân có 2 trai là Chiêm và Đàm.

*

Nguyễn Cửu Chiêm

Là con trưởng Vân, Chiêm làm đến phó tướng. Hiển tông hoàng đế năm thứ 24, Ất Mùi (1715) mùa đông, được thăng Trấn

Digitized by Google

Biên doanh lưu thủ, Chiêm xin trích lấy 2,3 khoảng trong số ruộng của cha là Vân đã khai khẩn ở Cầu Úc làm quan điền để ăn riêng. Chúa ngự bút phê cho, nhân gọi ruộng ấy là ruộng "Châu phê". Sông gần ruộng ấy cũng gọi là sông "Châu phê". Túc tông hoàng đế năm thứ 6, Tân Hợi (1731) mùa hạ, giặc Lào xâm lấn ngoài biên, Chiêm làm giám quân đánh nhau với giặc ở Lật Giang phá được quân giặc. Lại cùng điều khiển Trương Phúc Vĩnh và thống binh Trần Đại Định chia quân 3 đường cùng tiến, giặc bị vỡ, chạy. Chiêm ở trong quân, người Châm Lạp sợ như hùm. Chúa được tin, bèn cho Chiêm thống lĩnh quân doanh Trấn Biên. Sau đó Chiêm chết.

*

Nguyễn Cửu Đàm

Là con thứ của Vân, Đàm làm quan đến Hữu quân phó tiết chế, cai cơ. Duệ tông hoàng đế năm thứ 7, Nhâm Thìn, (1722), mùa xuân, quân Xiêm xâm lấn Hà Tiên, Nam Vang, thư ngoài biên báo cấp, chúa cho Đàm làm khâm sai chánh thống suất đốc chiến, cùng tham tướng Trần Phúc Thành lĩnh một vạn quân thủy bộ hai doanh Bình Khang, Bình Thuận, và 30 chiến thuyền làm việc Gia Định điều khiển.

Mùa hạ năm ấy, Đàm từ đường sông Tiền Giang tiến quân đánh quân Xiêm ở Nam Vang, phá tan được. Quân Xiêm chạy sang Hà Tiên, rồi xin hòa. Việc nước Chân Lạp bèn được yên; Đàm dẫn quân về, đắp lũy Tân Hoa, dài 15 dặm, hình như bán nguyệt, bao quanh doanh trại chặn ngang đường bộ để đề phòng bất trắc.

Năm thứ 10, Ất Mùi (1775) mùa xuân, Duệ tông hoàng đế vào Nam, Đàm đem quân đón chúa, rồi được thăng ngoại tả. Lúc "giặc" Tây Sơn vào cướp, chúa đi Ba Giồng (Tam Phụ). Đàm đem

Digitized by Google

quân theo hầu chúa. Chiến dịch Ký Giang, Đàm và Nguyễn Cửu Tuấn đều chết trận. Đàm không có con; Gia Long năm thứ 9 (1810), được thờ vào miếu Trung tiết công thần.

*

Nguyễn Cửu Pháp

Là con thứ 4 của Cửu Thế, Pháp lấy công chúa thứ 4 Ngọc Doãn, con gái Túc tông hoàng đế, làm đến phò mã, cai cơ. Đời Hy tông hoàng đế, Pháp ra làm trấn thủ Quảng Bình, rồi được triệu về, thăng ngoại hữu chưởng doanh, kiêm quản hai bộ Lễ, Hình, cai quản nhà đồ, tước Hoán quận công, cùng với anh là Quý, Nội hữu chưởng doanh, và anh là Thông, Nội tả chưởng cơ, cùng phụ chính.

Duệ tông hoàng đế nối ngôi chúa, quốc phó Trương Phúc Loan chuyên quyền, Pháp thường can ngăn không được.

Năm Quý Tỵ (1773), "giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc nổi loạn, quan quân nhiều lần bị thua, Pháp tiến ba người con là Sách, Thận và Dật đem quân vào Quảng Nam, đánh giặc.

Năm Giáp Ngọ (1774) tướng Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc vào lấn miền Nam. Khi quân Trịnh đến truông nhà Hồ (Hồ Xá) Pháp cho rằng vì Phúc Loan chuyên quyền sinh loạn, bèn cùng Tôn Thất Huống bắt Phúc Loan giải đến cửa quân Ngũ Phúc. Khi về rồi, Pháp đốt bằng sắc, đem gia quyến vào Quảng Nam, uất hận thành bệnh, dặn con là lũ Thận, Dật rằng: "Nhà ta đời chịu ơn nước, dẫu tan xương chưa đủ báo đền. Nay ta già yếu, không làm gì được, các con nên cố gắng, hết lòng theo chúa, đừng nghĩ đến cha!"

Năm Ất Mùi (1775) Duệ tông vào Nam, Pháp ốm không đi theo được, về Phú Xuân rồi chết, thọ 75 tuổi.

Digitized by Google

Pháp là người thanh liêm, tiết kiệm, bổng lộc được đều giúp cho bà con và chỗ cố cựu, không chịu lo đến ruộng đất tài sản. Người ta hỏi thì Pháp rả lời: "Con cháu ta nếu hiền thì lo gì bần tiện! Nếu bất hiền mà để của cho thì chỉ thêm mối tranh nhau, có ích gì!"

Con trưởng là Sách cũng lấy công chúa, làm quan đến phò mã, cai cơ. Năm Giáp ngọ (1774) thăng khâm sai tiết chế, tạm quản Nội hữu chưởng doanh, tước Thạc quận công, cùng em là Dật đem quân đi Quảng Nam đánh giặc. Mùa đông năm ấy, quân Trịnh vào xâm lấn, Duệ tông đi Quảng Nam. Năm Ất Mùi (1775) chúa vào Gia Định. Sách đưa cha là Pháp về Phú Xuân rồi chết.

Con thứ của Pháp là Thận, trước làm thuyền kiệu đội trưởng. Năm Giáp Ngọ (1774), theo chúa đi Quảng Nam, giữ lũy Câu Đê, được trao chức Hữu quân đại đô đốc, chiêu phủ binh các đạo, theo hầu Đông cung Dương, sau đó vâng mệnh lưu giúp Đông cung. Quân giặc đến đánh, Câu Đê thất thủ, Thận hộ vệ Đông cung theo đường núi vào Nam. Sau, bị giặc ép đưa Đông cung về Quy Nhơn, Thận chết vì việc nước.

*

Nguyễn Cửu Đật

Lại có tên là Du, Dật là con thứ 3 của Pháp. Dật là người can đảm mưu lược, có tài làm tướng, ban đầu làm đội trưởng tả tiệp. Năm Quý Tỵ (1773) mùa đông, "giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc và Nguyễn Văn Huệ quấy nhiễu, cướp bóc hương ấp, quan quân đánh dẹp không được. Dật theo thống binh Huy (không nhớ họ) đem quân đi Quảng Nam, đánh giặc. Bấy giờ quân ta bất lợi, giặc chiếm giữ kho Mỹ Thị, Dật một mình đem bộ hạ chống nhau với

Digitized by Google

giặc. Đêm đến sai người đốt nhiều bó đuốc ở trong rừng để cho giặc nghi ngờ! Còn mình thì tự đem quân ập đến mà đánh. Giặc tưởng đại binh kéo đến, bèn vỡ, chạy. Dật lấy lại được kho Mỹ Thị. Tin thắng rận đến nơi, chúa cho thăng chức Tả quân đại đô đốc Dụ quận công, sai điều quân tiến đánh.

Dật là người trung nghĩa hăng hái, căm thù giặc, mỗi khi ra trận, cưỡi voi, mặt đỏ như son, mình đi trước sĩ tốt, đến đâu, giặc đều bạt cả, người ta trông thấy cho là Quan Vân Trường phục sinh. Một hôm, giặc ở trên núi, Dật đặt quân phục sẵn, rồi bày trận dưới núi để đợi. Giặc trông thấy đều cười. Đến lúc chiến đấu, Dật giả cách lui, cho voi sa xuống chỗ bùn lầy. Giặc đốc quân xuống núi đuổi. Dật liền thúc 7 voi lên đất bằng, phục binh vụt dậy, giết giặc rất nhiều. Lại thường đánh thủy chiến với giặc. Dật giả cách làm thuyền mắc cạn, không bắn súng đại bác. Giặc thấy thế coi thường, đem hết quân đến, lúc ấy trên thuyền mới nổ súng, giặc chết và bị thương vô kể, lui giữ đất Thiên Lộc, đặt đồn lớn, đằng trước cách sông to, đằng sau mắc ngòi nông. Quan quân đánh nhiều lần, không hạ được. Một đêm, Dật sai quân ngậm tăm lấy thuyền nhỏ "vảy rồng" đặt ở lòng ngòi, nhân lúc giặc không ngờ, đánh úp đằng sau giặc, còn thuyền lớn thì đánh mặt trước. Giặc bị vỡ, lui giữ Bến Ván (Bản Tân).

Dật làm tướng thường lấy ít đánh nhiều, chiến đấu hàng mươi trận đều thắng. Quân giặc sợ quá. Trong quân ví Dật như Hàn Kỷ và Phạm Trọng Yêm đời Tống vậy.

Năm Giáp Ngọ (1774) mùa đông, quân Trịnh vào xâm lấn, Duệ tông hoàng đế đi Quảng Nam. Năm Ất Mùi (1775), mùa xuân, chúa đóng ở Bến Giá (Gia Tân) triệu Dật đến hành tại. Dật cùng chư tướng bàn, cho rằng đằng trước có "giặc" Tây Sơn, đằng sau

Digitized by Google

có quân Trịnh, Quảng Nam lương quân không đủ, thế khó giữ lâu được. Bèn xin chúa đi Gia Định, sẽ mưu đồ việc khôi phục. Ngày 12 tháng 2, thuyền chúa ra biển sai Dật ngồi thuyền khác đi theo hộ giá. Ngày 18 gặp bão thuyền Dật bị đắm, chết chìm.

Gia Long năm thứ 9 (1810) Nguyễn Văn Thành dâng sớ nói: "Dật chết vì việc nước, lại có chiến công, xin chiếu lệ công thần, hoặc cho thờ phụ, hoặc cho thờ riêng, để nêu người trung liệt!". Vua giao cho đình thần bàn cho thờ vào miếu Trung tiết công thần. Minh Mạng năm thứ 5 (1824) cháu chắt tự trình bày rằng tiên tổ từ Kiều đến Dật đời đời có công lao, mong gia ân điển. Vua bèn tặng thêm cho Đật hàm thái bảo, thụy là Trung Mẫn, cấp cho 2 người coi mả. Minh Mạng năm thứ 21 (1840) truy tặng Kiệt tiết công thần, đặc tiến Tráng vũ tướng quân, Tả quân đô thống phủ chưởng phủ sự, thái bảo, vẫn thụy là Trung Mẫn, phong Thăng hoa quận công, cho thờ phụ vào Thái miếu. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) đổi phong làm Thăng bình quân công. Dật có 2 trai là Miêu và Thuận, đều chết sớm, cháu là Khanh làm thứ đội trưởng, coi việc thờ cúng.

*

Nguyễn Cửu Tuấn

Là cháu 5 đời của Cửu Kiều, cha Tuấn là Cục làm đến quận công, Tấn ban đầu, do chân ấm tử, được cầm quân. Năm Ất Mùi (1775) mùa xuân, theo Duệ tông hoàng đế vào Nam, năm Bính Thân (1776) mùa đông, lại đem quân theo Thế tổ Cao hoàng đế ta đi đánh Chân Lạp có công. Năm Đinh Dậu (1777) mùa xuân, "giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ vào cướp Gia Định, quân bộ ngầm vào miền thượng. Tuấn theo Tân Chính vương chống giặc. Chúa bèn cho Tuấn làm Nội tả chưởng cơ phó tiết chế, đem quân

Digitized by Google

đóng ở Ký Giang, cùng Tôn Thất Xuân đóng ở Hưng Phúc và Nguyễn Đại Lã đóng ở núi Nữ Tang để chống giặc. Thế giặc rất mạnh. Quân lũ Tuấn đều mới mộ, không chống nổi, giặc thừa thế, đánh dữ. Tuấn cùng Đại Lã đều chết trận. Sau đó Tuấn được tặng đô đốc phủ chưởng phủ sự. Gia Long năm thứ 3 (1804) cho thờ vào miếu Hiển trung công thần ở Gia Định. Năm thứ 9 (1810), cho thờ ở miếu Trung tiết công thần. Tuấn có con trai là Định.

*

Trương Phúc Phấn

Người quý huyện, tỉnh Thanh Hóa, Phấn trước là họ Trương Công, sau được cho đổi làm chữ Phúc bèn gọi là họ Trương Phúc. Cha là Gia, làm quan đến điện tiền đô kiểm điểm, Lương quận công đời Lê. Lúc Thái tổ hoàng đế vào Thuận Hóa, Gia đem gia quyến đi theo. Ban đầu làm trấn thủ Quảng Bình, nhân đó làm nhà ở lũy Trấn Ninh. Hi tông hoàng đế năm thứ 14 (1627) quân Trịnh vào xâm lấn. Chúa sai Tôn Thất Trung đem quân chống đánh. Gia mưu bàn với Nguyễn Hữu Dật, sai gián điệp phao đồn rằng tướng giặc là Trịnh Gia âm mưu làm loạn. Trịnh Tráng ngờ, bèn rút quân về.

Phấn, vụ lược hơn người, xuất thân từ cai cơ. Hy tông hoàng đế năm 17 (1630) lập doanh Bố Chính cho Phấn làm trấn thủ. Thần tông hoàng đế năm thứ 5 (1639) tướng làm phản là Nguyễn Khắc Loát quấy rối châu Nam Bố Chính. Chúa cùng Nguyễn Hữu Dật, bàn kế trừ đi. Trước hết thả lơi phản gián với chúa Trịnh, rồi sai Phấn cùng Nguyễn Cửu Kiều ngầm đem quân sang sông Gianh giả cách mời Khắc Loát đến hội. Khắc Loát tin lời, không phòng bị, lũ Phấn thình lình ập đến đánh úp. Khắc Loát bối rối chạy về, bị chúa Trịnh sai giết đi. Lũ Phấn thừa thắng, lấy hết cả đất châu Bắc Bố Chính. Tin thắng trận ấy đến nơi, chúa ban thưởng rất hậu.

Digitized by Google

Năm thứ 13 (1647) quân Trịnh vào xâm lấn. Phấn cùng con là Hùng giữ lũy Trường Dục. Quân Trịnh đánh mạnh, sát ngay ngoài lũy. Lũy ấy đắp bằng đất cát, không bền lắm, đạn giặc bắn vào, lũy bị lỡ vài mươi trượng. Chủ quân sợ chạy mất 7, 8 phần mười. Phấn đánh trống, vẫy cờ đem bộ hạ mình ác chiến với giặc. Giặc vừa lui vừa đánh, đạn súng dội xuống nhiều. Cha con Phấn xông pha tên đạn, giương lọng ngồi ở trước lũy, đốc quân lấy thuyền nan đựng cát vào lấp vào chỗ lũy bị sạt. Súng giặc cứ chỗ cắm lọng bắn đạn xuống như mưa. Vũ sĩ ở tả hữu vài trăm người, nhiều người bị thương chết. Phấn vẫn ngồi nghiêm chỉnh, không động, giặc cho là thần, không dám đến gần. Được một chốc, lũy vá lại xong, giặc không đánh được. Người ta gọi là "Phấn cố trì" [1]. Sau đó Phấn ốm chết, không nhớ thọ bao nhiêu tuổi. Gia Long năm thứ 4 (1805) bàn định đẳng cấp khai quốc công thần, Phấn được liệt vào hạng nhì, được cấp 6 mẫu tự điền, 3 người coi mả. Phấn có 2 trai Hùng và Cương.

*

Trương Phúc Hùng

Là con trưởng của Phấn. Ban đầu làm cai cơ, Hùng thường đem quân theo cha là Phấn đi đánh giặc. Hùng dũng cảm, thiện chiến, có phong cách của cha. Năm Mậu Tý (1648) chiến dịch Trường Dục với một toán cô quân Hùng đóng góp nhiều công sức trong việc giữ vững lũy. Thái tông hoàng đế năm thứ 7 (1654), mùa xuân, Hùng đem quân tản bộ theo tiết chế Nguyễn Hữu Tiến đánh quân Trịnh, Hùng phục quân ở Lũng Bâng, quân Trịnh ngờ, bèn rút lui. Mùa đông tháng 10, tướng Trịnh vào Kỳ Anh, lùa số

[1] Phấn cố trì: Phúc Phấn "*cố giữ*".

Digitized by Google

dân đã đầu hàng, đem về. Nguyễn Hữu Tiến sai Thiêm Vinh (không nhớ họ) làm tiền phong. Hùng làm vệ trận, đem quân ra huyện Thạch Hà đón đánh, cả phá được giặc.

Hùng khỏe mạnh, can đảm, thường đi trước xông pha đánh phá trận giặc, đến đâu giặc cũng chạy giạt. Quân Bắc Hà sợ Hùng gọi là "Hùng thiết" [1] . Năm thứ 12 (1659) Hùng đánh nhau với giặc ở lũy Ngưu Pha, bất lợi. Tiết chế Nguyễn Hữu Tiến bèn đem quân về Nam. Năm thứ 16 (1663) mùa hạ Hùng được thăng chưởng cơ, trấn thủ doanh Bố Chính, rồi thăng trấn thủ Quảng Bình, đốc chiến quận công, rồi Hùng chết. Gia Long năm thứ 4 (1805) bàn định đẳng cấp công thần, Hùng được liệt vào hạng nhì, được cấp ruộng tự điền và phu coi mả cũng như cha là Phấn. Con là Phúc Thức có truyện riêng.

*

Trương Phúc Cương

Là con thứ của Phấn, Cương làm đến Chưởng cơ. Thái tông Hoàng đế năm thứ 24 (1672), quân Trịnh kéo đại binh vào lấn cướp, Cương làm tiền phong, đóng đồn Phù Chính. Mùa thu tháng 7. Hiệp đến nơi, chia sai các tướng giữ nơi yếu hại. Cương giữ lũy Trấn Ninh. Giặc vây gấp, Cương cùng Nguyễn Hữu Dật hết sức cố giữ. Giặc đánh hàng tháng không hạ được, bèn rút lui. Cương vì có công được thăng nội hữu chưởng cơ, rồi lên thống suất đạo Lưu Đồn. Anh tông lên ngôi chúa, thăng Cương làm chưởng doanh. Năm thứ 2 (1688), triệu về trấn thủ cựu doanh rồi Cương chết. con là Phan có truyện riêng.

*

[1] Hùng thiết: Hùng là người sắt.

Digitized by Google

Trương Phúc Thức

Là con của Hùng, Thức làm quan đến chánh doanh cai cơ. Hiển tông hoàng đế năm 24, Thức ra làm trấn thủ doanh Bố Chính, rồi đổi làm trấn thủ Quảng Bình. Rồi thì vào làm Hữu phó đô đốc quận công. Chúa cho lấy ly sở Quảng Bình làm nhà thờ họ Trương để tỏ lòng yêu quý. Lại ban cho tự điền một khoảnh. Khi chết, thọ 84 tuổi, tặng Tán trị công thần đặc tiến Khai phủ phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ chưởng phủ sự, Tả đô đốc Thức quận công. Nay chùa Hoàng Giác huyện Phong Điền còn có di tích. Thức có con là Duyệt, làm đến cai đội. Con Duyệt là Thận, chết vì việc nước, có truyện riêng.

*

Trương Phúc Phan

Là con của Cương, Phan lấy Ngọc Nhiễm công chúa thứ 3 của Anh tông hoàng đế. Phan làm đến chưởng doanh, rồi lĩnh chức trấn thủ doanh Trấn Biên, Hiển tông hoàng đế năm thứ 11 (1701) mùa thu, giặc biển Man An Liệt là lũ Thuyền, Tô, Ly, Gia, Thi 5 người, xưng là 5 ban, cùng đồ đảng 200 người đóng ở đảo Côn Lôn lập đồn trại chứa của báu như núi. Bốn mặt đảo, chúng đều đặt súng lớn. Phan đem việc tâu lên, chúa sai Phan định kế trừ bọn cướp ấy. Phan bèn triệu mộ 15 người Chà Và, mật sai trá hàng rồi nhắm ban đêm phóng hỏa đốt giết ban Nhất ban Nhì, bắt sống ban Năm, còn ban Tư đều đi ra ngoài biển. Phan được tin báo, lập tức sai binh thuyền đến đảo Côn Lôn thu hết vàng lụa đem về nộp., Chúa hậu thưởng cho. Lúc Phan chết, được tặng phong hàm thái bảo Phan quốc công. Phan có 2 trai là Thông và Loan. Thông làm đến chưởng doanh. Còn Loan, xem "Gian thần truyện".

*

Digitized by Google

Trương Phúc Thận

Là con của Duyệt, lúc mới, Thận làm chưởng cơ, thuộc quân Tống Phúc Hiệp. Duệ tông hoàng đế khi chạy vào Nam, đến Bình Khang, Thận và Nguyễn Khoa Toàn đều theo chúa vào Gia Định. Gặp bấy giờ Chân Lạp làm phản, Thận cùng tiết chế Nguyễn Cửu Tuấn theo Thế tổ Cao hoàng đế đi đánh dẹp yên được. Năm Đinh Dậu (1777) mùa hạ, "giặc" Tây Sơn xâm phạm Sài Gòn. Thận từ Cần Giuộc (Cần Bột) đem quân đến cứu. Tân chính vương được quân của Thận, bèn lui giữ sông Gianh. Tháng 9, Duệ Tông hoàng đế đi Long Xuyên, Thận đi hộ giá. Quân giặc đánh Long Xuyên, cha con Thận đều chết.

*

Tống Hữu Đại

Người quý huyện tỉnh Thanh Hóa, cha là Hữu Sĩ theo Thái tổ hoàng đế vào Nam làm quan đến nho úy, thái bộc tự khanh. Hữu Đại ban đầu làm cai cơ, Thần tông hoàng đế năm thứ nhất (1635) Hữu Đại thăng Cựu doanh trấn thủ. Năm thứ 13 (1647) quân Trịnh vào lấn cướp. Hữu Đại cùng Nguyễn Hữu Dật lĩnh quân bộ, theo Thế tử tiết chế, đánh quân Trịnh, thắng trận to. Thái tông hoàng đế năm đầu, Hữu Đại được thăng chưởng doanh. Năm thứ 7 (1655) quân Trịnh vào lấn cướp, Hữu Đại theo Nguyễn Hữu Tiến tiết chế đem quân ra xã Lũ Đăng, đánh đuổi tướng Trịnh là tham đốc Đặng Minh Tấc. Trịnh Đào đem hết quân đến cứu. Hữu Đại lại về sông Gianh đóng đồn. Hồi đó, Nguyễn Hữu Tiến tiến quân đến doanh Hà Trung, lấy Phù Dương làm tiên phong. Hữu Đại tiếp ứng, tiến đánh tướng Trịnh Phạm Tất Đồng. Đồng phải đầu hàng. Hữu Đại lại đánh phá tướng Trịnh là Tài và Địch ở Lạc Xuyên Thượng, thu được khí giới không thể đếm siết. Năm thứ 8 (1656), mùa xuân,

Digitized by Google

Hữu Đai đem quân miền Thượng đến Bình Lăng, đánh quân của tướng Trịnh Đào, Quang Nhiêu. Quang Nhiêu bỏ lũy chạy. Năm thứ 9 (1657) người huyện Nghi Xuân, là Phan Lân nói với Hữu Đại rằng "Quân Trịnh chia quân đi ba đường qua xã Nam Kim để đánh úp quân Hữu Đại, Trịnh Căn cầm đầu đại binh để yểm hộ đàng sau". Hữu Dật mật báo cho Hữu Đại bày trận để đợi. Rồi đó, bên Trịnh quả dẫn quân đến. Gặp quân Hữu Đại giao chến, Hữu Đại giả cách chạy, quân Trịnh đuổi theo, quân phục của Hữu Đại nổi dậy, quân Trịnh bị vỡ, rút chạy. Tin thắng trận đưa đến, chúa thưởng rất hậu. Sau đó Hữu Đại chết, tặng phong đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, trấn phủ chưởng doanh, phó tướng.

Con là Hữu Thân làm đến Quảng Bình trấn thủ, được tặng phong Tiền quân đô đốc thiêm sự, quận công.

*

Nguyễn Đức Bảo

Người quý huyện, tỉnh Thanh Hóa. Cha là Đức Tráng, lúc đầu theo chúa vào Nam, nhập tịch xã Phú Xuân, làm đến cai đội. Đức Bảo làm quan lên dần đến chưởng cơ. Thế tông hoàng đế năm 24 (1672) quân Trịnh đến lấn cướp, Đức Bảo cùng Trương Phúc Cương làm tả hữu tiền phong, đánh quân Trịnh ở sông Gianh, thắng trận to. Sau làm Quảng Nam trấn thủ, chưởng doanh. Anh tông hoàng đế năm đầu (1687), Đức Bảo được thăng làm Quảng Nam trấn thủ. Hiển tông hoàng đế năm đầu (1691) mùa xuân, thăng làm Tả quân đô đốc phủ tả đô đốc chưởng phủ sự, Tiến quận công, vẫn làm trấn thủ Quảng Nam. Đức Bảo ở Quảng Nam đã lâu, biết hòa hợp vỗ về nhân dân. Triều đình ban thư có đóng ấn ngọc tỉ để khen thưởng, lại cho ấn đồng và kiệu đen để biểu dương đặc biệt. Năm Giáp Tuất (1754) mùa thu, Đức Bảo chết, được tặng

Digitized by Google

phong Tá lý công thần, đặc tiến trụ quốc thượng tướng quân, cẩm y vệ, khai phủ chưởng phủ sự, thiếu bảo. Chúa ban bạc, lụa, gấm, vóc, hậu táng.

Con là Đức Khang do quân ấm tử,làm quan đến Tả bộ doanh chưởng cơ, Hiển tông hoàng đế năm 22 (1712) thăng chưởng doanh, lĩnh Quảng Bình trấn thủ. Năm 24 (1714) thăng lưu đồn đạo thống suất.

Con Khang là Xuân, làm quan đến cai cơ.

*

Nguyễn Hữu Doãn

Không rõ quê quán. Ban đầu Doãn làm cai cơ. Khoảng năm Túc tông hoàng đế (1725 - 1727), Gia Định điều khiển là Trương Phúc Vĩnh phải tội, chúa bèn sai Doãn thay làm sự vụ Gia Định điều khiển. Thế tông hoàng đế năm thứ 10 (1748), Mậu Thìn, Chân Lạp quốc vương Nặc Tha đã được lập làm vua, Nặc Thâm tự Xiêm đem quân về đánh. Nặc Tha chạy sang Gia Định, Nặc Thâm bèn chiếm giữ nước. Đến lúc Nặc Thâm chết, con là Đôn, Hiên, và Yếm tranh nhau làm vua. Bề tôi Nặc Thâm là Xô Liên Tốc nhân đó gây biến, sang cướp bóc Mỹ Tho. Việc ấy đến tai chúa. Chúa sai Doãn đi đánh. Doãn đem quân tiến đánh Xô Liên Tốc, cả phá được giặc, đốt hết chiến thuyền, thừa thắng, thẳng đến thành Nam Vang. Lũ Đôn, Hiên và Yếm đều trốn. Doãn bèn đưa Nặc Tha về nước. Nước Chân Lạp đã yên, Doãn lại về trấn. Trước kia đất Gia Định nhiều chỗ lầy lội lúc bắt đầu khai thác, đường bộ chưa thông đồng, người lữ hành lấy làm khổ, tin báo biên phòng cũng không tiện! Doãn bèn đo đạc địa thế, chăng dây làm đường thẳng, từ Nại Kiều đến Hưng Phúc, tùy nơi mà đặt nhà trạm, gọi là đường thiên

Digitized by Google

lý, gặp sông to thì sai dân sở tại đặt thuyền chở đò, miễn lao dịch cho người chở đò, công tư đều lấy làm tiện.

*

Hùng Lộc (*không nhớ họ*)

Không biết là người ở đâu. Hùng Lộc làm quan đến cai cơ, Thái tông hoàng đế, năm thứ 5 Quý Tỵ (1653), mùa xuân, Chiêm Thành xâm lấn Phú Yên, quan ngoài biên đem việc tâu lên. Chúa bèn sai Hùng Lộc làm thống binh, Xá sai Minh Vũ (không nhớ họ) làm tham mưu, đem 3.000 quân đi đánh. Quân ta đến Phú Yên, chư tướng muốn đóng quân, dẹp giặc. Hùng Lộc nói: "Binh pháp có nói: ra quân lúc bất ngờ, đánh giặc lúc không phòng bị. Nay quân ta từ xa đến, đánh ngay mới lợi, còn dụ giặc làm gì!" Hùng Lộc liền tiến quân qua núi Thạch Bị, núi Hổ Dương, thẳng đến thành giặc, đương đêm đốt lửa, đánh gấp, cả phá được giặc. Chiêm Thành quốc vương Bà Tấm trốn chạy, Hùng Lộc lấy đất đến sông Phan Rang. Bà Tấm sai con là Xác Bá Ân dâng thư xin hàng. Hùng Lộc đem việc tâu lên, chúa y cho, bèn lấy sông Phan Rang làm ranh giới. Từ phía đông sông ấy đến đầu cõi Phú Yên, đặt làm doanh Thái Khoa cho Hùng Lộc trấn thủ, từ phía tây sông ấy trở vào, vẫn trả cho Chiêm Thành, bắt sửa lễ cống. Quốc triều lúc mới khai thác, Hùng Lộc cũng có công đấy. Chỉ tiếc không biết rõ họ, quê quán và tuổi thọ của Hùng Lộc,

*

Nguyễn Dương Lâm

Tiên tổ là người quý huyện, tỉnh Thanh Hóa, sau theo vào Nam nhập tịch ở phủ Thừa Thiên. Cha là Văn Nghĩa, làm quan đến thống suất Quảng Bình doanh, tước quận công. Dương Lâm do

Digitized by Google

chân ấm tử, trải làm điển binh, Thái tông hoàng đế, năm 26 Giáp Dần (1674), thăng cai cơ đạo Nha Trang, doanh Thái Khang. Bấy giờ nước Chân Lạp, Nặc Ô Đài (lại có tên là Bô Tâm) giết cha là Nặc Xô mà tự lập làm vua, sợ triều đình đem quân đến đánh, Nặc Ô Đài bèn đắp thành Nam Vang và các lũy Bích Đôi, làm cầu phao chằng xích sắt để tự bảo vệ, lại cầu xin nước Xiêm giúp sức, mưu giết nhị vương là Nặc Nộn. Nặc Nộn sợ, chạy sang doanh Thái Khang. Nặc Ô Đài tiến quân chiếm giữ Sài Gòn, đắp lũy Hưng Phúc, phòng bị rất kiên cố. Thái Khang doanh trấn thủ Nguyễn Triều đem việc tâu lên. Chúa nói: "Nặc Nộn là phiên thần, khi có nguy cấp ta không thể không cứu". Bèn sai Dương Lâm làm thống binh, thủ hạp Nguyễn Diên làm tham mưu. Văn Sùng (không nhớ họ) làm thị chiến, đem quân đi đánh, chia quân đi hai đường. Diên thống lĩnh quân tiền phong, gấp đường tiến thẳng lên đến lũy Hưng Phúc, nhân lúc bất ngờ đánh úp mà giữ lấy lũy. Rồi đó, quân Chân Lạp tập hợp cả bốn phía, bao vây và đánh rất mạnh, Nguyễn Diên giữ vững trong lũy, không ra đánh. Gặp quân của Dương Lâm vừa đến, trong ngoài đánh khép lại; quân Chân Lạp cả vỡ. Quân ta bèn thừa thắng, tiến lấy Sài Gòn, phá lũy Bích Đôi, đốt cầu phao và phá tung xích sắt, tiến vây thành Nam Vang. Nặc Ô Đài chạy trốn, bị đồ đảng giết chết. Con thứ Nặc Xô là Nặc Thu ra hàng. Nước Chân Lạp do đó được yên. Diên do chân lại viên cầm quân, oai phong rung động cả nước Chân Lạp. Vì quá lao lực, ốm chết ở trong quân. Văn Sùng sau đó cũng ốm chết, Dương Lâm đem việc tâu lên. chúa tặng phong Diên làm câu kê, Sùng làm cai hạp, Diên chết rồi, thường hiển linh, người Chân Lạp lập đền thờ ở cửa biển Mỹ Tho.

Dương Lâm rút quân về, vì có quân công, được thăng Thái Khang doanh trấn thủ. Kinh lý việc ngoài biên. Năm Kỷ Tỵ

Digitized by Google

(1689), mùa đông, chúa triệu về, thăng chưởng doanh, lĩnh Quảng Bình thủy doanh tham tướng, sau đó Dương Lâm chết.

Con là Thắng Long làm đến cai cơ Trấn Biên. Con Thắng Long là Phú theo Nguyễn Hữu Kính đi dẹp Chân Lạp, có công, trải làm cai cơ, dần thăng đến trấn thủ Cựu doanh, Phú quận công.

Con Phú là Chánh, làm đến Nội tả chưởng doanh. Năm Giáp Ngọ (1714) đánh nhau với quân Trịnh ở sông Phú Lễ bị chết trận.

Em Chánh là Thành, làm đến cai cơ, đánh nhau với "giặc" Tây Sơn, chết ở Lại Dương.

Con Chánh là Đồng, làm cai đội, theo Duệ tông đi Quảng Nam, đến đèo Hải Vân, lại ở phía hậu, bị quân Trịnh giết chết. Đầu năm Gia Long (1802), truy tặng Chánh làm Tả quân đô đốc, quận công, cho thờ ở hai miếu Hiển trung và Trung tiết công thần.

*

Tống Văn Khôi (*có chỗ chép là* Nguyễn Cửu Khôi)

Tiên tổ người quý huyện tỉnh Thanh Hóa, sau dời vào ở huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định. Khôi là người can đảm, quả quyết, làm quan dưới triều Duệ Tông, dần thăng đến thống suất điều khiển tướng sĩ năm doanh Gia Định, sau vì tội liên lụy phải giáng làm cai đội. Năm Ất Mùi (1775), "giặc" Tây Sơn lấn cướp khoảng Phú Yên - Khánh Hòa, Khôi đem quân từ Gia Định tiến ra Khánh Hòa, đánh nhau với giặc ở Tam Độc, Khôi bị chết trận. Khôi có 2 trai là Phúc và Thịnh.

Phúc, hồi đầu trung hưng, làm đến cai cơ. Can đảm, mạnh tợn, Phúc là tay thiện chiến, có tính cách giống cha. Năm Tân Sửu (1781), theo quan quân đi đánh nghịch đảng Đông sơn [1] ở Lương

[1] Đảng của Đỗ Thanh Nhân (xem theo chú giải ở trên).

Digitized by Google

Phúc, Phúc bị chết trận, được truy tặng chưởng cơ, cùng cha là Khôi đều được thờ ở hai miếu Hiển trung và Trung tiết công thần.

Thịnh khoảng giữa đời trung hưng, làm quan đến Uy vũ vệ úy, lấy công chúa Ngọc Thục,là con gái Duệ Tông. Sau đó, Thịnh tòng quân, đi đánh giặc, bị chết trận.

Con Thịnh là Minh, làm quan đến Nghĩa vũ phó vệ úy. Giữa niên hiệu Minh Mạng (1820 - 1840) trú phòng Trấn Ninh,bị thổ tù là nghịch Huống đánh úp, Minh bị hại, được tặng Vệ úy, hậu tuất cho bạc lạng.

Con Minh là Triều được ấm thụ Cẩm y hiệu úy.

*

Bùi Công Kế (*tức* Nguyễn Kế)

Người quý huyện, tỉnh Thanh Hóa, trạng mạo khôi ngô chững chạc, Kế có sức khỏe, tài võ nghệ. Đời Duệ tông, ban đầu Kế làm cai đội thuyền Ngưng Bích, theo quan quân đi cứu Cao Miên, có quân công, dần thăng đến chưởng cơ, lĩnh Bình Khang trấn thủ. Năm Ất Mùi (1775), "giặc" Tây Sơn quấy rối cướp bóc trong bờ cõi. Tiết chế Tống Phúc Hiệp sai Kế đem quân đi đường núi, đánh úp. Quân thua, bị giặc bắt được. Giặc muốn dụ hàng, Kế bất khuất, mắng giặc mà chết. Người đầy tớ tên là Khố, được giặc thả ra, nhưng Khố không khứng, nói: "Chủ tướng đã chết ta sống làm gì!" Giặc cũng giết nốt. Lúc đầu trung hưng, truy tặng Kế hàm chưởng doanh, cấp người coi mả, cho thờ ở hai miếu Hiển trung và Trung tiết công thần.

*

Nguyễn Hữu Danh

Người huyện Duy Xuyên thuộc Quảng Nam, ban đầu là cai cơ, đến đời Duệ tông, năm thứ 9 Giáp Ngọ (1774) sai quản binh lính 5

Digitized by Google

thuyền và các thuyền Quảng Nam, theo chưởng cơ Tôn Thất Thắng đi đánh dẹp, đánh nhau với giặc ở Chiên Đàn, bị chết trận.

*

(***Phụ***: mấy người cùng "tỉnh" với Nguyễn Hữu Danh)

1. *Phan Phúc Ân*

Người huyện Diên Phúc cũng tỉnh Quảng Nam, trước làm khám lý, đốc suất các huyện thuộc phủ Thăng Bình. Năm Quý Ty (1773), giặc Tây Sơn nổi loạn. Ân đem theo tán lý Đỗ Văn Hoảng làm tiên phong đi đánh giặc. Giặc đương đêm đánh úp giết Hoảng, sĩ tốt tan vỡ. Ân bèn thu nhặt quân tàn, lui đóng ở Câu Đê. Năm Giáp ngọ (1774) mùa xuân, Ân theo Tả quân Nguyễn Cửu Dật tiến đánh, cai quản quân tiền phong, chống đánh giặc ở sông Tam Kỳ bị chết trận.

2. *Đỗ Hữu Nghi*

Năm Giáp Ngọ (1774), Nghi theo đốc chiến Trực (không nhớ họ) đánh giặc, có công, được bổ tri huyện Bình Sơn. Lại theo Nguyễn Cửu Dật đem hương binh đánh nhau với giặc ở sông Thanh Hà, bị chết trận.

3. *Vũ Văn Duy*

Người huyện Lễ Dương, cùng "tỉnh" Quảng Nam. Trước Duy làm đội trưởng, đốc suất đội Tả mã. Năm Giáp Ngọ (1774), theo tả quân Nguyễn Cửu Dật đi đánh giặc, có chiến công, được thăng cai đội, rồi chuyển làm khâm sai cai cơ. Năm Ất Mùi (1775) Duệ tông vào Nam, Duy chiêu tập quân tản, theo Tôn Thất Xuân đánh giặc, bất lợi. Năm Đinh Dậu (1777) Duy lại tập hợp quần chúng, đánh giặc ở Hà Lam bị chết trận.

Digitized by Google

QUYỂN 5

TRUYỆN CÁC BỀ TÔI (III)

Nguyễn Đăng Đệ
Nguyễn Đăng Thịnh
Nguyễn Cư Trinh (con là Cư Dật, cháu là Cư Sĩ)
Nguyễn Đăng Tiến (con là Đăng Huống và Đăng Huy)
Nguyễn Đăng Cẩn (con là Đăng Thông)
Nội tán Phạm
Vũ Phi Thừa
Nguyễn Khoa Chiêm
Nguyễn Khoa Đăng
Nguyễn Khoa Toàn
Nguyễn Khoa Kiên
Trần Đình Ân (con là Khánh, Thuận, cháu là Hi, Hiến)
Vũ Đình Phương
Vũ Xuân Nùng (em là Đàm)
Phạm Hữu Kính (con gái là Lam Anh)
Nguyễn Quang Tiền
Hồ Quang Đại (cháu là Phúc Đào)
Lê Quang Đại
Mai Công Hương

Digitized by Google

Đặng Đại Độ

Trần Phúc Thành

Lê Xuân Chính (con là Xuân Hi và Xuyên Huyên)

Nguyễn Hữu Tôn

Nguyễn Thừa Tự

Nguyễn Đăng Trường

Bùi Hữu Lễ

Nguyễn Danh Khoáng

Trần Văn Thức

Đoàn Đức Hiệp

Đỗ Văn Hoảng

Lê Đa Uẩn (con là Liên)

*

Nguyễn Đăng Đệ

Tiên tổ người huyện Thiên Lộc, thuộc Nghệ An, nguyên là họ Trịnh. Ông tổ xa đời là Trịnh Cam, làm quan nhà Lê, đến Binh bộ thượng thư. Đến lúc nhà Mạc cướp ngôi vua nhà Lê, Cam bèn tránh vào ở Thuận Hóa, muốn chiêu tập những người trung nghĩa, để mưu đồ khôi phục nhà Lê, nhưng chưa làm được việc đã chết. Về sau, con cháu bèn nhập tịch ở xã An Hòa (thuộc huyện Hương Trà) chiếm khoa mục rất nhiều. Ngạn ngữ có câu: "Học Đồng Di (xã Đồng Di thuộc huyện Phú Vang) thi An Hòa". Đăng Đệ, cháu bảy đời Trịnh Cam là người ôn nhã, trung chính, văn học sâu rộng. Năm Đăng Đệ còn nhỏ, có thầy tướng trông thấy, bảo rằng: Khiếu mắt có tàng thần, là quý cách đấy, chỉ tiếc tai thấp, không đỗ cao được". Năm Tân Tỵ (1701) thi đỗ sinh đồ. Đời Hiển tông hoàng đế, bổ làm huấn đạo, rồi thăng tri huyện Minh Linh, làm chính sự

Digitized by Google

có thành tích lên đến tai chúa, được cất nhắc vào việc Văn chức. Đăng Đệ tấu đối tường tận, rõ ràng, bàn bạc rộng rãi đầy đủ. Chúa lấy làm lạ và yêu lắm, cho họ là họ Nguyễn. Năm Nhâm Thìn [1] (1712) mùa hạ, thăng ký lục ở doanh Quảng Nam. Khi làm quan Đăng Đệ làm cho kiện cáo được bớt đi, phong tục được khuyến khích, dân đều yêu mến. Năm Ất Mùi (1715) mùa thu, thăng chánh doanh đô tri. Năm Đinh Dậu (1717), mùa xuân, chúa cho rằng Đăng Đệ trước ở Quảng Nam, làm việc thanh liêm, công bình, việc kiện cáo do đấy im lặng, vốn được nha lại và dân chúng tín phục, bèn cho lại đi lĩnh chức Ký lục Quảng Nam, chúa viết câu đối ban cho.

"Lập pháp tỉnh hình, cánh kiến ngã triều sinh Cấp Ẩm;
"Sử dân vô tụng, phương tri ngô quốc hữu Hoài Nam.

Nghĩa là:

Lập luật pháp, bớt hình phạt lại thấy triều ta có Cấp Ẩm [2].
Làm cho dân không kiện cáo, mới biết nước ta có Hoài Nam.

Năm Giáp Thìn (1784), thăng chính doanh ký lục, Đăng Đệ xin cấm các hạng tiền bằng gang, kẽm, chì và sắt không được dùng để mua bán. Tiền đồng mẻ gãy không được chọn chê. Chúa nghe theo.

Túc tông năm đầu (1725), Đăng Đệ vâng mệnh đi tuần kiểm các phủ thuộc Quảng Nam, định rõ thể lệ quan chức của các thuộc mới lập. Thuộc nào từ 500 người trở lên đặt cai thuộc, ký thuộc, đều một người, thuộc nào từ 450 người, đặt một ký thuộc. Thuộc nào từ 100 người trở xuống, đặt một tướng thần. Duy các thuộc

---

[1] Nguyên thư in lầm là Nhâm Dần.

[2] Cấp Ẩm tên tự là Trường Nhu, người Bậc Dương đời Hán. Tính cương trực, chuộng khí tiết. Khi làm thái thú chính sự thanh liêm, trong hạt được yên tĩnh và rất thịnh vượng. Cuối cùng làm thái thú ở Hoài Dương cho đến lúc chết.

Digitized by Google

Hoa Châu, Phú Châu, hộ làm liềm, nhà đan lưới và nhà bè, đặt một đề lĩnh.

Đăng Đệ lại xin cấm dân đánh bạc, kiện gian, trốn tránh sai dịch và ẩn lậu đinh khẩu. Chúa đều cho làm. Sau đó, Đăng Đệ bị ốm, nghỉ việc. Năm Đinh Mùi (1787) mùa đông, ông mất, thọ 59 tuổi. Được tặng phong Kim tử vinh lộc đại phu, cho nhiều tiền, lụa để mai táng. Con là Đăng Cẩn và Cư Trinh đều có truyện riêng.

*

Nguyễn Đăng Thịnh

Tự là Hương, hiệu là Truyết Trai. Cha là Đăng Trị là anh Đăng Đệ, trước kia đỗ hương tiến [1], làm quan đến văn chức kiêm giám trạng, được truy tặng triều nghị đại phu. Đăng Thịnh lúc trẻ thông minh, nhanh nhẹn, nhớ dai, học rộng, giỏi văn. Năm 14 tuổi, trúng tuyển, được bổ lễ sinh, từ chối không nhận. Hiển tông hoàng đế năm thứ 30, khoa Tân Sửu (1781), đỗ hương tiến, sơ bổ làm tri huyện Hương Trà, rồi cất nhắc làm ở văn chức viện. Ông nổi tiếng về văn chương. Phàm các lệnh đời ấy đều ra từ tay ông. Túc tông năm đầu (1725) Thế tông còn ở thanh cung [2] Đăng Thịnh làm thị giảng. Năm Canh Tuất (1730), mùa đông, thăng đô tri. Năm Tân Hợi (1731), mùa đông, ra làm cai bạ Quảng Nam. Năm Ất Mão [3] (1735), mùa đông, về thăng nha úy. Năm Giáp Tý (1744), mùa hạ, Thế tông mới lên ngôi chúa. Bài biểu quần thần khuyến tiến có câu rằng: "Chính danh phận ư nhất quốc, duy tân chi thủy; Hưng lễ nhạc ư bách niên, tích đức chi dư" (Chính danh phận ở một nước,

---

[1] Tức cử nhân.

[2] *Thanh cung*: cũng như "đông cung" chỗ thái tử ở.

[3] Nguyên thư in lầm là "Kỷ Mão" (Kỷ và Ất từ dạng nói giống nhau).

Digitized by Google

lúc bắt đầu duy tân; Đấy lễ nhạc ở trăm năm, sao bao lâu tích đức). Lại có câu rằng: "Dĩ thất thập lý chi cương vũ, tự khai huyền điểu chi cơ; thẩn tam thiên lý chí dư đồ, thương tiễn hoàn khuê chi vị" (Nhà Thương với bảy mươi dặm đất đai, còn mở cơ đồ huyền điểu [1]; chúa ta có ba nghìn dặm đất nước, nên chính danh vị hoàn khuê) [2] đều là lời văn của Đăng Thịnh. Sau đó vì có công đầu làm Kim sách tấn tôn, Đăng Thịnh được trao Lễ bộ kiêm Lại bộ. Phàm những chế độ mới đặt như triều nghi, phục sắc, bàn lễ khảo văn, phần nhiều do Đăng Thịnh tán định. Năm Ất Hợi (1755), mùa hạ, ông mất tại chức, thọ 62 tuổi, tặng chính trị thượng khanh tham nghị, cho nhiều tiền lụa để táng.

Sau khi Đăng Thịnh chết, chúa sai người đến nhà thu lượm sao chép bản thảo văn chương. Chúa xem bao giờ cũng cảm thán khen ngợi Đăng Thịnh giỏi thơ văn, trước tác có: *Hiệu tân thi tập*, *Chuyết trai văn tập*, *Chuyết trai vinh tử tập* lưu hành ở đời. Đăng Thịnh có 2 trai: con trưởng là Đăng Giám, làm quan đến Trấn Biên doanh cai bạ, tặng phong tư trị thiếu khanh, con thứ là Đăng Vinh, làm quan đến Hàn lâm trực giảng, truy tặng Quang lộc tự khanh.

*

Nguyễn Cư Trinh

Tự Nghi, hiệu Đạm Am là con út Đăng Đệ. Thông minh sớm hơn người. Năm 11 tuổi, Trinh hay văn, giỏi thơ, văn chương dồi dào có phép tắc, nổi tiếng ngang với anh họ là Đăng Thịnh. Ông

---

[1] *Huyền điểu*: Bà Giản Địch nuốt trứng chim đen, sinh ra ông Tiết là tổ nhà Thương, cho nên gọi nhà Thương là cơ đồ huyền điểu.

[2] Hoàn Khuê: Thứ ngọc mà vua chư hầu được cầm, cho nên dùng hoàn khuê, để tượng trưng cho vua chư hầu.

Digitized by Google

đỗ hương cống (tức cử nhân) khoa Canh Thân (1740), làm tri phủ Triệu Phong, rồi thăng văn chức, gặp việc dám nói, có phong cách người bề tôi biết can ngăn. Năm Giáp Tý (1744), mùa hạ, Thế tông đã lên ngôi chúa, điển chương pháp độ đều do Đăng Thịnh kiến lập rõ ràng, còn từ lệnh thì ra tay từ Cư Trinh.

Trinh là người khảng khái, có mưu lược, liệu sự biết phán đoán thường hợp cơ nghi.

Năm Canh Ngọ (1750), mùa xuân, thăng tuần phủ Quảng Ngãi. Quảng Ngãi có Man Thạch Bích thường quấy ngoài biên, quan quân đánh mãi không xong. Trinh đến, viết thư phủ dụ, chúng cũng không ra. Ông bàn tiến đánh, nhiều người cho rằng hiểm trở xa khơi và sơn lâm chướng khí ngăn trở. Trinh bèn viết truyện *Sãi vãi* bằng quốc âm đặt làm lời vấn đáp để khuyên bảo. Rồi tiến quân, giặc Man lẩn trốn, tan tác. Trinh sợ ta đem quân về, chúng lại tụ họp, bèn chiếm đóng chỗ sào huyệt địch lập trại lũy, lập đồn điền, đặt điếm canh, giả vờ làm kế ở lâu. Giặc Man sợ, đến cửa quân xin hàng. Trinh vỗ về, yên ủi, cho chúng về, rồi kéo quân rút lui.

Tin thắng trận đến tai chúa, chúa ban khen. Năm Tân Mùi (1751), mùa đông, Trinh dâng thư trình bày tình trạng đau khổ của dân gian: "Dân là gốc nước, gốc không bền thì nước chẳng yên. Ngày bình thường không lấy ân kết dân, thì lúc có việc trông cậy nương tựa vào đâu? Tôi trộm lo: Dân gian chất chứa tệ hại đã nhiều nếu cứ để yên nếp thường, giữ lối cũ, không tùy nghi thêm bớt, thiết lập kỷ cương thì một đạo [1] còn không thể làm được nữa là một nước. Nay có ba việc hại dân là cấp lương lính, nuôi voi, và

---

[1] *Đạo*: Như *xứ* hoặc *miền*.

Digitized by Google

nộp tiền án. Còn các nhũng lệ khác không thể đếm xiết!" Nhân đó Trinh điều trần 4 điều tệ hại đã lâu.

1. Các viên phủ huyện có chức vụ cai trị dân gần đây không đôn đốc làm việc ấy, chỉ sai khám xét kiện cáo. Xin từ nay, các thuế lệ như sai dư điền tô, nhất thiết giao cho tri huyện thu biên, giao lên doanh Quảng Nam để nộp cho đỡ phiền nhiễu.

2. Các viên phủ huyện từ trước đến giờ thường kiếm lợi ở những việc sai bắt tra xét (những người can phạm) để lấy bổng lộc tiền tài, của dân càng hao, phong tục trong dân càng bạc! Nay xin liệu cấp cho lương thường xuyên, thăng giáng tùy theo từng viên chức thanh liêm hay tham ô, siêng năng, hay lười biếng.

3. Lậu đinh có 2 thứ: có kẻ trốn tránh sưu thuế mà lông bông, có kẻ đói rét thân mà xiêu tán. Nay không chia đẳng hạng, nhất thiết liệt vào sổ đinh, bắt đóng thuế thân, họ tất sợ hãi tản mát, lén lút ở núi rừng, dân xã lại phải gánh đậy bồi thường, thì sao chịu nổi! Nay xin xét số lậu đinh, ai còn có nghề làm ăn thì thu thuế như lệ, ai đói rét khốn khó thì cho miễn thuế, tùy cách vỗ về để hạng cùng dân được sống lại.

4. Nên để cho dân yên tĩnh, không nên làm động, động thì dễ loạn, tĩnh thì dễ trị. Nay bắt dân săn bắn ở núi rừng, kiếm gà, lùng ngựa, không thể tất đức ý (triều đình) quấy rối nhân dân địa phương. Lũ giả mạo đi đến đâu làm nôn nao đến đó, người đều cáo than! Xin: Từ nay hễ sai người đi làm việc phải có giấy tờ đóng dấu, trình quan địa phương xét nghiệm. Kẻ nào nhiễu dân thì bắt trị tội, may ra lòng dân yên tĩnh, khỏi dao động.

Sớ này dâng lên chúa không trả lời. Trinh cố từ chức. Chúa bèn triệu về rồi đổi làm ký lục doanh Bố Chính. Trinh đến trị sở rồi đặt thêm đồn lũy, nghiêm việc phòng thủ. Chúa Trịnh đưa thư

Digitized by Google

xin mượn đường đi Trấn Ninh đánh Lê Duy Mật. Trinh viết thư từ chối. Họ Trịnh biết ta đã phòng bị, bèn thôi.

Năm Quý Dậu [1] (1753) mùa đông, Nặc Nguyên nước Chân Lạp xâm lấn *Côn Man* [2] Chúa muốn đánh nước Chân Lạp, bèn sai cai đội Thiện Chính (không nhớ họ) làm thống suất, Trinh làm tham mưu, điều khiển tướng sĩ năm doanh đi đánh Chân Lạp tiến đánh Bến Nghé, thiết lập doanh trại lựa chọn sĩ tốt, làm nhiều kho tàng để làm kế khai thác.

Năm Giáp Tuất (1754), mùa hạ, Trinh cùng Thiện Chính chia đường mà tiến, Trinh đi đến đâu, giặc đều lướt dạt đến đó; qua Tân Lộ ra Đại Giang, cùng quân Thiện Chính hội ở đồn Lô Yêm. Bấy giờ 4 phủ là Soi Rạp (Lôi Lạp), Tâm Bôn, Câu Nam và Nam Vang đều hàng. Ta bèn chiếm phủ Côn Man để làm thanh thế.

Năm Ất Hợi (1755), mùa xuân, thống suất Thiện Chính về đồn Mỹ Tho, dân Côn Man đi theo, đến đất Vô Tà Ân, bị Chân Lạp đánh úp. Thiện Chính vì tràm rừng ngăn trở không đi cứu được. Trinh đem quân tùy tùng đến cứu hơn 5.000 đàn ông đàn bà Côn Man hộ tống về đóng ở chân núi Bà Đanh. Trinh nhân đó hặc tâu Thiện Chính làm mất cơ ngơi, bỏ dân chúng mới qui phục. Chúa bèn giáng Thiện Chính xuống làm cai đội, và cho Trương Phúc Du lên thay, Trinh cùng Phúc Du dùng người Côn Man làm hướng đạo, đi đánh Câu Nam, Nam Vang. Nặc Nguyên chạy sang Hà Tiên, xin dâng đất 2 phủ Tâm Bôn và Soi Rạp (Lôi Lạp), để bù vào lệ cống bỏ thiếu trong ba năm trước. Chúa chưa ưng thuận việc này, Trinh tâu rằng: "Từ xưa dụng binh, chẳng qua cốt muốn giết

---

[1] Nguyên thư in lầm là "*Tân Dậu*"

[2] Có tài liệu chép là Tì Man.

Digitized by Google

kẻ cừ khôi mở rộng bờ cõi. Nay Nặc Nguyên hối lỗi, dâng đất, tỏ lòng thành. Nếu tra cứu đến cùng tội dối trá của nó, nó sẽ chạy trốn. Và từ Gia Định đến La Bích đường đi xa xôi không tiện đuổi đến kỳ cùng. Nay muốn mở rộng bờ cõi, nên lấy 2 phủ ấy trước để giữ vững lấy phía sau lưng 2 doanh. Năm trước, mở phủ Gia Định, trước lấy Hưng Phúc, sau lấy Đồng Nai, khiến cho quân dân tụ họp đông đúc. Nay đất cũ từ Hưng Phúc đến Sài Gòn chỉ 2 ngày đường, dân cư còn chưa ở yên, quân lính đóng giữ cũng chưa đầy đủ. Hơn nữa, từ Sài Gòn đến Tâm Bôn, hàng 6 ngày đường, lính thú trú phòng thực e không đủ. Tôi thấy người Côn Man trội về đánh bộ, Chân Lạp cũng đã thột dạ. Nếu cho họ ở vào đất ấy để chế ngự, dùng người Man đánh người Man, cũng là đắc sách. Vậy xin cho Chân Lạp chuộc tội, lấy đất 2 phủ ấy, giao cho tôi xem kỹ hình thế, đặt lũy, đóng quân, biên chế chia cấp điền sản cho quân dân, vạch rõ địa giới, cho thuộc về châu Định Viễn để thu toàn bức. Chúa nghe cho. Chưa bao lâu, Nặc Nguyên chết. Chúa bèn phong Nặc Tôn làm Chân Lạp quốc vương. Nặc Tôn lại dâng đất Tâm Phong Long. Trinh tâu xin dời doanh Long Hồ đến xứ Tâm Bào. Lại đặt đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, đều đem lính doanh Long Hồ đến trấn áp. Cõi Nam mở đất đến đây rất rộng, đều là công Cư Trinh. Lại, Gia Định đường sông nhiều ngả, thuyền cướp thường tụ chỗ vắng, rình thuyền buôn đi qua thì cướp bóc, người buôn khổ lắm! Trinh hạ lệnh cho các hạt; phàm thuyền lớn nhỏ, đều phải khắc tên họ quê quán chủ thuyền ở đâu, được quan sở tại làm sổ thuyền để tiện tra xét. Từ đây, kẻ gian không ẩn núp vào đâu được, trộm cướp phải im hơi.

Cư Trinh ở ngoài biên hơn 10 năm, hy vọng rỡ ràng, dân di mến phục. Ông lại hay ngâm vịnh, thường cùng Hà Tiên đô đốc

Digitized by Google

Mạc Thiên Tứ lấy văn từ tặng đáp nhau: lời và ý dồi dào đẹp đẽ. Vì văn nhiều, cho nên không chép vào đây. Ông lại họa mười bài vịnh Hà Tiên, được đời truyền tụng.

Năm Ất Dậu (1765) Duệ tông hoàng đế nối ngôi chúa, triệu Trinh về, thăng Lại bộ kiêm tào vận sứ. Quyền thần Trương Phúc Loan cho mình có công lập chúa, chuyên quyền ngang ngược, thường triệu các quan đến nhà riêng bàn việc, Cư Trinh nghiêm nét mặt nói: Bàn việc ở công triều chế độ đã định từ lâu. Phúc Loan sao dám vô lễ như thế! Chực chuyên quyền à? Loạn thiên hạ, tất là người này?!" Các quan đều không dám đi. Phúc Loan căm giận lắm nhưng vẫn kính sợ không dám làm hại.

Năm Đinh Hợi (1767) mùa hạ, Cư Trinh mất, thọ 52 tuổi. Tặng phong Tá lý công thần, đặc tiến Trụ quốc kim tử Vinh lộc đại phu chính trị thượng khanh tham nghị, tên thụy là Văn Định.

Minh Mạng năm thứ 20 (1839), Thánh tổ Nhân hoàng đế truy lục công Cư Trinh, tặng Khai quốc công thần, vinh lộc đại phu, hiệp biện đại học sĩ, lĩnh Lại bộ thượng thư, đổi thụy là Văn Khác, phong Tân minh hầu. Cho theo thờ ở Thái miếu.

Cư Trinh là người có tài lược, khéo quyết đoán. Những việc ông tâu bày phần nhiều là lời trung, bàn phải. Khi coi việc quân ở cõi nam, mở đất đai, giữ yên ngoài biên, có huân vọng siêu việt. Ông lại giỏi văn, trội thơ, có tập *Đạm am* lưu hành ở đời.

Cư Trinh có 2 trai: con trưởng là Cư Dật, là người có khí khái. Duệ tông hoàng đế năm thứ 9 (1774) quân Trịnh vào xâm lấn, khi đến huyện Quảng Điền, sự thế rất gấp, Dật nghĩ nhà mình mấy đời ăn lộc, tự xin liều chết báo nước. Lập tức được chúa cho làm cai đội, đem quân đi chống giặc, quân thế hơi mạnh. Được thăng Khâm sai tướng binh. Năm ấy (1774), mùa đông quân Trịnh tiến

Digitized by Google

gần đánh ngặt, Cư Dật sang sông Phú Lễ, bị chết đuối. Con thứ là Cư Tuấn, lúc mới vào Gia Định sung quốc tử giám thị học, trải làm quan đến cai bạ Quảng Trị, vì tham tang phải tội đồ. Con Cư Tuấn là Cư Sĩ 14 tuổi, xin thay cha đeo xiềng xích làm việc khổ sai. Thánh tổ Nhân hoàng đế thương xót tha tội cho. Lại cho Cư sĩ vào Giám học, sau đó bổ dùng, dần dần làm đến ngự sử án sát, trải làm bố chính 2 tỉnh Phú Yên, Gia Định rồi chết.

*

Nguyễn Đăng Tiến

Tự Mẫn, hiệu Minh Khiêm, là con thứ 5 Đăng Trị và là em Đăng Thịnh. Nhà nghèo, chăm học, Tiến khéo từ lệnh, đặc biệt là trội về thơ văn, quốc âm. Đời Túc tông hoàng đế (1725 - 1737), ông thi cống sĩ, không đỗ. Quan trên yêu ông có tài, tâu lên, đình thần cũng đều tiến cử, được trao làm việc ở viện Văn chức, cùng anh là Đăng Thịnh cùng làm thị giảng Thanh Cung.

Thế tông hoàng đế lên ngôi chúa (1744) cho thăng tuần phủ Phú Yên. Ông làm chính sự có lòng nhân huệ. Về triều, thăng Văn chức viện Thừa chỉ.

Năm Bính Dần (1746), mùa thu, ra làm ký lục Quảng Nam. Sau đó, chuá cho làm Khâm sai tuần sát các châu huyện Hải Lăng, Vũ Xương và Bố Chính. Tại đó, văn án đọng lại bề bộn, Tiến xử đoán trôi chảy, người ta đều phục là tinh nhanh.

Năm Đinh Mão (1747) mùa thu, cai quản thuyền vận tải đến kinh, được triệu vào yết kiến chúa. Chúa yên ủi thăm hỏi, thiết yến và ban tặng ưu hậu. Sau đó, ốm chết, thọ 47 tuổi, tặng phong chính trị thượng khanh, thụy là Văn Trung, ban ân điển tử tuất gấp bội.

Đăng Tiến tính cương trực và thanh cảnh thận trọng giữ lời hứa, thích giao du tân khách, nói chuyện suốt đêm vuivẻ quên mệt.

Digitized by Google

Nhà nghèo xác, nhưng vẫn yên tâm. Lúc trẻ, làm văn thích phỏng điệu Từ, Dũ [1], lúc gần già, đọc Hàn, Liệu [2] thể văn lại chuyển ra cổ kính và điển nhã, nhiều người hậu học đều bắt chước. Khi làm quan ông trong sạch, lại và dân đều yêu ông không ai nỡ lừa dối.

Tác phẩm có *Minh Khiêm thi tập* lưu hành ở đời. Tiến có 2 con: con trưởng là Đăng Khuông, làm quan đến Quảng Nam cai bạ, tuần hành 5 phủ, kiêm lĩnh chức bình nhung. Con thứ là Đăng Huy: Năm Giáp Ngọ (1774), mùa đông, quân Trịnh vào xâm lấn miền nam, Huy chạy đến núi Minh Linh, mộ binh cần vương, tự xưng là bình bắc đại tướng quân, đánh nhau với giặc. Quân bị thua, Huy chết ở trong rừng.

*

Nguyễn Đăng Cẩn

Là con Đăng Đệ và là anh Cư Trinh, Cẩn có tính phóng khoáng, không chịu gò bó, lại cậy khí, thích võ nghệ. Hiển tông hoàng đế, năm 21 Nhâm Thìn (1712), ấm thụ văn chức viện, vì nhà nghèo mắc nợ tiền công, phải bãi chức. Năm Giáp Tý (1744) mùa thu, lại được dùng làm văn chức. Sau đó thăng hành cai bạ ký lục sự ở doanh Trấn Biên. Năm Đinh Mão (1747) mùa hạ, lũ lái buôn Phúc Kiến Lý Văn Quang tụ họp đồ đảng mưu làm phản nhưng sợ Cẩn chưa dám phát, nên mưu giết Cẩn trước. Chúng nhân ngày tết Nguyên đán, chiều đến, rình lúc Cẩn không phòng bị, phục quân đâm Cẩn; Cẩn bị thương, còn lấy tay đánh giặc, giây lát cướp được thanh long đao, giết 5, 6 tên giặc, rồi đó thuộc binh của Cẩn kéo

---

[1] *Từ, Dũ*: Từ Lăng và Dũ Tín đời Lương, văn chương tươi đẹp thành riêng thể văn một nhà.

[2] *Hàn, Liễu*: Hàn Dũ và Liễu Tông Nguyên đời Đường, văn chương cổ kính, đều nổi tiếng là nhà văn lớn.

Digitized by Google

đến, giặc bèn chạy. Cẩn bị thương nặng quá, chết. Lưu thủ Nguyễn Cường và Hưng Phúc đạo Tống Phúc Đại họp quân đi đánh bắt hết bọn giặc. Việc lên đến chúa, chúa tặng hàm đại lý tự khanh, thụy là Trung Nghị.

Trước kia Cẩn có một con ngựa khỏe, gửi nuôi ở chỗ khác. Đêm ấy, nhà chủ mộng thấy Cẩn vội vàng đến lấy ngựa, tỉnh dậy ra chuồng ngựa xem thì ngựa đã chết rồi! Nhà chủ lấy làm lạ, vội đi báo tin cho Cẩn biết, thì Cẩn đã chết từ canh hai đêm ấy rồi! Đến lúc tra tấn bọn giặc chúng đều nói: Đương đêm, thấy Cẩn cưỡi ngựa, múa đao, đón đánh, cho nên không trốn vào đâu được. Ai cũng cho là thiêng bèn lập đền thờ Cẩn ngay ở đấy.

Con cẩn là Đăng Thông, ngụ ở Gia Định, lúc Tây Sơn vào "cướp" Thông mộ quân cần vương, làm quan đến khâm sai thống binh, đánh nhau với "giặc" chết trận. Thông có 3 con: Vinh, An và Thuận, đầu thời trung hưng, đều tòng quân, làm cai đội.

*

Nội tán Phạm

Hiêu là Vân Hiên. Hi tông hoàng đế năm thứ 13 (1630) bổ văn chức. Thần tông hoàng đế khi chưa lên ngôi, vẫn quý trọng nhân cách ông, thường cùng bàn bạc, tình ý càng thân mật. Năm thứ 9 (1631) nghịch Anh làm trấn thủ Quảng Nam hung tợn tự đắc, vẫn có ý cướp ngôi thế tử. Phạm sợ Anh cầm binh quân ở ngoài, không kiềm chế được, bèn nói với chúa, xin làm ký lục Quảng Nam, chúa ưng thuận. Thần tông hầu bên cạnh, chưa hiểu ông, có vẻ bất bình. Phạm mấy lần phải đưa mắt, Thần tông mới hiểu, lúc Phạm ra đi, Thần tông thân đi tiễn. Phạm nói thầm: "Có tôi ở đấy, minh công yên gối, không lo ngại gì". Lúc đã đến trấn, hễ Anh cử động gì, Phạm liền gửi thư mật phi báo để đề phòng.

Digitized by Google

Đến lúc Thần tông nối ngôi chúa, Anh bèn giữ Quảng Nam làm phản, triệu Phạm họp bàn. Phạm giả cách bàn mưu: xin đắp lũy chặn quân, làm kế cố thủ. Rồi bí mật đem gia thuộc trốn về, đem sự trung tâu lên. Chúa bèn sai tướng đi đánh, bắt được Anh; Phạm vì có công, được thăng làm nội tán, giao làm chính sự.

Canh Thìn (1640), năm thứ 5, chúa thấy biên cảnh yên ổn bèn để ý việc doanh tạo. Xây Nam lâu rất lộng lẫy. Phạm can rằng: "Tôi nghe cổ giả dùng người hiền làm giường cột, lấy nhân đức làm thành quách, ung dung, lặng lẽ chắp tay mà nhà nước vững như tấm đá. Xưa, đế Nghiêu ở nhà tranh không ván, rui mè không chạm trổ mà chư hầu cảm nhận, bốn biển mến đức, hà tất phải nhà cao lầu rộng mới thích ý? Và, nay chúa Trịnh trên cậy vua Lê, dưới hiếp công khanh, có ý dòm ngó miền Nam đã lâu, chúa thượng nên siêng năng lo nghĩ liệu cơ mà làm, mở rộng bờ cõi, chẳng cũng tốt hơn? Không nghĩ làm việc ấy, mà chỉ chăm chỉ lo việc thô mộc, tôi thấy là chưa nên đâu". Chúa dịu nét mặt mà bảo: "Việc này là do những kẻ nịnh hót muốn tâng công mà làm, không phải ý ta". Rồi lập tức ra lệnh bãi việc ấy. Xa gần nghe biết đều cả mừng.

Phạm, tính cương trực, mỗ khi can ngăn, chúa phần nhiều khuất ý nghe theo. Tiếc rằng không biết rõ được quê quán và tuổi thọ của ông!

*

Vũ Phi Thừa

Không rõ quên quán ở đâu. Đời Thái tông hoàng đế (1648 - 686), làm ký lục. Phi Thừa thấy dân gian hay tranh chiếm ruộng lậu, không nộp tô thuế. Bèn nói với chúa: "Quân sự và tài chính là việc lớn của nhà nước. Kho tàng đầy thì của đủ dùng, của đủ dùng thì binh lực mạnh. Nay xin sai quan đo đạc những ruộng đất hiện

Digitized by Google

cày trồng được bắt nộp thuế lệ, để giúp nhà nước dùng. Thế là nhà nông sản ra thóc để nuôi binh lính, binh lính xuất lực để bảo vệ nghề nông, là phép đời xưa vậy". Chúa nghe theo.

Từ đấy việc dân tranh chiếm ruộng đất dần im lặng. Năm Nhâm Tý (1672), mùa hạ, quân Trịnh vào cướp trong Nam, chúa sai hoàng tử Hiệp làm nguyên súy, Phi Thừa làm tham mưu sự vụ cơ mật, trong quân phần nhiều do ông bày kế giúp cho công lớn được thành tựu. Sau đó thăng nha úy suất lệnh sử ty. Phi chết, tặng phong tham nghị.

*

Nguyễn Khoa Chiêm

Tiên tổ là người Hải Dương. Ông nội là Nguyễn Đình Thân, theo Thái tổ hoàng đế (1558 - 1612) vào Nam, bèn nhập tịch ở huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, đổi làm họ Nguyễn Khoa. Chiêm ban đầu làm thủ hạp. Hiển tông hoàng đế năm thứ 10 Tân Tỵ (1701) mùa xuân, Chiêm cùng Văn chức Trần Đình Khánh theo bọn ngoại tả Tôn Thất Diệu và Nội hữu cai cơ Tống Phúc Tài đi Quảng Bình, đốc suất chư quân đắp chính lũy. Canh Dần năm 19 (1710) thăng chính doanh cai hợp, kiêm tri bạ. Trần Đình Ân thường nói ở trước mặt chúa rằng Chiêm có tài. Chúa tin dùng. Giáp Ngọ năm 23 (1714) Chiêm cùng lũ ký lục Nguyễn Đăng Đệ bèn dùng thuyền vận tải và các địa phương hàng năm nộp tô thuế, để cung nhà nước dùng. Tùy theo thuyền lớn nhỏ mà chia bổ khuyết. Lại tính đường xa gần mà cấp tiền thuê có khác nhau. Ất Mùi năm 24 (1715), thăng Câu kê kiêm tri bạ, tham tán quân cơ. Mậu Tuất năm 27 (1718) thăng cai bạ phó doãn sự. Giáp Thìn năm 33 (1724), thăng tham chính chánh doãn sự. Tuổi già, trí sĩ ở nhà. Một hôm, tắm gội mặc triều phục, trông vào cửa khuyết lạy 2 lạy,

Digitized by Google

đi nằm mà chết, thọ 78 tuổi. Tặng đại lý tự thượng khanh, thụy là Thuần hậu. Chiêm giỏi văn chương, thường làm sách *Nam triều công nghiệp diễn chí*, lưu hành ở đời. Con Chiêm là Đăng.

*

Nguyễn Khoa Đăng

Là con thứ hai của Chiêm. Khoa Đăng vì là con nhà thế phiệt được bổ Văn chức viện. Hiển tông hoàng đế năm 29 Canh Tý (1720), vâng mệnh đi Quảng Nam và Phú Yên, chia lại lập ấp thuộc. Nhâm Dần (1722) năm 31, thăng nội tán kiêm án sát sứ tổng tri quân quốc trọng sự, định rõ điều lệ. Đường rừng Nhà Hồ (Hồ Xá) thường có giặc cướp tụ họp, người đi đường sợ hãi! Chúa sai Đăng đi kinh lý đất ấy, đặt phép bắt cướp, lệnh cấm nghiêm minh. Từ đó bọn cướp im bặt. Bờ biển Tam Giang gọi là xứ bào ngược (ở xã Vĩnh Cương và Kế Môn, thuộc huyện Quảng Điền), nước sâu sông cong, mùa thu đông thường có gió to sóng dữ thuyền đi thường bị đắm. Đăng cho dân đào và nắn thẳng sông ấy để rút bớt sức nước. Bấy giờ thuyền đi mới không trở ngại, người đi buôn và khách đi đường được tiện lợi, mọi người đều ca tụng.

Đăng là người nghiêm khắc, ngay thẳng, không nể kẻ quyền thế. Những hoàng thân quốc thích ăn tiêu xa xỉ, thường mượn tiền kho, lâu trả lại, Đăng xin đòi nợ, nói với chúa rằng: "Phép làm nên bắt đầu từ người gần trước thì việc mới thành được". Chúa nghe theo lời xin ấy. Có một trưởng công chúa nợ tiền công rất nhiều, lại viên không ai dám đến cửa đòi nợ. Đăng sai vài bọn thị tỳ rình trưởng công chúa đi ra. Giữ xe lại, đòi nợ. Bà chúa này giận quá, vào cung, khóc tố với nhà chúa rằng: "Chúa thượng lại không bệnh vực được chị à? Nội tán sao dám làm thế!". Chúa yên ủi bảo: "Phép nước thi hành từ người gần trước, Nội tán chấp hành

Digitized by Google

đúng phép, thì làm thế nào được?" Chúa bèn cho tiền để bà chúa trả nợ. Từ đó những người mắc nợ đều đem tiền trả, không dám để chậm nữa.

Đăng lại từng nghiêm ngặt hạn chế việc mua thịt, ai mua nhiều thì bắt tội. Những kẻ quyền quý vai vế cho là bất tiện, phần nhiều oán ghét. Một hôm có ông quốc thúc [1] (có thuyết nói là Luân quốc công) đón Đăng đến nhà, mời ăn cơm muối. Đăng từ chối. Quốc thúc cười nói: Anh không ăn cơm muối được sao lại cấm người ta ăn cơm thịt". Những chuyện chuốc oán phần nhiều đại loại như thế.

Năm Ất Tỵ, mùa hạ, Hiển tông mất. Chưởng doanh Nguyễn Cửu Thế vốn ghét Đăng bèn giả làm đi mệnh của chúa, cho triệu Đăng, dọc đường Đăng bị giết. (Việc này chép ở truyện Nguyễn Cửu Thế), khi chết Đăng 35 tuổi.

Túc tông mới nối ngôichúa, sai truy dùng con của Đăng.

Trước kia cùng cha là Chiêm nắm chính quyền, Đăng có tài xét việc, nhất là giỏi phán đoán phát hiện việc gian ẩn rất thần tình. Đời truyền có người trồng dưa, đêm bị kẻ khác dùng sẻng phá hủy, không biết phạm nhân là ai. Người chủ dưa đem việc đến kiện. Đăng lập tức cho thu hết xẻng của các người trong làng, và ra lệnh ai nấy biên tên vào xẻng. Rồi sai người lấy lưỡi liếm vào xẻng: một cái xẻng có vị đắng. Đem tra xét, quả nhiên bắt được đứa phá hủy dưa ấy.

Lại có người hàng dầu bị người mù lấy trộm tiền, người mù lấy cớ là mắt mù, không thú nhận. Người hàng dầu đến kiện. Đăng sai đem tiền ấy thả vào trong chậu nước, quả nhiên có váng dầu nổi lên, người mù phải chịu phục.

---

[1] Người chú nhà chúa.

Digitized by Google

Lại, kẻ cướp ở truông Nhà Hồ ăn cướp giấy của lái buôn, không truy được dấu vết gì. Người lái buôn đem việc ấy đến kiện. Đăng thong thả sức dân sở tại mỗi người khai họ tên quê quán, vào một giấy. Giá giấy do đó đắt lên, tên kẻ cướp đem giấy ra bán. Nhân thế, bắt được bọn cướp giấy.

Đăng lại từng dò la biết được họ tên một bọn cướp. Nhưng giả cách là không biết. Đầu làng có hòn đá to, nhân dân vẫn thờ làm thần. Đăng mật sai đào đất làm hầm ở dưới sân, rồi cho người ẩn trong hầm ấy. Sáng sớm, sai đem hòn đá lớn ấy để lên trên hầm tra tấn hòn đá để hỏi tên kẻ cướp, nghe dưới hầm hòn đá có tiếng kêu khóc, rồi xưng ra mồn một họ tên bọn cướp. Rồi cứ thế mà bắt, chúng đều thú phục. Người ta cho việc ấy thực giỏi như thần.

Đăng có 2 trai: Hiếu và Trực. Hiếu làm quan đến Khâm sai tham tán, Trực làm quan đến tuần phủ Phú Yên.

*

Nguyễn Khoa Toàn

Là cháu của Chiêm, và là con của Hợp, chánh doanh tri bạ, Toàn trải làm đến cai bạ doanh Long Hồ. Duệ tông hoàng đế, năm thứ 9 Giáp Ngọ (1774); Tây Sơn rất mạnh, Gia Định điều khiển là Nguyễn Cửu Đàm sai Toàn cùng lưu thủ Tống Phúc Hiệp, đem quân 5 doanh là Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ tiến đánh; phá được quân giặc, thu phục 3 phủ Bình Thuận, Diên Khánh và Bình Khang. Quân đóng ở Vân Phong, năm Ất Mùi (1775) mùa xuân, chúa vào Nam thuyền ngự đến Bình Khang, Toàn và Phúc Hiệp đến đón và yết kiến. Chúa lập tức trao cho Toàn làm tham chính. Vẫn lưu Phúc Hiệp ở lại chống nhau với giặc, sai Toàn hộ giá theo chúa về trước, đóng ở Gia Định. Năm

Digitized by Google

Bính Thân (1776) thăng Toàn làm khâm sai tham chính kiêm 2 bộ Hộ, Binh coi cả việc vận tải. Sau đó trí sĩ. Năm Kỷ Dậu (1789) Toàn chết thọ 55 tuổi, tặng đặc tiến trụ quốc, kim tử vinh lộc đại phu, Vỹ tích thượng khanh.

Toàn có 3 con trai: trưởng là Kiên, thứ là Minh, thứ 3 là Hào; đều có truyện riêng.

*

Nguyễn Khoa Kiên

Lại có tên là Triệu. Năm 20 tuổi Kiên ban đầu được bổ cai đội, rồi thăng cai cơ đốc chiến, lệ thuộc quân Tống Phúc Hiệp. Kiên trang mạo hùng vĩ, sức khỏe hơn người, thường lấy ít đánh được nhiều, lập nhiều chiến công. Người ta gọi Kiên là Triệu Tử Long. Giặc nghe tiếng, dặn nhau đừng coi khinh Kiên còn tuổi trẻ. Đến lúc Tống Phúc Hiệp đánh giặc ở Phú Yên bị thua Kiên với số cố quân, đánh nhau với giặc, bị bão xiêu giạt đến đảo Tam Sơn, bị giặc bắt được. Gặp lúc ấy Tôn Thất Quyền, Tôn Thất Xuân dấy quân ở Quảng Nam, thanh thế lừng lẫy. Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc muốn dùng Kiên làm tướng để chống đánh. Kiên không chịu khuất, mắng giặc, bị giết chết. Năm ấy Kiên 22 tuổi. Tặng Dực vận kiệt tiết công thần. Chiêu dũng tướng quân cẩm y vệ chưởng vệ sự, thụy Trung thực. Minh Mạng năm thứ 5 (1824) Khoa Minh tâu bày sự trạng anh mình tử tiết, vua cho Kiên được thờ vào miếu Trung tiết công thần. Cấp một người coi mả.

*

Trần Đình Ân

Người huyện Minh Linh, thuộc Quảng Trị (Minh Linh trước thuộc Quảng Bình), Ân là người trọng hậu khoan hòa, có độ lượng

Digitized by Google

nhã nhặn, lúc đầu làm thủ bạ. Thái tông hoàng đế năm 24 (1671), Đình Ân vâng mệnh châm chước quy định các điều ước thúc. Và vận chuyển các hạng súng lớn nhỏ chia đặt ở lũy Trường Dục. Lại đổi tên lũy ấy là lũy Hồi Văn. Rồi đó Trịnh Tạc đem đại quân vào xâm lấn, quân số có 10 vạn, nói phao lên là 18 vạn, chia đường đều tiến. Trấn thủ Bố Chính là Triệu Tín đem việc tâu lên. Chúa hội quần thần để bàn, cai cơ Tống Đức Minh nói rằng: "Quân Trịnh vào sâu, lợi ở đánh nhau. Ta đào sâu hào đắp cao lũy, cho quân nó mỏi mệt, quân Trịnh tiến đánh không được, lương quân không đủ, thế tất trốn đi ban đêm. Ta thừa thế, tung quân ra đánh thì đánh một trận có thể phá tan được". Chúa còn cho là khó. Đình Ân nói kín rằng: "Tôi nghe: quân Trịnh không đầy 10 vạn, nay nói là 18 vạn, là nói dối. Binh pháp có câu: tiên thanh nhi hậu thực [1]. Hai nước đánh nhau tất có gián điệp. Nay xin phao lên rằng quân ta 16 vạn, lại tuyển thêm cường tráng 10 vạn gọi là 26 vạn, chúa tự làm tướng đi đánh, khiến cho gián điệp đồn đại lẫn nhau, thế là việc binh không ngại việc quyền nghi!". Chúa cho lời bàn này là phải. Sai quân chia đi 2 xứ tuyển quân. Chúa thân đem thủy bộ đại quân tiến đóng ở phủ Toàn Thắng. Bấy giờ thanh thế quân ta lừng lẫy, lòng người mới yên. Quân ta đánh luôn đều thắng, quân Trịnh đang đêm phải trốn đi. Đình Ân bí mật bàn giúp cơ mưu quân sự có công nhiều.

Kỷ Mùi, năm thứ 31, (1679) mùa xuân, chúa sai mở khoa thi nhiêu học, chỉ thi các chính, đồ, còn hạng hoa văn [2] không được dự thi. Đình Ân can rằng: "Quốc triều thi cử lấy cả nho sĩ và lại viên để dùng làm việc nhà nước. Nay không cho hoa văn dự thi,

---

[1] Phao tin trước, làm thực sau.

[2] *Hoa văn*: Chỉ những người làm lại viên.

Digitized by Google

tưởng không phải là ý tiên triều gây nuôi khuyến khích nhân tài. Tờ sớ dâng lên, không được chúa trả lời.

Giáp Tý, năm thứ 36 (1684) mùa đông, Đình Ân được thăng cai hợp. Khi Anh tông hoàng đế mới nối ngôi chúa, Đình Ân được thăng câu kê kiêm tri bạ. Kỷ Ty, năm thứ 2 (1689) thăng cai bạ đoán sự. Hiển tông hoàng đế Canh Thìn năm thứ 9 (1700) mùa đông, thăng tham chính chánh đoán sự. Quý Mùi năm thứ 12 (1703) mùa thu, Đình Ân 78 tuổi, dâng sớ xin cáo lão. Chúa ban chiếu ân cần nhưng không cho hưu. Đình Ân 2, 3 lần trần tình cớ xin, chúa mới ưng thuận. Đến lúc vào tạ, chúa đích thân làm thơ và bài tự, viết vào lĩnh hoa trắng để ban cho. Bài tự rằng:

"Quốc chúa Thiên túng đạo nhân [1] ngự sắc ban cho tham chính chánh đoán sự Đông Triều hầu Trần Đình Ân từ chức về làng. Thơ và Tự rằng: "Khanh trải giúp bốn triều đóng góp nhiều về chính sự trong nước và kỷ cương triều đình. Trong số bầy tôi, duy khanh cần cù hơn cả. Lại mừng rằng khanh là người khiêm nhượng ôn lương, vui đạo, hiếu thiện. Bởi thế quê thơm, bạn tốt, một nhà quý hiển, tuổi gần 80 vẫn chưa bạc đầu. Thế là người phúc thọ của nước ta. Nay vì chuộng đạo, ưa tĩnh, xin từ chức về làng, ta cố giữ mãi 2, 3 lần vẫn không lay chuyển được ý chí! Lúc ra về, ta đặc cách ban cho 10 mẫu ruộng, 10 lính hầu, dùng để làm dưỡng lão. Như thế e chưa đủ hết lòng ta, vậy tặng một bài thơ bảy chữ để tỏ hết ý ta. Thơ rằng:

Phiên âm: *Bình sinh thì thiện, tính tinh thần.*
Tán phụ ngô triều tứ thế nhân.
Chính nghiệp dĩ thành từ tử thụ.

---

[1] Đạo hiệu của Nguyễn Phúc Chu (Hiển tông Hiếu minh hoàng đế)

Digitized by Google

Đạo tâm thường hiện khước hồng trần.
Hi hi hạc phát đồng Thương Hạo [1]
Nghiễm nghiễm tiên phong diệc Hán thần.
Thử khử Quảng Bình hà sở sự?
Thanh sơn lục thủy lạc thiên chân.

Dịch nghĩa:

Suốt đời vui thiện, tính tình thuần.
Giúp việc bốn triều, bậc lão nhân.
Chính nghiệp đã thành, từ mũ ấn.
Đạo tâm thường hiện, lánh hồng trần.
Phơ phơ tóc bạc như Thương Hạo
Phơi phới lòng tiên tựa Hán thần [2]
Về ở Quảng Bình [3] chi bận nhỉ?
Non xanh nước biếc thỏa tinh thần.

Về rồi, Đình Ân ở chùa Bình Trung, vui với Phật học. Lại lập bia đá khắc sắc thư, dựng ở trước chùa.

Bính Tuất năm thứ 15 (1706), mùa xuân, ông ốm chết, thọ 81 tuổi. Chúa nghe tin, thương tiếc mãi, truy tặng Đôn hậu công thần đặc tiến trụ quốc kim tử vinh lộc đại phu, Đại lý tự khanh, thụy Thuần Thiện, cho 10 người coi mả. Lại miễn thuế tư điền 30 mẫu để dùng việc tế tự.

Minh Mạng năm thứ 5 (1824) truy phong làm thần Cảnh lượng, cho dân xã Hà Trung thờ. Ân có 2 con: trưởng là Đình Khánh, thứ là Đình Thuận.

---

[1] *Thương Hạo*: bốn ông già ở núi Thương sơn là Giốc, Lý, Ỷ Lý.

[2] *Hán thần*: Chỉ Trương Lương, mưu thần của Hán cao tổ, sau đi tu tiên.

[3] Quê Trần Đình Ân khi ấy còn thuộc Quảng Bình.

Digitized by Google

Đình Khánh do chân ấm tử được bổ làm chánh doanh văn chức. Ông có văn tài, nhanh nhẹn, giỏi từ lệnh. Hiển tông hoàng đế năm thứ 9 (1700) cùng nội hữu cai cơ Tống Phúc Tài đi Quảng Bình, xem xét hình thế núi sông. Đến lúc về, xin đắp thành lũy, phòng giữ cẩn mật những chỗ xung yếu để củng cố biên giới. Chúa nghe theo.

Năm thứ 10 (1701) thăng cai bạ Quảng Nam, năm thứ 11 (1702), người châu Bố Chính bắt được gián điệp của nhà Trịnh. Tướng giữ đồn là Trịnh Huyên đưa thư đến doanh Bố Chính trách việc ấy. Tướng ngoài biên tâu lên. Chúa sai Đình Khánh viết thư trả lời. Huyên được thư, ỉm việc ấy đi. Đình Khánh ở Quảng Nam, rất có tiếng tốt về chính sự, chúa ban cho câu đối ngự chế:

Tài phú xuất ư Quảng Nam, ỷ khanh, thiện lý thi cam vũ.
Mưu du kiến ư hoàn nội, vị ngô nhất quốc tác can thành.

Nghĩa là:

Thuế khóa ra từ Quảng Nam, nhờ khanh ngàn dặm phun mưa ngọt.
Mưu mô dựng ở trong cõi, vì cả một nước làm can thành [1]

Lúc chết, tặng phong đặc tiến kim tử Vinh lộc đại phu, thái thường tự khanh, thụy Thông Trí. Minh Mạng năm thứ 5 gia phong là thần Trung hiến, cũng cho dân xã Hà Trung thờ.

Con thứ Đình Ân là Đình Thuận, do chân ấm được bổ văn chức. Hiển tông hoàng đế năm thứ 12 (1703) Thuận cùng ngoại tả chưởng cơ Tôn Thất Diệu vâng chiếu chỉ đôn đốc binh lính đắp đê ở cảng Hà Kỳ, từ Lai - Cách đến Thủy Biên, cộng 5 chỗ để tiện vận tải, một tháng làm xong được thưởng bạc có từng bậc.

---

[1] *Can thành*; *Can*: cái khiên, *thành*: bức thành dùng để giữ trong và chống ngoài.

Digitized by Google

Năm thứ 13 (1704), thăng đô tri, năm thứ 15 (1706) thăng Cai bạ phó đoán sự.

Con Đình Khánh là Đình Hi, trải làm quan đến cai bạ Bình Thuận. Thế tông hoàng đế năm đầu (1738) vào làm chánh doanh tri bạ. Năm 14 (1752) cùng cai cơ kiêm Hình bộ Nguyễn Hữu Bác làm khâm sai tuần xét quan lại các huyện trong kỳ phụ. Đến lúc về, Hi được thăng Hộ bộ kiêm Binh bộ, rồi chết.

Con là Hiến, ấm thụ Hàn lâm viện, trải làm quan đến ký lục doanh Quảng Nam.

*

Vũ Đình Phương

Người huyện Lệ Thủy thuộc Quảng Bình. Cha là Thế, đỗ hương tiến, làm tri phủ Quy Ninh. Đình Phương từ thủa trẻ đã chăm học, khéo làm văn. Năm 18 tuổi, khoảng đời Thần tông hoàng đế, thi hương đỗ thủ khoa, Đình Phương mặt rỗ, người lùn, đầu rất to, khác hẳn mọi người. Người ta gọi là "ông cống đầu". Chúa cho vời vào yết kiến, thấy trạng mạo xấu, nói: "Đáng tiếc, có tài, không có tướng". Bèn cho về.

Phương ở nhà, xem rộng kinh sử, thông hiểu binh thư. Năm ông đã 50 tuổi, đời Thái tông hoàng đế, bên Trịnh muốn thử nhân vật Nam triều, có đưa tặng một trống cái, và một tấm gỗ dài độ 1 thước, mặt gỗ viết 3 chữ lớn "Hồ bất thực" thếp vàng. Chúa lấy làm lạ, hỏi thì tả hữu không ai biết. Chúa nói: "Nghe nói Đình Phương học rộng, tất biết!" Bèn cho mời đến, Phương thưa rằng: "Đây là người ngoài Bắc thử ta". Đánh thử trống thấy kêu như trống thường, không có gì khác. Chúa hỏi: "Ba chữ đề vào gỗ, nghĩa là gì?" Phương thưa: "Đó là người ngoài Bắc nói lái đấy thôi

Digitized by Google

Hồ bất thực là *cáo không ăn*, cáo không ăn thì *cáo gầy*, cáo gầy nói lái là *Cây gạo*, tức là gỗ gạo vậy". Chúa ban khen. Ngày hôm ấy bổ Phương làm ký lục Quảng Bình, sung hành biện tham mưu, quản binh lính hai vệ, theo tiết chế Nguyễn Hữu Tiến, điều khiển việc đánh giặc, đánh lấy 7 huyện Nghệ An.

Đinh Mão [1] năm thứ 9 (1747), mùa hạ, Trịnh Tráng bên Lê chết. Phương làm sứ đi viếng tang. Canh Ngọ [2] năm thứ 12 (1750), mùa đông, Trương Phúc Hùng đánh với giặc bị thua. Những sĩ tốt Nghệ An mới đầu hàng phần nhiều thay lòng khác dạ, Hữu Tiến hội họp chư tướng, bàn mưu kế, người nói nên đánh, kẻ nói nên giữ, phân vân không nhất trí. Đình Phương nói với Tiến rằng: "Nay, đem quân đi đánh nước người, nên đánh mau chóng không nên ở lâu, tất phải giành với thiên hạ lấy phần vẹn toàn. Cho nên binh không đóng lâu mà được toàn lợi. Vậy cốt đánh nhanh mà thôi. Nay quân ta có 10 vạn phải nghìn dặm đưa lương, nếu làm kế trì hoãn, nếu quân không mệt về chiến tranh thì người tất cũng có lòng nhớ nhà mong về. Binh pháp nói: lợi thì nhử đến, mạnh thì tránh đi, rỗi thì làm cho nhọc, gần thì làm cho lìa. Thế là việc binh cốt đánh lừa nhau vậy. Hơn nữa, lòng quân có biến đổi, thế giặc đã vững bền, chi bằng rút quân về, sau sẽ liệu". Hữu Tiến nghe lời ấy.

Đình Phương mất, tuổi 90, được tặng phong thái thường tự khanh, không có con kế tự.

*

Vũ Xuân Nùng

Tự Du Trường, Nùng là cháu họ 6 đời của Đình Phương. Cha là Xuân Thoan, đỗ hương cống khoa Ất hợi (1695) làm quan đến

---

[1] Tức năm 1747: Nguyên thư in lầm là Đinh *Dậu*.

[2] Nguyên thư in lầm là Canh *Tý*.

Digitized by Google

Văn chức viện, kiêm giám trạng. Nùng là người điềm đạm, chăm học, cùng em là Đàm đóng cửa đọc sách; anh em đều giỏi. Nùng đỗ sinh đồ khoa Mậu thân (1728). Rồi do ấm thụ được bổ tri huyện, Nùng từ chối không đi làm quan. Năm 29 tuổi, được bổ Văn chức rồi thăng cai bạ Bình Thuận. Thế tông hoàng đế năm 12 (1749), mùa đông, thăng ký lục Quảng Nam.

Nùng làm quan trong sạch, kiệm ước, dân khen là thanh liêm. Tại chức 5 năm, chết ở ly sở. Không có con. Được tặng phong chính trị thượng khanh, thụy là Thận Cần.

Nùng học hành uyên thâm tinh tế, văn chương uẩn súc vững vàng thường cùng bàn luận những nghĩa sâu nhiệm trong kinh sách với các sĩ phu, vui không biết mệt. Lại thích dẫn dụ những kẻ hậu tiến, nhiều người thành danh. "Ba phượng Trường An": Trần Phúc Thành, Nguyễn Đình Trọng và Phan Đắc Thục, người ta gọi là ba phượng Trường An đều là học trò của Nùng.

Em Nùng là Đàm, đỗ hương tiến, làm quan đến tuần phủ Quy Nhơn.

*

Phạm Hữu Kính

Người huyện Diên Phúc thuộc Quảng Nam, lúc trẻ đã hiên ngang, học rộng, thông kinh sử mà tính người cương trực ngay thẳng không tin ma quỷ.

Thế tông hoàng đế năm đầu (1738), Kính đi thi hương đường qua núi Hải Vân, bên cạnh núi có đền, đi qua không làm lễ thì nó làm tai quái, Kính nói: "Đó là tà quỷ". Bèn đề một bài thơ ở vách đền rồi đi. Đền ấy do đó hết yêu quái. Khoa thi hương ấy Kính trúng cách, lại đỗ hoa văn thư thiếp, Kính được bổ giáo chức. Chưa

Digitized by Google

bao lâu, đi trấn thủ Nha Trang. Kính làm quan thanh liêm công bình, tự phụng đạm bạc, không nhận người đến yết kiến ở nhà riêng. Lại khéo xét đoán, hay phát hiện việc gian, tìm ra điều ẩn kín, được nha lại và nhân dân sợ phục.

Ngoài trấn thành có tòa miếu cổ, nhân dân hương lửa phụng thờ, đi lại nhộn nhịp như chợ. Trước miếu có cây to, tương truyền rằng mỗi năm cây rụng một cành, dân sẽ chết một mạng. Kính khi đến đó, sai phá miếu, đẵn cây, cũng không xảy ra biến gì. Dân nhờ đó được yên. Năm Tân Mùi (1751) chúa triệu về, thăng cai bạ Quảng Nam. Đường đi qua xã Hương Ly (thuộc Quảng Nam), đất ấy có chùa thờ Phật, trước chùa có con Nghê đá, đêm thường tác quái, người ta sợ hãi báo cho Kính biết. Kính viết một chữ "tử" (chết) vào trán con Nghê. Từ đấy Nghê không làm yêu quái nữa. Lại, ở Quảng Nam đồng ruộng có nạn nhiều chuột, dân đến kêu, Kính hạ lệnh bắt chuột đem nộp. Dân về tìm thì chuột đều mất tích. Người ta đều cho Kính là thần vậy.

Kính thường phụng mệnh đi tuần xét quan lại các doanh xem ai hay dở. Con trưởng của Kính nhận của người ta đút lót Kính xử tử hình. Nha lại đều can ngăn. Kính nói: Thằng con ngu như lợn này làm ô nhục gia phong để sống có ích gì! Hơn nữa, phép nước trờ trờ ở đó lệ nào lấy tư bỏ công à? Đến lúc án dâng lên, được chúa tha, nhưng người con ấy cuối cùng vì sợ hãi mà chết!

Lại, Kính trước làm giáo chức, Quảng Nam ký lục Vũ Xuân Nùng vẫn kính trọng. Một hôm Nùng đương ngồi rỗi, gặp Kính đến, nói chuyện rất vui. Nhân bàn đến chỗ nghĩa sách còn ngờ. Hai bên cùng nhau biện bạch. Kính kiên trì ý mình, không chịu khuất? Nùng giận ra mặt, nói: "Về kinh học, thiên hạ há chỉ một mình anh biết à?" Kính đứng phắt dậy đi ngay.

Digitized by Google

Đến lúc Kính làm cai bạ, đi tuần sát, Nùng vẫn còn ở Quảng Nam. Kính tới nơi không đến gặp Nùng cũng không hạch lạc gì. Sau khi Nùng chết, cháu gọi Nùng bằng chú bác, tên là Phiếm làm tri huyện Bồng Sơn. Kính duyệt các bản án ở huyện ấy, thấy lời lẽ rõ ràng gẫy gọn, triệu Phiếm đến yên ủi rằng: "Ta, trước kia vẫn quen biết Du Trường, nhân tranh biện nghĩa sách, bèn thành sơ nhau. Nay gặp người chạnh lòng cảm nhớ tình cũ. Ngươi cố gắng lên. "Lập tức tâu cho Phiếm thăng một cấp, lại đi Nha Trang, rồi về. Kính sau đó chết, được tặng phong tấn trị công thần, đặc tiến trụ quốc kim tử Vinh lộc đại phu, chính trị thượng khanh tham nghị, tên thụy là Văn Hiếu.

Kính, có ba con trai: Quả Nghị, Tôn Thành, Lạc Thiện, và một con gái là Lam Anh, tiểu tự là Khuê, từ nhỏ đã nhanh nhẹn, thông minh, biết làm thơ, tự hiệu là Ngâm Xi. Kính rất yêu chiều, đón sĩ nhân Nguyễn Dũng Hiệu đến dạy học ở nhà, định kén làm rể. Hiệu, người huyện Duy Xuyên, thuộc Quảng Nam vốn có tiếng hay thơ, hiệu là Phúc Am. Kính đi làm quan, Lưu Hiệu ở nhà dạy con. Hiệu cùng Lam Anh lấy thư từ tặng đáp nhau, rồi tư thông với nhau. Kính về, giận lắm, muốn trầm hà Lam Anh! Có người bạn khuyên giải mới thôi. Cuối cùng gả Lam Anh cho Hiệu. Lam Anh đã về với Hiệu, cùng nhau xướng họa, có tập "*Chiên cổ đường thi*" lưu hành ở đời. Lam Anh thơ nhiều câu hay. Bài Vịnh Khuất Nguyên có câu:

Cô phẫn khí thành thiên khả vấn.
Độc tinh nhân khứ quốc cơ không!

Nghĩa là: Bực riêng khí uất, trời nên hỏi.
Một tính [1] người đi, nước rỗng không!

---

[1] *Một tính*: do chữ "độc tinh" trong *Sở từ* "chúng nhân giai túy, ngã độc tỉnh", nghĩa là "mọi người đều say, riêng mình ta tỉnh".

Digitized by Google

Bài thơ trên đây được người đời truyền tụng.

*

Nguyễn Quang Tiền

Người huyện Quảng Điền phủ Thừa Thiên, học vấn rộng khắp, Quang Tiền giỏi thơ. Đời Hiển tông hoàng đế, được sung Văn chức viện, đã từng làm bài biểu cầu phong đưa sang triều đình nhà Thanh. Đời Thế tông hoàng đế, vào viện Hàn lâm. Những bài vịnh và văn thư từng ứng đáp với nước láng giềng phần nhiều do tay ấy làm ra. Gặp có thuyền buôn người Xiêm vào cửa biển ta, người phần việc đánh thuế quá lệ. Người Xiêm đưa thư kêu nài, trong thư nói nhiều lời khoe khoang kiêu ngạo! Chúa sai Quang Tiền làm thư trả lời, bắt bẻ bằng lý lẽ. Người Xiêm phải khuất phục. Sau nhân việc đưa thư sang nhà Thanh, chúa muốn xưng quốc hiệu. Quang Tiền kiên trì cho là không nên. Chúa giận, bắt miễn quan, nhưng rốt cục thư ấy chỉ dùng tên cai bạ trấn thủ đưa thư sang tổng đốc nhà Thanh.

Duệ tông hoàng đế năm đầu, cho rằng Quang Tiền có danh vọng đối với sĩ phu nên lại dùng làm quan chức như cũ. Sau đó ông chết. Quang Tiền học rộng, biết nhiều, càng tinh thiên văn. Khoảng năm Duệ tông hoàng đế có sao chổi mọc. Quang Tiền chỉ lên sao chổi nói với người ta rằng: "Không ngoài 4, 5 năm nữa, Quảng Nam sẽ có binh đao! rồi ra quả đúng [1]. Sự học của Quang Tiền tinh thông là như thế.

*

[1] Chỉ việc Tây Sơn khởi nghĩa.

Digitized by Google

Hồ Quang Đại

Lại có tên là Hán Châu, người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên. Thái tông hoàng đế năm thứ 4 (1652), đỗ thủ khoa Nhâm Thìn, bổ văn chức. Năm thứ 8 (1659), làm tri huyện Phú Vang. Khi tại chức, hòa nhã cai trị dân, bớt sự phiền nhiễu hà khắc, cốt giữ trong sáng yên tĩnh, lại và dân đều khen. Năm 11 (1662) thăng tri phủ Thăng Hoa. Khi về triều, được thăng thị giảng, tri kinh diên. Mất, được tặng phong phụ chính An biên đức quốc sư.

Cháu là Tống Phúc Đào, lại có tên là Mai, vốn là họ Hồ, trải làm quan đến cai cơ. Khi mất, được tặng phong chưởng cơ, rồi tặng chưởng doanh, được cấp cho 200 người nộp thuế thân làm ngụ lộc. Đầu năm Gia Long (1802) được liệt vào công thần bậc ba, ấm thụ một người cháu được thế tập làm thứ đội trưởng, coi việc thờ cúng, cấp cho 3 mẫu tự điền, 1 người coi mả. Giữa niên hiệu Minh Mạng (1820 - 1840) đổi cấp ruộng thờ cúng ra tiền là 20 quan. Con gái Phúc Đào là Hiên Minh hoàng hậu, lúc mới vào cung, được ban họ là họ Tống, cho nên Đào cũng gọi là họ Tống Phúc. Về sau, con cháu có người xưng là họ Tống Hồ, có người xưng là họ Tống Phúc. Tống Phúc Đạm công thần đời Trung hưng tức là cháu 5 đời của Tống Phúc Đào. Đạm có truyện riêng.

*

Lê Quang Đại

Người huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên. Cha là Quang Hiến, trước làm ký lục, sau lên nha úy rồi đến tham nghị, Quang Đại ban đầu vì có văn học được bổ vào viện Văn chức, rồi ra làm tham mưu doanh Bình Thuận. Túc tông hoàng đế năm thứ 10 (1734) thăng cai bạ Quảng Nam, năm thứ 13 (1737), thăng chánh doanh cai bạ phó đoán sự, Thế tông hoàng đế năm thứ 6 (1763), thăng

Digitized by Google

làm Hộ bộ kiêm Binh bộ. Năm thứ 7 (1744) mùa đông mất, được tặng phong chính trị thượng khanh, thụy là Trung Thành.

*

Mai Công Hương

Không rõ quê quán ở đâu. Lúc trước làm xá sai ty. Hiển tông hoàng đế năm thứ 14 Ất Dậu (1705), mùa thu, ở nước Chân Lạp, Nặc Thâm và Nặc Yêm dấy quân đánh nhau. Thâm lại cầu nước Xiêm giúp mình. Yêm sợ, chạy sang Gia Định cầu cứu với triều đình, chúa sai chánh thống cai cơ Nguyễn Cửu Vân đem quân Gia Định đi đánh. Hương làm việc vận lương quân, đi sau, bị quân giặc chận đánh. Những lính vận tải đều sợ chạy. Hương bèn đục thuyền cho lương thực chìm xuống sông, còn mình thì nhảy xuống nước mà chết. Giặc không lấy được gì. Sau khi việc nước đã yên, theo sổ kể công. Chúa ban khen, phong làm thần "Vị quốc tử nghĩa", lập đền thờ. Đền thiêng lắm, đến nay hương lửa không dứt, nhân gọi sông ấy là sông Sá Hương.

*

Đặng Đại Độ

Người huyện Phong Đăng thuộc Quảng Bình. Cha là Đại Lược, vì có văn học, được bổ vào viện Văn chức. Thế tông hoàng đế năm thứ 3 Tân Dậu (1741) mùa xuân, thăng ký lục doanh Bố Chính, năm thứ 8 (1746) thăng cai bạ doanh Quảng Nam, Đại Lược làm quan thanh liêm nghèo kiệt, lấy hay cho không cẩu thả. Ai đưa cho cái gì tầm thường thì nhận một hai thứ, cái gì hơi hậu thì từ chối rằng: "Nhà còn có thừa, không phải là kiểu sức đâu!" Những việc không nỡ dứt tình với người, đại loại như thế.

Đại Độ cũng vì học giỏi, đỗ khoa hương, bổ Văn chức, cùng cha cùng làm quan một triều. Năm thứ 10 (1748) Mậu Thìn, thăng

Digitized by Google

ký lục doanh Bình Khang. Tân Ty [1] năm thứ 2 (1761) man Thạch Bích xâm lấn ngoài biên. Chúa sai Đại Lược đem quân đi đánh, cho Đại Độ làm ký lục Quảng Nam. Đại Độ làm quan thanh khiết hơn cha, ai đưa cho cái gì nhất thiết đều từ chối. Người đời khen là trong sạch. Sau đó, Đại Độ được bổ làm ký lục Trấn Biên. Có hai cai đội hầu cận đi Trấn Biên tìm bắt con hát (ca nhi). Chúng cậy thế hống hách, làm nhiều điều trái phép. Đại Độ cho xé xác ra, treo ở cửa chợ. Rồi tự mặc áo đơn, đeo gông ngắn, đi bộ đến kinh, xin nhận tội. Đại Độ có một đứa cháu gọi bằng chú bác đi theo, cháu đó xin thuê người võng cáng cho đỡ mỏi chân. Đại Độ nói: "Đây có tội nhân lại mong được nhàn hạ?" Đi hơn một tháng mới đến kinh, trình bày tình trạng với Bộ Hình xin vào ngục để đợi tội. Bộ Hình đem việc tâu lên, chúa cho vời vào ra mắt. Đại Độ chiếc thân lên đường, không mang triều phục, chúa sai cấp cho mũ áo. Đại Độ vào chầu, xin chịu tội. Chúa úy lạo, dụ rằng: "Ngươi có tội gì, mà tự lao khổ như thế! Trước kia ta sai đi chọn một vài con hát để tiêu khiển lúc rỗi, không ngờ lũ tiểu nhân đi ra, cậy thế. Lấn lướt người! Ngươi giết đi là phải. Có tội gì đâu. Vậy bỏ qua việc ấy đi" Lập tức thăng Đại Độ làm tuần phủ Gia Định. Lai cho đi tuần hành 5 phủ, được quyền bãi trất hay thăng chức các quan lại. Sau đo Đại Độ chết. Sự trạng cha con Đại Độ ra muộn, cho nên sách Thực Lục không kịp chép đến.

*

Trần Phúc Thành

Lại có tên tên là Đại Tiến, tự là Trọng Chiêm. Người huyện Hòa Vang thuộc Quảng Nam. Cha làm cai đội cấm binh. Phúc

[1] Nguyên thư in lầm là Tân Dậu.

Digitized by Google

Thành có tài cưỡi ngựa, ngày ngày quần ngựa chơi. Năm 18 tuổi, chưa đi học.

Bấy giờ Vũ Xuân Nùng dạy học ở nhà láng giềng, thấy Phúc Thành sáng sủa thông minh bèn bảo cha của Thành rằng: "Cháu nó dạy được đấy, sao không cho nó đi học?" Người cha nói: "Con nhà võ biền chưa biết học! Nhờ tiên sinh dạy cho. Đó là nguyện vọng của tôi đấy". Cha bèn cho đi học. Phúc Thành thông minh, nhớ dai, học qua thuộc lòng ngay. Không đầy vài năm có thể đọc thầm kinh sử, không sót một chữ nào. Người ta gọi Chiêm là bụng tủ sách.

Đến lúc thi hương, đỗ thủ khoa. Duệ tông hoàng đế, làm Hàn lâm viện thị giảng. Năm Đinh Hợi (1767) mùa đông, thăng ký lục Quảng Nam. Năm Canh Dần (1770) mùa hạ, man Thạch Bích quấy nhiễu ngoài biên, chúa lập tức sai Phúc Thành làm khâm sai cai bạ, tuần hành 5 phủ, tham mưu việc đánh giặc, điều khiển tướng sĩ 6 đạo doanh đến Quảng Ngãi, và quân lính 2 phủ Quy Nhơn, Phú Yên đi đánh dẹp yên giặc ấy.

Năm Tân Mão (1771), mùa đông, quân Xiêm đến lấn Hà Tiên. Điều khiển Tống Văn Khai vì đóng quân, không cứu, bị giáng chức.

Năm Nhâm Thìn (1775), mùa xuân, chúa sai Phúc Thành làm khâm sai tham tán doanh đồn Gia Định, cùng chưởng cơ Nguyễn Cửu Đàm lãnh một vạn quân thủy, quân bộ Bình Khang, Bình Thuận, và 30 chiếc thuyền, thay làm điều khiển. Bấy giờ vua Xiêm đến Chân Lạp, giữ phủ Nam Vang. Quân ta tiến đến, đánh phá được quân Xiêm, lấy lại các phủ Nam Vang và La Bích. Nước Chân Lạp được yên. Vua Xiêm chạy sang Hà Tiên, rồi giảng hòa với tổng binh Mạc Thiên Tứ. Năm Ất Mùi (1775) mùa đông, Phúc Thành chết ở quân thứ! Gia Long năm thứ 5 (1806) đem hài cốt về

Digitized by Google

táng ở làng cũ là xã Hóa Khuê thuộc Quảng Nam. Năm thứ 9 (1810), thờ vào miếu Trung tiết công thần.

Con là Phúc Tụy làm quan đến tri phủ. Tự Đức năm thứ 4 (1851) ấm thụ cho cháu bốn đời là Bồi làm bá hộ, trông coi việc thờ cúng Phúc Thành.

*

Lê Xuân Chính

Người huyện Lệ Thủy thuộc Quảng Bình, lúc trẻ tuổi học nho, có Lưu Đồn doanh tướng quân Trấn Ninh hầu sai giảng nghĩa cốt yếu của kinh Thi. Hiển tông hoàng đế năm đầu (1691), nhân dâng biểu tiến cử Xuân Chính sung làm văn chức doanh Lưu Đồn, rồi thăng làm ký lục.

Năm Nhâm Ngọ (1762), mùa thu, triệu về bổ Văn viên. Chúa cho làm văn thi ở trước mặt, viết bài phú "Bán phàm cách" được liệt vào hạng giáp. Năm Kỷ Sửu (1769) mùa thu, thăng làm ký lục doanh Lưu Đồn, rồi đổi làm ký lục Quảng Bình. Năm Đinh Mùi (1787), mùa đông, Xuân Chính chết, được tặng phong Đại lý tự khanh tham nghị.

Xuân Chính có 2 con: con trưởng là Xuân Hi, lúc bé thông minh, chăm học, vì là con nhà thế gia, được bổ vào viện Văn chức. Túc tông hoàng đế năm thứ 4 (1728), thăng ký lục doanh Bố Chính. Xuân Hi làm quan có thành tích tốt, lại và dân đều vui phục, Thế tông hoàng đế năm thứ 7 (1764), mùa xuân, thăng khâm sai binh vụ doanh Bố Chính. Năm thứ 9 (1746), mùa đông, thăng Hình bộ. Năm thứ 11 (1748), mùa đông mất, được tặng Chính trị thượng khanh chánh thiêm sự.

Con thứ hai của Xuân Chính là Xuân Huyên cũng do chân ấm tử được vào viện Văn chức. Thế tông hoàng đế năm 11 (1748),

Digitized by Google

thăng ký lục doanh Bố Chính. Năm thứ 15 (1752) mùa hạ, thăng ký lục Quảng Nam. Năm thứ 18 (1755) thăng Hình bộ. Năm thứ 20 (1757), lại làm cai bạ doanh Quảng Nam. Năm thứ 24 (1761), thăng Hộ bộ kiêm Binh bộ, lĩnh Đại tư nông. Năm Ất Dậu (1765), mùa hạ, Duệ tông hoàng đế mới lên ngôi, được thăng tham chính, quản Hộ bộ kiêm Binh bộ, Canh Dần (1770), năm thứ 5 dựng văn miếu ở Long Hồ, Xuân Huyên vâng mệnh xem đất và trông coi việc lập văn miếu. Quý Tỵ năm thứ 8 (1778), mùa xuân, Huyên chết, được tặng phong Đại lý tự thượng khanh, thụy là Trung Thành. Sau đó, vì có công chọn đất lập văn miếu, được thờ ở Dụy Lễ đường bên cạnh văn miếu. Năm đầu Gia Long (1802), vẫn còn để nguyên thế. Năm thứ 7 (1808), đổi lập Văn Miếu ở chỗ ngày nay, Xuân Huyên mới không được thờ ở Dụy Lễ đường nữa.

*

Nguyễn Hữu Tôn

Tiên tổ là người huyện Chương Đức trấn Sơn Nam, ban đầu theo vào Nam, nhập tịch ở xã Mậu Tài phủ Thừa Thiên. Cha là Hữu Tường, làm quan đến cai cơ Quảng Bình. Tặng phong Cẩm y vệ chưởng vệ sự. Hữu Tôn con nhà thế phiệt, có văn học, lúc mới được bổ văn chức kiêm thị giảng, Duệ tông hoàng đế năm mới lên ngôi (1765), thăng Binh bộ kiêm thị giảng như cũ. Năm thứ 3 (1767), thăng Lại bộ, trị kinh diên, kiêm Hình bộ, trị tào vận. Khi chết được tặng phong tham nghị, thụy là Văn Định.

Con là Hữu Tú, được ấm thụ Hàn lâm viện. Đến lúc loạn Tây Sơn, lại về làm dân. Gia Long năm thứ 7 (1808) mùa đông, Tú tâu bày sự việc lại được ấm thụ Hàn lâm viện.

*

Digitized by Google

Nguyễn Thừa Tự

Người huyện Đăng Xương thuộc Quảng Trị, mới ra làm chính sự có tiến là giỏi việc quan, dần thăng đến ký lục Quảng Nam. Giáp Tý [1] năm thứ 6 (1744), mùa hạ, thăng cai bạ. Kỷ Ty, năm thứ 11 (1749), được triệu về triều, thăng Hộ bộ kiêm Binh bộ. Thừa Tự làm việc tinh tường, người ta phục là nhanh. Canh Ngọ, năm thứ 12 (1750), mùa thu, Thừa Tự chết, được tặng phong tham chính, thụy là Thận Cần. Ông có 2 trai là Thừa Diễn và Thừa Mân, đều làm quan to, có truyện riêng.

*

Nguyễn Đăng Trường

Người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên. Ông nội là Đàn, có tiếng là học giỏi, nết tốt, đời gọi là Siêu Quán tiên sinh, có truyện riêng. Trường cũng nổi tiếng về văn học, khảng khái có chí khí và tiết tháo.

Duệ tông, năm thứ 9 Giáp Ngọ (1774) quân Trịnh vào lấn cướp, chúa sai tiết chế Tôn Thất Chất và Tôn Thất Doanh đem quân thủy, quân bộ đi chống cự. Trường làm tham tán, đánh nhau với giặc ở sông Phú Lễ, bất lợi. Trường theo chúa đi Quảng Nam, sắp vượt biển vào Gia Định thì ngược gió không đi được. Chúa sai Trường lên bộ cầu đảo. Thuyền chúa thuận gió đi ngay ban đêm. Trường không kịp đi theo, bèn về ẩn ở thôn quê.

Năm Bính Thân (1776), Trường quyết tâm vào nam, để vợ là Từ thị và con nhỏ là Minh nương náu ở nhà họ ngoại, liền đem mẹ là Hoàng thị vượt biển ra đi. Dọc đường vì gió thổi dạt vào cửa

---

[1] Nguyên thư in lầm là *Bính* Tý.

Digitized by Google

biển Thị Nại, bị giặc bắt được (có thuyết nói Trường lánh ở Quy Nhơn) Nguyễn Văn Huệ nghe tiếng Trường là người hiền, lưu lại, đãi lễ bằng bạn thầy mà Trường cố từ, không nhận.

Trước đó, Hoàng tôn Dương bị giặc cưỡng ép đem vào Quy Nhơn, Trường bèn mật mưu với Dương để Dương vào Gia Định trước. Một hôm Trường nói thực với Huệ xin theo chủ cũ cho toàn nghĩa vua tôi. Huệ nói: "Tiên sinh đi chuyến này, ý muốn xoay lại trời đất, được chăng? Tôi e ngày sau ăn năn cũng muộn mất". Trường nói: "Đại trượng phu ở đời lấy trung hiếu làm đầu. Tôi nay mang mẹ đi theo vua, nghĩa ấy thật đã rõ ràng; còn việc cùng hay thông, được hay hỏng là ở số mệnh, đâu có ăn năn!" Huệ khen tốt, cho đi và hậu tiễn cho vàng, lụa, Trường đều không nhận.

Trường đến Gia Định, yết kiến ở hành tại, tham dự bàn mưu. Năm Đinh Dậu (1777) Nguyễn Văn Huệ vào cướp. Tân Chính vương (Hoàng tôn Dương) đóng quân ở Trấn Biên. Hòa nghĩa đạo Lý Tài đánh nhau với giặc, bị thua. Trường xin lui về Sài Gòn để tính việc đánh và giữ.

Đến lúc Sài Gòn thất thủ, Trường lại bị bắt. Huệ hỏi "Tiên sinh, ngày nay tính sao?" Trường đáp: "Việc ngày nay, chỉ giữ nghĩa, không mong sống. Vua nhục, tôi chết đó là phận sự. Còn hỏi làm chi!" Huệ bèn sai giết đi. Trường lúc sắp bị hành hình, hướng về phía bắc, lạy 2 lạy rồi chịu chết.

Con là Cao, các học trò là Nguyễn Thanh, Nguyễn Luân và Nguyễn Thường đều nhảy xuống sông tự tử. Mẹ là Hoàng thị cũng hoảng sợ mà chết. (Có một thuyết nói: Lại có võ sĩ tên là Điển Nghệ (không nhớ họ) ở dưới cờ Tân Chính vương, đánh nhau với giặc ở sông Tranh; lạc mất chúa, nghe nói Nguyễn Đăng Trường chết, cũng nhảy xuống giếng chết).

Digitized by Google

Gia Long năm thứ 3 (1804) lục dụng con Trường là Minh cho vào Hàn lâm viện. Năm thứ 9 (1810) cho đem Trường được thờ vào miếu Trung tiết công thần. Minh Mạng năm thứ 3 (1822) truy tặng hàm Binh bộ thượng thư, xét đến 2 cháu là Trinh và Nguyên, đều tha thuế thân suốt đời.

*

Bùi Hữu Lễ

Người huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên, lúc mới theo Duệ tông hoàng đế vào Gia Định, làm ký lục doanh Long Hồ. Năm Bính Thân (1776), "giặc" Tây Sơn vào lấn cướp; tướng giặc là Điều khiển Hòa [1] xâm phạm Long Hồ, Hữu Lễ chống đánh, bị giặc bắt được, Hữu Lễ chửi giặc, không chịu khuất, giặc mổ thịt mà ăn.

Gia Long năm thứ 4 (1805), con là Hữu Thục đem việc tâu bày. Vua nói "Hữu Lễ chết trung, nên tha thuế thân cho con để nêu tiết nghĩa người làm tôi". Bèn cho Thục miễn lao dịch suốt đời. Năm thứ 9 (1810), cho Hữu Lễ được thờ ở miếu Trung tiết công thần.

*

Nguyễn Danh Khoáng

Lại tên là Luận, không rõ quên quán ở đâu. Đời Duệ tông hoàng đế, làm tham mưu, theo Tân Chính vương vào Gia Định. Năm Bính Thân (1776), theo mệnh Tân Chính vương, đi núi Chiêu Thái, dụ Lý Tài xuống hàng. Năm Đinh Dậu (1777) mùa hạ "giặc" Tây Sơn vào lấn cướp, Khoáng theo chúa đi Long Xuyên. Tháng 9

---

[1] *Điều khiển* là chức quan, Hòa là tên người.

Digitized by Google

"giặc" đánh Long Xuyên. Duệ tông mất. Khoáng cùng cha con Trương Phúc Thận đều tử tiết.

*

Trần Văn Thức

Không rõ quê quán ở đâu, làm quan đến tham tán. Năm Ất Mùi (1775) mùa hạ, Duệ tông hoàng đế vào Gia Định. Thức đem quân giữ Phú Yên gây thế ỷ giốc với quân Phúc Hiệp để chống "giặc" Tây Sơn. Năm Bính Thân (1776), mùa hạ, chúa triệu Tống Phúc Hiệp về Gia Định. Thức cùng Chu Văn Tiếp đóng giữ các đạo Phú Yên, Bình Thuận. Năm Đinh Dậu (1777), mùa hạ, "giặc" Tây Sơn vào cướp. Chúa triệu Thức đem quân vào cứu. Quân Thức đi đến Bình Thuận, đánh nhau với "giặc" không thắng, Thức bị chết trận. Giữa niên hiệu Gia Long, tặng phong Thức hàm tham tán cho thờ ở 2 miếu Hiển trung và Trung hưng công thần.

*

Đoàn Đức Hiệp

Người huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên, ban đầu làm cai án, có tiếng là lại viên giỏi. Năm Ất Mùi (1775), theo thống suất Tống Văn Khôi đánh "giặc" Tây Sơn ở sông Tam Đốc thuộc Bình Hòa, bất lợi. Năm ấy, Duệ tông vào Nam, khi đến cửa biển Vân Phong, Hiệp đến yết kiến, chúa cho chức Hàn lâm viện, theo vào Gia Định, chuyên làm khâm sai tham mưu, thăng Công bộ. Hòa Nghĩa đạo Lý Tài đem quân ép bức ngự giá. Hiệp không theo, bị hại.

Con Hiệp là Luận, khoảng năm Minh Mạng (1820 - 1840) làm quan đến Thống chế doanh Thần cơ.

*

Digitized by Google

Đỗ Văn Hoảng

Lại có tên là Đản, người huyện Hải Lăng thuộc Quảng Trị. Làm quan đời Duệ tông đến chức tán lý chiêu thảo sứ. Năm Quý Tỵ (1773), "giặc" Tây Sơn khởi loạn, quấy nhiễu khoảng Quảng Ngãi, Quảng Nam. Chúa sai Hoảng cùng bọn chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn Cửu Sách, cai cơ Phan Tiến, cai đội Nguyễn Vệ, tổng nhung Nguyễn Sùng đem quân đi đánh. Hoảng cùng Sùng làm tiên phong. Quân tiến đến địa đầu Quảng Ngãi, bị giặc đêm đến đánh úp. Lũ Hoảng chống đánh không được, đều bị hại. Giữa niên hiệu Gia Long (1802 - 1819), Hoảng được truy phong tham chính, thờ ở 2 miếu Hiển trung và Trung tiết công thần.

*

Lê Đa Uẩn

Lại có tên là Thân, người huyện Lệ Thủy thuộc Quảng Bình. Vốn có văn học, tính cương trực, làm quan đời Duệ tông đến chức ký lục doanh Bình Thuận thăng tham mưu doanh đồn Gia Định. Sau đó được triệu về cho ra làm ký lục Quảng Bình, rồi thăng cai bạ Quảng Nam. Giáp Ngọ năm thứ 9 (1774), "giặc" Tây Sơn cướp Quảng Nam, Uẩn sung làm khâm sai tham tán, đem quân đi đánh,. Uẩn đánh nhau với giặc bị chết trận.

Con là Liên ban đầu làm tri huyện, sau đổi làm cai đội thống suất quân Tam Kỳ. Năm Giáp Ngọ (1774), đánh nhau với "giặc" ở Liên Sơn (thuộc Quảng Nam) bị chết trận.

Digitized by Google

QUYỂN 6

TRUYỆN CÁC BỀ TÔI (IV)

- Mạc Cửu
- Mạc Thiên Tứ (con là Duyên, Sinh, Thiện; cháu là Bính, Du).
  Trần Thượng Xuyên (con là Đại Định).

*

Mạc Cửu

Người Lai Châu, tỉnh Quảng Đông. Khi nhà Minh mất, người Thanh bắt dân róc tóc. Cửu cứ để tóc dài, đi sang Nam. Đến nước Chân Lạp, Cửu làm Ốc nha [1]. Thấy phủ Sài Mạt có người Kinh người Trung Quốc, người Chân Lạp và người Chà Và buôn bán đông đúc, Cửu bèn dời đến ở Phương Thành, mở sòng bạc gọi là "Hoa chi" để lấy hồ. Lại đào được hố bạc, do đó vọt lên giàu có. Cửu chiêu tập những dân xiêu tán ở Phú Quốc, Cần Bột, Rạch Giá (Gia Khê), Lũng Cả, Hương Úc và Cà Mau (Cà Mao) lập làm 7 xã thôn. Lại vì đất ở đó có người tiên ẩn hiện ở trên sông, nên gọi là Hà Tiên. Chỗ ấy gần núi, ven biển, có thể tự họp buôn bán để sinh lợi. Gặp lúc người Xiêm sang đánh lấn Chân Lạp, người Chân Lạp vốn ươn nhát, nghe giặc đến là chạy. Tướng Xiêm gặp Cửu nhân

[1] Ốc nha: quan chức nước Chân Lạp.

Digitized by Google

dụ đem về nước. Cửu bất đắc dĩ đi theo. Sang đến Xiêm, vua Xiêm thấy trạng mạo Cửu, cho là lạ, vui mừng giữ lại, cho ở núi Vạn Tuế. Sau đó, nhân nước Xiêm có nội biến, Cửu bèn lén về Lũng Cả. Những dân xiêu tán quy phục với Cửu ngày một đông. Cửu thấy Lũng Cả đất hẹp không thể ở đông người được lại dời về Phương Thành. Thương nhân và lũ khác bốn phương theo đến đông nhiều.

Có mưu sĩ là Tô Quân bảo Cửu: "Người Chân Lạp tính giảo quyệt gian trá, ít trung hậu, không thể nương tựa lâu được. Nghe nói chúa Nam triều có tiếng nhân nghĩa, uy đức vốn đủ tin, chi bằng đến gõ cửa xưng thần để gây thế bám rễ vững chắc. Muôn một có biến cố gì, thì nhờ chúa giúp đỡ." Cửu cho lời bàn ấy là phải.

Hiển tông hoàng đế, năm thứ 17 Mậu Tý (1708), mùa thu, Cửu cùng thuộc hạ là bọn Trương Cầu, Lý Xá mang ngọc lụa đến cửa khuyết dâng biểu xưng thần, xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa thấy Cửu tướng mạo khôi ngô kỳ liệt tiến lui cung kính, cẩn thận, khen là trung thành, bèn ban sắc cho làm thuộc quốc đặt tên trấn ấy là trấn Hà Tiên, trao Cửu làm chức tổng binh quan, cho ấn và thao. Lại sai nội thần tiễn Cửu ra ngoài cửa thành. Ai cũng cho là vinh dự.

Cửu về trấn, dựng thành quách, lập doanh ngũ, đặt liêu tá, làm nhiều nhà khách để đón tiếp hiền tài. Dân đến ở ngày càng đông, Hà Tiên trở thành một đô hội nhỏ.

Trước đó, mẹ Cửu là Thái thị nhớ con ngày một tha thiết, bèn từ Lôi Châu vượt biển đến, Cửu hiếu dưỡng đầy đủ, ở đã được lâu. Một hôm, bà mẹ vào chùa Tam Bảo, cúng lễ Phật bỗng ngồi nghiễm nhiên trước Phật mà hóa. Cửu nhân đúc tượng bà mẹ, đặt vào khám ở chùa mà thờ. Tượng ấy đến nay vẫn còn.

Năm Ất Mùi (1775) mùa xuân, Chân Lạp Nặc Thâm đem quân Xiêm đến đánh Hà Tiên, Cửu chống cự không nổi, chạy ra giữ

Digitized by Google

Lũng Cả. Nặc Thâm cướp lấy của cải đồ vật rồi đi. Cửu liền về Hà Tiên, đắp thành, đặt nhiều điếm canh, làm kế phòng thủ nghiêm ngặt.

Túc tông hoàng đế, năm thứ 10 Ất Mão (1735), mùa hạ, Cửu ốm chết, thọ hơn 80 tuổi, được tặng phong khai trấn thượng trụ quốc đại tướng quân Vũ nghị công. Con là Thiên Tứ.

*

Mạc Thiên Tứ

Tự Sĩ Lân, là con trưởng Mạc Cửu. Lúc sắp sinh có điềm lạ. Trước đây, chỗ ở là đất Lũng Cả, trong sông tự nhiên nước vọt lên, thấy có tượng vàng bảy thước, ánh sáng tỏa trên mặt nước. Sứ người Man trông thấy, lấy làm lạ, nói với Cửu: "Đấy là điềm nước có người hiền, phúc đức không sao lường được". Cửu sai người đi rước tượng vàng ấy lên, nhưng làm trăm cách cũng không lay chuyển được. Bấy giờ mới làm chùa nhỏ ở bờ sông để thờ. Thiên Tứ cũng sinh nhằm năm ấy, người ta truyền nói là "bồ tát hiện thân".

Thiên Tứ từ bé đã thông minh, nhanh nhẹn, học rộng kinh điển, hiểu thông võ lược. Túc ông hoàng đế năm thứ 11 Bính Thìn (1736), mùa xuân, chúa cho Thiên Tứ là Hà Tiên trấn đô đốc, ban cho 3 thuyền "long bài" được miễn thuế. Lại sai mở lò đúc tiền để việc mua bán được thông đồng. Thiên Tứ bèn chia đặt nha thuộc, tuyển quân lính, đắp thành quách mở rộng phố, chợ. Thương nhân và lữ khách các nước sum họp đông đảo. Lại chiêu tập những người văn học bốn phương, mở "Chiêu anh các" ngày cùng nhau bàn giảng sách, xướng họa thơ. Có 10 bài thơ vịnh cảnh Hà Tiên, phong lưu tài vận, được một phương quý trọng. Từ đấy, Hà Tiên mới biết đến văn học. Mười bài vịnh cảnh Hà Tiên:

Digitized by Google

1. *Kim dư lan đào* (Đảo Kim dư chắn sóng)
2. *Bình sơn điệp thúy* (Núi Bình sơn trập trùng xanh biếc).
3. *Tiên tự thân chung* (Tiếng chuông mai chùa Tiên tự).
4. *Giang thành dạ cổ* (Tiếng trống canh Giang thành).
5. *Thạch động thốn vân* (Hang đá nuốt mây).
6. *Chân Nham lạc lộ* (Cò đậu Chân nham).
7. *Đông hồ ấn nguyệt* (Trăng soi Đông hồ).
8. *Nạm phố trùng ba* (Sóng ngời Nam phố).
9. *Lộc trĩ thôn cư* (Cảnh quê Lộc trĩ).
10. *Lư khê ngư bạc* (Xóm chài Lư khê).

Mười bài thơ theo đề trên đây đều do Thiên Tứ xướng ra trước. 25 người nhà Thanh là lũ Chu Phác, Trần Tư Hương; 6 người nước ta là lũ Trịnh Liên Sơn, Mạc Triều Đán đều họa vần. Trong tập "Hà Tiên thập vịnh" cộng 320 bài thơ, Thiên Tứ đề tựa. Về sau, gặp loạn, thơ phần nhiều bị tản mát mất! Đến khoảng năm Gia Long, hiệp tổng trấn Gia Định Trịnh Hoài Đức mua được một tập *Minh bột di ngư*, đem in, lưu hành ở đời.

Thế tông hoàng đế năm đầu Kỷ mùi (1739), mùa xuân Nặc Bộn nước Chân Lạp xâm lấn Hà Tiên. Chân Lạp vì cớ mất đất, nên oán Mạc Cửu. Khi Cửu đã mất, Thiên Tứ mới lĩnh cờ tiết trấn thủ, Nặc Bôn bèn đem quân đến xâm lược, Thiên Tứ đem bộ thuộc đi đánh, chiến đấu suốt ngày đêm. Vợ Thiên Tứ là Nguyễn thị đốc suất vợ quân lính chuyển lương ăn và đem cơm nước cho quân, do đó, quân được ăn no. Thiên Tứ bèn đánh hăng, quân của Nặc Bôn bị tan vỡ.

Tin thắng trận đưa đến, chúa trầm trồ khen ngợi và cho là lạ, đặc cách trao cho Thiên Tứ làm đô đốc tướng quân, ban cho áo bào

Digitized by Google

đỏ và mũ, đai. Nguyễn thị cũng được phong làm phu nhân. Bởi thế, Chân Lạp không dám nhòm Hà Tiên nữa.

Đinh Mão, năm thứ 9 (1747), Thiên Tứ sai người cưỡi thuyền "long bài" đem phẩm vật cung tiến. Chúa ban khen, cho 4 đạo sắc *cai đội, đội trưởng* làm việc ở trấn, lại ban gấm vóc đồ đạc và cho về. Gặp có giặc biển tên là Đức, đến cướp bóc ngoài hải phận Long Xuyên, Thiên Tứ được tin báo liền sai con rể là cai đội Từ Hữu Dụng đem 10 chiến thuyền, bắt được bốn tên trong bọn phỉ, tên Đức chạy đến Ba Thắc, bị quân Xiêm bắt được, chém đi. Dư đảng đều tan.

Năm Bính Tý (1756), mùa xuân, Chân Lạp đánh lấn Côn Man. chúa sai tướng sĩ 5 doanh đi đánh dẹp. Vua Chân Lạp là Nặc Nguyên, chạy đi nương náu ở Hà Tiên, nói với Thiên Tứ xin dâng đất 2 phủ Tầm Bôn, Xoài Rạp (Lôi Lạp), và xin nộp bù lễ cống thiếu từ 3 năm trước, để chuộc tội. Thiên Tứ tâu xin hộ. Chúa ưng cho.

Năm sau (1757), Nặc Nguyên chết, chú họ là Nặc Nhuận quyền tạm coi việc nước. Quan ngoài biên tâu xin nhân tiện lập Nặc Nhuận làm vua, chúa sai bắt nộp đất 2 phủ Trà Vinh và Ba Thắc rồi mới ưng thuận. Gặp bấy giờ con rể Nhuận là Hinh giết Nhuận, cướp ngôi vua. Con Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên. Thiên Tứ cũng tâu hộ xin cho. Chúa bèn phong Nặc Tôn làm Chân Lạp quốc vương, nhờ Thiên Tứ hộ tống về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm Phong Long, lại cắt đất 5 phủ là Vũng Thơm (?) Hương Úc, Cần Giột (Cần Bột), Chân Xum (Chân Xâm), Xoài Mút (Sài Mát), Linh Quỳnh, để tạ ơn. Thiên Tứ dâng lên triều đình, chúa cho lệ thuộc vào quản hạt Hà Tiên. Thiên Tứ bèn đặt xứ Rạch Giá (Giả Khê) làm đạo Kiên Giang, xứ Cà Mau làm đạo Long

Digitized by Google

Xuyên, thiết lập quan lại, chiêu dân, lập ấp. Do đấy bản đồ Hà Tiên ngày một rộng.

Duệ tông hoàng đế năm đầu Bính Tuất (1766), mùa thu, Phong vương nước Xiêm (vua Xiêm bị bệnh hủi, người nước gọi là Phong vương) sửa soạn chỉnh đốn chiến thuyền ấn định nhật kỳ sang xâm lấn Hà Tiên, Thiên Tứ dò biết việc này, bèn báo cho Gia Định điều khiển Tống Văn Khôi xin quân cứu ứng.

Năm Đinh Hợi (1767) mùa xuân, nước Miến Điện đánh nước Xiêm, bắt Phong vương. Con thứ của vương là Chiêu Thúy chạy sang Hà Tiên. Thiên Tứ lại đưa thư cho Văn Khôi triệt quân cứu về. Gặp bấy giờ có người Trào Châu nhà Thanh tên là Hoặc Nhiên, họp quân ở đảo Cổ Lông, ngầm có ý dòm ngó Hà Tiên, Thiên Tứ cho quân lén đi vây bắt. Hoặc Nhiên bị quân chúng giết chết. Dư đảng tan hết.

Năm Mậu Tý (1769), mùa thu, nước Xiêm mang Tát trưởng Trịnh Quốc Anh tự lập làm vua, bắt Chân Lạp nộp lễ cống. Nặc Tôn không nghe, Quốc Anh bèn sai tướng đánh Chân Lạp, cướp bóc nhân dân. Hay tin, Thiên Tứ càng phòng bị nghiêm ngặt.

Năm Kỷ Sửu (1769), mùa xuân, lại có người Trào Châu nhà Thanh tên là Trần Thái, họp quân ở núi Bạch Mã, mưu đánh úp Hà Tiên, bí mật liên kết với người họ Mạc là Mạc Sùng, và Mạc Khoan làm nội ứng. Thiên Tứ đặt quân phục bắt Sùng, Khoan, đuổi dẹp bọn ấy ở chùa Hương Sơn. Trần Thái chạy sang xiêm.

Năm Canh Dần (1770) mùa thu, lĩnh trấn Hà Tiên là Phạm Lam tụ họp những người Vũng Thơm (?) (Hương Úc), Cần Giột (Cần Bột) cùng bọn Vinh-li-ma-lư người Chà Và và Ốc Nha Kê người Chân Lạp, gồm có hơn 800 quân, 15 chiếc thuyền, chia đường thủy, bộ, đánh úp Hà Tiên. Thiên Tứ đánh phá được, đâm chết Phạm Lam ở trong sông, bắt được tên Lự và tên Kê đem chém đi.

Digitized by Google

Hà Tiên nhiều lần gặp binh biến, lương nhân hao tổn, lòng dân dao động. Thiên Tứ dâng sớ tự đàn hặc mình. Chúa ban thư khoan dung và yên ủi. Lại sắc sai điều khiển ở Gia Định, hễ Hà Tiên có việc cảnh báo thì phải ứng cứu ngay.

Năm Tân Mão (1771) mùa thu, vua Xiêm cho rằng Chiêu Thúy ở tại Hà Tiên, e xảy ra mối lo về sau, bèn tuyển duyệt quân lính mưu đánh Hà Tiên. Dò biết sự trạng, Thiên Tứ cầu cứu với Gia Định điều khiển [1], Tống Văn Khôi nghĩ năm trước báo hão tin giặc làm nhọc quân nhà vua, bèn lừng chừng không đến cứu.

Trước kia trong thành Hà Tiên thấy phương nam có 2 cầu vòng đỏ giao lại thành hình chữ thập (+) dài hơn 30 trượng. Lại ở dưới cầu Bắc đế, trước có bãi cát, chợt bị gió lốc cuốn cát bay lên lưng trời, trong thành sầm tối lại. Phút chốc cát ấy trút xuống thành đống, hình như chữ "thập". Nhà thuật số cho rằng đó là điềm tháng 10 mất thành. Rồi đó quân Xiêm chợt đến vây thành. Trong thành quân ít, không chống giữ được, bèn bị đánh phá, đúng vào kỳ tháng 10.

Thiên Tứ cùng lũ con là Hoàng, Xướng và Duyên đi đường thủy chạy ra Trấn Giang; trình bày duyên do Hà Tiên thất thủ. Rồi dâng sớ xin nhận tội. Chúa ban thư rộng tha cho. Lại ưu hậu cấp thêm cho lương bổng, ra lệnh cho quan điều khiển sai quân đưa về đạo Trấn Giang, để Thiên Tứ chiêu phủ dân Xiêm, lại mưu đồ đánh giặc.

Năm Nhâm Thìn (1772), mùa hạ, vua Xiêm lại thừa thắng, đánh nước Chân Lạp. Lũ điều khiển Nguyễn Cửu Đàm đem quân tiến đến Nam Vang, cả phá được quân Xiêm. Vua Xiêm chạy sang

---

[1] Điều khiển: một chức quan đương thời.

Digitized by Google

Hà Tiên, đưa thư cho Thiên Tứ cầu hòa. Thiên Tứ từ chối. Vua Xiêm bèn giao cho tướng là Trần Liên giữ Hà Tiên, còn mình tự đem quân đến bắt con trai, con gái Thiên Tứ và bắt Chiêu Thúy đem về.

Năm Quý Ty (1773), mùa xuân, Thiên Tứ sai người nhà là Mạc Tú mang thư sang Xiêm giảng hòa. Vua Xiêm mừng quá, đưa trả con trai con gái Thiên Tứ mà mình đã bắt, và triệu Trần Liên về. Thành lũy nhà cửa Hà Tiên đều bị quân Xiêm tàn phá. Thiên Tứ bèn lưu lại Trấn Giang, sai con là Hoàng về Hà Tiên, tu sửa lại.

Năm Giáp Ngọ (1774), mùa đông, "giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc thế rất dữ dội, chúa Trịnh lại sai quân vào xâm lấn miền Nam. Thiên Tứ ở Trấn Giang, hay tin biến ấy, sai thuộc hạ chở thóc vào kinh để cung lương quân. Thuyền lương đi đến ngoài biển Quy Nhơn, bị quân giặc đón cướp mất.

Năm Ất Mùi (1775), mùa xuân, ngự giá chúa Duệ tông vào Gia Định, đóng ở Bến Nghé. Thiên Tứ lập tức đem các con yết kiến ở hành tại. Chúa khen và yên ủi. Đặc cách cho Thiên Tứ làm quốc lão đô đốc quân công, cho con là Hoàng làm chưởng cơ, con là Xướng làm tráng thủy cai cơ, con là Duyên làm tham tướng cai cơ. Sai điều về đạo Trấn Giang đóng giữ.

Năm Bính Thân (1776), "giặc" Tây Sơn nhiều lần vào cướp. Quân nhà chúa nhiều trận bất lợi. Năm Đinh Dậu (1777), chúa đến Cần Thơ, hợp lại với quân Thiên Tứ, bèn sai tham tướng Duyên đem quân bản bộ vào đạo Đông Khâu tập hợp các quân cần vương khép lại đánh "giặc" Tây Sơn. Giặc bị thua. Duyên lại về Trấn Giang, giữ chỗ hiểm để chống giặc. Thiên Tứ chầu hầu chúa, rất kính cẩn. Chúa thấy quân bộ thuộc người ít, sức yếu, khó chống nổi giặc, mới sai Đỗ Thanh Nhân ngầm đến Bình Thuận, triệu Chu Văn Tiếp vào cứu.

Digitized by Google

Trước đây, "giặc" Tây Sơn sắp đem đại binh xâm phạm Trấn Giang, Thiên Tứ bày kế tránh giặc, rằng "Trấn Giang không phải là nơi hiểm trở có thể đóng giữ để chống giặc. Xin chúa do đường Cần Thơ, theo dòng sông vòng ra đất Kiên Giang. Nếu có sự bất trắc thì ra hải đảo, đợi tình thế rồi hành động".

Mùa thu năm ấy, Thiên Tứ hầu chúa đi trước, sai con là Duyên vào đất Hiệp Giang, đẵn cây to, lấp đường thủy. Chúa ngày càng bồn chồn lo lắng, triệu Thiên Tứ đến, bảo rằng: "Thế giặc nay đang dữ dội, việc nước như thế mong sao gây dựng lại được? Thiên Tứ khấu đầu lạy khóc, nói rằng: "Thế thì nên triệu thần là Quách Ân đem tấu sức khuyển mã, không ngại gian lao, sang Quảng Đông nhà Thanh, kêu xin Trung Quốc giúp quân đánh giết bọn giặc hung ác, thu phục lấy đất đai của ta? Cứ như thần nghĩ nếu không tính xa như thế thì không có chỗ trú chân nữa đâu!" Chúa chuẩn y lời tâu. Rồi chúa đi Long Xuyên, Thiên Tứ bèn sai thuộc thần là Ngũ Nhung cai cơ, tên Khoan, hầu chúa đi trước. Thiên Tứ lưu lại ở cửa biển Kiên Giang, để đợi thuyền Quách Ân đến. Chốc lát, Long Xuyên thất thủ, giặc sai người đến dụ Thiên Tứ xuống hàng, Thiên Tứ không theo chạy ra đảo Phú Quốc. Khi được tin giặc đem chúa về Gia Định, Thiên Tứ, kêu trời, than khóc rằng: "Từ nay về sau, ta không còn mặt nào trông thấy chúa nữa!"

Bấy giờ vua Xiêm Trịnh Quốc Anh cho thuyền đến đón, Thiên Tứ bèn sang Xiêm. Tôn Thất Xuân cũng từ hải đảo sang Xiêm cầu cứu. Vua Xiêm hậu đãi, giữ ở lại. Năm Mậu Tuất (1778) mùa xuân, Thế tổ Cao hoàng đế mới nhiếp chính (lên ngôi chúa) sai cai cơ Lưu Phúc Trưng sang Xiêm giao hiếu và hỏi tin tức về lũ Thiên Tứ.

Năm Canh Tý (1780) mùa hạ, lại sai bọn cai cơ Sâm và cai cơ Tĩnh (đều không nhớ họ) sang thăm nước Xiêm. Gặp lúc đó có

Digitized by Google

thuyền buôn người Xiêm về nói rằng thuyền mình từ Quảng Đông về qua phần biển Hà Tiên, bị lưu thủ Thăng giết người, cướp của. Vua Xiêm giận lây liền giam lũ Sâm, Tĩnh vào ngục. Lại có người Chân Lạp là Bô-ông-giao gièm với vua Xiêm rằng: "Bắt được thư bí mật của Gia Định xui Mạc Thiên Tứ và Tôn Thất Xuân làm nội ứng, mưu chiếm lấy thành Vọng Các. Vua Xiêm lầm nghe lời ấy, lập tức bắt trói lũ Thiên Tứ tra hỏi. Trạch Duyên cãi là bị vu oan. Vua Xiêm đem giết đi. Thiên Tứ bèn tự tử, thọ hơn 70 tuổi, Tôn Thất Xuân, cai cơ Sâm, cai cơ Tĩnh và quân đi theo hơn 50 người đều bị hại. Con Thiên Tứ là Hoàng và Xướng cũng bị giết. Tôn Thất Xuân có truyện riêng.

Sanh là con út Thiên Tứ. Lúc gặp nạn, theo cha sang Xiêm. Từ khi Thiên Tứ bị vua Xiêm Trịnh Quốc Anh độc ác làm hại, những con cháu trưởng thành đều bị giết, duy có Sanh cùng các em là Tuấn, Thiêm, cháu là Công Bính, Công Du, Công Tài (con của Hoàng) và Công Thế (con của Xướng) còn bé. Đại thần Xiêm là Kha La Hâm thương tình cứu cho thoát nạn, nhưng phải đày ra nơi ven biển.

Năm Nhâm Dần (1782) Trịnh Quốc Anh bị bề tôi là Oan Sản giết chết. Đại tướng Xiêm là Chứt Tri tự lập làm Phật vương, mới vời lũ Sanh về thành Vọng Các, nuôi cho đủ ăn. Năm Giáp Thìn (1784) mùa xuân, vua sang Vọng Các, nhân nghĩ đến dòng dõi công thần, bèn cho Sanh làm tham tướng. Mùa thu năm ấy, vua đem quân Xiêm về đánh lấy lại Gia Định, Sanh đi hộ giá. Đại binh đánh được Trà Ôn, vua sai Sanh đóng giữ, liền cho dời đi đóng giữ Trấn Giang. Mùa đông năm ấy, quan quân thất lợi. Vua đi Trấn Giang. Sanh đem 3 chiếc thuyền đón vua và quan quân đi Hòn Son. Vua đóng lại ở đó và sai Sanh mang quốc thư sang Xiêm báo tin.

Digitized by Google

Năm Ất Tỵ (1785), mùa hạ, vua lại đi Xiêm. Sanh vẫn ở lại để theo hầu. Năm Đinh Mùi (1787), mùa thu, Sanh theo vua về Gia Định. Vua cho Sanh lưu giữ Hà Tiên. Đại binh đi đánh giặc. Sanh dâng 300 cây súng điển thương máy đá, để giúp quân dùng.

Năm Mậu Thân (1788) mùa hạ, Sanh chết, được tặng đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ chưởng vệ sự, đô đốc chưởng cơ.

*

Công Bính là con Hoàng và là cháu Thiên Tứ. Lúc Sanh đã chết, vua bèn triệu Công Bính ở Xiêm về, cho làm Long Xuyên lưu thủ. Không bao lâu, Công Bính chết.

*

Thiêm là con Thiên Tứ. Từ thuở bé, ẩn náu ở dân gian nước Xiêm đã lâu. Năm Kỷ Mùi (1799), người Xiêm đưa Thiêm và cháu gọi bằng chú bác là Công Du về Hà Tiên. Thiêm đến Gia Định, lạy ra mắt vua. Vua trao cho làm khâm sai thống binh cai cơ. Đến lúc Công Bính chết, vua bèn cho Tử Thiêm làm Hà Tiên trấn thủ. Gia Long năm thứ 4 (1805) thăng Thiêm làm khâm sai chưởng cơ, lĩnh trấn như cũ. Năm thứ 6 (1807), cho Công Du làm cai đội, rồi sai Thiêm đi Xiêm, cho Công Du quyền lĩnh việc trấn. Năm thứ 8 (1809), Thiêm chết. Công Du can việc phải giao xuống đình thần bàn xét. Công Thế và Công Tài còn bé, chưa thể cho làm dân chính được, đều ấm thụ chức hàm cai đội để giữ việc thờ cúng họ Mạc, và cấp cho 53 người coi các mả. Rồi sai lũ Công Thế theo làm việc công ở trấn. Năm thứ 10 (1811), mùa xuân, triệu lũ Công Du, Công Tài đến kinh, lại tha dao dịch cho cả nhà 50 người. Năm 12 (1813), cho Công Du làm ất phó sứ đi Xiêm. Năm 15 (1816), mùa đông, thăng hiệp trấn Hà Tiên, năm thứ 17 (1818), mùa thu, thăng trấn thủ.

Digitized by Google

Năm Minh Mạng năm thứ 3 (1822) mùa thu, Thánh tổ Nhân hoàng đế, nghĩ đến cha con Thiên Tứ có công với nước, tặng phong Mạc Cửu làm Thụ công thuận nghĩa trung đẳng thần, Thiên Tứ làm Đạt nghĩa chi thần, Tử Sanh làm Trung nghĩa chi thần, cho xã Mỹ Đức thuộc Hà Tiên thờ cúng như cũ. Năm thứ 10 (1829) Công Du vì già ốm, được hưu trí. Năm 11 (1830), cho Công Tài làm Hà Tiên thủ quân thủ.

Năm 14 (1833) mùa hạ, nghịch đảng Lê Văn Khôi chiếm giữ thành Phiên An. Công Du, Công Tài và con là Hầu Hi, Hầu Diệu đều nhận quan chức của giặc. Việc phát giác. Vua sắc sai bắt về kinh tra hỏi. Công Du, Công Tài liền ốm chết. Con là Hầu Hi và Hầu Diệu đều bị giam vào ngục ở kinh. Sau đó, tha cho Hầu Diệu sai đi trinh thám nước Xiêm, lâu không thấy về. Lại tha Hầu Hi cho đi vùng thượng ở Nghệ An trinh thám, không đi thông được, trở về, gầy rạc mà chết ở trong ngục Nghệ An.

Tự Đức năm thứ nhất (1848), ấm thụ cho cháu bốn đời là Mạc Văn Phong làm đội trưởng để coi việc thờ cúng Thiên Tứ.

*

Trần Thượng Xuyên

Tự Thắng Tài, người tỉnh Quảng Đông, làm quan tổng binh nhà Minh. Khi nhà Minh mất, giữ nghĩa không làm tôi nhà Thanh. Thái tông Hoàng đế năm thứ 31, Kỷ Mùi (1679), mùa xuân, cùng với Long Môn tổng binh Dương Ngạn Địch, phó tướng Hoàng Tiến và Trần Bình An đem biền binh gia quyến hơn 3.000 người, hơn 50 chiến thuyền đến đỗ ở các cửa biển Tư Hiền và Đà Nẵng tự bày tỏ rằng: "Chúng tôi là bọn bộ thần nhà Đại Minh, hết lòng trung vì nước, sức kiệt thế cùng, vận nhà Minh đã hết, chúng tôi

Digitized by Google

không chịu thờ nhà Thanh, sang đây dâng lòng thành, xin làm tôi tớ. "Triều đình bàn rằng, họ khác phong tục, khác tiếng nói, thình lình kéo đến cũng khó khu xử, nhưng họ cùng bách mà đến với ta, ta không nỡ cự tuyệt. Miền Đông Phố của Chân Lạp đất rộng, đồng tốt bát ngát nghìn dặm, triều đình chưa kinh lý, chi bằng lấy sức của họ cho mở đất mà ở. Thế là làm một việc mà được ba điều lợi. Chúa ưng thuận, ban khen thiết yến và yên ủi họ, rồi trao cho làm quan chức, cho đến ở tại Đông Phố.

Trần Thượng Xuyên cùng bọn Dương Ngạn Địch đến cửa khuyết tạ ơn mà đi. Thượng Xuyên vào cửa biển Cần Giờ đóng ở Bàn Lân (nay thuộc Biên Hòa). Ngạn Địch và Hoàng Tiến vào cửa biển Soi Rạp (Lôi Lạp) đóng ở Mỹ Tho (nay thuộc Định Tường). Họ khai khẩn đất bỏ không, dựng phố xá. Người nhà Thanh cùng thuyền buôn các nước Tây dương, Nhật Bản và Chà Và đến tụ tập buôn bán đông đúc? Bởi thế phong tục người Kinh ngày dần thấm nhuần vào Đông Phố.

Năm Mậu Thìn (1688), Anh tông hoàng đế năm đầu, mùa hạ, Hoàng Tiến giết chủ tướng Dương Ngạn Địch ở cửa biển Mỹ Tho, tự xưng là Phấn Dũng hỗ uy tướng quân, đóng quân ở Nam Khê (nay thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường) cướp bóc nước Chân Lạp.

Tin này lên đến triều đình, chúa sai Trấn Biên doanh phó tướng Mai Vạn Long đem quân đi đánh. Hoàng Tiến chạy đi rồi chết. Vạn Long chiêu tập những quân Long môn còn lại, giao cho Thượng Xuyên quản lĩnh, làm tiên phong, đóng quân ở Doanh Châu (nay thuộc Vĩnh Long) liền tiến đánh Chân Lạp và thắng được.

Hiển tông hoàng đế năm thứ 8 Kỷ Mão (1699), mùa thu, Nặc Thu nước Chân Lạp làm phản, Thượng Xuyên đem việc tâu lên.

Digitized by Google

Chúa sai Nguyễn Hữu Kính làm thống suất, cai bạ Phạm Cẩm Long làm tham mưu, lính quân 2 doanh Bình Khang, Trấn Biên và thuộc binh 7 thuyền Quảng Nam cùng tướng sĩ Long môn đi đánh.

Canh Thìn năm thứ 9 (1700), mùa xuân, Trần Thượng Xuyên cùng giặc đánh nhau nhiều trận đều thắng. Quân Hữu Kính đến thành Nam Vang. Nặc Thu đến cửa quân xin hàng.

Tân Mão năm thứ 20 (1711) mùa đông, Nặc Thâm từ nước Xiêm về, mưu hại Nặc Yêm. Nặc Yêm sai người phi báo Trấn Biên và Phiên Trấn, xin quân đến cứu. Thượng Xuyên cùng phó tướng Nguyễn Cửu Vân đem việc tâu lên (việc này chép ở truyện *Nguyễn Cửu Vân*).

Giáp Ngọ năm thứ 23 (1714), mùa đông, Nặc Thâm đem quân vây Nặc Yêm. Nặc Yêm quân ít, cầu cứu với 2 doanh Phiên Trấn và Trấn Biên. Chúa cho Trần Thượng Xuyên làm đô đốc Phiên Trấn đem binh đến Sài Gòn. Trấn Biên phó tướng Nguyễn Cửu Phú đem quân đóng Soi Rạp (Lôi Lạp), đóng thủy quân ở Mỹ Tho ở xa tiếp viện, sai người đem việc phi tấu. Chúa bảo cho biết rằng: "Việc ngoài cửa khổn, giao cả cho hai người. Phải xét kỹ cơ nghi nên đánh hay lấy thế nào cho yên nơi phiên phục".

Rồi đó lũ Thượng Xuyên và Cửu Phú đem các tướng sĩ hợp quân với Nặc Yêm, bao vây Nặc Thâm ở thành La Bích. Nặc Thu dâng thư nhận tội, xin lập vua mới để giữ lấy nước. Lũ Thượng Xuyên đem việc tâu lên, chúa mừng lắm nói rằng: "Ngoài cửa khổn, tướng quân làm việc, nên lâm trận quyết thắng để khống chế khuất phục người ngoài. Còn việc lập vua mới đợi sau sẽ bàn". Ất Mùi năm 24 (1715), mùa xuân, Nặc Thâm ở thành La Bích, tình thế ngày một cùng quẫn, phóng hỏa đốt nhà cửa trong thành, ngầm ra cửa nam, trốn đi. Nặc Thu được tin, cùng trốn. Thượng Xuyên

Digitized by Google

và Cửu Phú, đem quân vào thành, thu hết khí giới nghi trượng. Lại dò biết Nặc Thu ở tháp Băng Thủy, bèn sai Nặc Yêm chiêu dụ. Nặc Thu sợ, không dám ra, xin nhường ngôi vua cho Nặc Yêm. Lũ Thượng Xuyên đem sự trạng ấy tâu lên. Chúa cho phong Nặc Yêm làm Chân Lạp quốc vương.

Mùa hạ, tháng 4, nước Xiêm sai người trách Nặc Yêm gây hấn, lại muốn phát binh để giúp Nặc Thâm. Nặc Yêm cáo cấp. Thượng Xuyên và Cửu Phú đem việc tâu lên. Chúa nghĩ ở xa khó tính được việc binh, bèn sai hai tướng tùy nghi xếp đặt. Chúa lo Nặc Yêm binh lực không đủ, nên cho Nặc Yêm hết cả những binh khí và nghi trượng đã bắt được, và trả lại những dân đã bị bắt từ trước.

Sau đó, Thượng Xuyên ốm chết. Người Trấn Biên nhớ công, lập đền thờ.

*

Con Thượng Xuyên là *Trần Đại Định*, do chân ấm tử, trải làm quan đến thống binh. Túc tông hoàng đế năm thứ 6 (1731), mùa hạ, người Lào là Xá Tốt, đem lính Chân Lạp đến cướp Gia Định. Đại Định đem thuộc tướng Long Môn, đánh phá quân giặc ở Phù Viên (trại Trầu). Giặc rút chạy về Cầu Úc. Đại Định lại cùng điều khiển Trương Phúc Vĩnh và giám quân Nguyễn Cửu Chiêm chia quân 3 đường cùng tiến, quân giặc tan vỡ. Đại Định tiến đóng Cầu Nam. Nặc Tha nước Chân Lạp (Tha là con Yêm, Yêm già, sai Tha coi việc nước) sợ, chạy đến Sơn Phủ. Nhâm Tý năm thứ 7 (1732) mùa xuân, giặc lại quấy rối Cầu Nam. Đại Định và Phúc Vĩnh đem quân đi đánh. Đại Định liền tiến đến Lò Việt, đánh giặc, giết chết và bắt được rất nhiều.

Trước đó, lúc chưa dẹp yên giặc. Chúa ban thư xuống quở trách Phúc Vĩnh. Phúc Vĩnh lúc trước ăn hối lộ của Nặc Tha, rút

Digitized by Google

quân về. Khi nhận được chỉ dụ nghiêm khắc của chúa, lại đổ lỗi cho Đại Định trùng trình đóng quân không chịu đi! Đại Định lúc thắng trận về, biết việc ấy, muốn tố cáo với triều đình. Bèn đương đêm, bơi thuyền vượt biển đến Bát Sơn (thuộc Quảng Ngãi). Em họ là Thành cho rằng Phúc Vĩnh là thế thần, không thể tranh biện phải trái được, khuyên Đại Định bỏ qua mà đi. Đại Định nói: "Cha con ta một nhà chịu ơn to của nhà nước, nay vì tướng ngoài biên che lấp sự thực, nếu ta giận mà đi, tự nhận lấy tiếng xấu, thì không những là tội bất trung mà lại là con bất hiếu!" Thành cố ngăn trở, cho thuyền theo hướng đông mà đi. Đại Định tuốt gươm chém Thành, cho thuyền quay vào cửa biển Đà Nẵng, làm tờ biểu trần tình, do quản doanh Quảng Nam đệ lên. Đình thần bàn muốn bắt tội Đại Định. Chúa còn không nỡ, sai giam Đại Định ở Quảng Nam; sai quan vào Gia Định tra xét sự trạng. Phúc Vĩnh thêu dệt chưa làm Đại Định thành tội. Riêng có Cửu Chiêm hết sức biện bạch là Đại Định bị oan. Lúc bản án dâng lên, thì Đại Định đã ốm chết ở trong ngục. Chúa rất thương, truy tặng hàm đô đốc đồng tri, thụy là Tương Mẫn.

Con Đại Định là *Đại Lực* làm đến cai đội.

*

Digitized by Google

TRUYỆN CÁC NGƯỜI ẨN DẬT

Nguyễn Đăng Đàn
Võ Trường Toản
Đặng Đức Thuật (phụ lục: Lê Đạt và Nguyễn Hương)
Hoàng Quang

*

Nguyễn Đăng Đàn

Lại tên là Tường, tự là Thuần Nhất, biệt hiệu là Bất Nhị, người huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên. Từ bé đã thông minh, đọc sách trông qua là thuộc lòng. Đến tuổi "Vũ thược" [1] nghiên cứu kinh sử, dốc chí hiếu cổ, không thích tục sáo khoa cử. Tính điềm tĩnh khiêm tốn, ưa làm điều thiện, vui với đạo lý, không thích vinh hoa danh lợi. Nhà lá tường đất, cũng vui sống như thường. Có tiếng giỏi lý học, lại thuộc thuật thao, kiềm [2].

Đời Thế tông hoàng đế (1738 - 1764), Đăng Đàn lấy tư cách là dân áo vải, đến cửa khuyết, dâng quốc sách bằng quốc âm. Đại lược nói: người làm vua nên đặt việc cầu hiền, nghe lời can trên hết. Lời nói phần nhiều đứng đắn, thiết thực. Chúa khen, ưa mời vào, muốn bổ làm quan, Đăng Đàn từ chối, không nhận.

---

[1] *Vũ Thược*: Học múa nhạc Thược, khi 13 tuổi (Kinh Lễ) thiên "Nội tắc".
[2] Thao kiềm: Sách *lục thao*, sách *ngọc kiềm*, đều là binh pháp.

Digitized by Google

Đăng Đàn lui về, làm nhà ở núi Thanh Thủy, dạy học. Môn sinh có đến vài trăm người, phần nhiều thành đạt. Tuổi 70 ông vẫn bền chí, không mỏi mệt, đức hạnh cao tốt, được người đời tôn trọng. Đến lúc chết, người ta gọi ông là Siêu quần [1] tiên sinh.

Cháu nội là Tĩnh diệp hầu Nguyễn Đăng Trường làm quan đời Duệ tông hoàng đế (1765 - 1777), tử tiết, có truyện riêng.

*

Võ Trường Toản

Quê huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định. Trường Toản là người thông minh, kinh học sâu rộng, lập chí cao thượng trong sạch, muốn sánh với tiên hiền.

Gặp loạn Tây Sơn, ông kín đáo trong đạo Nho, đạo Mặc, ở ẩn, dạy học. Môn đồ nhiều người làm danh thần. Lũ Ngô Tòng Chu và Trịnh Hoài Đức đều là học trò.

Lúc mới trung hưng, Thế tổ Cao hoàng đế đóng ở Gia Định, thường vời vào ra mắt, khen là người cao thượng.

Lúc ông chết, vua cho hiệu là Gia Định xử sĩ Sung đức Võ tiên sinh, đề vào bia, dựng ở mộ. Ông không có con, cho người con nuôi là Trúc được miễn binh dao để coi việc thờ cúng. Gia Long năm thứ 18 (1819), lại cho cháu họ là Đồng miễn thuế thân.

Tự Đức năm thứ 5 (1852), sắc sai dựng nhà riêng đề biển treo để biểu dương (Biển ngạch khắc mấy chữ rằng: *Gia Long sơ, tứ hiệu Gia Định xử sĩ Sùng đức Võ tiên sinh*. Nghĩa là: Đầu niên hiệu Gia Long cho tên hiệu: Gia Định xử sĩ, Sùng đức Võ tiên sinh).

*

[1] Siêu quần: Cao hơn cả mọi người.

Digitized by Google

Đặng Đức Thuật và Lê Đạt

Tự là Cửu Tư, không biết người xứ sở nào, lúc trẻ tuổi Đức Thuật thông minh, học rộng, thơ hay, lại càng trội về sử. Trước kia tránh loạn Tây Sơn, làm nhà ở trong núi An Phúc thuộc Bình Thuận, ở ẩn dạy học. Người học gọi là "Đặng gia sử phái".

Lại có Lê Đạt cũng không biết quê quán ở đâu. Ông là người mẫn tiệp, văn học sung túc, nhưng tính nóng nảy, cho nên người ta gọi là "Đạt hỏa" [1]. Thế tổ Cao hoàng đế, năm thứ 9 Mậu Thân (1788), lấy lại được Gia Định, Đức Thuật và Lê Đạt đến yết kiến. Thấy họ là bậc lão thành, túc học, vua đều yêu và trọng, cho làm Hàn Lâm viện thị giảng gián nghị.

Về sau, Đạt già chết. Thuật tính ngay thẳng ngang bướng, gặp việc dám nói. Thấy hình phạt đánh roi nặng quá, xin trừ bỏ đi. Vua không nghe. Thuật nói lắp, ra nói với người ta rằng: "Nói không đắt thì gián gián nghị nghị làm gì!" Bèn bỏ quan mà đi. Vua sai giám quân Tống Phúc Đạm đuổi theo, mời về. Sau theo đi đánh giặc, chết ở dọc đường.

Trước kia Thuật ở Gia Định, lũ Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định và Nguyễn Hương nghe tiếng ông thơ hay đều đến thờ làm thầy. Sự học làm thơ ở Gia Định thịnh lên là bắt đầu từ đấy.

*

Nguyễn Hương

Người tỉnh Bình Thuận. Lúc đầu trung hưng, làm Hàn lâm thị thư, nổi tiếng về văn chương, tính hời hợt, hờ hững, không thích

---

[1] Ông Đạt nóng như lửa.

Digitized by Google

làm quan, nên từ chức về nhà, thường ngâm vịnh để ngụ ý. Ông có tập thơ lưu hành ở đời. Bài thơ hái thuốc có câu rằng: "Hạc đắc trường sinh bí, bất cấu thiên hạ văn". Nghĩa là: Học được thuật trường sinh, không cần thiên hạ biết. Lại thơ đi núi, có câu: "*Sơn nhân tự lai vãng, Sơn thâm nhân bất tri*". Nghĩa là: Sơn nhân tự đi lại, núi sâu người không hay. Có tứ phiêu dạt, vượt ngoài trần tục.

*

Hoàng Quang

Người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, tài giỏi, có phong cách và kiến thức. Từ bé đã chăm học, lớn lên thấm nhuần thông suốt nghĩa lý, lại hay văn chương, đặc biệt là trội về văn quốc âm. "Giặc" Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ biết danh tiếng ông, trao cho quan chức nhưng ông không làm. Quang thấy chính sự của "giặc" phiền nhiễu hà khắc, lòng người nhớ cũ, bèn làm khúc hát "Hoài nam" mở đầu kể sự khai thác gian nan các thánh, nhân đức, ơn huệ thấm nhuần khắp nơi, cuối bài thì truy tội quyền thần, nghiến răng căm giận ngụy tặc, lời rất bi tráng, người ta truyền nhau ca hát.

Thái trưởng công chúa Ngọc Tuyên được bài ca ấy, cho người đem đến kinh đô Gia Định để dâng. Thế tổ Cao hoàng đế sai truyền bá ở trong quân. Người nghe đến nỗi có kẻ rơi nước mắt.

Năm Tân Dậu (1801) mùa hạ, lấy lại được Phú Xuân, bấy giờ Quang đã chết, vua bèn vời con là Hoán đến yết kiến cho làm Hàn lâm viện; Hoán dần làm đến Lại bộ hữu tham tri. Cháu là Quýnh và Đạo. Quýnh làm đến Gia Định bố chính sứ, Đạo làm đến Binh bộ hữu thị lang.

*

Digitized by Google

TRUYỆN CÁC CAO TĂNG

Tạ Nguyên Thiều
Thạch Liêm
Đạt Bản
Viên Quang
Giác Linh Hoàng Lung Tống thị
Bùi Đăng Tường

*
* *

Tạ Nguyên Thiều

Tên tự là Hoán Bích, người huyện Trình Hương, Trào Châu, tỉnh Quảng Đông. Năm 19 tuổi, xuất gia, đến ở chùa Báo Tự, là môn đệ của Khoáng Viên hòa thượng.

Thái tông hoàng đế, năm thứ 17 Ất Tỵ (1665), Nguyên Thiều theo thuyền buôn sang Nam, cắm gậy thiếc ở phủ Qùy Ninh, dựng chùa Thập Tháp Di Đà, mở rộng tượng giáo [1]. Sau đó, Nguyên Thiều đến núi Phú Xuân ở Thuận Hóa (nay là phủ Thừa thiên), dựng chùa Quốc Ân, xây tháp Phổ Đồng. Rồi vâng mệnh Anh tông hoàng đế đi sang Quảng Đông, đón Thạch Liêm hòa thượng và lấy pháp tượng pháp khí. Khi về, được sắc sai trụ trì ở chùa Hà Trung.

---

[1] Tượng giáo: Chỉ đạo Phật, vì đạo Phật làm ra hình tượng để dạy người.

Digitized by Google

Lúc bị bệnh, nhóm các sư lại, dặn bí quyết, cầm bút làm bài kệ rằng:

Tịch tịch kính vô ảnh
Minh minh châu bất dong
Đường đường vật phi vật.
Liêu liêu không vật không.

Dịch nghĩa: Lặng lẽ gương không bóng,
Sáng ngời ngọc dáng đâu!
Đường đường vật không vật.
Văng vẳng không chẳng không.

Viết xong ngồi ngay thẳng mà tịch. Tuổi tu 81 năm. Các tể quan và môn đồ thụ giới dựng tháp theo hóa môn, để xá lị [1] vào trong tháp, tâu xin làm văn bia, Hiển tông hoàng đế cho tên thụy là Hạnh đoan thiền sư, nhân làm bi ký và bài minh.

BÀI MINH

Phiên âm	Dịch nghĩa:
Ưu ưu bát nhã.	Chính giác tốt tốt.
Đường đường phạm thất	Ngôi chùa đường hoàng.
Thủy nguyệt ưu du,	Vui chơi trăng nước
Giới trì chiến lật.	Giữ giới vững vàng.
	Trông, lặng, bền, vững.
Trạm, tịch, cô, kiên.	Đứng cao nghiêm trang.
Trác lập khả tất.	Cái thân vốn không
Thi thân bản không,	Truyền giáo, giúp người.
Hoằng giáo, lợi vật.	Mây từ che rộng

[1] *Xá lị*: Người theo đạo Phật thiêu xác: tóc kết thành viên đen, da thịt kết thành viên đỏ, xương kết thành viên trắng, những viên còn lại đó gọi là viên xá lị.

Digitized by Google

Biên phú từ vân,	Đuốc tuệ khắp soi.
Phổ chiếu tuệ nhật.	Coi vào nghiêm thay!
Chiêm chi, nghiêm chí:	Như núi Thái Sơn
Thái sơn ngật ngật.	Cao cao tuyệt vời.

*

Thạch Liêm

Thạch Liêm hòa thượng, hiệu Đại Sán ông thị, quê ở Tích Tây nhà Thanh, người rộng nhã tốt đẹp. Những nghề thiên văn tinh tượng; luật lịch, bói toán, địa lý, xem số, viết chữ triện chữ lệ, vẽ tranh, truyền thần cái gì cũng biết. Lại giỏi làm thơ.

Lúc cuối nhà Minh, người Thanh vào làm vua Trung Quốc, Liêm giữ nghĩa, không chịu làm tôi nhà Thanh, bèn lạy từ mẹ già, róc tóc đi tu, chống gậy tích (thiếc) đi chơi những sơn thủy danh thắng, chân đi gần khắp. Anh tông hoàng đế nghe nói Liêm học đủ đạo Phật, bèn sai Tạ Nguyên Thiều đi sang Quảng Đông đón cao tăng. Liêm mừng, liền cùng Nguyên Thiều vượt biển sang Nam. Đã đến nơi, chúa cho Liêm ở chùa Thiên Mụ. Đời Hiển tông, hoàng đế thường mời vào nói chuyện đạo Phật. Chúa yêu quý vì là người học tinh và rộng. Liêm khéo can ngăn từ lúc việc chưa xảy ra, cũng có bổ ích.

Trước đấy, nhà dân ngoài đô thành phát hỏa, chúa thân đốc lính đi cứu hỏa. Liêm can rằng: "Đêm tối chúa sao lại khinh suất như thế. Rồng trắng mặc lốt cá, bị người đánh cá bắn chết, cố nhân đã răn rồi, xin chúa lưu ý". Chúa cho là phải. Từ đấy chúa không đi đêm nữa.

Ở được mấy năm, Liêm xin về Quảng Đông. Chúa tặng tiễn rất hậu. Lại cho gỗ quý đem về làm chùa Trường Thọ. Từ đấy không

Digitized by Google

sang nữa. Sau nhân thuyền buôn sang Nam, Liêm làm bài thơ tứ tuyệt, tự tình cung tiến và có lời dẫn, đại lược nói: *Một sông bay khói, đường cách tầng mây, tám độ chải xuân, tóc phơ như tuyết, đếm kỳ hạ*[1] *nhân gian, nhớ nhân duyên cõi biển.*

Xa tường chiếu bồ trên ngọc điện, đã chứng tin tức núi Hoàng Mai[2]*. Nay nhân lá thuyền sang sông rộng, bày tỏ tấm lòng rút đất xa. Trăng theo nước trào, đưa tin, từ xa đến Thơ tăng ngoài cõi, tiếc không nói được dài.*

THƠ RẰNG:

Phiên âm: *Đông phong tân lãng mãn giang tần.*
Tưởng kiến hồ sơn vũ lộ tân.
Tự thị dương hòa qui thảo mộc.
Thái bình nhân túy hải thiên xuân.

Dịch nghĩa: Gió đông sách mới, sông hoa tươi,
Mưa móc hồ sơn khắp mọi nơi.
Dương hòa đầm ấm cho cây cỏ.
Người thái bình say xuân biển trời.

Còn các bài khác biên ở nguyên tập. Liêm trước tác có tập *Lục đường thi*, và tập *Hải ngoại kỷ sự* lưu hành ở đời. Khoảng năm Minh Mạng, Trương Hảo Hợp được phái đi Quảng Đông, đến chơi chùa, sư chùa ấy còn nói sự tích sư Thạch Liêm.

*

---

[1] ***Kỳ hạ***: Lệ các sư mỗi năm đến mùa hạ, họp từng sơn môn, trì giới hạnh kinh kệ gọi là kỳ hạ, mỗi năm gọi là một hạ.

[2] Núi Hoàng Mai ở huyện Hoàng Mai, tỉnh Hồ Bắc. Thiền tông thứ 6 là Hoằng Ẩn tu ở chùa núi Hoàng Mai, cho nên thiền tông thứ 6 gọi là Thiền tông Hoàng Mai.

Digitized by Google

Đạt Bản

Đạt Bản người tỉnh Bình Định, tinh việc bàn đạo huyền vi. Thế tông hoàng đế, năm thứ 18 Ất Hợi, Đạt Bản đi tiêu dao đến Đông Phố, cắm gậy tích (thiếc) ở chùa Kim Chương; cẩn trì giới luật, tu sửa chùa ấy, đục chạm, sơn thiếp, rộng rãi lộng lẫy, đã được chúa sắc cho biển ngạch treo vào chùa.

Đạt Bản tịch đi, người nối áo bát [1] mấy đời không dứt.

*

Viên Quang

Viên Quang đại lão hòa thượng là chính phái 36 đời của sơn môn Lâm tế. Viên Quang, kiên trì mật hạnh từ tuổi trẻ đến già ngày càng tinh tiến. Tính yêu mây khói, dấu chân ít đến những nơi thành thị huyên náo, chống gậy tích (thiếc) đến chùa Giác Lâm, trong núi hết phiền não, dưới rừng mở ngôi chùa.

Gia Long năm 15, cả mở giới đàn, thiện nam tín nữ quy y càng nhiều (chùa này ở núi Cẩm Sơn tỉnh Gia Định, phía tây cách lũy Bán Bích 3 dặm).

*

Giác Linh

Giác Linh hiệu là Huyền Khê hòa thượng, người Quảng Đông, chính phái Lâm Tế đời thứ 3. Lúc bé, thích du hiệp, lại tài võ nghệ. Thường vì hiềm thù giết người, bèn trốn vào chùa làm sư. Vượt biển Đông Phố, làm sư ngao du. Rồi đến Thuận Hóa, cắm gậy tích

---

[1] *Áo bát*: Lệ nhà chùa khi sư già sắp tịch truyền pháp cho người nối nghiệp thì truyền giao cho một cái áo, và một cái bát ăn cơm, gọi là truyền áo bát chính tông.

Digitized by Google

(thiếc), ở chùa Pháp Vân (sau đổi gọi là chùa Thiên Phúc) tinh trì giới hạnh, đồ đệ ngày nhiều.

Mọi người nghe nói Giác Linh tinh võ nghệ, đến xin học, Giác Linh dạy mà không cự ai. Lâu ngày, học trò ngờ thầy còn có bí ẩn. Một hôm, sư đang ngồi ăn cơm ở bàn ăn, học trò ngầm cầm đùi sắt tự sau lưng giơ lên đánh. Sư nghe tiếng, cầm chiếc đũa gạt cái đùi sắt nảy ra. Võ nghệ tinh đến như thế.

*

Hoàng Lung

Hoàng Lung, người tỉnh Bình Định, đi chơi đến Hà Tiên thấy núi Bạch Tháp ở phía bắc núi Vân Sơn, các ngọn bày quanh, cỏ cây xanh tốt, bèn cắm gậy tích (thiếc) làm chùa tu ở đấy, Túc tông hoàng đế, năm thứ 13 Đinh Tỵ, Lung tịch, đồ đệ xây tháp 7 cấp để xá lị vào trong tháp. Mỗi năm cứ đến tiết tam nguyên, có hạc đến đền múa, vượn xanh dâng quả, lưu luyến bồi hồi, như có ý tham thiền nghe giảng.

*

Tống Thị

Tống Thị là con nhà giàu ở Hà Tiên, tuổi vừa cập kê (15 tuổi) nữ công càng giỏi. Những người làm mối tấp nập đến đầy sân, Tống Thị đều chối từ không nhận lễ dạm hỏi của ai và nói: "Đợi Phật chỉ giáo mới kết nhân duyên". Cha mẹ không hiểu nhưng cũng miễn cưỡng nghe theo.

Nhân có sư lạ đi qua cửa, thấy áo lót mình của cô phơi ở sân, sư vui vẻ vào hỏi xin áo ấy, nói rằng: "Để thỏa nguyện cúng Phật". Cha mẹ mắng chửi đuổi đi. Cô gái ra ngăn lại. Sư ấy cười một tiếng mà đi.

Digitized by Google

Từ đấy cô phát nguyện niệm Phật, cắt tóc làm sư, để phụng thờ Quan Âm đại sĩ, cha mẹ tìm nhiều cách khuyên giải nhưng không sao bảo được, bèn làm một chùa ở bên tả đảo Đại Kim, cho ở để thờ Phật. Tổng Thị trụ trì giới nghiêm. Thêu tượng Quan Âm cao bằng thân người, đặt một mũi kim thì lại niệm Phật một tiếng, 3 tháng thêu thành bức tượng ấy, sinh sắc nổi bật, hình như Phật sống..Dựng viện, thờ riêng, đến nay di tích vẫn còn.

*

Bùi Đăng Tường

Bùi Đăng Tường người huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, năm 12 tuổi, đi tu ở chùa Phổ Phúc, pháp danh là Long Kỳ đại sư. Duệ tông, năm thứ 8 Quý Ty, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc nổi loạn quấy nhiễu cõi láng giềng. Chúa sai quan quân đi đánh, có cai đội Trang (không nhớ họ) đem quân trường kiếm đánh giặc. Trang bị giặc giết chết, quân đều tan vỡ. Tường bảo đồ đệ rằng: Nhạc là một đứa dân thường, dám gây loạn, giết quan quân làm hại trăm họ. Lũ ta ăn màu mỡ đất này, há chẳng nghĩ đến ơn quốc vương đất nước à. Bèn đến kinh nhận mật chỉ về mộ nghĩa dũng. Lại mộ những quân trường kiếm tan trước. Còn được vài mươi người, nuôi giấu ở chùa Liên Tôn. Trí Chất hòa thượng Hoàng Bảo Giám, người Sở Phú Vũ Văn Tạo đem của giúp cho. Tường làm sổ nghĩa trạng dâng lên kinh. Sự việc hở ra, cùng với anh tạm đem những người mộ được và quân trường kiếm đến trú ngụ ở trại mán Kha Tung, đợi quan quân đến mới đem quân ra. Rồi thì giặc do thám biết bắt lũ Vũ Văn Tạo, Hoàng Bảo Giám đem dìm chết ở sông Phú Đăng. Tường sợ giặc tìm bắt. đi theo đường núi ra Quảng Nam mộ thêm nghĩa binh, được vài trăm người đem đánh giặc ở huyện Duy Xuyên, phá được giặc, thư hoạch được nhiều, sai người

Digitized by Google

đến kinh báo tin thắng trận. Chúa khen tốt, trao cho Tường làm khâm sai Vệ quốc sư. Lại sai Thống binh Bỉnh (không nhớ họ) đi cùng Tường hợp quân đánh giặc, bèn cùng giặc đánh nhau ở đất Cảnh Phúc, thất lợi, Tường cùng Bỉnh đều chết trận. Tường năm chết mới 37 tuổi.

PHỤ CHÉP CÁC TRUYỆN NGHỊCH THẦN, GIAN THẦN:

Hiệp, Trạch, Anh, Trung, Huệ, Thông, Trương Phúc Loan.

*

Hiệp, Trạch

Hiệp, Trạch đều là con thứ 7, thứ 8 Thái tổ hoàng đế, trước đều làm quan Chưởng cơ, lại có quận công đều tước đến quân công. Hy tông hoàng đế, năm thứ 7 Canh Thân, Hiệp, Trạch mưu làm loạn, mật đưa thư cho chúa Trịnh phát binh, tự làm nội ứng, ước rằng việc thành được chia nhau trấn thủ đất ấy. Trịnh Tráng tin lời sai đô đốc Nguyễn Khải đem 5.000 quân đóng ở Nhật Lệ để đợi.

Lũ Hiệp, Trạch sợ chưởng cơ Tôn Thất Tuyên, chưa dám động. Chúa cũng như tướng bàn chống quân Trịnh. Hiệp, Trạch nói rằng: Tuyên trí dũng hơn người, nếu cho binh quân đi đánh, tất hay phá giặc. Tuyên biết mưu ấy nói với chúa rằng: "Tôi ra khỏi doanh, sợ có nội biến". Chúa bèn sai Tôn Thất Vệ đem quân đi chống Nguyễn Khải. Hiệp, Trạch thấy mưu ấy không làm được bèn phát binh giữ kho Ái Tử làm phản. Chúa cho người đến cáo dụ, chúng không nghe. Chúa bèn cho Tuyên làm tiên phong, chúa tự đem đại binh đi đánh. Hiệp, Trạch thua chạy. Tuyên đuổi theo bắt được đem về dâng chúa, chúa thấy Hiệp, Trạch, chảy nước mắt mà nói rằng: "Hai em tước đến quận công, phú quý lắm rồi, khổ gì

Digitized by Google

mà làm loạn". Hiệp, Trạch cúi đầu nhận tội. Chúa muốn tha cho. Chư tướng đều nói phép không tha được. Chúa bèn sai giam vào ngục, Hiệp, Trạch xấu hổ gầy chết ở trong ngục. Cho nên chép phụ và đằng sau phả Tôn Thất. Hiệp có con, Trạch không có con. Cháu chắt Hiệp năm Minh Mạng thứ 10 cho lĩnh một nửa lương Tôn Thất. Đến năm thứ 11 xóa tên trong sổ Tôn Thất, cho đổi gọi là họ Nguyễn Thuận. Ở đâu thì vào sổ đinh chịu sai dịch như bình dân.

*

Anh

Anh, Trung đều là con thứ 3 thứ 4 Hy tông hoàng đế. Anh làm quan đến chưởng cơ, năm Tân Mùi, mùa hạ, trấn thủ Quảng Nam. Tôn Thất Kỳ chết, chúa cho Anh thay làm trấn thủ Quảng Nam. Anh là người kiên túng, muốn dùng văn thần để trông coi, bèn cho văn chức Phạm (không nhớ họ) làm ký lục. Hoàng tử thứ 2 (tức Thần tông hoàng đế, cùng Phạm thân với nhau), lúc đi tiễn, Phạm bái biệt, nói rằng: "Phạm ở đấy thì minh công yên gối, không lo gì nữa". Từ đấy Anh làm việc gì, hoàng nhi đều biết hết. Anh ở Quảng Nam, ngầm nảy sinh chí khác. Muốn cướp ngôi thế tử. Lại nuôi riêng vài trăm dũng sĩ, mật ghi họ tên gọi là sổ động tâm. Muốn ra làm trấn thủ Quảng Bình để tiện thông mưu với chúa Trịnh, bèn mật sai người mưu với văn chức Quảng Bình là Lý Minh (không nhớ họ). Lý Minh hợp những tên bất đắc chí trong hạt, vu khống cho trấn thủ Quảng Bình Tôn Thất Tuấn lấn lại trăm họ, xin đổi Tuấn đi nơi khác cho Anh thay. Chúa trước tin lời ấy, bèn bãi Tuấn mà triệu tập Anh. Gặp lúc Anh đi săn xa vắng, mươi ngày không về? Chúa giận, bèn cho Nguyễn Cửu Kiêu thay trấn. Đến lúc Anh đi săn về, nghe biết việc ấy thất vọng to, lại cho người đến hỏi Lý Minh. Lý Minh mật viết thư cho Anh, nói rằng:

Digitized by Google

Kiêu là người hèn nhát, nếu quân Trịnh đến nơi, Kiêu tất chạy trước, nhân thế mà mưu, thế nào cũng xong việc. Anh mừng, làm thư sai người đi nộp lòng thành với chúa Trịnh. Quân Trịnh quả đến nơi, bắn súng làm hiệu, không thấy Anh đến. Người nhà Trịnh ngờ, bèn lui quân về. Ất Hợi năm 22, mùa đông, Thần tôn hoàng đế mới nối ngôi chúa. Anh phát binh làm phản: đắp lũy Câu Đê làm kế cố thủ, và bày thủy quân ở cửa biển Đà Nẵng, để chống quân Trịnh. Phạm ngầm về đem tình trạng làm phản tâu lên. Chúa triệu Tôn Thất Khê đến, khóc bảo rằng: "Anh bất hiếu, bất trung, tội cần phải đánh. Cháu đương lúc thương xót, cầm dao giết người cùng máu, lòng thực bất nhẫn; và vì cớ một người mà hại đến nhân dân, cũng là điều mà người nhân đau xót! Cháu muốn nhường ngôi, cho yên mối tranh giành. Chú thế nào?" Khê tâu rằng: "Anh, tôi không thể tha được, thần, người cùng giận, há nên ẩn nhẫn để hại nghĩa cả. Tôi xin lấy chính nghĩa dứt tình, để tỏ phép nước". Chúa gạt nước mắt, làm theo lời ấy.

Bấy giờ sai Bùi Hùng Lương, Tống Triêu Phương đem thủy quân tiến đến vụng Trà Sơn, Tôn Thất Yên, Tống Văn Hùng lĩnh bộ binh tiến đến lũy Câu Đê. Hai đường giáp đánh. Gặp cai đội bộ binh Dương Sơn (không nhớ họ) cùng Tôn Thất Tuyên đem quân đi đường tắt đến Quảng Nam, Dương Sơn vào doanh trước, lấy được sổ "đồng tâm", Tuyên đến sau, phóng hỏa đốt trại. Anh sợ, chạy theo cửa biển Đại Chiêm trốn đi. Tuyên đuổi theo, bắt được, đóng gông, giải về kinh. Anh phục xuống sân, kêu khóc. Chúa còn do dự, không nỡ giết. Khê cùng chư tướng nói rằng: "Anh phản nghịch tội to! Nên cứ phép làm tội, để răn kẻ loạn tặc". Chúa bèn nghe. Anh cúi đầu chịu giết. Chúa lại sai Khê chiếu các tên trong sổ đồng tâm, bắt hết, giết đi.

*

Digitized by Google

Trung

Trung lúc đầu làm chưởng cơ, liền có quân công. Mậu Tý năm 12, Thái tôn hoàng đế lên ngôi; chúa cho Trung thăng chưởng doanh. Trước đây vợ lẽ Tôn Thất Kỳ là Tống thị mày mò ra vào cung phủ, càng kiêu rông. Trung mưu trừ đi. Tống thị sợ, bèn nịnh hót Trung. Trung gian thông với nàng, nàng khuyên Trung làm phản. Trung bèn mật kết vây cánh sắp mưu làm việc trái phép. Thuộc hạ là Thắng Bố tố cáo, bắt trị đến phải thú nhận tội. Chúa không nỡ giết, giam vào ngục, Trung liền chết. Chúa lại cho giết Tống thị, đem gia tài phân tán cho quân dân. Anh, Trung đều phản nghịch, đều bị giết chết, đều không có con.

*

Huệ và Thông

Huệ, Thông đều là con thứ 3 thứ 4 Thiếu sư Phúc quận công Tôn Thất Diễn. Trước đều làm quan đến chưởng cơ. Hiển tông hoàng đế, năm thứ 4 Giáp Tuất, Huệ, Thông mưu làm loạn, Chưởng cơ Tôn Thất Nhuận sai Đức Nhân (không nhớ họ) đem sự trạng tố cáo, bắt giao cho đình thần tra hỏi đều biết hết phản trạng. Huệ, Thông cùng 7 người đồng mưu, đều bị giết chết. Vì cớ ấy, phụ chép vào sau phả Tôn Thất. Huệ có con, Thông không có con. cháu 5 đời Huệ là Huyên, trải làm quan đến lưu thủ cai cơ, chánh quản đồ gia. Minh Mạng năm thứ 5, theo lời bàn của bộ Lễ khẩn giảm một nửa tiền lương. Năm 14, xóa tên trong sổ Tôn Thất, cho đổi làm họ Nguyễn Thuận. Cho ở đâu thì đăng hộ tịch, chịu sai dịch ở đó.

*

Trương Phúc Loan

Trương Phúc Loan, người quý huyện tỉnh Thanh Hóa, là con thứ quốc công Trương Phúc Phan. Do nhiều đời làm quan, được

Digitized by Google

giúp quốc chính. Thế tôn mất, Hưng tổ ta, theo thứ tự, được nối ngôi chúa. Loan sợ chúa là người thông minh anh đoán, khó chế phục được, bèn làm giả tờ di chiếu, đem giam vào lãnh thất. Duệ tôn mới 12 tuổi, Loan cho là con trẻ, cùng thái giám Chử Đức (không nhớ họ), chưởng doanh Nguyễn Cửu Thông làm giả di chiếu, đón Duệ tôn lập lên làm chúa. Duệ tôn đã lên ngôi chúa, cũng ham chơi đùa, đều do Phúc Loan dẫn dụ cả. Chúa nghĩ Loan có công to, thăng làm quốc phó, coi việc bộ Hộ, quản cơ Trung tượng kiêm việc tào vận. Con trưởng Loan là Thăng lấy con gái thứ 2 Thế tôn là Ngọc Nguyện, con thứ là Đạo lấy con gái thứ 7 là Ngọc Đạo, đều làm quan đến chưởng doanh cai cơ. Một nhà quý hiển quyền nghiêng trong ngoài. Lại dắt dẫn đồ đảng là Thái Sinh làm bộ Hộ, chia giữ việc quan yếu. Ngày càng kiêu rông, tham lập tàn nhẫn, làm bậy không sợ ai, người đời gọi là Trương Tần Cối. Trước Tôn Thất Dục là người họ tôn thần có trọng vọng, Loan muốn dùng để giúp mình; gả con gái cho Dục, nhưng Dục giữ đứng đắn, không a dua phụ tòng, Loan ghét Dục, ngầm sai người vu Dục mưu phản, xét không có sự trạng gì bèn bãi Dục. (Có người nói rằng, Loan đem việc Dục làm súng máy chứng việc mưu phản, giam Dục vài năm, Dục bực tức phát ung thư ở lưng mà chết). Loan lại lấy tư oán vu giết Tôn Thất Văn, thảm ngược nhiều việc như thế! Loan hưởng ngụ lộc, riêng thuế thổ sản các nguồn Sái Nguyên, Thu Bồn, Trà Sơn, Trà Vân, Đông Hương, mỗi năm thu đến 4, 5 vạn quan tiền. Lại quản các tạp vụ như bộ Hộ, Tào vụ, thu nhập không kém 3, 4 vạn quan tiền. Lại bán quan bán ngục để làm giàu, vàng bạc châu ngọc gấm lụa chứa đầy như núi. Ruộng vườn cửa nhà nô bộc trâu ngựa không biết bao nhiêu mà kể. Loan có biệt thự ở xã Phấn Dương, năm gặp mùa thu lụt, hòm rương bị ướt, đến lúc hết lụt, phơi vàng ở giữa ban ngày, một sân sáng rực. Loan mỗi ngày 3 bữa ăn, nhà bếp làm náo cả chợ phố, thức ăn đầy

Digitized by Google

mâm, thế mà còn nói rằng không có vị gì ngon, chỉ ăn một tý mắm và canh rau mà thôi.

Năm Quý Ty, mùa xuân, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc nổi loạn, giấy ngoài biên giới cáo cấp. Tướng sĩ nhân thời bình lâu ngày không quen chiến trận. Nhiều người mượn cớ cầu khỏi đi lính, Loan lại ăn của đút đổi sai người khác. Mọi người tức giận. Quân lính ra trận là chạy! Thế giặc càng dữ. Năm Giáp Ngọ, mùa đông, tướng Trịnh Hoàng Ngũ Phúc vào đánh miền nam làm hịch kể tội trạng Loan, nói Loan che lấp tai mắt chúa, hà ngược trăm họ, lần ấy chỉ vì trừ một tên Loan, không có ý vào lấn cướp. Quân Trịnh đến Hồ Xá, chưởng doanh Tôn Thất Huống và lũ Nguyễn Cửu Pháp bắt Loan đưa đến quân thứ Ngũ Phúc. Lại giết đồ đảng là lũ Thái Sinh. Loan sai con đem vàng bạc đút lót tướng Trịnh đến hàng nghìn lạng vàng, Ngũ Phúc giam Loan ở trong quân. Con Loan lại đem vàng đút lót. Năm Bính Thân, mùa đông, Ngũ Phúc cho giải Loan ra thành Thăng Long. Loan chết trong lúc đi đường.

Digitized by Google

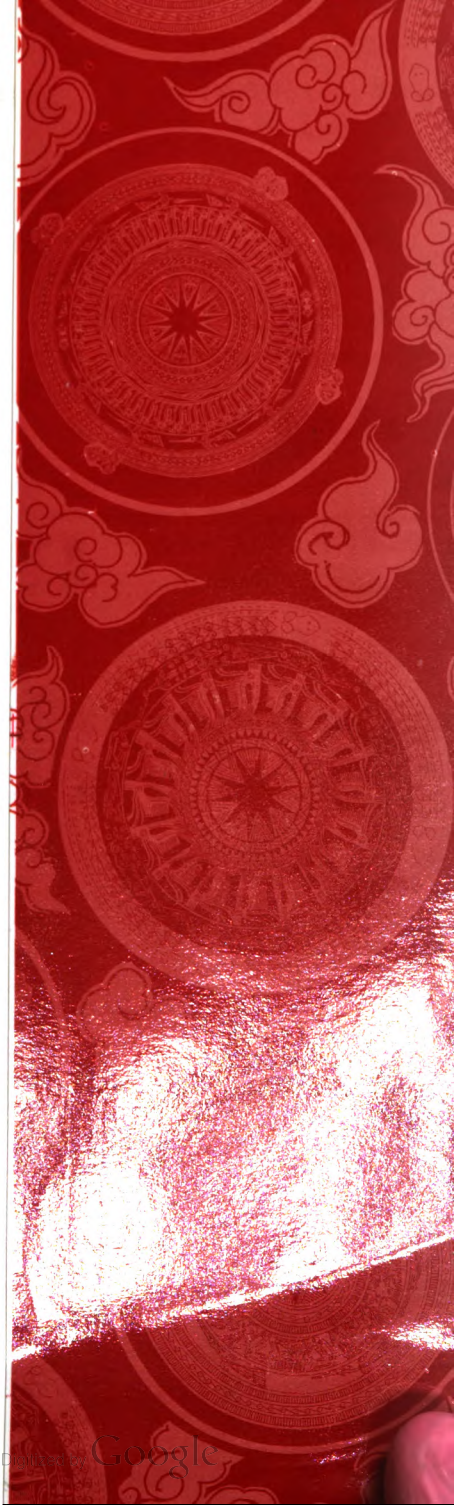
Digitized by Google

UNIVERSITY OF CALIFORNIA-LOS ANGELES
L 008 279 444 7

QUỐC [illegible] YỄN

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

4 FOR 4000

Digitized by Google